



NGUYỄN ÁNH TUYẾT

Giáo dục mầm non

**NHỮNG VẤN ĐỀ
LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**



SP

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



PGS. TS NGUYỄN ÁNH TUYẾT

NGUYỄN ÁNH TUYẾT

GIÁO DỤC MẦM NON

Những vấn đề

Lí luận và thực tiễn

(In lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỀ THI
THI VÀI ĐỀ
ĐỀ THI

Mã số : 02 . 01 . 530/681 . ĐH 2007

MỤC LỤC

– Lời giới thiệu	9
------------------	---

Phần I

THẾ GIỚI TRẺ THƠ

1. Trẻ em là gì?	15
2. Lọt lòng bé muốn gì?	26
3. Bú không chỉ cốt no	32
4. Bé khi và bé người	38
5. Có bao điều lạ từ thế giới bên ngoài	44
6. Thỏ thẻ như trẻ lên hai	50
7. Sống trong thế giới đồ vật	56
8. Khủng hoảng của tuổi lên ba	64
9. "Xã hội trẻ em"	70
10. Bé Mèo và bé Người	79
11. Đi tìm vẻ đẹp của trẻ thơ ở đâu?	83
12. Mỗi em bé là một con người riêng biệt	89

Phần II

NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA GDMN

12. Quan điểm I	99
13. Quan điểm II	100
14. Quan điểm III	101

15. Quan điểm IV	102
16. Quan điểm V	105
17. Quan điểm VI	106
18. Quan điểm VII	107

Phần III

GIA ĐÌNH VÀ TRẺ THƠ

19. Vai trò của gia đình đối với sự phát triển của trẻ thơ	113
20. Mẹ hát ru con	120
21. Mẹ nựng con	128
22. Người mẹ với những mầm non nghệ thuật	133
23. Kì vọng của cha mẹ đối với con cái	142
24. Bà mẹ của những tâm hồn thơ	147
26. Người dẫn dắt các con vào thế giới tưởng tượng	149
27. Tình yêu của người mẹ – nguồn cảm xúc của tuổi thơ	154
28. Người thầy đầu tiên của con	159

Phần IV

HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI

29. Hoạt động vui chơi của trẻ em	167
30. Trò chơi tượng trưng theo cách hiểu của Piaget	176
31. Trò chơi đóng vai theo chủ đề	182
32. Trò chơi trí tuệ	199
33. Trò chơi dân gian trẻ em Việt Nam	207
34. Trò chơi điện tử	220

Phần V

GIÁO DỤC THẨM MĨ

35. Vai trò của giáo dục thẩm mỹ đối với sự hình thành nhân cách của trẻ Mẫu giáo	233
36. Thiên nhiên người bạn thân thiết của trẻ thơ	241
37. Truyện cổ tích – món ăn tinh thần của trẻ thơ	248
38. Truyện đồng thoại với trẻ thơ	253
40. Thơ ca và trẻ thơ	261
41. Đồng dao với trẻ thơ	274
42. Âm nhạc với trẻ thơ	281
43. Tạo hình với trẻ thơ	297
44. Một cách giới thiệu mẫu khi hướng dẫn trẻ hoạt động tạo hình	314
45. Sự tích hươu ba chân	318

Phần VI

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC

46. Thế nào là một em bé ngoan?	325
47. "Lễ giáo" (Nói rộng ra là giáo dục đạo đức) trong GDMN	331
48. Khi trẻ không vâng lời	351
49. Những trò chơi bạo lực	358
50. Khi trẻ nói tục, chửi bậy	361
51. Sớm giáo dục tính tự lực cho trẻ	364

Phần VII

GIÁO DỤC TRÍ TUỆ

52. Trí tuệ của trẻ em được hình thành như thế nào?	371
53. Khái niệm dạy và học trong GDMN	383
54. Bé đi mẫu giáo	390
55. Hình thành tính linh hoạt trong hoạt động tư duy cho trẻ	397
56. Chuẩn bị cho trẻ vào lớp một như thế nào	404
57. Giảm tải, bắt đầu từ mẫu giáo	411
58. Bao giờ nên cho trẻ học tiếng nước ngoài	415
59. Nếu trẻ nói lắp	421
60. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ em khiếm thính	424
61. Những em bé biết đọc sớm	429

Phần VIII

MÔI TRƯỜNG VỚI TRẺ THƠ

62. Môi trường nhân văn và trẻ thơ	437
63. Đưa giáo dục môi trường vào trong GDMN	445
64. Những quan điểm cơ bản về GDMT trong GDMN	451
65. Các phương pháp giáo dục môi trường trong trường Mầm non	461
66. Những chủ đề chính của giáo dục môi trường trong trường Mầm non	478

Phần IX

GIÁO DỤC MẦM NON NÔNG THÔN

67. Nghĩ về một con đường phát triển GDMN nông thôn nước ta	487
68. Cơ sở khoa học của việc tổ chức nhóm trẻ mẫu giáo không cùng độ tuổi – lớp ghép	499
69. Thử tìm mô hình liên kết Mẫu giáo và Tiểu học	506
70. Tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai của trẻ dân tộc ít người	511

Phần X

SƯ PHẠM MẦM NON

71. Một mầm non trên cây đại thụ	521
72. Bắt đầu từ Sư phạm	526
73. Suy nghĩ về mục tiêu đào tạo...	531
74. Tích hợp là bản chất của khoa học GDMN	537
75. Từ tích hợp trong chương trình nuôi dạy trẻ đến tích hợp trong chương trình đào tạo GVMN	545
76. Về hệ thống khoa học đào tạo GVMN	550
77. Phương pháp tiếp cận tích hợp...	560
78. Nghĩ về khoa GDMN Trường ĐHSPHN đầu thế kỉ XXI	564
79. Hướng nghiên cứu GDMN trong những năm đầu thế kỉ XXI	572
MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG QUÁ TRÌNH LÀM LUẬN ÁN KHOA HỌC GIÁO DỤC MẦM NON	581
DANH MỤC CÁC BÀI VIẾT SÁCH CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ	595

LỜI GIỚI THIỆU

Tôi rất vui mừng viết mấy lời giới thiệu cuốn sách này của PGS.TS. Nguyễn Ánh Tuyết - người Chủ nhiệm khoa đầu tiên của khoa Giáo dục mầm non đầu tiên ở nước ta được thành lập cách đây 19 năm. 19 năm qua, khi làm Chủ nhiệm khoa Giáo dục mầm non, trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tác giả đã giữ thêm chức vụ Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu trẻ em trước tuổi học, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, rồi Chủ tịch Hội đồng Giáo dục Mầm non, Bộ Giáo dục và Đào tạo, nay đang nghỉ hưu nhưng vẫn tiếp tục giảng dạy và nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non. Tác giả thực sự là nhà khoa học đầu ngành Giáo dục mầm non của nước nhà. Cuốn sách này cho ta những tri thức của cả sinh lí học, tâm lí học tuổi mầm non lẫn giáo dục học mầm non, và đào tạo cán bộ ngành mầm non. Đúng là ở đây đã tìm thấy cả những vấn đề lí luận và thực tiễn của ngành Giáo dục mầm non nước ta cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI.

Tôi đọc *Giáo dục mầm non: những vấn đề lí luận và thực tiễn* một cách thích thú, vô cùng hấp dẫn, đầy ắp các sự kiện khoa học, các quan sát tinh tế thông tin cực kì phong phú từ bốn phương. Đọc phần I "Thế giới tuổi thơ", có cảm nhận như là một tập truyện văn nghệ viết về trẻ em, đọc kĩ lại có cảm nhận như là "Nhập đề" hay nhập môn của một cuốn chuyên khảo hay một giáo trình về giáo dục mầm non với cách tiếp cận tâm lí học lịch sử - văn hoá của Liên Xô, của Vugôtski - nhà tâm lí học mác-xít lỗi lạc, ngày nay được

giới tâm lí học thế giới công nhận (xem Kỉ yếu Hội nghị quốc tế của Hội lí thuyết hoạt động quốc tế họp mùa hè năm 2002 tại Amsterdam, Hà Lan). Tiếp theo đó - phần II - lại thấy một hệ thống quan điểm chỉ đạo xây dựng ngành Giáo dục mầm non, và cũng là một bài phương pháp luận sâu sắc về khoa học giáo dục mầm non. Rồi nối tiếp - phần III "gia đình và trẻ thơ" và cả các phần sau nữa, ta đọc được những hiểu biết khá cơ bản về lí thuyết phát triển rất khoa học vận dụng vào trẻ em tuổi mầm non, với ngôn từ giản dị, dễ hiểu và rất thuyết phục người đọc. Trong phần IV tác giả đã trình bày ở trẻ em tuổi mẫu giáo hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo, đưa lí thuyết hoạt động vào tâm lí học và giáo dục học mầm non một cách hết sức tự nhiên như cuộc sống thật của trẻ, với ngôn từ hết sức gần gũi với quảng đại quần chúng, dễ tiếp nhận và vận dụng vào việc chăm sóc con em mình. Tác giả đã nhắc nhở chúng ta cách dạy con một cách khoa học, trẻ ở tuổi này chơi mà học, không "phổ thông hoá" mẫu giáo, và cũng lên án cảnh quá tải của chương trình, sách và cách dạy các cháu ở một số trường mầm non, mẫu giáo hiện nay.

Tiếp theo, tập sách đã trình bày ba mặt (tạm gọi như vậy) giáo dục mầm non : giáo dục thẩm mĩ, giáo dục đạo đức, giáo dục trí tuệ, theo một thứ tự, như chúng ta thấy ở đây, rất đúng lí luận và thực tiễn, giáo dục mầm non chủ yếu bắt đầu bằng giáo dục thẩm mĩ - qua thơ ca, truyện cổ tích, âm nhạc, tranh vẽ và vẽ tranh, v.v. rất đậm tình người, tính người và tính dân tộc; qua giáo dục thẩm mĩ mà đi đến giáo dục đạo đức, và cả giáo dục trí tuệ cũng thế. Điều tôi rất thích thú ở đây, cũng như ở các phần khác, là các chân lí

khoa học nói qua các chuyện sống động của cuộc sống thực của trẻ ngay ngày hôm nay - một tấm gương về việc thực hiện nguyên lí giáo dục "lí luận gắn liền với thực tiễn", "khoa học phục vụ cuộc sống".

Đọc tập sách này tôi cảm nhận rõ hơi thở của cuộc sống, có thể nói, tác giả và tác phẩm này nêu một minh chứng khá đẹp, khá hùng hồn rằng tâm lí học và giáo dục học của chúng ta là các khoa học của cuộc sống (life sciences) - khoa học về cuộc sống, từ cuộc sống mà ra và trở về với cuộc sống, phục vụ cuộc sống. Phần VIII đưa vấn đề môi trường là vấn đề thời sự của toàn nhân loại vào Giáo dục mầm non, tác giả rất thức thời, rất cập nhật. Hơn thế nữa, lại mở đầu bằng môi trường nhân văn, rồi mới đến môi trường tự nhiên. Tôi đặc biệt thích thú tư tưởng coi con người có một đặc tính, và cũng có thể coi là một khả năng rất đặc biệt, một nhu cầu rất đặc thù là giao tiếp với con người, bắt đầu từ lúc lọt lòng mẹ trẻ thích nựng, thích được mẹ (và người khác) âu yếm vuốt ve, mà trong tâm lí học coi là cùng với hoạt động, giao tiếp là một con đường rất cơ bản, rất quan trọng để hình thành và phát triển tâm lí của con người nói chung, của trẻ em nói riêng.

Người đọc có thể hơi ngạc nhiên thấy trong sách có phần IX nói về giáo dục mầm non nông thôn. Riêng tôi, đọc đến phần này tôi thấy thật đáng quý! Nước ta đang còn là nước nông nghiệp, khoảng 75% dân cư sống ở nông thôn, tôi nghĩ làm gì cũng nên nghĩ đến người nông dân. Ở đây một nhà khoa học tâm lí giáo dục có riêng một phần cuốn sách dành cho nông thôn: góp ý về cách làm giáo dục mầm non ở nông thôn.

Tiếp theo, không lấy gì làm ngạc nhiên lắm khi đọc ở phần cuối sách nói về sự phạm mầm non - tác giả đã mở đầu công việc này ở Đại học sư phạm Hà Nội và suốt mấy thập kỉ qua đã gắn bó với sự nghiệp vinh quang này. Sách kết thúc rất đẹp bằng những suy nghĩ sâu sắc về phương hướng nghiên cứu giáo dục mầm non trong những năm đầu thế kỉ XXI. Nay tuy đã nghỉ hưu tác giả vẫn canh cánh bên lòng góp phần phát triển giáo dục nước nhà. Khép lại cuốn sách, người đọc có thể cảm nhận rõ bài học lớn của đời người như vậy - thật là một báu vật!

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2004

Giáo sư, Viện sĩ Phạm Minh Hạc

Phần I

Thế giới trẻ thơ

TRẺ EM LÀ GÌ?

Trẻ em là đối tượng nghiên cứu của nhiều khoa học (sinh vật học, tâm lí học, giáo dục học, xã hội học...). Đây là một đối tượng phức tạp nên khi nghiên cứu cần có thái độ thực sự khoa học, đặc biệt cần khắc phục tư tưởng lấy người lớn làm chuẩn, làm thước đo cho trẻ em, coi trẻ em là "người lớn thu nhỏ lại", mà J. Rút xô, nhà triết học đồng thời là nhà giáo dục nổi tiếng Pháp đã lên án từ thế kỉ XVIII.

Để hiểu khái niệm về trẻ em cần phải xem xét nó ít nhất là trên ba bình diện: sinh vật, văn hoá, phát triển cá thể (hay tâm lí cá nhân).

1. Khái niệm trẻ em xét trên bình diện sinh học

Khoa học đã xác định rằng mọi trẻ em đều kế thừa được cấu trúc và chức năng cơ thể từ tiền bối của mình. Ngay từ lúc mới ra đời, đứa trẻ đã nhận được một hệ thống thần kinh và một bộ não có khả năng trở thành một cơ quan hoạt động tâm lí cực kì phức tạp, đặc trưng của giống *Homo sapiens*.

Tính chất đặc biệt cơ giã, khả năng học tập là một đặc điểm tối quan trọng phân biệt bộ não con người với bộ não của con vật. Ở con vật, phần lớn bộ não đã bị "chất đầy" những hình thái hành vi từ khi ra đời; cơ chế bản năng đã có sẵn ở đấy rồi, nói cách khác, các hình thái hành vi đã được

* Trong cuốn "Phương pháp nghiên cứu sự phát triển của trẻ em" NXBĐHQG Hà Nội - 2001.

chuyển giao bằng cơ chế di truyền sinh vật từ thế hệ trước sang thế hệ sau. Còn ở đứa trẻ, phần lớn bộ não đang còn "trống", các đặc điểm hành vi của người và các phẩm chất tâm lí người chưa có sẵn trong bộ não của trẻ, nhưng nó đã sẵn sàng tiếp nhận và giữ gìn những bài học của cuộc sống và giáo dục. Hơn nữa, các công trình khoa học đã chứng minh rằng quá trình hình thành bộ não ở con vật thực tế đã kết thúc khi con vật ra đời; còn bộ não của Homosapiens thì vẫn tiếp tục hình thành sau khi ra đời và tùy thuộc vào điều kiện trong đó đứa trẻ sống.

Cho đến nay, bộ não của người thay đổi rất ít so với thời các tổ tiên của chúng ta là người Cromagnon sống cách đây hàng trăm triệu năm. Như vậy đứng về loài mà xét, đối với con người, các quy luật tiến hoá sinh vật đã mất hết hiệu lực. Sự chọn lọc tự nhiên, sự sống còn của cá thể hay loài mang tính trội nhất, có khả năng thích nghi nhiều nhất với môi trường không còn tác dụng đối với con người nữa, vì con người đã biết được cách cải tạo môi trường sống bằng lao động nhằm thoả mãn các nhu cầu của mình. Như vậy con người đã tách ra khỏi quá khứ động vật và trở thành một sáng tạo mới của lịch sử và sự phát triển của loài người như một loại hình sinh vật về cơ bản đã chấm dứt ở thời điểm mở đầu của lịch sử loài người.

Tuy nhiên, về cấu trúc hình thái cơ thể của một đứa trẻ vẫn chưa phải là cấu trúc hình thái cơ thể của một người lớn. Trong suốt thời kì thơ ấu, từ lọt lòng cho đến tuổi trưởng thành, hình thái cơ thể của trẻ tăng trưởng khá mạnh mẽ (sự tăng lên về chiều cao và cân nặng, sự thuần thục dần của các cơ quan nội tạng, nhất là hệ thần kinh và bộ não...).



◀ Bộ trưởng
Bộ Giáo dục
Nguyễn Thị Bình và
Chủ nhiệm Khoa
Mẫu giáo
Nguyễn Ánh Tuyết
trong ngày Khai giảng
Khoa Mẫu giáo
22-11-1985.

Từ trái sang phải:
Trần Thị Trọng -
Viện trưởng
Viện Trẻ em
trước tuổi học
(Viện KHGD);
Nguyễn Ánh Tuyết -
Chủ nhiệm Khoa
Mẫu giáo -
ĐHSP Hà Nội;
Phạm Thị Sửu -
Vụ trưởng
Vụ Mẫu giáo -
Bộ Giáo dục
như kiếng ba chân.
(1985)



◀ Hội nghị Quốc tế
Tiên học đường
lần thứ X, 12-1984,
Maxcova.
Đoàn đại biểu
Việt Nam với các
đoàn bạn
(Liên Xô - Bungari -
CHDC Đức).
Nguyễn Ánh Tuyết,
người ngồi thứ 2
từ trái sang phải,
hàng đầu.

1000
1000
1000

Đặc biệt trong 7 năm đầu tiên, khối lượng bộ não tăng lên khoảng 3 lần rưỡi cùng với sự hoàn thiện các chức năng của nó.

Những gì kế thừa được lúc mới ra đời đã giúp cho đứa trẻ có được một số phản xạ không điều kiện mang tính chất bẩm sinh rất thiết yếu cho sự sống còn của nó. Trẻ sơ sinh có hẳn một hệ thống các nhu cầu cơ thể, như nhu cầu về ôxi, về nhiệt độ thích hợp, thoáng mát trong bầu không khí trong lành, về thức ăn... cùng với những cơ chế phản xạ đã được tạo ra để thoả mãn các nhu cầu đó. Các tác động khác nhau của môi trường xung quanh làm sản sinh các phản xạ tự vệ và định hướng. Phản xạ định hướng là loại phản xạ đặc biệt quan trọng trong việc tạo ra cơ sở tự nhiên để tiếp nhận và đồng hoá các ấn tượng từ thế giới bên ngoài. Mặc dầu những cơ sở tự nhiên đó không sản sinh ra các phẩm chất tâm lí, nhưng là điều kiện cần thiết để các phẩm chất tâm lí được hình thành.

Trên những cơ sở tự nhiên đó, các phản xạ có điều kiện được nảy sinh, nhờ đó các phản ứng của trẻ đối với những tác động bên ngoài ngày càng mở rộng và phức tạp dần lên một cách nhanh chóng. Tổ hợp của các cơ chế phản xạ không điều kiện bẩm sinh cùng với một số phản xạ có điều kiện mới được hình thành bảo đảm cho trẻ khởi đầu mối liên hệ với thế giới bên ngoài, đặc biệt là thiết lập mối quan hệ với người lớn xung quanh để chuyển sang sự tiếp thu các hình thái khác nhau của kinh nghiệm xã hội loài người.

Như vậy, xét trên bình diện sinh vật thì khái niệm trẻ em có thể hiểu đó là một *cấu trúc hình thái cơ thể Người* còn non nớt đang được *tăng trưởng* (croissance, growth) mạnh mẽ về tổ chức và chức năng của chúng. Cơ thể đang

tăng trưởng là mảnh đất phì nhiêu, là cơ sở vật chất cho việc tiếp nhận các kinh nghiệm xã hội.

2. Khái niệm trẻ em xét trên bình diện văn hoá

Trong khi thế giới động vật chuyển giao những hành vi mà thế hệ trước có được cùng với hình thái cấu trúc cơ thể sang cho thế hệ sau bằng cùng một con đường *di truyền sinh vật*, thì đối với con người, các hình thái hoạt động vốn có của người cùng với những tri thức, kĩ năng và phẩm chất tâm lí lại được chuyển giao từ thế hệ trước sang thế hệ sau bằng con đường hoàn toàn khác - con đường di truyền xã hội hay *kế thừa văn hoá*.

Các thế hệ con người biểu hiện các kinh nghiệm xã hội, tri thức, kĩ năng và các phẩm chất tâm lí của mình trong các sản phẩm lao động, cả trong các sản phẩm của cái thường được gọi là *văn hoá vật thể* (vật dụng sinh hoạt, công cụ lao động...) cả trong sản phẩm của cái được gọi là *văn hoá phi vật thể* (ngôn ngữ, khoa học, nghệ thuật...). Mỗi thế hệ sau tiếp nhận những gì mà thế hệ trước đã sáng tạo ra để đi vào thế giới con người bằng thành quả của nhân loại được thấm nhuần trong bản thân mình.

Trong khi tiếp xúc với thế giới xung quanh, với nền văn hoá nhân loại, đứa trẻ dần dần lĩnh hội các kinh nghiệm xã hội (bao gồm những tri thức, kĩ năng, những phẩm chất tâm lí đặc trưng của con người) được kết tinh trong đó. Cố nhiên, đứa trẻ không thể tự mình thấu hiểu được các thành quả của nền văn hoá nhân loại đó, mà phải thông qua sự hướng dẫn, dạy dỗ thường xuyên của người lớn.

Rõ ràng sự phát triển của trẻ em gắn liền với lịch sử phát triển của văn hoá nhân loại.

Bước đầu của xã hội loài người, chưa thể có được khái niệm trẻ em. Thuở ấy, người ta coi trẻ em như người lớn thu nhỏ lại, nghĩa là giữa trẻ em và người lớn chỉ có sự khác biệt về cỡ, về lượng, chứ không phải khác nhau về chất. Bởi vì hoạt động của người lớn không cao hơn hẳn hoạt động của trẻ em, nghĩa là cũng làm chừng ấy việc với những động tác giống như nhau. Lúc đó, người ta chỉ cần làm ra cho trẻ em những công cụ sản xuất giống như công cụ của người lớn, duy chỉ khác nhau về cỡ. Một lí do khác nữa là thuở ấy những thao tác lao động sản xuất không khác bao nhiêu so với những thao tác sử dụng công cụ sinh hoạt. Các thao tác hoạt động còn quá thô sơ, đơn điệu, khiến cho sự khác biệt về tâm lí giữa người lớn và trẻ em coi như không đáng kể. Do đó, tuổi thơ rất ngắn ngủi, dường như không có.

Xã hội càng văn minh, tuổi thơ càng được kéo dài hơn. Bởi vì công cụ lao động ngày càng phức tạp hơn và công cụ mới lại kéo theo những thao tác mới. Sự phát triển riêng lẻ từng thao tác đến một trình độ nào đó lại kéo theo sự hình thành cả tổ hợp thao tác và kết quả là tạo ra những công cụ lao động phức tạp hơn. Sự kiện này lại kéo theo sự khác biệt lớn hơn hẳn giữa công cụ lao động với công cụ sinh hoạt. Sự cách xa ấy tạo ra sự khác biệt giữa người lớn với trẻ em.

Đến một trình độ văn minh nhất định, trẻ em không thể bắt chước người lớn tại chỗ một cách trực tiếp được, mà cần được người lớn hướng dẫn dạy dỗ để nắm được kiến thức, kĩ năng sử dụng công cụ lao động, có nghĩa là trẻ em cần phải học để được đào tạo thành người lao động.

Xã hội càng ngày càng phát triển cao hơn, tri thức mà loài người tích lũy ngày một cao hơn, phức tạp hơn, buộc trẻ em phải chờ đến một tuổi nào đó mới có thể lĩnh hội những tri thức đó được, có nghĩa là trẻ cần được chơi rồi mới đi học ở trường để lĩnh hội tri thức khoa học theo phương thức đặc biệt - phương thức nhà trường.

Trong khi nghiên cứu các chức năng tâm lí cấp cao, L.X. Vugótxki đã khẳng định: "Văn hoá sáng tạo ra các hình thái đặc biệt của hành vi, văn hoá thay đổi loại hình hoạt động của các chức năng tâm lí, văn hoá kiến tạo nên các tầng mới trong hệ thống luôn phát triển của hành vi con người. Trong quá trình phát triển lịch sử con người xã hội thay đổi phương thức và biện pháp hành vi của mình, chuyển hoá các tổ chức và các chức năng thiên nhiên, tạo lập các dạng thức mới, văn hoá đặc thù của hành vi"¹ Như vậy, sự phát triển các chức năng tâm lí cấp cao không còn phụ thuộc vào quá trình tiến hoá sinh vật nhưng lại phụ thuộc vào quá trình phát triển lịch sử - văn hoá. Do đó, khái niệm trẻ em là một *khái niệm mang tính chất lịch sử - văn hoá*. Khái niệm đó luôn luôn thay đổi cùng với sự thay đổi của các nền văn hoá. Hơn thế nữa, nó còn mang trong mình truyền thống văn hoá dân tộc. Do đó, có thể nói rằng một đứa trẻ Việt Nam lên 4 tuổi cũng tức là 4 tuổi cộng với 4000 năm lịch sử, có nghĩa là đứa trẻ lĩnh hội (thông qua người lớn) không chỉ nền văn hoá đương đại mà còn lĩnh hội nền văn hoá đã

¹ Trích theo Phạm Minh Hạc. *Tâm lí học Vugótxki*, tập I. NXB Giáo dục 1997, tr 130.

được gây dựng từ 4000 năm lịch sử trước đây. Điều đó nói lên rằng, trong nghiên cứu trẻ em cần phải tính đến "bề dày lịch sử" (relief historique) của nền văn hoá dân tộc với những ưu điểm và nhược điểm của nó. Nói cách khác, trong nghiên cứu trẻ em cần phải tính đến *bản tính dân tộc*. Khó có thể thấy được ảnh hưởng trực tiếp của bản tính dân tộc đến sự phát triển của trẻ em, nhưng nó đã tạo ra một độ thẩm thấu khiến cho trẻ em của dân tộc này khác với dân tộc khác, thậm chí vùng này khác với vùng khác (do ảnh hưởng của "văn hoá vùng").

Rõ ràng, xét trên bình diện văn hoá, *trẻ em là một khái niệm lịch sử - văn hoá*.

3. Khái niệm trẻ em xét trên bình diện phát triển cá thể (hay tâm lí cá nhân).

Xem xét trẻ em trên bình diện sinh vật hay trên bình diện văn hoá là để thấy được cội nguồn trong bậc thang tiến hoá của thế giới động vật mà con người đã vượt quá giới hạn đó để bước sang một phạm trù khác hẳn về chất - *phạm trù người* bằng tác động quyết định của văn hoá, chứ thực ra đối với sự phát triển cá thể trẻ em thì hai bình diện này lại hoà quyện vào nhau, khó mà tách bạch một cách rạch ròi. Khi nghiên cứu lịch sử phát triển các chức năng tâm lí bậc cao, Vugôtski đã viết: "Hành vi của người lớn, văn hoá hiện nay là kết quả của hai quá trình khác nhau của sự phát triển tâm lí. Một mặt, đó là quá trình tiến hoá sinh vật của các loài động vật dẫn đến chỗ nảy sinh loài Homosapiens. Mặt khác là quá trình phát triển lịch sử đưa người mông muội nguyên thủy thành con người văn hoá. Trong nguồn gốc *chúng loại*

(N.A.T nhấn mạnh) hai quá trình này - quá trình phát triển sinh vật và quá trình phát triển văn hoá của hành vi tách bạch nhau như hai quá trình phát triển độc lập; nhưng trong nguồn gốc cá thể (N.A.T nhấn mạnh) hai quá trình này bện lại với nhau¹".

Xem xét trong quá trình phát triển cá thể trẻ em, ông lại viết: "Quá trình một đứa trẻ bình thường ăn nhập nền văn minh thường quyện thống nhất với quá trình cơ thể chín muồi. Hai bình diện phát triển tự nhiên và văn hoá nhập vào với nhau. Hai dãy biến đổi xâm nhập qua lại với nhau và thực chất tạo nên một sự hình thành thống nhất xã hội - sinh vật của nhân cách trẻ em. Sự phát triển cơ thể xảy ra ở môi trường văn hoá trong chừng mực sự phát triển đó chuyển thành quá trình sinh vật được lịch sử quy định. Mặt khác, sự phát triển văn hoá có tính chất độc đáo đặc thù diễn ra đồng thời và quyện với sự chín muồi cơ thể trong chừng mực cơ thể đang biến đổi, lớn lên, chín muồi, là kẻ mang sự phát triển văn hoá²".

Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ có thể làm một ví dụ tốt về sự gắn quyện hai bình diện phát triển tự nhiên và văn hoá.

Một trong những chức năng tâm lí tối quan trọng của con người là ngôn ngữ - khả năng nghe được tiếng nói, phân biệt và nhận ra các âm thanh của ngôn ngữ. Không có con vật nào có được khả năng này. Nhiều công trình nghiên cứu

¹ Phạm Minh Hạc - Sđd - tr 129

² Phạm Minh Hạc - Sđd - tr 131



◀ Lễ khai giảng
Khoá đào tạo đầu tiên
Khoa Mẫu giáo -
Trường Đại học Sư phạm
Hà Nội I.
22-11-1985

▶ Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện
và TS Nguyễn Ánh Tuyết
xem đồ chơi của Khoa Mẫu giáo
(22-11-1985).



▶ Đi dự Hội nghị Tâm lý học Quốc tế lần thứ 22
tại CHDC Đức. Do GS. TSKH Phạm Minh Hạc dẫn đầu.
TS Nguyễn Ánh Tuyết (người thứ 2 kể từ phải sang)



đã khẳng định rằng, khi phản ứng với các mệnh lệnh bằng ngôn ngữ con vật chỉ nắm được độ dài, độ cao và độ mạnh của tiếng nói chứ không phân biệt được các âm thanh đặc trưng của ngôn ngữ. Còn đứa trẻ thì nhận được từ tự nhiên một cơ quan thính giác và một bộ phận tương ứng trong hệ thần kinh nên có thể phân biệt được âm thanh của ngôn ngữ. Tuy nhiên, khả năng thính giác về ngôn ngữ này bản thân nó chỉ phát triển trong quá trình lĩnh hội ngôn ngữ dưới sự hướng dẫn của người lớn và khả năng này được thích ứng trước hết với một ngôn ngữ của một nền văn hoá nhất định. Rõ ràng ở đây, các cơ quan thực hiện chức năng ngôn ngữ (màng nhĩ trong tai, trung khu ngôn ngữ trên vỏ não, dây thanh đới...) đã đạt tới một độ chín muồi nhất định cùng với sự tiếp nhận tiếng nói – một thành tựu văn hoá của loài người – trong quá trình người lớn dạy cho từ đơn giản đến phức tạp.

So với động vật non, đứa trẻ mới sinh ra còn rất yếu ớt, chưa thể có bất cứ một hành vi nào đặc thù của con người, cũng tức là chưa có bất cứ một chức năng tâm lí bậc cao nào. Nếu đối với mọi loài nhờ "thượng đế", mỗi động vật non sinh ra đã có sẵn tất cả những gì mà tổ tiên có để sống với tư cách là một thành viên của loài. Mỗi động vật non chỉ có khả năng *sinh trưởng*, tức là cứ tuần tự theo lịch thời gian mà bộc lộ những gì tổ tiên đã trang bị sẵn cho. Còn đối với trẻ em, mỗi cá thể phải thực hiện một *quá trình phát triển*.

Điều rất đáng chú ý là, khác với người mông muội, *trẻ em sinh ra trong một môi trường văn hoá đã có sẵn*. Trong môi trường đó chính bản thân đứa trẻ *bằng hoạt động của mình với sự dìu dắt, giúp đỡ của người lớn* mà tạo ra cho bản thân

các hình thái thích nghi với nền văn hoá, mà các hình thái này cũng đã có sẵn ở người lớn. Tất cả vấn đề phát triển của trẻ là ở chỗ cần phải hình thành cho trẻ các hình thái văn hoá (hay hành vi bậc cao hoặc gọi theo Vugótxki là những *chức năng tâm lí cấp cao*) ngày càng phức tạp để sống được trong cuộc sống xã hội.

Từ lọt lòng cho đến lúc trưởng thành (thường là vào khoảng 17 - 18 tuổi) mỗi đứa trẻ phải trải qua một quá trình phát triển (development) bao gồm nhiều thời kì, nhiều giai đoạn, nhiều pha.

Ở mỗi giai đoạn phát triển đều mang những đặc điểm riêng đặc trưng cho mỗi lứa tuổi. Từ giai đoạn này đến giai đoạn sau là một bước chuyển biến mang tính nhảy vọt, có sự biến đổi về chất và sự phát triển ở một giai đoạn nhất định vừa là kết quả của giai đoạn trước đó vừa là tiền đề cho bước phát triển tiếp theo. Khi chuyển từ giai đoạn phát triển này sang giai đoạn phát triển khác, ở mọi trẻ em đều có xuất hiện những *cấu tạo tâm lí mới* chưa từng có trong các giai đoạn phát triển trước, những cấu tạo tâm lí mới này cải tổ lại và làm biến đổi chính tiến trình phát triển của trẻ cho tới khi trưởng thành. Quá trình phát triển đó đã hình thành ở mỗi cá thể trẻ em *một nhân cách mang tính độc đáo có một không hai*, tức là một cá thể Người - một cá nhân với những nét tâm lí riêng biệt của mình.

Như vậy, đứng trên bình diện cá thể (hay tâm lí cá nhân) mà xét, thì *trẻ em được coi là một thực thể đang phát triển*, là một thực thể tự vận động theo quy luật của bản thân nó, nhưng thường xuyên có sự hướng dẫn, dạy dỗ của người lớn.

Trong quá trình vận động đó, giai đoạn sau bao giờ cũng là giai đoạn phát triển mới của đời sống cá thể và bao giờ cũng phủ định giai đoạn trước để dần dần biến mỗi trẻ em thành Người lớn và chính Người lớn là hình thức phủ định của trẻ em. Sự vận động tất yếu của trẻ do quá trình phát triển bên trong của nó, sự tự phủ định bản thân mình để chuyển hoá sang một trình độ mới, khác về chất - trở thành Người lớn - tức là *nên người*.

Do vậy, ta có thể nói rằng, *nên người* là một quá trình đưa trẻ lĩnh hội kinh nghiệm xã hội - lịch sử được loài người sáng tạo ra và kết tinh lại trong nền văn hoá, bằng hoạt động của chính trẻ em và luôn luôn được người lớn hướng dẫn - tức là dạy dỗ. Đây chính là cơ chế về sự phát triển của trẻ em và cũng là cơ chế hình thành một cá thể Người, hình thành một *nhân cách*.

Phân tích khái niệm trẻ em theo ba bình diện trên đây (bình diện sinh vật, bình diện văn hoá, bình diện phát triển cá thể) cốt là để nhìn nhận cho kĩ các mặt đó trong quá trình phát triển của đứa trẻ từ lọt lòng cho đến trưởng thành, thực ra các mặt này đã đan xen hoà quyện vào nhau trong suốt quá trình phát triển của trẻ, do đó sự phân chia này chỉ mang tính chất ước lệ mà thôi.

Từ những vấn đề đã được phân tích ở trên, chúng ta có thể hiểu khái niệm trẻ em trong tính phức hợp, tính tổng thể của nó: *Trẻ em là một thực thể đang phát triển về nhiều mặt (mặt sinh vật, mặt văn hoá và mặt tâm lí cá nhân) để trở thành một thành viên của xã hội, một nhân cách.*

LỢT LÒNG BÉ MUỐN GÌ?

Người ta vẫn thường nghĩ rằng khi mới lọt lòng, bé đòi được bú mớm, đòi được ấm áp hoặc thoáng mát. Đó là nhu cầu đương nhiên cần được thỏa mãn để bảo đảm sự sống còn của bé. Nhưng ít người nghĩ rằng còn cần phải thỏa mãn một nhu cầu khác không kém phần quan trọng để bảo đảm sự phát triển bình thường của bé, thậm chí ảnh hưởng lớn đến sự sống còn của trẻ nũa: đó là nhu cầu muốn *gắn bó* với người lớn, muốn được ôm ấp, vỗ về.

Ngay từ lúc mới ra đời, em bé đã sẵn có phản xạ rúc đầu vào lòng mẹ, một mặt là để tìm vú để bú, nhưng mặt khác là muốn được sát vào da thịt mẹ để được ôm ấp vỗ về. Có thể nói quan hệ với người mẹ qua xúc giác là quan trọng vào bậc nhất và cũng được xuất hiện sớm nhất, được gọi là sự gắn bó (attachement) giữa bé và người lớn, trước hết là giữa mẹ và con. Đây là mối quan hệ đầu tiên và quan trọng nhất tạo điều kiện cho sự phát triển sau này của trẻ. Thiếu đi sự gắn bó mẹ – con, em bé sẽ khó phát triển bình thường, ngay cả sự sống còn cũng gặp khó khăn. Chính vì vậy, một cách rất tự nhiên, sau khi sinh nở, cả người mẹ lẫn đứa con đều rất nhạy cảm với sự tiếp xúc gần gũi da thịt và đều có nhu cầu gắn bó với nhau (trừ trường hợp cá biệt). Nhiều bác sĩ nhi

* Trong cuốn “*Điều cần biết về sự phát triển của trẻ em*”. NXB Sự thật – 1992.

khoa chủ trương để cho người mẹ được ôm ấp, xoa bóp cho con của mình ngay khi nó mới lọt lòng. Clau (Klauss) và Ken-nơ (Kennell), hai bác sĩ nhi khoa người Mĩ, từ năm 1970 đã chủ trương tạo ra kiểu ứng xử đặc biệt giữa mẹ và con ngay sau khi mới sinh như sau: người ta đặt em bé còn trần truồng lên bụng người mẹ để người mẹ sờ mó, bắt đầu từ những ngón tay, ngón chân trong khoảng 7 đến 8 phút, sau đó sờ vào thân, sờ qua cánh tay, bắp chân, rồi cuối cùng vuốt nhẹ vòng quanh bụng. Hai tác giả này khẳng định rằng cách ứng xử đó là hết sức cần thiết và có tác dụng tích cực. Hai ông cho rằng việc tách con ra khỏi mẹ quá sớm sẽ làm tổn thương cho quan hệ gắn bó mẹ - con sau này. Dù chỉ là một chốc lát sau khi sinh ra được mẹ xoa bóp, nhưng điều đó có lợi rất lâu dài cho sự phát triển sau này của đứa con. Ở một số nhà hộ sinh ở Mĩ người ta cũng chủ trương chờ cho mối quan hệ gắn bó mẹ - con này được thiết lập, sau đó mới tách con ra khỏi mẹ để đưa vào phòng dành riêng cho trẻ.

Trước đây, nhiều người cứ tưởng là mối quan hệ gắn bó mẹ - con chỉ là một nhu cầu thứ sinh của trẻ, được hình thành trên cơ sở một nhu cầu gốc (tức là nhu cầu ăn uống). Ngày nay qua nhiều công trình nghiên cứu, người ta đã nhận ra rằng, đây cũng là một nhu cầu gốc, có ngay từ đầu, lúc trẻ mới sinh ra.

Ha-lâu (Harlow), một nhà tâm lí học trẻ em người Mĩ, đã làm thí nghiệm với một con khỉ mới sinh ra bằng cách tách nó khỏi mẹ sinh ra nó. Sau đó, ông làm mô hình hai con khỉ giả: một con bằng thép, nhưng lại có một bình sữa cho con bú, một con được phủ ngoài bằng một bộ lông và có núm vú giống hệt như khỉ mẹ thật nhưng lại không có bình sữa.

Kết quả quan sát cho thấy là khi con chỉ tìm bám lấy "mẹ giả" có lông xù cho dù ở đó chẳng có lấy một giọt sữa nào, mỗi ngày khoảng 15 tiếng đồng hồ, còn khi mẹ giả bằng thép thì khi con chẳng buồn đoái hoài đến cho dù có hẳn một bình sữa ngon ở đấy.

Chúng ta có thể đi đến một kết luận rằng: vắng mẹ từ những ngày đầu mới ra đời là nỗi bất hạnh to lớn đối với trẻ em. Trong trường hợp em bé bị tách khỏi mẹ quá sớm (do mẹ chết, bị ốm cần phải cách li hay do một lí do nào khác), thì điều cần thiết là phải giúp cho trẻ tạo ra mối quan hệ gắn bó mẹ - con. Nhu cầu gắn bó lúc này cũng có thể thỏa mãn được bởi người khác, miễn là người đó có lòng yêu thương, sẵn lòng ôm ấp vỗ về như chính người mẹ của bé.

Lúc mới sinh ra, cái mà trẻ nhận ra đầu tiên chính là mẹ mình. Trước khi nhận ra đồ vật xung quanh thì hình ảnh của mẹ đã in vào đầu óc non nớt của bé làm cho nó gắn bó một cách hết sức tự nhiên với hình ảnh ấy. Mặt mẹ, giọng nói của mẹ, mùi da thịt của mẹ... tất cả những thứ đó tạo ra cho bé một cảm giác an toàn, dễ chịu, mà cuộc sống của trẻ không thể thiếu những điều đó được.

Trong mối quan hệ gắn bó mẹ - con, ở cả hai phía mẹ và con đều phát ra tín hiệu cho nhau. Tín hiệu của mẹ được biểu hiện ở những cử chỉ, động tác, nét mặt, giọng nói... hướng về đứa con nhằm gợi cho nó phản ứng đáp lại. Ở đứa con, tuy chưa có lời nói hay cử chỉ hướng về mẹ một cách chủ định, nhưng cũng đã có thể phát ra những tín hiệu khiến cho người xung quanh chú ý đến mình như la khóc, vịn mình, cọ quây chân tay... Nhờ đó mà người lớn xung quanh, trước hết là người mẹ, nhận ra và đáp ứng lại nhu cầu của bé như cho con bú, thay tã lót, ôm ấp vỗ về, tạo ra sự gắn bó với trẻ.

Thông qua những tín hiệu phát ra từ mẹ và con, nhiều công trình nghiên cứu đã tổng kết được 4 kiểu quan hệ gắn bó mẹ - con như sau:

– *Kiểu thứ nhất*: Tín hiệu phát ra ở cả mẹ và con đều mạnh, nghĩa là nhu cầu gắn bó của cả hai mẹ con đều tỏ ra bức thiết. Trong trường hợp này, mối quan hệ gắn bó mẹ - con được thiết lập một cách dễ dàng, thuận lợi. Kiểu này là phổ biến, thường thấy ở những cặp mẹ con sinh nở bình thường, mẹ tròn con vuông, xuất phát từ lòng ước ao mong đợi của người mẹ đối với sự ra đời của đứa con. Đây không chỉ là niềm hạnh phúc lớn lao đối với bản thân người mẹ, mà còn là một sự thuận lợi quý báu cho sự phát triển tốt đẹp sau này của đứa trẻ.

– *Kiểu thứ hai*: Tín hiệu phát ra từ người mẹ thì mạnh mà phát ra từ con lại yếu. Thường thì đây là trường hợp của những trẻ sinh thiếu tháng hay khuyết tật bẩm sinh. Trong trường hợp này, người mẹ không nên giao tiếp với con một cách quá mạnh mẽ hoặc hối hả, mà nên giao tiếp nhẹ nhàng, từ tốn. Nên thường xuyên nhìn vào mặt con, trò chuyện âu yếm với nó và kiên trì chờ cho tín hiệu của con đáp lại. Cần chú ý là nếu người mẹ không kiên trì giao tiếp với con và ngưng sự tiếp xúc thường xuyên thì đứa trẻ cũng không phát ra được những tín hiệu nào để đáp lại. Bằng tình yêu thương đứa con mình đã mang nặng đẻ đau và bằng lòng kiên trì âu yếm vỗ về con, người mẹ hoàn toàn có thể khơi dậy nhu cầu gắn bó vốn có của đứa trẻ.

– *Kiểu thứ ba*: Tín hiệu của con thì mạnh nhưng tín hiệu của mẹ lại yếu. Kiểu này thường xảy ra ở những người mẹ có

con một cách bất đắc dĩ. Trong trường hợp này, người mẹ thường mang tâm trạng riêng tư, chán chường, phiền muộn, dẫn đến thái độ lạnh lùng, thờ ơ với đứa con, không muốn giao tiếp, vỗ về âu yếm nó. Vì không nhận được tín hiệu đáp lại của người mẹ, tín hiệu của đứa trẻ phát ra sẽ yếu dần đi có khi mất hẳn và trẻ lâm vào tình trạng ủ ê, mệt mỏi, dễ mắc phải chứng bệnh "trầm cảm", tức là không muốn giao tiếp với người xung quanh, không để ý gì đến mọi việc xung quanh. Khắc phục tình trạng này hoàn toàn thuộc về phía người mẹ. Lòng yêu thương và trách nhiệm đối với một sinh mệnh nhỏ nhoi và vô tội biết đâu lại có thể thức tỉnh cái thiên chức làm mẹ vốn sẵn có trong mỗi người phụ nữ. Còn nếu vì một lí do nào đó mà người mẹ vẫn thoái thác sự giao tiếp tự nhiên này, không chịu nâng niu vỗ về đứa trẻ do chính mình đẻ ra, thì rất cần thiết có một người nào đó giàu lòng nhân ái nhận thay thế cho người mẹ.

– *Kiểu thứ tư*: Tín hiệu phát ra đều yếu ở cả mẹ và con. Đây thực sự là một tai họa. Cần phải có biện pháp khơi dậy tín hiệu ở cả hai phía. Trường hợp này rất cần sự hỗ trợ tích cực của những người xung quanh, cần cả thầy thuốc lẫn nhà tâm lí học.

Tạo được mối quan hệ gắn bó mẹ - con ngay từ những ngày đầu trẻ mới ra đời là một cách phòng ngừa tốt nhất, tránh cho trẻ nguy cơ chậm phát triển hay phát triển lệch lạc về sinh lí cũng như tâm lí sau này. Một kết luận hết sức quan trọng của tâm lí học hiện đại là nhiều rối loạn tâm lí về sau, kể cả lúc đã trưởng thành, có thể tìm nguyên nhân từ những nhiễu loạn trong mối quan hệ gắn bó mẹ - con ở

những tháng năm đầu của cuộc đời. Những em bé thiếu sự gắn bó yêu thương của người mẹ từ tấm bé thường luôn luôn sống trong tình cảm cô đơn, lo lắng và sợ hãi, sau này lớn lên thường mang theo những mặc cảm trong quan hệ với người xung quanh, thậm chí còn có thái độ chống đối thù nghịch. Thiết nghĩ những bậc làm cha mẹ, những người nuôi dạy trẻ và mọi người lớn trong xã hội cần đặc biệt quan tâm xây dựng mối quan hệ gắn bó với trẻ, vì nó có tác dụng sâu xa tới sự phát triển sau này của mỗi con người. Việc này không phụ thuộc gì lắm vào điều kiện vật chất. Giàu hay nghèo, ai cũng có thể làm được, miễn là có một tấm lòng nhân hậu, một tình cảm yêu thương và một tinh thần trách nhiệm vì trẻ thơ.

Có một câu phương ngôn rất sâu sắc của người da đỏ, thiết nghĩ có thể nên nhắc lại trong bài viết này:

"Tương lai của thế giới nằm trong tay cháu bé. Người mẹ cần ôm chặt con vào lòng để bé nhận ra thế giới là của mình. Còn người cha thì bồng con lên ngọn đồi cao nhất để bé nhận ra thế giới là như thế nào".

BÚ KHÔNG CHỈ CỐT NO*

Chắc chắn trong chúng ta hầu hết mọi người đều đã từng nhìn thấy các em bé đang bú mẹ. Đứa bé áp sát vào người mẹ, mồm ngậm đầu vú mẹ mà hai mắt khi thì lim dim, khi thì mở to nhìn chăm chăm vào mặt mẹ một cách đắm đuối, tay mân mê bầu vú bên kia hay bầu chặt lấy người mẹ, chân cựa quậy liên hồi, lăm lăm khoái chí thì lại đập nhịp nhàng xuống chiếu. Bé đang trong trạng thái thỏa mãn và sung sướng. Đó cũng chính là những giây phút bé thấy gắn bó với mẹ hơn lúc nào hết, và cũng chính là những giây phút bé cảm thấy an toàn nhất. Niềm vui sướng này không chỉ được tạo ra bởi cái dạ dày no nê, mà bằng cả cái cảm giác được sát kề với da thịt của mẹ, nhìn tận vào mặt mẹ, ngửi thấy mùi quen quen của mẹ. Quan sát kĩ, có thể thấy được ngay là bé bú không phải chỉ cốt cho no đâu. Nhiều khi mồm vẫn ngậm vú mẹ mà lại chẳng mút, có khi lại tự ý nhả vú ra để nhìn vào mặt mẹ mà nhoén miệng cười một cách khoái chí. Đó là lúc bé đang tận hưởng niềm vui đến ngây người và cũng từ niềm vui lâng lâng đó mà bé đi vào giấc ngủ một cách thật ngon lành.

Giây phút bú mẹ cũng chính là lúc em bé nhận ra người mẹ của mình, nhờ đó mà mối quan hệ gắn bó với mẹ lại càng thêm chặt chẽ hơn.

* Trong cuốn *"Điều cần biết về sự phát triển của trẻ thơ"*. NXB Sự thật - 1992.

Còn đối với người mẹ thì khi cho con bú cũng là lúc thấy gắn bó, gần gũi, yêu thương nhất đối với con mình. Đó cũng là dịp để ôm ấp vỗ về vào da thịt của con như muốn truyền tất cả sinh lực của mình cho nó. Cho con bú cũng chính là lúc mà người mẹ được ngắm thật kĩ đứa con mình đã dứt ruột sinh ra, tìm từ trong đôi mắt, cái mũi, cái miệng đến khuôn mặt, bộ tóc những nét của người chồng thân yêu hoặc của chính mình.

Tựa như một bản năng tự nhiên, người mẹ nào khi cho con bú cũng tìm cách trò chuyện với con bằng những lời nựng tưởng chừng như vô nghĩa nhưng chính đó cũng là những lời nói tình cảm nhất từ nơi sâu thẳm của lòng mình. Vừa cho con bú, vừa xoa tay, nắn chân cho bé, sờ mó khắp người như để nhận ra một phần rất riêng của chính mình, cái vật sở hữu thật thiêng liêng, không thể lẫn được với bất cứ đứa trẻ nào khác. Đứa bé chỉ là một thực thể thật non nớt, nhỏ nhoi, vậy mà nó đã tạo được một sức hút không thể cưỡng được khiến cho hầu như toàn bộ sức lực, tâm trí, lòng yêu thương và cả tâm hồn người mẹ đều dồn hết cho nó. Hình như toàn bộ cuộc sống của mẹ là dành cho nó. Giờ đây, hai mẹ con đã phát hiện ra nhau, mẹ là của con, con là của mẹ, họ là của nhau, không thể thiếu nhau được. Chính tình cảm rất tự nhiên và rất thiêng liêng này đã giúp cho người mẹ có một sự nhạy cảm khác thường để có thể phát hiện ra những biến đổi dù là rất tinh vi của đứa con cả về thể chất lẫn tinh thần, từ đó mà có một thái độ sẵn sàng đáp ứng tất cả mọi yêu cầu của con cho dù có gặp phải khó khăn to lớn đến đâu. Còn đối với đứa bé, nếu được gắn bó với mẹ, được mẹ vỗ về ôm ấp sát

vào da thịt là một nhu cầu bức thiết, thì chính lúc bú mẹ là lúc nhu cầu đó được thỏa mãn một cách đầy đủ nhất.

Cho con bú là một hành động mang tính phức hợp, trong đó có mặt kĩ thuật của nó. Làm sao cho em bé có thể ngậm đúng vào đầu vú mẹ một cách dễ dàng, làm sao cho tia sữa vừa đủ để phù hợp với nhịp thở của trẻ, không làm cho trẻ bị sặc. Thường thì các bà mẹ lấy tay nâng đầu vú, đồng thời dùng ngón tay để điều chỉnh lượng sữa vào mồm con một cách thích hợp. Tư thế lúc cho con bú cần thoải mái, không để trẻ bị ối, bị nôn. Khi cho con bú xong, người mẹ chưa nên đặt con nằm ngay xuống giường vội, mà nên bế bé trên tay, để đầu cao hơn người, chờ cho sữa xuống hẳn dạ dày rồi hãy cho bé nằm. Tất cả những điều nêu trên đây đều thuộc về mặt kĩ thuật. Gặp trường hợp khó khăn khác như đầu vú không trồi lên hoặc tia sữa bị tắc, v.v. thì cần gặp bác sĩ để chữa chạy kịp thời.

Thời kì cho con bú cũng là thời kì người mẹ cần có những hiểu biết cần thiết về chế độ ăn uống của chính mình mà khoa học dinh dưỡng đã có nhiều tài liệu được phổ cập rộng rãi (chúng tôi không đề cập đến trong cuốn sách này).

Bên cạnh mặt kĩ thuật, việc cho con bú cũng mang lại tính nghệ thuật nữa. Thật vậy, làm sao để cho đứa trẻ cảm thấy đầm ấm, sung sướng khi nằm trong lòng mẹ; làm sao cho trẻ tận hưởng được giây phút bên mẹ trong trạng thái thật thoải mái, dễ chịu; làm sao cho trẻ có được những xúc cảm tích cực, gắn bó hơn nữa với con người v.v. Đó là cả một nghệ thuật!

Người mẹ khi cho con bú nhiều khi không biết rằng chính mặt nghệ thuật của hành động này lại là một yếu tố quan trọng có ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của trẻ chẳng kém gì dòng sữa mẹ. Trên thực tế, không ít những người mẹ đã không ý thức được điều đó. Khi cho con bú, họ chỉ cốt sao cho sữa chảy được vào miệng đứa bé là được. Thậm chí có người còn nằm đánh một giấc ngủ ngon lành, mặc cho em bé loay hoay một mình với bầu sữa như với một cái bình sữa vô tri vô giác. Họ đã quên rằng lúc cho con bú cũng chính là cơ hội tốt nhất để hai mẹ con được giao tiếp với nhau, trò chuyện, gắn bó với nhau. Để mặc cho trẻ tìm vú mà bú sẽ dẫn đến tình trạng trẻ thờ ơ với chính mẹ của nó, từ đó mà cũng trở nên thờ ơ với những người xung quanh, khi bú chỉ cốt sao cho no bụng thôi. Cũng vì không quan tâm tới mặt nghệ thuật của hành động cho con bú mà người mẹ đã không tạo cho trẻ cái cảm giác sung sướng khi được gần mẹ, từ đó mà sinh ra bản tính, thậm chí có đứa trở nên yếu đuối mà sinh ra bệnh tật.

Đối với trẻ em, sự thờ ơ của người mẹ chẳng khác nào một sự ruồng bỏ, khiến cho chúng dễ bị rơi vào tình trạng phát triển lệch lạc cả về tâm lí lẫn sinh lí, nhiều khi rất khó chạy chữa.

Spít (Spitz) một nhà tâm lí học trẻ em nổi tiếng ở Mỹ đã theo dõi nhiều ca và ông đã nêu hai ca tiêu biểu sau đây:

Một cô gái 16 tuổi đi ở cho một nhà giàu và đã bị chủ nhà hiếp dâm. Là một con chiên ngoan đạo, cô luôn luôn bị mặc cảm về tội lỗi nặng nề. Lúc sinh con, cô cho con bú và nhiều lần đã thất bại, vì cô tự cho là mình không có sữa. Thực ra,

khi nặn bầu vú thì tia sữa vẫn chảy ra dễ dàng, và nặn sữa ấy vào bình thì đứa con vẫn chịu bú. Quan sát lúc cô gái cho con bú, người ta thấy cô ôm đứa bé như ôm một khúc gỗ, cả người, cả hai tay đều cứng đờ, nét mặt hết sức căng thẳng, đến nỗi ngay cả núm vú cũng không thể trồi lên được. Trong 5 ngày đầu, người ta đành phải nặn sữa từ vú mẹ cho sang bình để đứa bé bú, nhưng hề mẹ cho bú thì lại bị thất bại. Đã có lần vì bú như vậy mà đứa trẻ không thể chịu nổi nữa, đâm ra thở hắt hắt, mặt tím tái lại. Sau đó phải mất rất nhiều công phu người ta đã dạy cho cô gái biết cách nâng niu vỗ về con lúc cho con bú, song điều quan trọng là người ta đã tìm cách thức dậy tình cảm mẹ - con ở cô gái đáng thương và cho cô thấy trách nhiệm của người mẹ đối với sự sống còn của đứa con mà mình đã sinh ra. Tập luyện và giải thích tới 5, 6 ngày, người mẹ trẻ ấy mới cho con bú được và cũng từ tuần lễ sau đó, đứa bé mới phục hồi được sức khỏe, dần dần trở lại trạng thái bình thường.

Trong ca thứ hai thì người mẹ lại luôn luôn than phiền, cau có mỗi khi cho con bú. Quan sát lúc người mẹ đó cho con bú người ta thấy chị ta lúc nào cũng như người đang giận dữ, còn đứa con thì khóc thét lên, bú sữa vào là nôn ọe ra. Đến tuần thứ ba thì người mẹ bị cảm cúm phải vào bệnh viện nên đã cách ly với con trong sáu tuần. Ở nhà, bé được người khác nuôi bằng bình sữa, nhưng mỗi lần bú thì bé lại được ôm ấp vỗ về, âu yếm nên nó bú một cách bình thường, không thấy nôn ọe gì. Khi người mẹ ở bệnh viện trở về với thái độ cau có khi cho con bú như trước, thì tình hình lại diễn biến xấu như cũ, đứa bé lại khóc thét lên và nôn ọe mỗi khi mẹ nó cho bú.

Hai trường hợp trên đây được Spít coi như là bệnh lí mà nguyên nhân gây bệnh không phải do tổn thương thực thể ở mẹ hay ở con mà chủ yếu là do thiếu hẳn một sự gắn bó cần thiết giữa hai mẹ con, thiếu tình mẫu tử với sự ôm ấp vỗ về êm dịu, và điều đáng trách lại chính là ở người mẹ.

Cho con bú là một thiên chức của người mẹ, nhưng đâu phải cho con bú là chỉ cốt cho con được no. Cùng với dòng sữa mẹ, đứa trẻ còn cần tiếp nhận những tác động của mẹ vào da thịt của mình. Nằm trong lòng mẹ, trẻ có được cái cảm giác an toàn tuyệt đối. Hơn nữa, ở trẻ sơ sinh thì vùng môi miệng và họng là nơi mà một kích thích từ bên ngoài sẽ tạo ra ngay một phản ứng đặc trưng: trẻ tìm ngay vú mẹ để bú. Spít cho rằng tri giác của trẻ bắt đầu từ môi miệng, nơi đây tập trung mọi thứ cảm giác như xúc giác, vị giác, khứu giác, nóng lạnh, đau đớn... do đó, thời kì này trẻ em thường dùng môi miệng để khám phá thế giới xung quanh mà bắt đầu là từ việc nhận ra người mẹ. Cũng như những động vật còn nhỏ, trẻ em tiếp xúc với môi trường xung quanh trước hết là thông qua "cái mồm". Điều này có thể thấy rõ ở chỗ đứa trẻ hễ vớ được vật gì thường là cho ngay vào mồm, tất nhiên không phải để ăn mà là để thăm dò, tìm kiếm. Chả thế mà Phrôt (Freud), nhà phân tâm học nổi tiếng người Áo, đã gọi trẻ em ở những tháng đầu tiên của cuộc đời là giai đoạn "môi miệng".

Tất cả những điểm vừa nêu càng chứng minh rõ hơn vấn đề mà chúng ta nói ở trên. Đó là: *bú không chỉ cốt no!*

BÉ KHỈ VÀ BÉ NGƯỜI*

Con người từ loài khỉ (nói chính xác hơn là từ loài vượn người) biến thành, như Ph. Ăng-ghe-nơ đã khẳng định: Nhờ lao động và cùng với lao động là ngôn ngữ, đó là hai yếu tố đã biến loài vượn người thành người. Chân lí ấy đến nay đối với nhiều người vẫn được coi là tuyệt đối.

Cách đây hàng trăm triệu năm, thời kì Băng hà của Trái đất, làm cho cây cối bị trơ trọi, thức ăn có sẵn ở trên cây bấy giờ đã cạn kiệt, loài vượn người phải xuống kiếm ăn ở dưới đất. Lúc đầu chúng nhặt nhạnh những thứ có sẵn trong thiên nhiên, sau đó do nhu cầu sống, loài vượn đã tìm đến những đồ vật như cành cây, hòn đá để giúp kiếm thức ăn được dễ dàng hơn. Nhưng để tồn tại và phát triển nòi giống họ bắt đầu tạo ra công cụ sản xuất, tức là biết lao động và đồng thời con người cũng xuất hiện.

Nhờ có lao động hai chi trước được giải phóng mà biến thành đôi tay vừa là khí quan lao động vừa là khí quan nhận thức thế giới của con người. Nhờ lao động con người biết di chuyển bằng hai chân tạo nên dáng đi thẳng đứng, tầm nhìn được mở rộng, những ấn tượng từ thế giới bên ngoài được ghi lại trên vỏ não ngày càng nhiều hơn khiến vỏ não rộng ra và mang nhiều nếp nhăn giúp cho hoạt động tâm lí phức tạp hơn,

* Trong cuốn *"Điều cần biết về sự phát triển của trẻ thơ"*. NXB Sự thật - 1992.

tình vi hơn và mang một chất lượng mới. Những trung khu trên vỏ não được hình thành để thực hiện các chức năng tâm lí bậc cao, đặc biệt là chức năng ngôn ngữ, đồng thời thanh quản trở nên thẳng và dây thanh đới cũng được căng ra giúp cho các âm tiết được phát ra từ họng dễ dàng hơn, mang nhiều sắc thái hơn và phong phú hơn có khả năng trao đổi với những người xung quanh về những điều trong lao động và trong cuộc sống hàng ngày - một cuộc sống xã hội được hình thành. Từ đó con người thoát ra khỏi giới động vật để trở thành một sáng tạo mới của lịch sử.

Đó là câu chuyện về sự xuất hiện của loài người từ thuở hồng hoang. Còn bây giờ liệu có chuyện khỉ biến thành người được không? Đó là câu hỏi được đặt ra từ trước tới nay. Một em bé hỏi: "Trong nhà ta ai là khỉ hổ bố?", vì em nghe nói nguồn gốc của loài người là loài khỉ nên đoán chắc là đời cụ đời kỵ của mình hẳn phải là khỉ. Không chỉ trẻ em hỏi mà cả người lớn cũng đặt vấn đề: "Nếu tạo được môi trường sống cho khỉ giống như môi trường sống của con người, liệu những con khỉ con khi lớn lên có trở thành người được không?". Và nhiều cuộc thí nghiệm của các nhà tâm lí học so sánh và tâm lí học trẻ em đã được tiến hành.

Nhà tâm lí học so sánh (tức là so sánh tâm lí động vật với tâm lí người) người Nga N.N Ladughina - Cốt đã làm một thí nghiệm như sau: Bà nuôi một con khỉ nhỏ, đặt tên là Iôni từ lúc nó mới lọt lòng. Iôni hoàn toàn tự do và được nuôi dạy theo kiểu người, như cho nó sử dụng đồ chơi, đồ vật, dùng lời nói và cử chỉ âu yếm để chuyện trò với nó... Toàn bộ quá trình phát triển của Iôni đều được ghi chép rất cẩn thận và khoa học.

Sau đó, bà Ladughina-Cốt sinh được một cậu con trai, đặt tên là Rudi. So sánh quá trình phát triển của cậu con trai Rudi và của con khỉ Iôni thì thấy chúng có rất nhiều điểm giống nhau, đặc biệt là ở nửa năm đầu, chúng đều có những xúc cảm gần giống nhau. Thế nhưng về cuối năm thì sự phát triển của hai "cậu bé" trở nên khác nhau và cũng từ đó trở đi hai sự phát triển ngày càng khác xa nhau về nguyên tắc biểu hiện bên ngoài hành vi cũng như ở tâm lí bên trong. Rudi - cậu bé người - thì phản ứng rất nhạy đối với những âm thanh trong giọng nói của người, phân biệt được nhiều âm tiết, ngữ điệu, ngữ nghĩa trong ngôn ngữ; còn Iôni - "cậu bé khỉ" thì không hiểu được tiếng nói của con người với những âm tiết khác nhau. Đặc biệt là nó không hề tỏ ra có ý muốn bắt chước bất kì một âm thanh nào của ngôn ngữ hoặc muốn nắm được các từ, mặc dầu người ta đã tập luyện cho nó một cách thật kiên nhẫn. Trong khi đó bé Rudi lại rất thích "hóng chuyện và biết phản ứng theo ngữ điệu trong giọng nói của người thân, rồi còn bắt chước tiếng người bằng những âm bập bẹ, tiến dần đến việc hiểu được ngôn ngữ và giao tiếp được với những người xung quanh. Nhờ đó lớn lên Rudi lĩnh hội được những kinh nghiệm, tri thức văn hoá của loài người để trở thành một con người thực thụ. Trái lại, Iôni từ một chú khỉ con khi lớn lên vẫn chỉ là một con khỉ chính cống! Thực ra thì nó cũng biết bắt chước khá nhiều hành động của con người, nhưng vì không hiểu được ý nghĩa của những hành động đó nên còn xa mới thực hiện được hành động của con người. Ngay trong việc sử dụng đồ vật, nó chỉ học được phương diện bên ngoài chứ không

hiểu được ý nghĩa bên trong của những hành động đó. Chẳng hạn, Iôni được huấn luyện nhiều lần dùng búa để đóng đinh, nhưng vì nó không có ngôn ngữ để hiểu được thực chất của việc đóng đinh do người khác truyền lại, nên nó không làm được việc này, để đinh rơi xuống đất mà không biết cầm sao cho thẳng.

Hai vợ chồng nhà tâm lý học người Mĩ, ông bà Kellog cùng những người khác cũng làm thực nghiệm với những chú khỉ con và cũng đi đến kết luận y như vậy.

Vì sao hai sinh vật nhỏ bé đó được nuôi dạy theo cùng một phương thức mà một đứa thì trở thành người, còn đứa kia lại vẫn chỉ là một con khỉ?

Nhiều nghiên cứu chỉ ra nguyên nhân ở chính ngay trong cấu trúc bộ não của chúng. Bộ não người khác về chất so với bộ não khỉ. Trên vỏ não người có những trung khu để thực hiện các chức năng tâm lý bậc cao, trước hết là chức năng ngôn ngữ, thiếu những cái đó thì sẽ không thành người. Mỗi em bé của chúng ta lúc ra đời đều có ngay một bộ não người do tổ tiên để lại, đó là một ưu thế tuyệt đối mà thiên nhiên đã phú cho loài người không động vật nào trên hành tinh này có được.

Thế nhưng có được bộ não người là đã bảo đảm chắc chắn cho một em bé trở thành một con người thực thụ chưa?

Chưa đâu! Đấy mới chỉ là tiền đề vật chất cần thiết cho sự phát triển tâm lý người mà thôi. Không phải cứ có não người là hiển nhiên có tâm lý người. Bởi vì não đâu có tiết ra tâm lý như gan tiết ra mật (mà trường phái tâm lý học

duy vật thô thiển đã lí sự!). Một em bé cho dù có bộ não người tốt đến mấy nhưng không có ai khơi dậy các chức năng của nó, trước hết là chức năng ngôn ngữ (nghe, hiểu, nói được tiếng nói của con người) thì làm sao có thể trở thành Người được.

Đây là quy luật cho tất cả mọi người, không trừ một ai, kể cả những em bé câm điếc. Những em này muốn nên người cũng phải tạo ra cho mình một thứ ngôn ngữ đặc biệt (cử chỉ, nét mặt...) để có thể giao tiếp và tiếp thu kinh nghiệm của xã hội loài người. Thiếu ngôn ngữ, em bé chẳng qua chỉ là một "con người sinh vật", một động vật không hơn không kém. Điều này đã được chứng minh qua nhiều cứ liệu khoa học. Chẳng hạn vào đầu thế kỉ XX, người ta đã phát hiện hai con vật lạ, hình thù giống người nhưng chỉ biết bò bốn chân gần một làng ở Ấn Độ. Theo dõi thì biết đó là hai em bé gái sống trong một cái hang với chó sói, mọi hành vi, tiếng kêu đều hệt như chó sói. Người ta tìm cách đem hai em đó về cho sống với người và dày công luyện tập mà mãi chúng cũng không nói được trừ một vài chực từ. Chỉ ít lâu sau, hai sinh vật đó lần lượt chết vì không thích nghi với cuộc sống của con người. Ở nơi này nơi nọ, thỉnh thoảng người ta cũng tìm được những em bé bị gấu nuôi, khỉ nuôi... nếu được tìm thấy sớm chừng trước hai tuổi thì chúng có thể học được tiếng người và trở thành người, còn để chậm chúng chỉ là con vật.

Rõ ràng nếu đứa trẻ không được sống với con người trong xã hội, đặc biệt không được vỗ về trò chuyện ngay từ tấm bé thì những trung khu thực h"ện chức năng tâm lí người trên

vỏ não, đặc biệt là trung khu ngôn ngữ bị teo dần đi. Bởi vậy, giao tiếp, trò chuyện với trẻ ngay từ những tháng năm đầu tiên là rất quan trọng. Điều này nhằm khơi dậy chức năng ngôn ngữ, từ đó mà cải tổ toàn bộ những chức năng tâm lí sơ đẳng ban đầu thành những chức năng tâm lí Người.

Nhờ có bộ não người nên trẻ em có một khả năng đặc biệt mà động vật không thể có được, đó là *khả năng học*, hay *khả năng tiếp nhận rất nhạy bén*. Nếu em bé được sống trong xã hội loài người thì học để thành người, nhưng nếu lại sống chung với loài vật nào đó thì nó cũng "học" để thành con vật loài đó. Trái lại, một con vật non chỉ có thể trở thành một "thành viên" của giống loài mình, vì mọi hành vi của nó đã được quy định sẵn rồi. Do đó Ruđi - một "bé người" - có thể học để thành khí, nếu được nuôi trong bầu khí; Nhưng Iôni một "bé khí" - không thể "học" để thành Người nếu được người nuôi dạy.

CÓ BAO ĐIỀU LẠ TỪ THẾ GIỚI BÊN NGOÀI*

Tiếp theo thời kì cộng sinh ở trong bụng mẹ là thời kì "hòa mình" vào thế giới xung quanh. Lúc mới sinh ra, em bé còn ở trong trạng thái "bất phân" với nhiều cảm giác lẫn lộn, chưa phân biệt đâu là cảm giác từ bên trong nội tạng, đâu là cảm giác từ bên ngoài. Tất cả những cảm giác ấy lúc đầu hỗn hợp lại, tạo ra một trạng thái mơ hồ, mung lung ở trẻ em, sau mới dần dần phân hóa ra những cảm giác riêng biệt : tai nghe, mắt thấy, da cảm, mũi ngửi, lưỡi nếm... Lúc đầu trẻ cũng không phân biệt được giữa đồ vật với bản thân: bú thì không phân biệt được vú mẹ và môi miệng của mình; nắm chặt trong lòng bàn tay một vật gì thì cũng không phân biệt được bàn tay của mình và đồ vật ấy, thậm chí cũng không phân biệt được cả người xung quanh (như mẹ) với bản thân mình. Tất cả như hòa nhập thành một khối, phải dần dần mới tách biệt ra được, mới phân hóa để hình thành sự cảm nhận vật và người xung quanh, từ đó mà nhận ra chính bản thân mình và định hướng vào môi trường xung quanh. Đây là con đường phát triển khá quan trọng. Để giúp trẻ cảm nhận được dễ dàng, người lớn cần tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu mang tính phát triển không kém phần bức thiết so với nhu cầu gắn bó mẹ - con: đó là nhu cầu tiếp nhận những

* Báo "Khoa học đời sống". Số 28 (1999).

ấn tượng từ thế giới bên ngoài. Nếu nhu cầu gắn bó mẹ - con là động lực chính của sự phát triển đời sống tình cảm, thì nhu cầu tiếp nhận ấn tượng từ thế giới bên ngoài là động lực chính của sự phát triển trí tuệ.

Khởi đầu, nhu cầu tiếp nhận ấn tượng từ thế giới bên ngoài được gắn liền với các phản xạ định hướng và được phát triển tùy theo sự phát triển của các giác quan để sẵn sàng tiếp nhận những ấn tượng bên ngoài. Tháng đầu tiên, trẻ đã có thể nhìn theo các nguồn sáng hay các vật di động, có thể nghe những âm thanh, đặc biệt là giọng người, dần dần trẻ phân biệt được các âm thanh và mùi vị khác nhau. Trẻ nhỏ có lỗ tai khá thính, một tiếng nói bình thường, một lời ru khe khẽ cũng làm cho trẻ chú ý; một tiếng động mạnh, một ngữ điệu gay gắt cũng làm trẻ giật mình sợ hãi.

Một đặc điểm quan trọng nữa của trẻ là thị giác và thính giác phát triển nhanh hơn là các cử động của cơ thể. Điều này phân biệt đứa trẻ với con vật non, vì ở con vật thì cử động được hoàn thiện sớm hơn.

Sự phát triển cơ chế nhìn và nghe cũng như sự hoàn thiện các phản ứng đối với kích thích từ bên ngoài diễn ra qua sự trưởng thành của hệ thần kinh, trước hết là vỏ não, nơi diễn ra cơ chế thiết lập các mối liên hệ giữa trẻ với môi trường xung quanh, tiếp nhận những ấn tượng từ thế giới bên ngoài. Tuy vậy nếu nghĩ rằng sự trưởng thành của bộ não tự nó có thể bảo đảm cho sự phát triển các giác quan thì lại là một điều sai lầm. Sự phát triển này còn do ảnh hưởng của những tác động từ thế giới bên ngoài mà trẻ tiếp nhận được. Hơn thế nữa, nếu không có những tác động đó thì bản thân bộ não cũng không thể phát triển. Nếu

đứa trẻ bị giữ trong tình trạng cô lập về cảm giác, tức là thiếu đi những ấn tượng từ thế giới bên ngoài thì sự phát triển của nó sẽ ra sao? Một số ông bố, bà mẹ chủ trương cho đứa con mới sinh của mình được sống trong một môi trường hoàn toàn yên tĩnh. Họ không để những người xung quanh được trò chuyện hay mang các đồ vật đến bên đứa trẻ, không cho ai tạo ra những tiếng động nào. Họ cho đứa bé nằm trong buồng kín, chắn gió và chắn cả ánh nắng nữa. Vô hình trung họ đã dẫn trẻ tới tình trạng thiếu hụt những tác động của thế giới bên ngoài, thiếu hụt những ấn tượng về màu sắc, hình dáng, âm thanh của sự vật, nghĩa là chẳng có cái gì tác động đến bộ não của trẻ cả. Một khi vỏ não không hoạt động thì tất yếu sẽ dẫn tới tình trạng tê liệt các chức năng, làm đình trệ sự phát triển của nó. Sau đây là một vài dẫn chứng để chúng ta thấy được sự nguy hại đó.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một số trẻ em vô thừa nhận được đem về nuôi ở những cô nhi viện trong một số nước phương Tây do các nhà từ thiện đứng ra trợ giúp. Mặc dầu được ăn uống không thiếu thốn, nhưng trẻ em cứ đau yếu gầy gò, rồi chết dần chết mòn. Số còn lại thì luôn tỏ ra buồn bã, ngớ ngẩn như người mất hồn. Nguyên nhân chính là do trẻ ít được tiếp nhận những ấn tượng từ thế giới bên ngoài. Suốt ngày trẻ chỉ có nằm ngửa, nhìn lên màu trắng lạnh lùng của trần nhà, chỉ nghe thấy tiếng rên rỉ của những bạn nằm bên. Đến giờ ăn, các bà bảo mẫu lặng lẽ xe thức ăn đến từng giường cho trẻ ăn, mặt che kín bằng chiếc khẩu trang, rồi lại lặng lẽ ra đi. Sự nghèo nàn về ấn tượng bên ngoài như vậy đã làm đình trệ sự phát triển đời sống tinh thần của trẻ và còn ảnh hưởng tai hại tới cả thể chất của chúng...

Rõ ràng trẻ đói ấn tượng bên ngoài cũng như đói ăn vậy.

Trẻ em bình thường hầu như lúc thức tỉnh là chúng muốn thu tóm cả thế giới xung quanh vào đôi mắt và đôi tai của mình. Do đó cần phải tạo điều kiện cho trẻ tiếp nhận được ấn tượng từ thế giới bên ngoài một cách phong phú, đặc biệt là qua việc nghe và nhìn. Những dải lụa, những quả bóng nhiều màu sắc, những loại đồ chơi kêu leng keng hay phát ra tiếng nhạc, tiếng chúm chúm của những con vật, những đồ vật nhiều hình nhiều vẻ... những cái đó sẽ làm cho trẻ thơ trở nên hoạt bát, hớn hở và vui vẻ. Mắt và tai như hai cánh cửa quan trọng của tâm hồn trẻ thơ để tiếp nhận những ấn tượng từ thế giới bên ngoài. Chính sự tích lũy những ấn tượng đó là cơ sở để phát triển hoạt động nhận thức và cần thiết phải mở rộng sự tiếp xúc của trẻ với môi trường bên ngoài trong suốt quá trình trẻ lớn lên.

Dạy cho trẻ nghe và nhìn chính là luyện các giác quan của trẻ trở nên tinh nhạy, phát triển được trí thông minh. Tiếc rằng có không ít bà mẹ đã không để ý đến việc này, không những đã làm nghèo đi món ăn tinh thần của trẻ mà nhiều khi còn không phát hiện được kịp thời những khuyết tật về tai và mắt của con mình. Có em bé bị điếc từ lâu mà mẹ không biết. Có cháu suốt ngày bị đặt nằm lệch về một phía đến nỗi méo cả đầu, lác cả mắt mà mẹ cũng chẳng hay. Những sự vô ý đó khiến cho một số trẻ bị mang tật suốt đời.

Nếu chú ý quan sát, ta có thể thấy lúc đến 5, 6 tháng tuổi, trẻ rất thích cầm nắm, sờ mó các đồ vật, và thường là cố trườn người về phía trước để với tới các đồ vật từ xa. Người lớn lúc này cần tạo điều kiện để trẻ tiếp xúc nhiều với đồ chơi, đồ vật, chỉ cho chúng biết từ những vật dụng trong nhà,

tới con gà, con vịt, hay bông hoa ở ngoài sân, trong vườn... Khi cho trẻ tiếp xúc với đồ vật, cần dạy cho trẻ một số động tác đơn giản như cầm, nắm, gõ, đẩy... Những động tác đơn giản này chính là những bậc thang quan trọng để sau này trẻ tiến tới sử dụng các đồ vật như người lớn. Những động tác này kích thích trẻ hoạt động như đập, ném, xé... đồ vật. Chớ vội nghĩ rằng đó là việc nghịch ngợm phá phách, mà chính nhờ đó trẻ tiếp thu được những ấn tượng mới, phát triển trí tò mò, muốn tìm hiểu sự vật xung quanh. Ngược lại nếu trẻ không được tạo điều kiện để vận động hướng tới các đồ vật xung quanh thì những cử động của chúng sẽ quay lại phía bản thân như mút tay, sờ mó các bộ phận cơ thể mình, tạo ra một tình trạng thụ động, mất dần đi nhu cầu tiếp nhận ấn tượng từ thế giới bên ngoài, ảnh hưởng tới sự phát triển của chúng. Chẳng hạn hiện tượng mút tay thường xuyên ở một số trẻ đã gây nên một sự ức chế lâu dài của các phản ứng đối với những kích thích bên ngoài, làm cho đứa trẻ trở nên thụ động, chẳng buồn để ý gì đến xung quanh, rất dễ bị mắc bệnh đần độn. Từ chỗ không được tiếp nhận ấn tượng từ thế giới bên ngoài, nhiều cháu bé chỉ còn biết bám riết lấy mẹ, rời mẹ nửa bước là la hét sợ hãi.

Thế giới xung quanh ta có vô vàn sự vật có thể tác động đến trẻ em, nhưng không thể để cho trẻ tiếp nhận một cách tùy tiện những tác động ấy mà không tính tới sự lợi hại của chúng.

Trong năm đầu tiên, do thần kinh và các giác quan của trẻ còn hết sức non nớt, nên cần tránh cho trẻ nghe những âm thanh hay tiếng động có cường độ quá mạnh, quá thô kệch; tránh cho trẻ phải nhìn vào những đồ vật quá sáng, ánh nắng chói chang, hoặc những màu sắc tối sẫm, tẻ nhạt... Người lớn

cần biết lựa chọn những ấn tượng bên ngoài sao cho vừa phong phú lại vừa đẹp mắt, đẹp tai. Một lời ru êm ái, một khúc nhạc du dương, một bông hoa tươi sắc, một đồ chơi xinh xắn... tất cả đều là những món ăn tinh thần cho trẻ. Sớm tiếp xúc với những âm thanh và màu sắc đẹp, đầu óc trẻ trở nên mềm mại, tinh tế, tinh thần trở nên thoải mái, dễ chịu và trẻ sẽ luôn cười vui với mọi người.

Ngược lại, những lời nói tục tằn thô lỗ, những nét mặt cau có, chỗ ăn ở luộm thuộm bẩn thỉu... sẽ làm cho trẻ khó chịu, hay cáu gắt. Lâu dần, trẻ sẽ bị thích nghi với những cái dở, cái xấu ngay từ tấm bé, và đó là mầm mống của những thói hư tật xấu sau này.

Nhu cầu tiếp nhận ấn tượng từ thế giới bên ngoài là một trong những nhu cầu cơ bản thúc đẩy sự phát triển của trẻ. Tạo ra và tổ chức những hoạt động sao cho tác động của thế giới bên ngoài đến với trẻ một cách tích cực nhất là một trong những nhiệm vụ không thể thiếu được của các bậc cha mẹ, cô nuôi dạy trẻ và tất cả những người lớn quan tâm tới sự phát triển của trẻ. Thỏa mãn nhu cầu này là tạo điều kiện cho trẻ định hướng tốt vào môi trường xung quanh và cũng từ đó mà nhận ra bản thân mình.

Có bao nhiêu điều lạ từ thế giới bên ngoài có thể làm giàu cho tinh thần của em bé.

Xin hãy đừng bao giờ để trẻ phải đói màu sắc, đói âm thanh, đói hương vị...!

"THỎ THỂ NHƯ TRẺ LÊN HAI"

Một sự đúc kết tài tình mang tính khoa học sâu sắc của nhân dân ta về sự phát triển ngôn ngữ ở trẻ em được thể hiện trong câu tục ngữ: "*Thỏ thể như trẻ lên hai*".

Từ tuổi lên hai (tính theo dương lịch), trẻ em bắt đầu bước vào thời kì "phát cảm về ngôn ngữ", tức là phát triển ngôn ngữ rất nhanh nhờ các trung khu ngôn ngữ ở vỏ não, cơ quan tiếp nhận ngôn ngữ (tai) và cơ quan phát âm (dây thanh đới, họng, môi, lưỡi) đã đến thời kì tương đối hoàn thiện. Ở giai đoạn này trẻ rất ham nói: "*Thỏ thể như trẻ lên hai*". Đặc biệt từ cuối tuổi lên hai (20 tháng trở đi) cứ tỉnh là trẻ có thể nói suốt ngày, do đó sự phát triển ngôn ngữ đạt được tốc độ rất nhanh, mà sau này lớn lên, khó có giai đoạn nào sánh bằng.

Có được một tốc độ phát triển ngôn ngữ nhanh như vậy là còn nhờ quá trình hoạt động với đồ vật ngày càng tích cực, sự chú ý tìm hiểu của trẻ đối với các thuộc tính, công dụng của đồ vật ngày càng tăng khiến cho trẻ thấy cần có sự giúp đỡ của người lớn ngày càng nhiều hơn, và phương thức giao tiếp với người lớn cũng dần dần được thay đổi. Sự "hướng dẫn cầm", tức là bằng cử chỉ, nét mặt, nay không còn thích hợp nữa, mà phải thay thế bằng sự hướng dẫn bằng lời

* Trong cuốn "*Điều cần biết về sự phát triển của trẻ thơ*". NXB Sự thật - 1992.

nói. Để chiếm lĩnh đồ vật, đứa trẻ luôn luôn đặt ra những câu hỏi: "Đây là cái gì?", "Làm như thế nào?", và trẻ chỉ có thể tiếp nhận sự giúp đỡ của người lớn khi biết giao tiếp bằng lời nói. Đây chính là động lực chủ yếu kích thích sự phát triển ngôn ngữ của trẻ ở thời kì này. Khi đã渐渐 biết đi một mình, trẻ được tiếp xúc với môi trường xung quanh một cách rộng rãi, được thấy bao nhiêu điều mới lạ khiến cho nó muốn kể lại những điều tai nghe mắt thấy cho những người khác cùng nghe.

"Trẻ lên ba cả nhà học nói". Trẻ đã lôi cuốn cả nhà phải nói theo. Trẻ hỏi, người lớn đáp; người lớn hỏi, trẻ đáp. Những cuộc đối thoại như vậy cứ diễn ra liên tục ngày này qua ngày khác, kéo cả nhà vào cuộc trò chuyện với đủ các loại đề tài phong phú. Nhà có trẻ lên ba thật khó mà giữ được yên tĩnh!

Trẻ hỏi nhiều quá làm cho người lớn đôi khi thấy bực mình, gắt máng chúng một cách oan uổng. Họ nên biết rằng đây là thời cơ để dạy trẻ nói một cách tốt nhất. Bất cứ người lớn nào trong gia đình cũng cần tranh thủ cơ hội này để dạy cho trẻ nói. Có thể dạy nói cho trẻ vào bất cứ lúc nào, kể cả trong lúc ăn cơm. Ở nhà trẻ Brôm-lây Hít (Bromley Heath), một nhà trẻ nổi tiếng ở Mi, người ta đã tiến hành có kết quả một chương trình nuôi dạy trẻ dưới 3 tuổi, trong đó có việc dạy trẻ nói ngay trong bữa ăn. Trước khi vào bữa ăn, người ta dạy trẻ nói những câu chào mời như: "Cháu mời cô ăn cơm" hay "Tôi mời bạn ăn cơm". Trong khi ăn, cô nuôi dạy trẻ giới thiệu với trẻ các món ăn như: "cà-rốt màu đỏ", "đậu cô-ve màu xanh!... và khuyến khích trẻ nhắc lại những câu ấy. Cô chỉ vào một cháu rồi nói: "Rô-be đang ăn", rồi chỉ vào cháu

khác "A-ni-xa cũng đang ăn", và cũng khuyến khích trẻ nhắc lại. Ngay trong bữa ăn cũng có thể dạy trẻ nói những từ khó hơn, ví dụ những từ diễn đạt khái niệm về lượng và thời gian như: "đậu cô-ve nhiều quá", "cà-rốt ít hơn", "ăn đậu trước, ăn cà-rốt sau... Hoặc những từ như: bây giờ!, "hãy đợi", hay "sắp sửa" v.v. đều có thể dạy trẻ ngay trong bữa ăn. Một bữa ăn có sự giao tiếp vui vẻ giữa người lớn và trẻ con như vậy sẽ rất sinh động, làm cho trẻ ăn thêm ngon mà lại học nói một cách thoải mái.

Cũng bằng cách đó, các bà mẹ khi cho con ăn có thể nói cho trẻ nghe và dạy cho trẻ nói.

Việc phát triển ngôn ngữ của trẻ nhỏ diễn ra theo hai con đường: một là hiểu được lời nói của người khác và hai là nói cho người khác hiểu ý của mình.

Về hiểu lời nói của người khác thì lúc đầu trẻ chỉ hiểu lời nói trong chính hoàn cảnh giao tiếp, nghĩa là trẻ chỉ hiểu được lời nói thể hiện sự vật hay hiện tượng nào đó khi chính sự vật hoặc hiện tượng đó đang xảy ra trước mắt. Thí dụ muốn hiểu được từ "ô-tô" thì phải có trước mắt một cái ô-tô hoặc một bức tranh vẽ ô-tô. Muốn hiểu câu "ô-tô chạy" thì phải được thấy cái ô-tô đang chạy. Lúc đó trẻ tìm được mối liên hệ giữa lời nói với sự vật và hiện tượng xung quanh, tức là hiểu được lời nói. Cũng như vậy, trẻ chỉ phản ứng đúng với lời nói của những người xung quanh nếu các từ ngữ được lặp đi lặp lại nhiều lần cùng với những cử chỉ tương ứng. Thí dụ khi người lớn nói: "Bắt tay nào?" thì đồng thời người lớn cũng phải đưa tay ra bắt lấy tay em bé. Làm như vậy, trẻ sẽ nhanh chóng hành động đáp lại lời nói, vì lúc đó trẻ không những chỉ phản ứng với từ ngữ mà đối với toàn bộ tình

huống nói chung, có nghĩa là lời nói phải cộng với hoàn cảnh giao tiếp thì mới tạo thành tín hiệu hành động. Do đó muốn trẻ hiểu được nội dung lời nói của người khác thì cần phải tạo ra tình huống cụ thể.

Càng lớn lên, lúc trẻ đã lên ba, thì tình huống dần dần mất ý nghĩa, vì trẻ đã bắt đầu có thể hiểu các từ ngữ không cần kèm theo tình huống cụ thể. Chính lúc đó, những lời chỉ dẫn của người lớn mới bắt đầu điều khiển được hành vi của trẻ trong những điều kiện khác nhau. Đây là một bước phát triển về chất trong việc hiểu lời nói của người khác.

Thời kì này, trẻ thích lắng nghe người lớn trò chuyện với nhau và cố gắng hiểu những điều người lớn nói. Trẻ cũng bắt đầu thích nghe kể chuyện hay nghe đọc thơ. Những câu chuyện đơn giản về sinh hoạt hàng ngày của trẻ như các câu chuyện về "bé ngoan", "bé hư"... làm trẻ thích thú tưởng như được nghe kể chuyện về mình. Những truyện cổ tích ngắn, truyện đồng thoại có thể làm cho trẻ nhận thấy trong đó có phần nào giống mình. Những câu thơ giàu hình ảnh, nhạc điệu, những bài đồng dao ngộ nghĩnh có đoạn điệp khúc nhắc đi nhắc lại dễ nhớ... khiến trẻ muốn đọc theo và sẽ nhớ rất lâu. Đây chính là thời cơ thuận lợi để trẻ tiếp xúc với ngôn ngữ văn học, đặc biệt là văn học dân gian. Thật may mắn cho những cháu bé được sống tuổi lên ba trong những gia đình có truyền thống về sinh hoạt văn học: được nghe những lời nói mang tính văn chương, làm cho việc học nói thêm thuận lợi và sẽ ảnh hưởng sâu xa đến việc hun đúc nên tâm hồn dân tộc cho mỗi đứa trẻ.

Ngược lại, nếu ở tuổi lên ba mà trẻ không có điều kiện giao tiếp, không được nghe nói cũng như không được nói

chuyện với ai thì không những ngôn ngữ kém phát triển mà cả các mặt khác cũng bị trì ""ệ theo. Đây là một tình trạng khá phổ biến trong nhiều nhóm trẻ hiện nay cần sớm được khắc phục. Ở những nhóm trẻ này, suốt ngày trẻ hầu như câm lặng, thỉnh thoảng lại nghe tiếng khóc thét hoặc tiếng ú ở trẻ nói với nhau. Cô nuôi dạy trẻ, phần thì không quan tâm, phần thì bận quá nhiều việc, từ việc ăn tới việc làm vệ sinh... gây mệt mỏi, chẳng còn thời gian và sức lực để trò chuyện với các cháu, do đó việc dạy cho trẻ nói gần như không thực hiện được. Đó cũng chính là những thiệt thòi của các cháu. Một số công trình nghiên cứu ở nước ta cũng đã cho thấy: vào tuổi học nói, ngôn ngữ của trẻ em gửi ở một số nhà trẻ phát triển kém hẳn so với ngôn ngữ của các cháu được ở nhà với bà, với mẹ. Rõ ràng thiếu sự giao tiếp và sự quan tâm của người lớn thì trẻ sẽ bị chậm phát triển về ngôn ngữ. Mặt khác, nếu người lớn lại quá sốt sắng, đón được ý muốn của trẻ quá nhanh và vội vàng đáp ứng đòi hỏi của trẻ thì trẻ sẽ trở nên lười nói, nếu kéo dài sẽ lại là một tật xấu ảnh hưởng tới sự phát triển ngôn ngữ. Do đó, người lớn cần bắt trẻ phải cố gắng diễn đạt ý muốn của mình cho rõ ràng, sau đó mới đáp ứng yêu cầu của trẻ.

Trong thời kì học nói, ngôn ngữ của trẻ không hoàn toàn giống với ngôn ngữ của người lớn. Trẻ thường hay nói chót, nói ngọng (kẹo thì nói thành "chẹo", thịt thì nói thành "xịt", bánh thì nói thành "bấn"... đôi khi còn nói ra những từ mà người lớn không dùng như con chó thì gọi là "con âu", con lợn thì gọi là "con ụt"... Cách nói này có thể có từ ba nguyên nhân: một là do các bà mẹ và những cô nuôi dạy trẻ thường hay dùng cách nói chả chót, ngọng nghịu, nhại lại

theo kiểu của trẻ để nói với trẻ, cho rằng phải nói kiểu ấy thì trẻ mới chóng hiểu (những từ như "măm măm", "ti ti"... vì thế mà đã lưu truyền qua bao nhiêu thế hệ); hai là do trẻ tạo ra trên cơ sở các cơ quan thực hiện chức năng ngôn ngữ (nghe và nói) của trẻ chưa được thành thục nên trẻ chưa nghe được đầy đủ các âm tố và vì thế cũng chưa phát âm theo được một cách trọn vẹn; ba là do trẻ bị a ra khi chúng đứng trước những sự vật và hiện tượng mới lạ mà chúng chưa biết gọi tên là gì. Hiện tượng này được gọi là "ngôn ngữ tự trị" của trẻ. Loại ngôn ngữ này sẽ nhanh chóng mất đi nếu trẻ được người lớn thường xuyên chỉ bảo, uốn nắn và đòi hỏi chúng phải tập phát âm cho chuẩn.

Có trường hợp hai em bé sinh đôi ở một gia đình nọ, do bố mẹ mãi bận làm ăn nên thường đem nhốt chúng vào một phòng để chúng chơi với nhau. Thế là ngày này qua ngày khác, hai em bé chỉ biết giao tiếp với nhau bằng "ngôn ngữ tự trị". Do đó trong gia đình, từ ông bà đến cha mẹ, anh chị đều cần tranh thủ lúc này để dạy bé nói năng sao cho tốt nhất. Không chỉ dạy phát âm sao cho tròn vành rõ chữ mà dạy cả những lời nói đẹp, biết chào hỏi, biết xin lỗi... Qua đó mà dạy cả cách ứng xử tốt đẹp với mọi người xung quanh.

Một nhà thơ Đa-ghe-xtan đã nói: "khi chết, người cha để lại cho con cái mình nhà cửa, ruộng vườn, thanh gươm và cây đàn Páp-đua. Nhưng một thế hệ mất đi thì để lại cho thế hệ sau tiếng nói. Ai có tiếng nói thì người ấy sẽ xây được nhà, cày được ruộng, đúc được kiếm, lên được dây đàn Páp-đua và gảy được nó" (Gam-dát Xa-đắc).

SỐNG TRONG THẾ GIỚI ĐỒ VẬT*

Cùng với những bước đi chập chững đầu tiên, trẻ phát triển được khả năng định hướng trong không gian ngày một rộng rãi hơn và có được những mối quan hệ chủ động hơn với thế giới bên ngoài, chủ yếu là với thế giới đồ vật. Lúc này, trẻ bắt đầu tự mình trực tiếp tìm đến những đồ vật xung quanh. Đồ vật trở nên những đốm tượng hấp dẫn lạ lùng, kích thích trí tò mò của trẻ, thúc đẩy trẻ hành động để tìm hiểu những đặc tính của chúng.

Vào thời kì này, trẻ thường rất hiếu động: lôi vật này, ném vật kia, đập nát, vò xé lung tung. Người trông trẻ quả thật là vất vả với những trò nghịch ngợm phá phách ấy. Thực ra đây là những hành động giúp trẻ mở rộng tâm mắt, khai sáng trí tuệ, giúp trẻ biết được những đặc điểm, tính năng của từng loại đồ vật xung quanh mình: giấy có thể xé được, cốc rơi xuống sàn thì vỡ, lấy que gõ vào mâm thì nghe tiếng vang, lửa làm bỏng tay... Người lớn cần tạo điều kiện và khuyến khích trẻ hành động với đồ vật thật nhiều trong phạm vi an toàn cho phép.

Quá trình hoạt động tích cực với đồ vật làm nảy sinh ở trẻ mối quan hệ mới đối với thế giới đồ vật. Dần dần, đồ vật

* Trong cuốn "Điều cần biết về sự phát triển của trẻ thơ". NXB Sự thật - 1992.

đối với trẻ không còn là đối tượng để "chơi nghịch, phá phách" như trước nữa, và dường như trẻ đã cảm nhận thấy ở mỗi đồ vật có một công dụng khác nhau mà người lớn thường sử dụng theo một kiểu cách nhất định. Lúc này, trẻ thường hay hỏi: "Cái này để làm gì?", "Làm như thế nào?", "Tại sao?". Sự tìm kiếm, khám phá ngày càng hăng hái hơn và mục đích cũng rõ ràng hơn.

Trong hoạt động với đồ vật, trẻ phát hiện ra từng công dụng của từng loại đồ dùng; thìa để xúc cơm, dao để thái, cốc để uống nước, chìa khóa để mở tủ v.v. Đây là một bước tiến vào thế giới của con người mà không một loài động vật nào có thể có được. Cách đứa trẻ học để biết được công dụng của đồ vật khác về cách cơ bản với kiểu bất chước mà ta có thể thấy ở loài khỉ. Con khỉ có thể uống nước bằng cốc, nhưng đối với nó cái cốc không mang ý nghĩa thường xuyên của một đồ vật dùng để uống nước. Nếu đang cơn khát, nhìn thấy trong cốc có nước là nó cầm để uống, nhưng nó cũng có thể giải khát một cách thành thạo bằng cách đưa miệng uống nước ở trong chậu, xô hoặc nước đọng ở trên sàn nhà, miễn là nước đó làm nó đỡ khát. Nhưng khi không khát, con khỉ có thể dùng cái cốc để ném hoặc gõ xuống sàn. Còn đứa trẻ thì có thể hiểu được rằng mỗi đồ vật có một công dụng mà người lớn đã quy định, và nó đã học sử dụng đồ vật theo kiểu người: cầm thìa để xúc cơm, bê cốc để uống nước...

Một điều rất quan trọng nữa là trong khi làm chủ các hành động đối với đồ vật thì đồng thời trẻ cũng tiếp nhận được những quy tắc của hành vi xã hội gắn liền với đồ vật đó. Cố nhiên có lúc trẻ cũng hành động lung tung như lấy thìa gõ vào mâm hoặc có thể ném cốc xuống sàn, nhưng lập

tức ngay sau đó nó tỏ vẻ bối rối thậm chí sợ hãi vì nó hiểu rằng như vậy là đã vi phạm đến quy tắc đối xử với một đồ vật mà mọi người đều phải tuân theo.

Ở giai đoạn này, trẻ mới chỉ học được cách sử dụng một vài dụng cụ đơn giản như thìa, cốc, xẻng con, bút chì... Tuy vậy những cái đó lại có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển tâm lý, bởi vì chúng mang những đặc điểm chung của mọi loại công cụ: đó là vật trung gian giữa bàn tay và các đồ vật cần tác động tới, và tác động đó diễn ra như thế nào là tùy thuộc vào cấu tạo của công cụ mà con người đã chế tạo ra. Dùng xẻng để xúc cát hoặc dùng thìa để xúc cơm hoàn toàn khác với việc bốc bằng tay không. Việc sử dụng công cụ đòi hỏi sự thay đổi hoàn toàn động tác bàn tay của trẻ và bàn tay phải phục tùng cấu tạo của công cụ. Chẳng hạn như dùng thìa thì sự cấu tạo của thìa đòi hỏi trẻ phải biết cách cầm và nâng lên miệng một cách thẳng bằng, không thì thức ăn hoặc cơm sẽ rơi vãi. Còn nếu bốc thức ăn bằng tay thì động tác lại không cần phải phức tạp như thế. Chỉ khi bàn tay thích nghi hoàn toàn với các thuộc tính của công cụ thì lúc đó động tác sử dụng công cụ mới hoàn thiện. Được tập luyện thường xuyên, trẻ sẽ có khả năng thực hiện cả những động tác phức tạp.

Tất nhiên các bậc cha mẹ cũng không nên quá nôn nóng và vội vàng làm thay con mình khi thấy em bé còn lóng ngóng lúc sử dụng các công cụ. Ở đây, điều quan trọng không phải là sớm có ngay được những động tác thành thục, mà cái chính là qua việc sử dụng công cụ, trẻ nắm được một nguyên tắc cơ bản trong hoạt động của con người: đó là *hoạt động có công cụ*; chính nhờ đó mà con người đã sáng tạo ra cả thế giới.

Một khi nắm được nguyên tắc sử dụng công cụ thì về mặt tâm lí, đứa trẻ đã bước vào thế giới vật dụng của con người, một bước quan trọng trong quá trình "nên người" của trẻ em.

Với công cụ, đứa trẻ thường hành động như những "nhà thực nghiệm". Nó muốn trực tiếp hành động để tự mình khám phá ra những điều bí ẩn trong thế giới đồ vật của người lớn. Có em bé 2 tuổi dùng ống bơ múc nước để đổ vào một đồng cát nhỏ mà em gọi là tưới cây. Chẳng may ống bơ bị thủng một lỗ ở đáy, thế là nước đã rơi vãi dọc đường, chỉ còn vài giọt thôi. Em bé cứ miệt mài làm đi làm lại như thế nhiều lần khác nào "dã tràng xe cát Biển Đông". Nó không hiểu là nước biến đi đâu. Thế rồi một lần tình cờ em lấy tay đỡ vào đáy ống bơ, em thấy nước không bị rơi vãi nữa và ống bơ vẫn đầy nước để tưới cây. Sự phát hiện làm cho em bé càng thêm thích thú: thì ra cứ bít tay vào lỗ thủng thì giữ được nước, còn bỏ tay ra thì nước chảy hết. Em bé đã tự mình tìm ra cách làm hợp lí nhất. Rõ ràng trí khôn của trẻ ở lứa tuổi này nảy sinh từ trong hành động với đồ vật, hãy nói một cách khác, trí khôn đã gắn liền với hành động. Có hành động thì có trí khôn, không hành động thì không có trí khôn.

Nói thì đơn giản, nhưng việc để trẻ nắm được cách sử dụng công cụ không thể nào thành thạo được trong một sớm một chiều. Đôi khi quá trình đó diễn ra một cách khá phiến toái. Trẻ có thể làm sai lệch, làm đổ vỡ hoặc hư hỏng lung tung, thậm chí có khi gây ra những tai nạn nguy hiểm khiến người lớn phải lo ngại, từ đó mà sinh ra cấm đoán trẻ đủ điều. Càng cấm đoán bao nhiêu thì càng làm thui chột đi biết bao khả năng tìm kiếm, khám phá của trẻ, thậm chí ngăn chặn con đường phát triển của trẻ thơ. Thực tế cho thấy

những em bé hiếu động, lúc nào cũng bận rộn, loay hoay với đồ vật thường là những đứa trẻ thông minh. Ngược lại, những em bé ít hoạt động, thờ ơ với những đồ vật xung quanh thì thường là những em bé thụ động, "ruồi đậu không buồn đuổi", và thường rất chậm phát triển.

Càng đi sâu vào thế giới đồ vật của con người, trẻ em càng thấy ham thích và càng hăng hái tìm tòi, khám phá. Ở đây đã nảy sinh ra mâu thuẫn: trẻ thì thích hoạt động với đồ vật, càng nhiều càng tốt, để thỏa chí tò mò và học làm như người lớn, trong khi đó thì những vật dụng của người lớn đâu phải cái gì cũng an toàn, cũng dễ kiếm. Giải quyết mâu thuẫn này một cách chủ động là ở phía người lớn. Trước hết, chúng ta hãy mạnh dạn cho trẻ tiếp xúc với những đồ vật không gây nguy hiểm và dễ kiếm; hãy để cho trẻ hành động tự do với các đồ vật ấy, và người lớn lúc đó chỉ nên đóng vai người hướng dẫn, đôi khi là người "trợ lý" đắc lực của trẻ. Ngoài ra, người lớn cần mang đến cho trẻ những thứ đồ chơi để thay thế cho đồ vật thật. Đồ chơi ra đời chính là để giải quyết mâu thuẫn nói trên. Lúc này đối với trẻ, đồ chơi có ý nghĩa lớn lao trong việc khám phá thế giới, giúp trẻ phát triển cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Lúc này, đồ chơi đối với trẻ chẳng khác nào cây cuốc đối với người nông dân, máy móc đối với người công nhân..., thậm chí nó còn như phòng thí nghiệm đối với nhà khoa học vậy. Cần quan niệm mua sắm đồ chơi cho trẻ cũng như mua sắm cơm ăn, áo mặc cho chúng. Hoàn cảnh kinh tế nước ta còn chưa thật sung túc, chúng ta cũng không cần phải đòi hỏi những thứ đồ chơi đắt tiền, mang tính chất trưng bày để ngắm nghía. Chỉ những đồ chơi nào mà trẻ được hành động tự do, được mày mò sử dụng thì mới mang

lại cho trẻ sự hứng thú và bổ ích thực sự. Đôi khi chỉ cần một cái xe nhỏ làm bằng gỗ mà trẻ có thể lắp vào, tháo ra, hoặc đưa đi đẩy lại theo ý mình, cũng có thể làm trẻ thích thú hơn là đứng yên để ngắm nghía một chiếc ô-tô bóng loáng, màu sắc sặc sỡ nhưng lại để bày trong tủ kính.

Ngoài những đồ chơi thay thế cho đồ vật thật, cần lưu ý tới các loại đồ chơi xếp hình, lắp ráp. Loại đồ chơi này đòi hỏi đứa trẻ phải biết quan sát, chú ý đến hình dạng, đặc tính của đồ chơi, làm sao có thể xếp chúng với nhau theo những tương quan nhất định trong không gian. Chẳng hạn muốn xếp hình tháp thì trẻ phải để ý tới kích thước to nhỏ của những hình khối để làm sao khi chồng lên nhau thì không bị đổ. Những loại đồ chơi này kích thích óc quan sát và sáng kiến của trẻ.

Cũng không nên quên những đồ chơi dân gian mà nhân dân ta đã sáng tạo ra từ đời này qua đời khác: những con giống bày cỗ đêm Trung thu, những con cóc biết nhảy, con chuột biết chạy, mâm cỗ bằng bột giàu màu sắc, vừa đẹp vừa vui mắt. Chơi với loại đồ chơi dân gian cũng chính là cho trẻ tiếp xúc với văn hóa dân tộc, vì mỗi thứ đồ chơi đều là một sản phẩm văn hóa.

Các bậc phụ huynh còn có thể tự tạo cho con mình những thứ đồ chơi làm bằng vật liệu dễ kiếm trong thiên nhiên nước ta như gỗ, tre nứa, rơm rạ, các hạt hạt, vỏ ốc, vỏ hến v.v. Sự hấp dẫn của những loại đồ chơi này cũng hết sức mạnh mẽ với trẻ.

Được sống trong thế giới đồ vật và được hoạt động với sự khuyến khích, hướng dẫn của người lớn là con đường tốt

nhất để trẻ lớn lên. Thế giới đồ vật càng phong phú bao nhiêu thì trẻ càng tích lũy được nhiều biểu tượng đa dạng về thế giới xung quanh bấy nhiêu. Đây cũng là điều cần thiết cho sự phát triển trí tuệ của trẻ.

Tuy nhiên, sống trong thế giới đồ vật, trẻ nhỏ chưa thể hành động một cách hợp lí ngay được, mà hành động của chúng lúc này chủ yếu còn mang tính chất tìm hiểu, khám phá. Nhiều khi trẻ làm chỉ cốt là để xem sự việc sẽ diễn ra như thế nào, chứ chưa cần biết xem hậu quả của nó ra sao. Do đó nhiều em bé đã có những hành động nghịch ngợm một cách rất bản thủ như múc nước cống cho vào bát hoặc rắc cát lên đầu của bạn; phá đồ vật một cách thô bạo và vô ý thức như vật tay chân con búp bê để chơi hoặc cấu nát một bông hoa đẹp chỉ để xem bên trong có cái gì lạ. Ở thành phố, có em bé còn mang máy ảnh của bố tháo rời ra để lấy ảnh ở bên trong...

Chính vì vậy mà người lớn cần hiểu rõ điều này, theo dõi giúp đỡ trẻ chơi, không những tạo điều kiện vật chất cần thiết mà còn cần khuyến khích những hành động tìm kiếm táo bạo, nhằm phát triển trí thông minh của trẻ. Mặt khác, lại phải dạy cho trẻ biết cái gì nên làm, cái gì nên tránh, làm thế nào thì đúng, làm như thế nào là sai.

Đừng lo là trẻ nhỏ không hiểu. Trẻ em của chúng ta rất thông minh, chỉ cần người lớn quan tâm hướng dẫn và có lòng kiên trì là được. Cách tốt nhất là chúng ta nên hướng hoạt động của trẻ đến những đồ vật, đồ chơi hấp dẫn và bổ ích, trẻ sẽ quên đi những việc làm không có lợi hoặc thiếu thẩm mỹ.

Ngoài ra, trong thời hiện đại, thời đại của *điện tử và tin học*, trẻ em lại có cơ hội sử dụng các công cụ hết sức tinh vi: *bấm nút và điều khiển từ xa*.

Cháu bé mới lẫm chẫm biết đi đã có thể bấm nút cho quạt chạy, đèn sáng, ti vi kêu... tiến tới điều khiển từ xa "một cách thành thạo" cho các máy móc tối tân đó hoạt động.

Nếu công cụ thông thường giúp cho cử động bàn tay của trẻ thích ứng với chúng, rồi từ đó biến đổi bộ óc để biết tư duy, thì công cụ hiện đại lại trực tiếp tác động đến bộ óc mà thành trí tuệ thông thái, giúp thế hệ trẻ thích ứng với hoạt động trong kỉ nguyên tin học.

Tuy vậy, cũng không nên lạm dụng những đồ chơi và vật dụng điện tử - các phương tiện giải trí hiện đại như máy thu hình, máy chơi game, máy vi tính... đang ngày càng làm giảm chất lượng và thời lượng ngủ của trẻ em. Đó là kết luận cuộc nghiên cứu mới đây của các nhà khoa học Anh. Nhiều trẻ em sở hữu các thiết bị điện tử nên mỗi đêm ngủ ít hơn cha mẹ chúng hồi nhỏ từ 2 đến 5 giờ làm giảm sức khỏe, trí tuệ ở mức đáng kể. Do đó dụng cụ sinh hoạt thông thường và công cụ thủ công vẫn là thế giới đồ vật thân thiết và bổ ích nhất đối với trẻ.

Loài người đã sáng tạo ra thế giới đồ vật của mình, đến lượt nó, đồ vật lại sáng tạo ra kinh nghiệm và trí thông minh cho thế hệ sau.

Con em chúng ta sẽ hạnh phúc biết bao nhiêu nếu chúng được sống và tự do hành động trong một thế giới đồ vật thật đa dạng và phong phú.

KHỦNG HOẢNG CỦA TUỔI LÊN BA*

Nhiều bà mẹ băn khoăn trước đứa con lên ba trái tính trái nết của mình.

Mới đây thôi, nó ngoan ngoãn là thế, mà sao bây giờ lại đâm ra giở chứng, nói không biết nghe, hay làm ngược lại với ý người lớn, thậm chí càng bảo nó càng ngang ngạnh hơn!

Đây là một hiện tượng khá phổ biến chứ không phải là cá biệt vì đời sống tâm lí của trẻ lên ba có nhiều diễn biến đặc biệt mà các bậc cha mẹ và những người lớn xung quanh cần quan tâm.

Tuổi lên ba đánh dấu sự trưởng thành trong 3 năm đầu tiên của một đời người. Đó là một thời kì hết sức quan trọng, quan trọng tới mức mà một số nhà tâm lí học coi đó thực sự là chặng giữa trên con đường phát triển thành người, kể từ lúc sơ sinh tới lúc trưởng thành.

Trên thực tế, trẻ lên ba đã học được cách sử dụng nhiều đồ vật (sử dụng bát, thìa, bút chì...), biết tự phục vụ (như tự xúc cơm, mặc quần áo, rửa tay...), biết thiết lập quan hệ với người xung quanh, biết giao tiếp bằng ngôn ngữ, biết tuân thủ các quy tắc đạo đức sơ đẳng trong hành vi của mình (như biết chào, biết cảm ơn...). Trẻ không những biết tìm hiểu thế giới xung quanh mà còn học cách ứng xử với mọi người.

* Báo "Khoa học & đời sống". Số 29 (1999).

Tuy nhiên, nếu trước đây quan hệ với người lớn là một chiều - có nghĩa là em bé đòi hỏi người lớn thỏa mãn những yêu cầu của mình; em bé vừa hoàn toàn phụ thuộc vào người lớn lại vừa muốn gì được nấy - thì nay em bé dần dần vấp phải những kỉ cương do người lớn quy định (như ăn, ngủ đúng giờ, đại tiểu tiện phải đúng chỗ...). Chính sự đụng chạm, mâu thuẫn giữa mẹ và con, giữa em bé và người lớn, đã làm cho em bé dần dần ý thức được về mình, hiểu ra mình đã là một con người riêng biệt, có vị trí nhất định giữa những người khác, ý thức được mình là con ai, ở nhà nào, là trai hay là gái...

Đặc điểm quan trọng nhất của thời kì này là trẻ ý thức được về bản thân mình, tách được mình ra khỏi những người xung quanh, tức là nhận biết được "cái tôi", biết mình tồn tại như một thành viên trong xã hội, có ý kiến riêng, có nhu cầu và hứng thú riêng, nghĩa là có một đời sống tâm lí riêng. Cũng chính vì vậy mà giờ đây trẻ không còn thụ động nghe theo người lớn, và người lớn cũng không dễ điều khiển trẻ như trước.

Do ở trẻ đã hình thành một đời sống tâm lí riêng nên việc giáo dục trẻ ở thời kì này mang nhiều tính chất phức tạp hơn, và việc tiếp thu những ảnh hưởng bên ngoài (kể cả sự giáo dục của người lớn) cũng phụ thuộc vào đời sống tâm lí riêng của từng đứa trẻ. Trẻ chỉ tiếp thu những ảnh hưởng giáo dục nào đáp ứng được nhu cầu, hứng thú đã được hình thành ở nó. Do đó, không ít trường hợp đã xảy ra mâu thuẫn giữa yêu cầu giáo dục của người lớn với nhu cầu riêng của trẻ.

Ý thức về bản thân là nguồn gốc của ý muốn và hành động riêng của trẻ nhằm phân biệt mình với người khác.

Hiện tượng này xuất hiện ở trẻ lên ba cũng chính là kết quả của sự trưởng thành qua gần 3 năm đầu tiên của cuộc đời.

Do hoạt động với đồ vật ngày càng phong phú, đa dạng, do sự giao tiếp với xung quanh ngày càng được mở rộng, trẻ khôn lớn hẳn lên, tự cảm thấy sức mạnh và khả năng của chính mình.

Đồng thời với việc xuất hiện ý thức về bản thân thì cũng xuất hiện những nhu cầu mới của trẻ đối với người lớn. Trẻ bắt đầu tự so sánh với người lớn, muốn giống người lớn, muốn tự chủ trong các công việc không cần sự can thiệp của người lớn. Đó chính là nhu cầu muốn tự khẳng định mình trong thế giới xung quanh. Ở trẻ lên ba, nhu cầu này phát triển rất mạnh, thậm chí còn lấn át cả một số nhu cầu khác. Có em bé rất muốn được đi chơi phố với mẹ. Đến chủ nhật, nó nóng lòng muốn được đi ngay, nhưng lại muốn tự mặc lấy quần áo, tự đi dép mà không phải nhờ đến mẹ, cho dù nó làm các việc đó một cách khá lúng túng và chậm chạp. Ta thường nghe trẻ lên ba nói: "Con tự xúc cơm", "Con tự mặc áo", "Con tự đi chơi" v.v. Đó là những biểu hiện của tính độc lập, còn pha lẫn tính tự kỉ tính tự kỉ (ego-centrisme), tức là lấy mình làm trung tâm. Đây là dấu hiệu đáng mừng của sự khôn lớn, nhưng cũng chính vì thế mà trẻ trở nên *bướng bỉnh*. Nó không còn ngoan ngoãn làm theo ý người lớn, thậm chí còn làm cả những việc mà người lớn cấm đoán để chứng tỏ tính độc lập của mình. Tính bướng bỉnh đã xuất hiện từ lúc trẻ lên hai, nhưng giờ đây nó lại được tăng lên gấp đôi ba lần và mang nhiều hình thức mới. Nếu trước đây chỉ thỉnh thoảng trẻ mới làm trái ý người lớn, thì ở tuổi lên ba, nó thường xuyên làm ngược lời người lớn bảo, không những thế nó còn làm trái với ý của chính nó. Nó cảm thấy khó khăn khi phải có một quyết định, nhưng khi có quyết định rồi nó lại thay đổi ý

kiến. Nó xử sự gần giống như một người tự cảm thấy bị bắt nạt mặc dù chẳng có ai bắt nạt nó cả. Trẻ rất dễ nổi giận khi thấy có ai xen vào “công việc” của mình. Nó chỉ muốn tự mình quyết định hết thảy, chống lại mọi sức ép từ bên ngoài, và tất nhiên nó sẽ rất bực bội nếu bố mẹ tỏ ra quá độc đoán. Có cháu còn muốn “chỉ huy” người khác phải làm theo mình.

Vừa muốn độc lập, muốn làm như người lớn, nhưng lại cự tuyệt không muốn ai bảo ban, vì thế ở trẻ thường xuất hiện cái mà người ta thường gọi là sự khủng hoảng của tuổi lên ba. Trong thời kì này, trẻ thường tỏ ra hết sức bướng bỉnh. Có cháu trai chơi nghịch bẩn tay, mẹ bảo đi rửa cho sạch thì nó lại càng nghịch cho bẩn hơn. Như bị trêu tức, bà mẹ bế nó ra vòi nước để rửa tay và thế là nó lăn ra gào thét, đòi chùi tay xuống đất cho bẩn thêm để rồi sau đó tự mình lại đi rửa tay. Có cháu khi cho xem bút chì màu xanh thì lại khăng khăng nói là màu đỏ, mặc dù cháu biết đấy là màu xanh.

Hiện tượng khủng hoảng còn biểu hiện ở một số mặt khác như: không chỉ đòi làm theo ý mình mà còn muốn mình có thẩm quyền với các đồ vật xung quanh, từ đấy mà phát triển tính ích kỉ, cái gì cũng muốn là của mình. Có cháu giằng đồ chơi của bạn, hoặc đòi cả những thứ của khách đến nhà làm nhiều ông bố, bà mẹ phải xấu hổ.

Trước hiện tượng khủng hoảng của tuổi lên ba, người lớn lại có những cách xử sự rất khác nhau. Có người thiên về cấm đoán mỗi khi thấy trẻ tự động làm một việc gì khác thường, thậm chí còn đe dọa khi thấy chúng đang tìm hiểu một đồ vật nào đó. Giáo dục theo lối cấm đoán sẽ mang lại những hậu quả tai hại: trẻ có thể vì sợ mà không dám làm gì

cả, dần dần trở nên thụ động, nhút nhát, chậm chạp; một số khác, do có tính hiếu động, thì lại tìm cách làm vụng trộm, dấu diếm để tránh bị mắng, từ đó mà phát sinh ra tính gian lận, tặc nôi dối, luôn tìm cách đối phó người lớn.

Ngược lại với lối giáo dục cấm đoán, nhiều bậc cha mẹ lại quá nuông chiều con cái. Trẻ thích gì được nấy, cả nhà coi nó như "ông vua con", và mọi người phải phục dịch cho nó. Những trẻ như thế thường rất bướng bỉnh và ích kỉ, không vâng lời người lớn. Tính ích kỉ và những hành vi thô bạo lại phát triển. Trong những trường hợp nhất định cũng cần nói "không" với trẻ.

Có người lớn lại muốn làm thay cho trẻ trong mọi việc, chăm sóc một cách quá đáng vì nghĩ rằng trẻ thích như vậy. Thực ra trẻ lên ba không muốn được đối xử như thế. Có thể dễ dàng nhận thấy trẻ lên ba đặc biệt tỏ ra bướng bỉnh với những người quan tâm đến nó một cách quá đáng, không để cho nó được tự do làm bất cứ việc gì. Tất nhiên, số trẻ nào thích nghi với lối ị chiều chuộng ấy sau này chỉ có thể trở thành những "cậu ấm cô chiêu", lớn lên thành những con người ỷ lại, vụng về.

Để giúp trẻ vượt qua thời kì khủng hoảng này cần có phương pháp giáo dục đúng đắn. Trước hết, người lớn cần kịp thời nhận ra những nhu cầu mới của trẻ (muốn có hình thức hoạt động mới, những mối quan hệ mới mang tính độc lập hơn) và cần nhận ra những khả năng mới của trẻ, từ đó mà tạo điều kiện để cho trẻ tự thực hiện lấy những việc vừa với sức (tự xúc cơm, tự mặc áo...) và làm một số việc đơn giản giúp bố mẹ. Mặt khác, những người lớn trong gia đình cũng chớ nên tỏ ra quá chú ý đến sự có mặt của em bé và không xử

sự để nó cảm thấy mình được cả nhà ưu tiên, ưu đãi, mình là "trung tâm của cả nhà".

Trẻ lên ba cần được tạo điều kiện để được chơi thoải mái với đồ chơi của mình. Người lớn cần cho trẻ dạo chơi ngoài trời cho nó tha hồ ngắm nghía cảnh vật, chạy nhảy tung tăng. Trẻ rất thích nghe kể chuyện vui hoặc những câu chuyện có liên hệ nhẹ nhàng đến tính tình của lứa tuổi ấy. Qua đó người kể có thể giáo dục cho trẻ biết những điều hay, lẽ phải. Tránh tạo ra bầu không khí căng thẳng gây cho trẻ sự bực bội không cần thiết.

Hiện tượng khủng hoảng của tuổi lên ba cần được giải quyết bằng phương pháp giáo dục đúng đắn, nếu không nó có thể kéo dài suốt thời kì ấu thơ và để lại dấu ấn nặng nề sau này, đồng thời có thể làm xuất hiện những cơn khủng hoảng tâm thần khác, nhất là vào thời kì thiếu niên (12 -13 tuổi).

Mặt khác, cần thấy rằng sự khủng hoảng của tuổi lên ba là một hiện tượng tạm thời, có tính chất chuyển tiếp. Chỉ cần người lớn kịp thời nhận thấy khả năng hành động độc lập của trẻ để tạo điều kiện thuận lợi, tổ chức cho trẻ những trò chơi bổ ích và lí thú, đặc biệt là trò chơi đóng vai giúp cho trẻ thoả mãn nguyện vọng được giống người lớn.

Bước phát triển này của trẻ gắn liền với việc ý thức về bản thân. Đây là một bước quan trọng trong sự phát triển tâm lí, tạo tiền đề cho sự hình thành nhân cách của trẻ ở giai đoạn tiếp theo.

"XÃ HỘI TRẺ EM"

1. Sự hình thành "XÃ HỘI TRẺ EM"

Từ chơi một mình, chơi cạnh nhau đến chơi cùng nhau là một bước phát triển về chất của trẻ. Biết chơi với bạn bè là một hiện tượng thường xuất hiện ở trẻ lên ba, khi em bé biết tách mình ra khỏi thế giới đồ vật và những người xung quanh để nhận ra mình. Từ chỗ chỉ thích tìm đến những đồ vật để chơi nghịch và "khám phá", em bé bắt đầu quan tâm đến người khác, muốn tham gia vào những mối quan hệ với những người khác để tìm hiểu đời sống xã hội quanh mình. Nếu trước đây em bé chỉ lúi húi chơi một mình, nhiều khi cũng có bạn chơi bên cạnh nhưng chẳng để ý đến, có chăng là để tranh mấy cái đồ chơi hay để bắt chước nhau làm những hành động nào đấy. Nay lại thấy cần có bạn để *chơi với nhau* hết trò này đến trò khác, để cùng nhau bắt chước những công việc của người lớn mà các cháu nhìn thấy xung quanh. Thế là hình thành một kiểu trò chơi đặc biệt, đó là trò chơi *đóng vai theo chủ đề* - một loại trò chơi mô phỏng xã hội người lớn, như mẹ ru con, bác sĩ khám bệnh cho người

* Trong cuốn "Giáo dục trẻ mẫu giáo trong nhóm bạn bè". NXB Giáo dục - 1987.

ốm, công an giữ trật tự trên đường phố... Muốn thực hiện kiểu trò chơi này nhất thiết phải có nhiều người cùng chơi để đóng được nhiều vai và càng đông người trò chơi càng rôm rả, hấp dẫn. Vào tuổi mẫu giáo, em bé thường hay quan tâm tìm hiểu người lớn xung quanh để xem họ là ai, làm gì và quan hệ với người khác như thế nào để phản ánh vào trong trò chơi.

Ngay từ lúc mới sinh trẻ đã có mối quan hệ với người lớn gần gũi xung quanh, đến nay ngoài mối quan hệ đó, các cháu còn có thêm mối quan hệ với bạn bè cùng lứa. Đây là một dạng quan hệ xã hội khá đặc biệt, độc lập với người lớn và mang tính chất tự nguyện. Từ đó các nhóm bạn bè lần lượt xuất hiện - xã hội trẻ em được hình thành. Chính trong cái "xã hội trẻ em", trong mối quan hệ bạn bè cùng lứa đó, em bé sống thực sự cởi mở, bộc lộ hết mình và cũng dễ khẳng định bản thân, ý thức bản ngã cứ theo năm tháng mà phát triển và nhân cách trẻ em dần dần được hình thành cùng với sự hình thành cái "xã hội trẻ em" này.

Sự hình thành "xã hội trẻ em" là một sự kiện quan trọng được các nhà giáo dục quan tâm đến. Đây chính là nơi mối quan hệ xã hội của trẻ thực sự được thiết lập, trong đó đứa trẻ với tư cách là một chủ thể có ý thức (khác với trước đây em bé chỉ là một bộ phận trong mối quan hệ trẻ em - người lớn mà em bé chưa biết mình là ai).

"Xã hội trẻ em" có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của các cháu nhỏ. Ở đây em bé vừa là sản phẩm vừa là người tạo ra những mối quan hệ xã hội; em bé vừa là người được "tạo ra" bởi những em bé khác vừa tác động đến chúng cả về tính nết cả về khả năng.

Tuy quan trọng như vậy, nhưng trên thực tế nhiều người lớn chúng ta còn ít quan tâm đến những mối quan hệ bạn bè trong nhóm trẻ. Có người cho là trẻ nhỏ cần gì phải có bạn bè, tự nó cũng lớn lên được. Họ nghĩ rằng chỉ cần mua sắm cho con nhiều đồ chơi, thức ăn vật dụng đầy đủ là được rồi. Họ yên tâm với cảnh con cái chỉ biết chơi đơn độc một mình và cho rằng như vậy sẽ đỡ phiền phức. Có một gia đình trí thức nọ chỉ có một cậu con trai, họ chủ trương nuôi dạy cậu bé thật chu đáo. Họ mua sắm thật đầy đủ mọi thứ cần thiết, lại còn mời thầy dạy đàn riêng cho con. Cậu bé suốt ngày tập đàn, lúc nào mệt thì ra chơi với một con chó cảnh và rất nhiều lần cậu bé đứng bần thần ở cửa sổ nhìn ra ngoài thấy bọn trẻ chơi đùa với nhau mà thêm khát được chơi với chúng. Cứ như vậy ngày này qua ngày khác em bé lớn lên, tiếng đàn ngày càng điêu luyện, nhưng khi tiếp xúc với xã hội bên ngoài thì rất ngờ nghệch. Do vậy tiếng đàn điêu luyện kia chẳng qua cũng chỉ là những trò chơi kỹ thuật, thiếu hẳn đi cái hồn người bắt nguồn từ cuộc sống xã hội đa dạng mà trước hết là sức sống của nhóm bạn bè. Lại có không ít người cho rằng trẻ chơi với bạn bè là đương nhiên, muốn chơi với ai, chơi như thế nào cũng được, họ "thả nổi", chẳng có gì đáng phải bận tâm, thậm chí khi bố mẹ bận việc thì lại xua con đi chơi lang thang từ đầu đường đến cuối chợ. Thế là những nhóm bạn bè được hình thành một cách tự phát, mang trong đó biết bao mối quan hệ lung tung với những thói hư tật xấu mà trẻ nhiễm phải, rất khó sửa sau này. Dù chỉ là "xã hội trẻ em" nhưng ngay từ đầu người lớn cần quan tâm hướng dẫn sao cho các mối quan hệ trong đó được hình thành một cách lành mạnh, ví đó là một trong những cơ sở xã hội đầu tiên của đứa trẻ.

Đối với trẻ, được chơi trong nhóm bạn bè không chỉ là một nhu cầu bức thiết mà còn là một niềm vui đặc biệt mà không gì có thể thay thế nổi. Trẻ nhỏ thường quẩn quít bên cha mẹ nhưng lại thèm khát được chơi với bạn bè, thiếu chúng đứa trẻ sẽ thiếu đi những niềm vui hồn nhiên, thể xác tuy có lớn lên nhưng tinh thần thì buồn rầu khô héo.

2. Cấu trúc của "XÃ HỘI TRẺ EM"

Thực chất của cái "*xã hội trẻ em*" ấy là gì? Cấu trúc của nó ra sao? Xin đừng đơn giản tặc lưỡi mà nhận xét: "Bọn trẻ nhóc ấy mà! có gì là quan trọng". Thực tế cho thấy ảnh hưởng to lớn của "*xã hội trẻ em*" đối với cuộc sống của mỗi đứa trẻ, nên chúng ta không thể bỏ qua mà cần có nhiệm vụ nghiên cứu nó để giúp cho cái xã hội ấy được phát triển một cách thuận lợi.

Bằng sự phối hợp hành động với nhau trong những trò chơi, mà đặc biệt là trò chơi đóng vai theo chủ đề, một xã hội trẻ em được hình thành rất tự nhiên. Có thể nói rằng, trò chơi chẳng khác nào một phép màu kì diệu có khả năng dính kết trẻ em lại với nhau. Rõ ràng *trò chơi vừa là điểm xuất phát vừa là nội dung chủ yếu để tập hợp trẻ thành một xã hội đặc biệt - "xã hội trẻ em"*

Cũng như những nhóm xã hội khác, nhóm trẻ thường bao gồm vài ba cháu trở lên và các thành viên trong đó đều có những mối quan hệ tác động qua lại với nhau. Những mối quan hệ đó được chia thành hai loại: quan hệ thực và quan hệ chơi. *Quan hệ thực* là quan hệ giữa những trẻ em có thực trong nhóm, ở đó đứa trẻ biết mình là ai, đang chơi với ai, xử sự với nhau như thế nào... Còn *quan hệ chơi* là quan hệ giữa

những vai mà trẻ nhập vào trong trò chơi, ở đó chúng xử sự với nhau theo các vai mà mình đảm nhiệm, tạo nên những mối quan hệ đặc biệt, mô phỏng những mối quan hệ giữa người với người trong xã hội. Đây là những mối quan hệ xuất hiện trong hoàn cảnh chơi do trẻ tưởng tượng ra, giúp chúng trải nghiệm được cách nghĩ, cách cảm, đặc biệt là cách ứng xử của các nhân vật trong xã hội, qua đó mà hiểu được đời sống của người lớn và chức năng xã hội của họ. Nhờ đó trẻ dần dần định hướng được vào những giá trị xã hội và điều chỉnh hành vi của mình khi giao tiếp với những người xung quanh.

Trong những nhóm bạn bè, mỗi đứa trẻ đều có một vị trí nhất định. Vị trí này thể hiện trước hết ở cách đối xử của các thành viên trong nhóm đối với nó. Trong quá trình chơi với nhau, vị trí của trẻ trong nhóm được xác định rõ rệt. Có trẻ được các bạn yêu mến hay vị nể mà nổi bật lên, được gọi là *phần tử trung tâm*, ngược lại có trẻ không được các bạn quan tâm, ít ai muốn chơi với, được gọi là *phần tử cô đơn*.

Phần tử trung tâm thường trở thành "*thủ lĩnh*" của nhóm, đó là những cháu có nhiều sáng kiến, hay đề xướng những trò chơi mới hoặc khoẻ mạnh, khéo léo, lắm tài vật và đặc biệt là có tài "chỉ huy", được các bạn tín nhiệm hay nể sợ. "Thủ lĩnh" có tác động đáng kể đối với các thành viên trong nhóm. Nếu "thủ lĩnh" có nhiều đức tính tốt đẹp thì nhóm chơi sẽ hoà thuận và các thành viên học được những điều hay. Ngược lại, nếu "thủ lĩnh" lại là một đứa trẻ xấu tính thì nhiều cuộc chơi sẽ không yên và thường xuất hiện những trận ẩu đả.

Tuy nhóm bạn bè của trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo thường không bền vững, hợp rồi tan, tan rồi hợp, lại được hình thành

một cách ngẫu nhiên, lí do mà các cháu thích bạn này hay không thích bạn kia nhiều khi rất vu vơ, không xác đáng, nên rất cần được sự hướng dẫn của người lớn để điều chỉnh những mối quan hệ trong đó, kể cả vai trò của "thủ lĩnh" sao cho thật tốt đẹp. Đừng để mối quan hệ giữa trẻ em trong nhóm xấu đi và cũng nên luân phiên vai trò "thủ lĩnh" tập cho nhiều trẻ được đảm nhiệm, nhất là những em bé còn nhút nhát, thụ động. Bởi những mối quan hệ trong "*xã hội trẻ em*" ảnh hưởng không nhỏ đến những phẩm chất nhân cách đang được hình thành ở lứa tuổi này.

3. Lớn lên trong nhóm bạn bè

Nhóm bạn bè là môi trường thuận lợi cho "cái tôi" của trẻ sinh ra và lớn lên. Trong khi chơi, em bé bắt đầu để ý đến bạn mình, nhận xét về các bạn để rồi tự đối chiếu với bản thân mà hiểu mình hơn. K. Mác đã từng nói: "Người ta lúc đầu phải nhìn vào người khác mới soi thấy hình bóng mình và nhận ra được mình". Do đó ý thức về bản thân hay là "cái tôi" chỉ có thể xuất hiện khi giao tiếp với nhiều người khác. Rõ ràng việc soi mình vào bạn bè để nhận ra mình, hiểu mình đối với trẻ được diễn ra một cách thường xuyên và thuận lợi trong "*xã hội trẻ em*". Nghe trẻ mẫu giáo nói về nhóm bạn của mình, chúng ta dễ dàng nhận thấy trẻ đã biết nhận xét về nhau, nào là bạn này ngoan, bạn kia chưa ngoan, theo ý riêng của chúng. Và như một lẽ tự nhiên, các cháu muốn bắt chước những hành vi nào của bạn mà mình thích. Nhân dân ta có câu: "Học thầy không tày học bạn", điều này cũng rất đúng ngay cả với trẻ em còn ở tuổi mẫu giáo.

Nhóm bạn bè dường như có một ma lực kì diệu có thể biến đổi đứa trẻ thành khác thường như: Có thể làm tăng lên sức mạnh của trẻ nhỏ, có cháu lúc ở bên cha mẹ thì tỏ ra yếu đuối không mang nổi một vật nhẹ như một chiếc gói bông, thế nhưng trong khi chơi với bạn bè lại có thể khuân những vật nặng như chiếc ghế gỗ để làm tàu hoả; có thể biến đứa trẻ hư thành ngoan, do muốn được các bạn yêu mến, cho chơi cùng mà đứa trẻ phải thay đổi tính tình. Nhiều khi lại có thể như một phương thuốc chữa bệnh hiệu nghiệm, như chữa bệnh biếng ăn (một căn bệnh khá phổ biến ở trẻ nhỏ), khi có đồng bạn cùng ăn, chúng thi nhau ăn một cách ngon lành như "tầm ăn xối", còn khi ăn cùng cha mẹ thì lại không muốn ăn.

Giao tiếp trong nhóm bạn bè giúp cho ngôn ngữ của trẻ được phát triển nhanh hơn. Hễ gặp nhau là trẻ muốn trò chuyện với nhau hoặc thông báo cho nhau biết về một sự kiện nào đó vừa mới xảy ra hoặc bàn bạc với nhau để chọn trò chơi, hoặc thoả thuận với nhau về phân vai, nói cho nhau rõ về cách chơi để cùng phối hợp hành động. Chính việc phát triển ngôn ngữ đó đã giúp cho việc hình thành ở trẻ những đặc điểm tâm lí mang tính xã hội cao.

Được vui chơi trong nhóm bạn bè trí thông minh của trẻ phát triển mạnh. Nhờ hoạt động cùng nhau trẻ học được ở nhau nhiều điều mới mẻ, kinh nghiệm sống của chúng được nhân lên nhanh chóng. Hơn nữa, trong nhóm bạn, trẻ thường xuyên bàn bạc với nhau để giải quyết các tình huống xảy ra trong khi chơi, sáng kiến của cháu này được cháu khác chấp nhận và bổ sung thêm. Một sự "tiếp sức suy nghĩ" như thế vừa giúp cho trò chơi thành công vừa nâng cao năng lực trí tuệ của trẻ.

Nhóm bạn bè cũng là nơi thuận lợi cho sự phát triển tình cảm của trẻ nhỏ. Chơi với bạn, trẻ có dịp thông cảm với niềm vui nỗi buồn của nhau, an ủi nhau, nhờ đó năng lực đồng cảm (cơ sở của lòng nhân ái) có dịp phát triển mạnh. Những tình cảm bậc cao như tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ, tình cảm trí tuệ đều được nhân lên khi trẻ cùng nhau vui chơi trong nhóm bạn bè.

Nhóm bạn bè cũng là nơi giúp trẻ rèn luyện ý chí. Khi chơi cùng bạn bè bản thân mỗi đứa trẻ không những phải tự điều chỉnh hành vi cho phù hợp với trò chơi và bạn chơi mà còn phải cố gắng thực hiện tốt những điều đã thoả thuận trong nhóm. Những trò chơi "Ai mạnh hơn?", "Ai nhanh hơn?", "Ai khéo hơn?"... đều là tác nhân kích thích sự nỗ lực ý chí của trẻ trong không khí thi đua với bạn bè.

Tại sao nhóm bạn bè lại có những ảnh hưởng mạnh đến như vậy? Thứ nhất, đó là do sự cuốn hút của trò chơi - là nguyên cơ để trẻ tập hợp lại thành nhóm. Trong khi chơi với nhóm bạn bè đứa trẻ được sống thực sự với tất cả tính hồn nhiên của tuổi thơ. Thứ hai là do tính "lây lan - một đặc tính của bất cứ nhóm xã hội nào - Một hiện tượng tâm lí ở một người nào đó cũng rất dễ lây lan từ người này sang người khác mà lan rộng đến cả đám đông. Đặc biệt trong nhóm trẻ, khi mà tính bất chước của chúng còn rất "sắc bén" thì sự lây lan đó càng dễ dàng. Nếu là sự lây lan của những tính tốt thì người lớn cần kịp thời động viên, nhưng là của tính xấu lại phải kịp thời phát hiện và ngăn chặn.

Có một hiện tượng thường xuất hiện trong nhóm bạn bè, được các nhà tâm lí học gọi là tính thích nghi. Đó là hiện

tượng các cháu thường nghe nhau, sẵn sàng hòa theo ý kiến của người khác, cho dù ý kiến đó khác với suy nghĩ và ấn tượng của mình. Nhiều thực nghiệm cho thấy hiện tượng này có ở trẻ 4 - 5 tuổi, chúng thường a dua nhau khi phát biểu ý kiến về một sự việc nào đó. Chẳng hạn có lần trong khi xem màu nước ở các lọ do cô pha chế, cô chỉ vào lọ nước màu xanh, hỏi: "Đây là màu gì?" một cháu nhanh nhẩu buột miệng nói: "Màu đỏ ạ!", thế là cả lớp đồng thanh: "Màu đỏ ạ?". Do đó những lời đồng thanh "không ạ!" hay "có ạ!" của các cháu ở lớp thường vô nghĩa, vì những lời đồng thanh đó nhiều khi không phù hợp với từng đứa trẻ. Có cháu vừa mới trả lời ở lớp: "có ạ?" khi cô hỏi: "Về nhà các cháu có ngoan không?" thế mà vừa ra khỏi lớp được mẹ đón đã vội vùi vỉnh hết cái này đến cái nọ! Tính thích nghi là một hiện tượng thường thấy ở trẻ nhỏ, lớn lên sẽ hết đi, nhưng nếu không quan tâm giúp trẻ khắc phục, lâu dần sẽ thành tính a dua, ỷ lại mà đó là một nét tính cách không mong muốn đối với mỗi người khi trưởng thành.

*

* * *

Có thể khẳng định rằng, "Xã hội trẻ em" là môi trường không thể thiếu được giúp trẻ lớn lên. Bên cạnh sự chăm sóc tỉ mỉ đời sống tinh thần và thể chất cho mỗi đứa trẻ, người lớn cần quan tâm đến các nhóm bạn bè của các cháu, giúp cho cái "xã hội trẻ em" đó được hình thành một cách lành mạnh, vì đó là môi trường có ý nghĩa giáo dục đặc biệt đối với trẻ thơ.

BÉ MÈO VÀ BÉ NGƯỜI*

(Hiểu lòng con trẻ qua một bài thơ của Trần Đăng Khoa)

Có lần Trần Đăng Khoa hỏi tôi: "Cô có biết ý em định nói gì trong bài *Đánh tam cúc* không?"

Đánh tam cúc, một bài thơ của Trần Đăng Khoa viết lúc lên chín về một sự kiện khá lí thú. Đó là việc bé Giang, bốn tuổi (em gái của Trần Đăng Khoa) đánh tam cúc với con mèo khoang khi cả nhà đi vắng.

Nghe Khoa hỏi, tôi nhớ lại lời bình của nhà thơ Xuân Diệu về bài thơ ấy đã in trong cuốn *Và cây đời mãi mãi xanh tươi* của ông.

Trong lời bình của mình, nhà thơ Xuân Diệu đã khen bé Giang là biết nhường nhịn cho bé Mèo thắng cuộc ngay từ trận đầu:

Quân này mày được

Quân này tao chui

Được thắng trận bé Mèo rất khoái chí:

Mèo ta phồng mũi

Ngoao ngoao một hồi

Nhưng đến trận sau thì tình thế xoay chuyển:

Quân này mày chui

Quân này tao được

* Báo Văn nghệ. Số 22 - 29/5/1982.

Bé Giang được cuộc thi:

Mèo bông dỏng tai

Mắt xanh như nước

Bé Mèo thật là không biết điều. Ván trước nó được rồi thì đến ván sau bé Giang phải được mới công bằng chứ, thế mà nó lại ngạo nhiên và tỏ vẻ không bằng lòng. Tình thế thật gay go, lúc này bé Giang lại nhường nốt cho nó thắng thêm một ván nữa:

À thôi mày được

Bé Giang dõ dành

Cử chỉ tốt đẹp này của bé Giang thật là đáng khen, nhưng bé Mèo được cuộc rồi trở nên ngạo mạn:

Mèo thè lưỡi đỏ

Liếm vào răng nanh

Nhà thơ Xuân Diệu cho rằng: "Sở dĩ bé Giang biết nhường nhịn bạn trong khi chơi là vì bé Giang là một bé Người. Cái tình người ở bé Giang thật là cao đẹp. Đó cũng là tình người của nhà thơ trẻ con Trần Đăng Khoa".

Lời bình đó của nhà thơ Xuân Diệu thật là ý nhị, nhưng lạ thay, nó vẫn chưa thật trúng ý của tác giả bài thơ. Đành rằng người bình thơ có thể phát hiện thêm những ý nghĩa của một bài thơ mà nhiều khi tác giả của nó chưa hề nghĩ đến. Đó cũng là tài năng của người bình thơ.

Khoa tâm sự: "Em rất thương những em bé mới lên bốn, lên năm như bé Giang mà mỗi khi bố mẹ, anh chị đi vắng cả lại không có bạn bè phải lủi thủi ở nhà một mình, chẳng có ai chơi với, thật là tội nghiệp!".

Chính trong cảnh cô đơn ấy, bé Giang đã phải rủ rê con mèo khoang của nhà ra đánh tam cúc với mình:

Bố vào lò gạch
Mẹ ra đồng cày
Anh đi công tác
Chị săn máy bay
Cả nhà vắng hết
Chỉ còn bé Giang
Bé đánh tam cúc
Với con mèo khoang...

Nhưng chơi với mèo đâu phải là dễ, nó luôn luôn bắt nạt mình. Lúc nó thắng thì được, còn lúc bị thua thì nó không chịu, nó lại trợn tròn mắt xanh ra để dọa và còn có nguy cơ nữa là nó có thể bỏ cuộc. Cho nên bé Giang đành phải làm lành, nịnh nó một lần nữa, cho nó thắng trận cả hai lần. Thôi thì mình đành chịu thua trận vậy, còn hơn là phải chơi một mình, phải chịu cô đơn.

Tôi liên tưởng đến tâm trạng buồn nhớ của em Cẩm Thơ trong bài *Một mình*:

Phải ở nhà một mình với nhớ...
Em chỉ sợ ba má đi lâu
Cái cửa rộng rênh
Cái nhà cũng vắng

Ngay như Cẩm Thơ khi đã lên chín, lên mười rồi mà vẫn sợ ở nhà một mình nữa là nói chi đến bé Giang mới lên bốn.

Ai có thấu nỗi buồn khi em bé phải ở nhà một mình? Nhất là khi muốn chơi lại không biết chơi với ai. Ở cái tuổi lên bốn, lên năm như bé Giang, chơi là phải có bạn để đóng vai này, vai nọ, chơi là phải có nhiều người mới vui, mới thành trò chơi.

Bởi vì trong trò chơi mình rất cần cho người khác mà người khác cũng rất cần cho mình. Có nhiều người cùng chơi sẽ dễ bắt chước người lớn, họ đang làm gì và mô phỏng lại những mối quan hệ giữa họ với nhau, rồi lại được đắm mình vào trong những mối quan hệ ấy mà trải nghiệm, mà rung động. Đó chính là một nhu cầu bức thiết của trẻ nhỏ.

Nhiều ông bố, bà mẹ vì một lí do nào đó đành phải nhốt con ở nhà ruột mình, thương con, họ mua thật nhiều đồ chơi đẹp cho nó, để cả bánh kẹo trong nhà. Nhưng họ có biết đâu rằng, trong khi chơi mà chỉ có một mình thì dù đồ chơi có nhiều, có đẹp đến mấy cũng chẳng có nghĩa lí gì. Lúc đó nỗi cô đơn thường xâm chiếm tâm hồn đứa bé, nó chỉ thấy trống trải và buồn nhớ. Nhiều em bé vì thế mà mắc bệnh, người ta gọi đó là bệnh cô đơn hay bệnh cách li (hospitalisme) mà sinh ra trầm cảm. Lắm vào tình cảnh đó, trong đầu óc em bé thiếu hẳn đi những mối quan hệ giữa nó với bạn bè, giữa nó với những người thân thích, thiếu nhiều người để chuyện trò, để giao tiếp.

Ý nghĩa của việc giao tiếp đối với sự phát triển của trẻ em khó mà đánh giá hết được. Giao tiếp cần cho trẻ em biết bao, chẳng khác gì cơm ăn, nước uống hàng ngày. Thiếu giao tiếp, đứa bé dù được nuôi dưỡng chu đáo đến đâu, nó vẫn chậm phát triển về mọi mặt. Thiếu giao tiếp đứa bé sẽ trở nên khô héo, lạnh lùng và khi lớn lên nó sẽ thờ ơ đối với mọi việc xung quanh. Ở một số nước tiên tiến, người ta coi việc người lớn nhốt trẻ "trong nhà" một mình là một tội ác và cũng bị luật pháp trừng trị.

Cậu bé Khoa tuy mới lên chín, chưa có kinh nghiệm hiểu người, nhưng với một tâm hồn trẻ thơ và nhạy bén, Khoa đã có một lòng thương cảm sâu sắc với nỗi cô đơn của những em bé khi phải ở nhà một mình.

ĐI TÌM VẺ ĐẸP CỦA TRẺ THƠ Ở ĐÂU*?

Bước vào thập kỉ 90 của thế kỉ XX, nhiều cuộc thi Hoa hậu nở rộ ở nước ta, nào là "Hoa hậu báo Tiền phong", nào là "Hoa hậu đêm Noel", nào là "Hoa hậu thể thao", nào là "Hoa hậu thời trang"... Phong trào đó như một dòng nước lũ tràn khắp mọi nơi, từ thành phố về nông thôn, rồi lan rộng tới các trường học, nào "Hoa hậu Tràng An, nào "Nữ sinh thanh lịch"... Và lan đến cả các trường Mầm non mà thành ra cuộc thi "*Bé khoẻ, bé đẹp*". Cuộc thi này đã nhanh chóng lan ra các tỉnh khắp đất nước với nhiều vòng loại : đầu tiên các cháu được thi ở trường, tất nhiên số đông bị loại để chọn lấy một vài cháu "hoa hậu của trường", rồi tiếp tục thi lên Phường - Xã, lên Quận - Huyện, lên Tỉnh - thành; cứ vậy mà loại dần ra cho đến khi chọn được Hoa hậu tí hon" của toàn quốc.

Cuộc chung kết diễn ra vào mùa hè năm 1992 tại Đà Nẵng. Các cháu Mẫu giáo lặn lội từ Miền Nam ra, từ Miền Bắc vào, có cháu từ vùng cao Hoàng Liên Sơn xuống, vượt qua hàng ngàn cây số. Đường xa, trời nóng, đi đứng, ăn uống vất vả, có cháu sốt đến 40 độ, có cháu chảy máu cam cũng ráng đến nơi cho kịp cuộc thi.

Trong thời gian chuẩn bị, cha mẹ các cháu thì lo dành tiền may sắm quần áo, váy sao cho đẹp, cho sang để con

* Báo "Nhân dân". Tháng 2 - 1993.

mình trông "sắc nước" hơn đứt bạn bè; cô giáo thì lo luyện tập cho các cháu thành thạo những bài hát, điệu múa và đặc biệt là thuộc những câu trả lời khi được hỏi trong cuộc thi; còn các cháu thì ra sức mà nghiên ngẫm để không quên những gì đã được chuẩn bị khi đứng trước ban giám khảo. Những dịp có cuộc thi như thế, toàn trường thật sôi nổi trong không khí chọn chọn, lựa lựa; cô, cháu và cả các bậc cha mẹ đều hết sức hồi hộp. Tuy nhiên, người ta thường tập trung chuẩn bị cho "đội tuyển" còn sinh hoạt chung của đại đa số trẻ em thì dường như bị "thả nổi".

Sự trông mong của các bậc cha mẹ, của cô giáo đặt cả vào "thí sinh tí hon này". Ai cũng mong cho cháu được giải, vì họ coi đây là thành tích đầy vinh dự của nhà trường và gia đình. Còn ban tổ chức cuộc thi thì cố động viên cho đông đảo các bé đến dự thi với thiện chí là *"tìm cho ra vẻ đẹp của trẻ thơ"* một cách chính xác.

Một cuộc thi làm hao tổn sức lực và tiền của không biết bao nhiêu người lớn và trẻ em sẽ đạt được gì đây? Xin hãy nghe câu chuyện dưới đây để cùng rút ra kết luận thích đáng.

Cháu bé gái ấy chưa đầy 5 tuổi là một em bé khá xinh, con một gia đình cán bộ tương đối khá giả, ăn nên làm ra. Cháu được nhà trường mẫu giáo tuyển chọn để tham dự cuộc thi *"Bé khỏe, bé đẹp"* ở cấp thành phố. Cô giáo và bố mẹ động viên : "Con đi thi lần này là vinh dự cho nhà trường và gia đình. Bố mẹ đã may cho con một bộ váy đẹp nhất, con phải cố gắng lên để được giải nhé !" Cháu bé nghe lời dặn dò vừa tỏ ra sung sướng lại vừa hết sức lo lắng,... Lo tới mức tối đi

ngủ cứ trần trọc khiến cho mẹ cháu phải cho uống nửa viên Xê-đư-xen, để mai còn có sức mà vào hội thi !

Có lẽ vì quá hồi hộp và lo lắng nên khi vào thi cháu đã quên tất cả những câu trả lời mà cô giáo và mẹ đã dặn dò lúc còn ở nhà. Múa hát tự nhiên trở nên lóng ngóng, sai cả nhịp điệu. Kết quả cuộc thi cháu không đạt được giải gì cả, kể cả giải khuyến khích. Thế là về nhà cháu khóc và ủ ê suốt mấy ngày liền. Bố mẹ cháu lo lắng quá, sợ con mình vì buồn phiền mà sinh ra ốm đau, bèn đến gặp cô giáo ở lớp cháu. Họ đã bàn với nhau và nảy ra sáng kiến là nhờ cô giáo mua hộ cho một chiếc xe đạp con, giống như chiếc xe đạp đã làm phần thưởng dành cho các cháu được giải trong cuộc thi. Và lữa khi cháu ngủ thiếp ở nhà, họ đem chiếc xe đạp mới tinh đặt cạnh giường, coi như cháu cũng vừa được giải thưởng. Quả nhiên khi tỉnh dậy, được bố mẹ cho biết đây là phần thưởng "ở trên" gửi về, cháu bé mừng rỡ hẳn lên, nhảy tót xuống giường, nắm lấy chiếc xe và trở lại trạng thái bình thường, vui vẻ, hồn nhiên như trước khi được chọn đi thi.

Một bà mẹ trẻ là cô mẫu giáo kể lại rằng con của chị cũng được chọn đi thi "*Bé khỏe, bé đẹp*" ở quận nhưng cũng không đạt giải gì. Cháu ngượng quá và cũng sợ bố mẹ buồn phiền, thế là liền nảy ra sáng kiến là đi xin ở đâu được một lọ hoa giả về khoe với bố mẹ là mình đã được giải, vì cháu thấy các bạn được giải đều có lọ hoa như vậy.

Thế mới biết lòng tự ái và tự trọng của trẻ thơ lớn biết chừng nào ! Khó có thể tưởng tượng nỗi niềm vui sướng và tự hào của bố mẹ và cô giáo khi cháu bé được giải cao, được khoác chiếc dải sa-tanh có ghi chữ "*Bé khỏe, bé đẹp*"; Ngược lại, khi cháu bé thất bại, hay nói cho đúng hơn là không được

giải gì, thì tâm trạng của bố mẹ và cô giáo, nhất là của chính các cháu mới nặng nề làm sao!

Tương lai của các cháu được giải và không được giải liệu sẽ khác nhau như thế nào? Con đường trưởng thành của các em bé được giải có tốt đẹp hơn các em không được giải không? Có trời mới biết được? Từ tuổi mẫu giáo cho đến lúc trưởng thành, con đường phát triển của trẻ em còn rất dài với bao nhiêu điều bất ngờ và may rủi.

Nhìn rộng ra đối với hàng chục triệu cháu bé bình thường không được dự thi hoặc không được tuyển chọn, thử hỏi những cuộc thi như thế này có tác dụng tích cực gì đến sự phát triển của các cháu? Rồi những cháu gia đình nghèo khó, những cháu bị tàn tật, cha mẹ chúng sẽ nghĩ gì đến cuộc thi này? Ở nước ta, những em bé như vậy có tới hàng chục triệu. Vậy cuộc thi loại này được tổ chức cho ai và vì ai?

Xin phân tích đôi điều về mặt tâm lí để xem có nên tổ chức những cuộc thi như thế này không.

Một trong những đặc điểm tâm lí của trẻ thơ, đặc biệt là trẻ ở lứa tuổi mầm non (dưới 6 tuổi) là *ảo tưởng*. Trẻ thường có những ước mơ thật phi thực tế. Bất cứ một em bé gái nào cũng muốn mình xinh đẹp như một nàng tiên, em bé trai dù bị tàn tật vẫn cứ ước mơ mình trở thành một cầu thủ bóng đá giỏi. Trong trò chơi, em gái nào cũng có thể đội lên đầu mình chiếc vương miện để làm hoa hậu... Không cần biết xem ước mơ đó có đạt hay không, nhưng các em bé vẫn cứ tin là điều đó sẽ trở thành sự thật và vẫn cứ ước mơ. Trẻ nhỏ thường sống với ảo tưởng và có quyền được ảo tưởng. Ảo tưởng giúp cho trẻ có một đời sống tinh thần lạc quan và đầy bất ngờ thú vị. Trẻ say mê với cuộc sống đó, sống hết

mình với nó, đặc biệt là trong trò chơi và khi nghe kể chuyện cổ tích. Cái đẹp trong đời sống tinh thần của trẻ thơ là ở chỗ đó, khiến cho có nhà văn đã gọi đó là "tuổi thiên thân". Vậy mà lại sinh ra cuộc thi "Bé khỏe, bé đẹp" để rồi bao nhiêu em bé lần lượt bị loại hết vòng này sang vòng nọ vì những lí do ngoài ý muốn của chúng. Loại thi này vô hình trung đã tước đi của trẻ biết bao ảo tưởng đang rất cần cho chúng, nếu không nói là đã làm cho trẻ bị thất vọng mà cần cỗi, héo khô.

Trẻ thơ thường sống hồn nhiên, vô tư, và đây là quãng đời trẻ sống đẹp nhất, chưa phải lo nghĩ gì vì chưa có bất cứ một trách nhiệm gì đối với gia đình và xã hội. Thế mà bước vào cuộc thi "Bé khỏe, bé đẹp" tự nhiên em bé phải lo lắng biết bao nhiêu điều? Nào là luyện tập đi đứng, phải nhớ những câu nói mà cô giáo đã gạ cho lúc ở nhà, lại phải gánh "trách nhiệm với nhà trường và gia đình"!

Sau cuộc thi, cháu nào được giải thì vui mừng, sinh ra hợm hĩnh, tự nhiên thấy mình giỏi hơn hẳn các bạn, rồi từ đó lúc nào cũng cảm thấy phải giữ mình cho đúng phép tắc, đi đứng, ăn nói mất tự nhiên, nhất là khi ở nhà có khách đến chúc mừng hoặc có nhà báo đến chụp ảnh, quay phim. Số đông các cháu không được giải tất nhiên là không vui và không ít cháu đã khóc lóc thảm thiết.

Xin chớ nghĩ đơn giản rằng nước mắt trẻ thơ là thoáng qua và vô hại. Chính những "giọt nước mắt ganh đua" đó có thể làm hoen ố cả mảng màu xanh trong tâm hồn trong sáng của trẻ thơ.

Trẻ thơ thường rất hiếu động và sống thoải mái, hết mình. Thế nhưng đã gọi là đi thi, lại phải chuẩn bị tới bao nhiêu ngày trời thì tự nhiên trẻ cảm thấy mình phải làm

một việc gì đó rất hệ trọng, vì cả bố mẹ, cả cô giáo xem ra rất sốt sắng và hồi hộp. Và như vậy lúc bước lên sàn diễn, đi một vòng cầm hoa vẫy chào khán giả, trẻ phải chú ý từng động tác, từng cử chỉ... sao cho không "phạm quy". Thật khác làm sao so với những lúc chơi đùa ở lớp với các bạn và cô giáo, hay khi ở nhà với bố mẹ hay anh chị! Ở sân khấu này, hình như chỗ nào cũng có những cặp mắt quan sát khắt khe của các vị giám khảo (mà có cháu còn gọi nhầm là bánh khảo). Luật lệ thi cử quả đã làm cho các cháu mất tự nhiên, đó là chưa kể tới những lời chỉ đạo như quất vào tai của các cô giáo từ cánh gà của sân khấu vọng ra.

Trong bối cảnh như vậy, khó có thể tìm được vẻ đẹp đích thực của trẻ thơ. *Vẻ đẹp của trẻ thơ chỉ có thể tìm thấy khi trẻ được hoạt động tự nhiên, được sống một cuộc sống của chính mình với bạn bè và những người thân yêu gần gũi. Vẻ đẹp ấy được bộc lộ ngay trong khi trẻ vui chơi, trong sinh hoạt hàng ngày.*

Vậy thì việc gì phải tốn công tốn của để đi tổ chức những cuộc thi mang dáng dấp những cuộc thi hoa hậu của người lớn, trong khi ý nghĩa giáo dục cũng như hiệu quả xã hội còn biết bao nhiêu vấn đề cần phải được đem ra bàn cãi và trao đổi lại.

Xin hãy để cho trẻ mẫu giáo đừng bận bịu gì đến những việc thi cử cả. Cứ để cho các cháu sống hồn nhiên, vô tư với cuộc sống của chính mình.

MỠI EM BÉ LÀ MỘT CON NGƯỜI RIÊNG BIỆT*

*"Sống mỗi người mỗi nét
Chết mỗi người mỗi chừng".*

Có lẽ trên thế gian này có bao nhiêu con người thì có bấy nhiêu cá tính. Điều này không chỉ đúng với người lớn mà còn đúng với cả trẻ em ngay khi chúng còn rất bé. Mỗi em bé là một con người riêng biệt. Tâm lí học cũng như những khoa học khác về con người đã nghiên cứu để rút ra những quy luật chung của sự phát triển qua từng độ tuổi của đời người. Hiểu biết về những quy luật chung đó là để giúp vào việc đào tạo nhân cách cho trẻ, làm cho trẻ phát triển đúng thì đúng lứa để trở thành một thành viên nói chung của xã hội, biết nhận thức thế giới và biết ứng xử với mọi người nhờ tiếp thu những kinh nghiệm mà nhân loại đã tích lũy được. Tuy nhiên, đằng sau tất cả những quy luật phát triển chung đó thì mỗi con người lại là duy nhất trong những hoàn cảnh cụ thể của nó. Mỗi em bé sẽ trở thành người theo một con đường riêng, và sống một cuộc đời riêng của mình với những đặc điểm mà chỉ riêng mình mới có. Những đặc điểm đó sẽ quy định không những phương diện bên ngoài của cuộc đời

* Tạp chí "Vì trẻ thơ". 3/1992.

mà cả sự phát triển bên trong của nó với tất cả tính đa dạng của những thành công hay thất bại, của những hi vọng hay đau khổ, của sự tìm tòi ra những điều mới mẻ và sự phát hiện ra chính mình. Những đặc điểm riêng này có ngay từ những ngày đầu tiên mà đứa trẻ có mặt trên đời này và được phát triển theo thời gian để trở thành một nhân cách không giống bất cứ một ai khác.

Mỗi em bé có những điều kiện phát triển riêng về yếu tố thể chất, về hoàn cảnh phát triển, đặc biệt là về mối quan hệ giữa đứa trẻ với thế giới bên ngoài. Do đó mỗi em bé đều có những đặc điểm riêng: em thì tai thính, em thì mắt tinh,... mỗi em có những nhu cầu, sở thích riêng. Ngay anh chị em ruột trong một gia đình cũng có những nét cá tính rất khác nhau qua những biến động của hoàn cảnh gia đình và vì thế có sự khác nhau của mỗi người trong cùng một gia đình. Có hai anh em, anh 12 tuổi, em 8 tuổi lăm vào cảnh mồ côi cả cha lẫn mẹ. Hoàn cảnh ngặt nghèo đã khiến cho cậu anh phải đứng ra đảm đương mọi việc trong nhà kể cả việc trông nom em, vì thế mà ngày càng trở nên già dặn, cứng cáp và trưởng thành vững vàng. Còn cậu em phần vì quá buồn rầu lại chịu phận làm em, phải nhờ cậy ở anh, nên ngày càng trở nên nhu nhược, yếu đuối.

Ngay đối với những cặp trẻ sinh đôi cũng có sự khác biệt. Tuy vậy, có thể do sự giống nhau về yếu tố sinh học hay hoàn cảnh nuôi dạy mà một số cặp sinh đôi rất giống nhau.

Hầu hết những tài liệu khoa học đã chứng minh rằng, những cặp sinh đôi cùng sống trong một gia đình, học hành trong cùng một trường, vậy mà mỗi người vẫn có những nét riêng biệt. Xin đơn cử một trường hợp cụ thể và đã được ghi

chép lại khá tỉ mỉ qua một cuốn sách. Đó là cặp hai anh em sinh đôi Ki-rin (tên hồi bé là Ki-ri-u-sa) và An-đrây (tên hồi bé là An-đri-u-sa) con của nhà tâm lí học Nga Va-lê-ri-a Mu-khi-na. Là một nhà nghiên cứu, nên bà Mu-khi-na đã ghi tỉ mỉ trong nhật ký của mình sự phát triển của hai anh em sinh đôi này, xin được lược lại như sau:

Hai em bé cùng sinh ngày 13 - 2 - 1961, nhưng cách nhau 55 phút. Đứa ra trước được coi như anh và được đặt tên là Ki-ri-u-sa. Đứa em được đặt tên là An-đri-u-sa. Đứa anh nặng 2 kg 650, cao 49cm, đứa em nặng 3 kg 100, cao 51 cm, cả hai đều da ngăm ngăm đen, trán rộng, gò mũi nhỏ, hàm dưới ngắn và môi dưới lõm vào. Cả hai đều đầu to, ngực nở, chân tay tương đối ngắn và cử động nhịp nhàng. Nhưng giữa hai đứa trẻ cũng có sự khác nhau về cơ thể đáng chú ý: đứa anh vai ngang, còn đứa em thì vai xuôi. An-đrây (em) mút mạnh hơn, còn Ki-rin (anh) thì mút yếu hơn. Ở cả hai đứa, nếu chạm vào lòng bàn tay thì đều gây ra phản xạ nắm, nhưng phản xạ này có khác nhau về mức độ biểu hiện: Ki-rin chỉ co nhẹ các ngón tay mà không nắm chặt đồ vật trong tay, còn An-đrây thì nắm chắc tới mức có thể nâng nhẹ tay của nó lên khỏi vành nôi nếu ta để ngón tay vào lòng bàn tay của nó. An-đrây nhìn đồ vật một cách chính xác hơn, còn Ki-rin thì nhìn đồ vật một cách mờ lung, không rõ chủ đích. Khi đầy tháng, lần đầu tiên Ki-rin khóc có nước mắt, còn An-đrây thì bắt đầu khóc "ướt" từ ngày thứ 27. Ki-rin đã rút tay ra khỏi tã bọc và luôn luôn đưa nắm tay lên mồm, còn An-đrây thì không có phản ứng này một lần nào. Cứ sau khi tắm và ăn xong là An-đrây thường nằm im lặng trong nôi, nhìn vào ngọn đèn. Nó cứ nằm như vậy hàng giờ trong khi đó

thì Ki-rin đã ngủ ngay tức khắc. Được bế trên tay thì chỉ vài phút là Ki-rin ngủ ngay, còn An-đrây thì kêu khóc có khi đến vài giờ đồng hồ, nó làm âm ỉ khiến cả nhà, từ ông bà đến bố mẹ phải chuyển tay nhau mà dỗ nó.

Như thế đó, ngay từ tuổi sơ sinh, hai sinh mệnh nhỏ nhoi này đã hoàn toàn khác nhau, mỗi đứa một vẻ.

Đầy năm thì hai đứa trẻ càng có nhưng biểu hiện trái ngược. Ki-rin thì lặng lẽ, nhu mì, còn An-đrây thì hung hăng, hấp tấp. Sự khác nhau khá lớn trong phản xạ bẩm sinh về cầm nắm đã giúp An-đrây tập đứng dậy bằng cách sử dụng hai tay mạnh mẽ của mình, do đó có thể đứng lên ngồi xuống một cách dễ dàng, trong khi đó thì Ki-rin đã lạc hậu một cách rõ rệt. Nhưng có điều lạ là Ki-rin lại bắt đầu biết đi sớm hơn An-đrây một ngày. Nó bước những bước chập chững đầu tiên vào lúc tròn một tuổi, khác với dự đoán của mọi người, cho là An-đrây sẽ biết đi sớm hơn. Ki-rin có thể chơi với một đồ chơi rất lâu, nó thích cầm lên đặt xuống một đồ chơi theo nhiều cách khác nhau, còn An-đrây thì rất chóng chán. Đặt nó ngồi cạnh anh thì lập tức nó giành lấy đồ chơi của anh, nhưng rồi một lát lại chán mà vứt đi. Ki-rin có vẻ dễ tính, hay cười và sẵn sàng đến với người lạ, còn An-đrây thì hay cáu kỉnh khi có tình huống mới, nó không thích người lạ tới mức phát khóc lên, nhưng nó lại tỏ ra ranh mãnh và hay làm trò.

Hoạt động hàng ngày của hai đứa trẻ cũng rất khác nhau: một đứa thì thích đùa nghịch, còn đứa kia thì tỏ ra nhu mì. Ki-rin thì ngủ đúng như giờ giấc vẫn thường được ghi trong các sách nuôi dạy trẻ, còn đối với An-đrây thì khó mà ghép nó vào nền nếp đó được.

Ba mươi năm qua, hai đứa trẻ đã lớn lên theo hai con đường khác nhau, với nhịp điệu khác nhau. Giờ đây cả hai đều đã trở thành những nhà khoa học: Ki-rin là nhà tâm lí học, còn An-đrây là nhà sinh vật học.

Suốt ba mươi năm ấy, người mẹ của hai đứa trẻ sinh đôi đã nhận thấy đây là hai con người khác nhau. Là một nhà tâm lí học bà đã có cách xử sự đúng đắn là không bao giờ ép buộc hai đứa con phải giống nhau, kể cả việc luyện tập cho An-đrây quen với một chế độ sinh hoạt có kỉ luật, vì bà cho là làm như vậy sẽ ảnh hưởng đến cá tính của nó, làm nó mất đi những cơ hội hoạt động tích cực nhất vào thời điểm vốn là nhu cầu tự nhiên của nó.

Nhiều công trình nghiên cứu về sự giống nhau của các cặp sinh đôi đã cho biết rằng một trong những nguyên nhân tạo nên sự giống nhau như lột ấy lại là do sự áp đặt của bố mẹ hoặc những người lớn xung quanh đối với hai đứa trẻ. Bố mẹ thường có cách đối xử thật là giống nhau đối với cả hai trong mọi trường hợp, trong mọi sinh hoạt. Họ thường may sắm cho chúng những bộ quần áo giống nhau, cho để đầu tóc giống nhau, sắm những đồ chơi giống nhau... Ai cho gì cũng chia hai phần bằng nhau; thậm chí đi chơi cũng dắt cả hai cùng đi. Chính những việc làm đó đã khiến cho trẻ sinh đôi có cái cảm giác là chúng giống nhau như lột, từ đó mà chúng lại càng bắt chước để cho thật giống nhau hơn nữa, vì sự giống nhau đó đang được người lớn tán thưởng và là niềm tự hào của bố mẹ chúng.

Như vậy là vô hình trung người ta đã biến hai đứa bé thành một. Nếu trên thế gian này đã xuất hiện hai con người thì xin hãy cứ để họ trở thành hai cá nhân riêng biệt. Nếu

như người ta cố tình biến chúng trở thành hai người giống nhau như lột cả về mặt tâm lí (thật không cần phải như vậy và cũng không thể làm như vậy trên thực tế) thì lúc đó một trong hai người sẽ bị thừa! Sự phong phú của xã hội loài người nhất thiết phải bắt nguồn từ những nét riêng biệt của từng cá nhân.

Những công trình nghiên cứu cũng cho thấy rõ là mỗi đứa trẻ đều có một con đường, một nhịp độ phát triển riêng, từ đó làm nảy sinh những nét tâm lí của riêng nó. Chính những nét riêng đó là cái làm nên nhân cách của mỗi người, thiếu đi cái riêng thì mỗi người sẽ không còn là chính mình nữa. Văn hào Goóc-ki đã có lần khuyên một nhà văn trẻ rằng: "Hãy giữ lấy những gì là riêng của mình; khi đã đánh mất cái riêng thì anh sẽ mất tất cả". Điều đó không những đúng cho mọi người mà còn rất đúng cho mỗi em bé. Tìm ra con đường riêng, cách ứng xử riêng cho mỗi em bé là giúp cho sự phát triển của nó được thuận lợi.

Ngay trong việc nhìn nhận "những bước phát triển của trẻ em, cũng không nên quá lạc quan khi đứa trẻ sớm đạt một thành công nào đó, hoặc quá bi quan sốt ruột khi nó chậm làm được điều đó. Các bậc cha mẹ cần chú ý tới những đặc điểm riêng biệt của con mình để tránh có những hành động xử lí thô bạo, dù cho có thiện chí. Nhiều khi chính những năng khiếu ban đầu lại được nảy sinh từ những nét riêng này.

Nhiều người lớn lại có tư tưởng hòa đồng, cào bằng với những phương pháp giáo dục đồng loạt. Ở một số nhà trẻ hay trường mẫu giáo, các cô giáo muốn tất cả mọi đứa trẻ đều như nhau, tất cả đều phải tuân thủ một chế độ sinh hoạt theo kiểu trại lính, từ giờ học, giờ chơi, giờ ăn, giờ

ngồi bô... nhất nhất đều phải làm giống nhau. Cháu nào có những biểu hiện khác đi thì được liệt vào phần tử "cá biệt", hay bị coi là bé hư, và các cô đã dùng mọi biện pháp, kể cả biện pháp cưỡng bức, để đưa nó vào khuôn phép, cái mà các cô thường gọi là "rèn nền nếp" cho trẻ, Chả thế mà không ít đứa trẻ đã rất sợ đến nhà trẻ hay trường mẫu giáo. Trẻ em là những con người riêng biệt, đâu có thể quan niệm giáo dục theo lối đúc từ một cái khuôn định sẵn được!

Giáo dục theo lối áp đặt không thể mang lại hiệu quả gì tốt đẹp. Ngược lại cách làm đó chỉ có thể làm thui chột đi cá tính của trẻ, biến chúng thành những con người "ngoan ngoãn" bề ngoài, dẫn tới lối sống thụ động, dựa dẫm vào số đông, chẳng bao giờ dám nói ra ý kiến riêng dù là sáng kiến rất hay.

Những người lớn chúng ta cần phải để cho trẻ sống cuộc sống của chính chúng, giúp cho trẻ sống chủ động, sống hồn nhiên vui tươi. Làm được như vậy thì không những sức khỏe, trí thông minh mà cả lòng nhân ái của trẻ thơ cũng sẽ phát triển được tốt đẹp .

Tôn trọng trẻ không hề có nghĩa là để cho mọi thói hư, tật xấu mặc sức phát triển. Vấn đề đặt ra là phải tìm cho được những biện pháp giáo dục thích hợp đối với từng đứa trẻ, trên cơ sở bảo đảm cho mỗi em bé trở thành chính nó.

Mỗi em bé - dù là rất bé - không thể là một bản sao của đứa trẻ này hay đứa trẻ kia, cho dù nó tỏ ra là ngoan ngoãn tốt đẹp đến mấy.

Chúng ta cần nhớ rằng: *mỗi em bé là một con người riêng biệt!*

Phần II

Những quan điểm cơ bản của Giáo dục Mầm non

NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA GIÁO DỤC MẦM NON VIỆT NAM

Nền Người là quá trình trẻ em lĩnh hội kinh nghiệm xã hội - lịch sử được vật chất hoá trong nền văn hoá của loài người. Quá trình đó chỉ được thực hiện trong điều kiện có sự hướng dẫn thường xuyên của người lớn, tức là giáo dục.

Ở nước ta, đối với trẻ em trước tuổi đến trường phổ thông (dưới 6 tuổi), hướng dẫn sự phát triển ấy chính là Giáo dục Mầm non Việt Nam.

Căn cứ vào học thuyết Mác - Lênin về sự hình thành con người xã hội; căn cứ vào nghị quyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng về Cải cách Giáo dục; căn cứ vào những thành tựu xây dựng nền giáo dục Tiên học đường của những nước tiên tiến trên thế giới; căn cứ vào những điều kiện xã hội - lịch sử của thời kì quá độ xây dựng CNXH ở nước ta, đặc biệt là điều kiện thực tiễn của ngành Giáo dục Mầm non (GDMN), chúng ta cần xác định những quan điểm cơ bản của ngành GDMN Việt Nam nhằm định hướng cho việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp... trong việc giáo dục trẻ em trước tuổi đến trường phổ thông nước ta.

Quan điểm I: *GDMN là khâu đầu tiên của quá trình đào tạo nhân cách con người mới Việt Nam.*

Còn những hàng chục năm nữa trẻ em tuổi Mầm non của ngày hôm nay mới trở thành người lao động, người công dân

thực sự của đất nước, nhưng việc đào tạo con người mới lại phải bắt đầu ngay từ thuở lọt lòng. GDMN phải được coi là khâu đầu tiên trong hệ thống Giáo dục Quốc gia. Tuy nhiên GDMN chưa cần phải trang bị cho trẻ một cách đầy đủ và hoàn chỉnh những gì mà một người cần có để tham gia vào đời sống xã hội như một người lớn thực thụ. Nhiệm vụ cơ bản của GDMN là hình thành cho trẻ những cơ sở ban đầu của nhân cách con người mới, làm cho trẻ phát triển toàn diện, hài hoà và cân đối, tạo điều kiện tốt cho những bước phát triển sau này, xây dựng cho mỗi trẻ em một nền tảng nhân cách vừa khoẻ khoắn, vừa mềm mại, đầy sức sống cả về thể chất lẫn tinh thần. Có nghĩa là GDMN một mặt cần làm cho trẻ hồn nhiên, vui tươi, tích cực, chủ động, nhạy cảm để trở thành người dễ tiếp thu giáo dục; mặt khác GDMN lại phải ngay từ đầu hướng sự phát triển của trẻ vào việc hình thành những tiền đề nhân cách con người mới, chuẩn bị cho trẻ khả năng học tập tốt, sống và làm việc phù hợp với xã hội mới của nước CHXHCNVN ở thế kỉ XXI. Do đó GDMN cần uyển chuyển linh hoạt, tránh lối áp đặt gò bó trẻ em, mang tính xu hướng rõ, tính mục đích cao và có hệ thống; đồng thời nó đã phá lối "giáo dục tự do" lấy sự thoải mái của trẻ làm mục đích.

Quan điểm II: *GDMN coi trẻ em dưới 6 tuổi đang phát triển với tốc độ cực nhanh là đối tượng giáo dục của mình.*

Căn cứ vào những đặc điểm của lứa tuổi và cá nhân, GDMN tạo những điều kiện thuận lợi nhằm hướng dẫn sự phát triển của trẻ lên những tình độ cao hơn về thể chất và tinh thần.

Từ lọt lòng đến 6 tuổi là một bước phát triển quan trọng và rất dài so với cả đời người. GDMN có nhiệm vụ phát triển

đầy đủ mọi chức năng tâm lí Người ở trẻ; biết đưa trẻ từ chỗ chỉ biết hành động bột phát đến biết hành động có ý thức, hình thành tư duy và chuyển kiểu tư duy từ bình diện bên ngoài vào bình diện bên trong, giúp trẻ nói sôi tiếng mẹ đẻ, làm nảy nở các tình cảm tốt đẹp (tình cảm thẩm mỹ, đạo đức, trí tuệ). Có nghĩa là hình thành nên ở trẻ một con người *biết sống theo kiểu người* với những nét tâm lí đặc trưng cho lứa tuổi như vui tươi, chủ động, linh hoạt, tư duy hình tượng, giàu sức tưởng tượng, tình cảm thẩm mỹ - đạo đức... Đó là những phẩm chất tâm lí có ý nghĩa tuyệt đối và lớn lao đối với toàn bộ tiến trình phát triển nhân cách.

Do tốc độ phát triển của trẻ ở thời kì này rất nhanh nên đòi hỏi GDMN cần phải phong phú để đáp ứng mọi nhu cầu phát triển của trẻ, phải chuẩn xác, hướng vào mục tiêu của GDMN để sau này không phải tiến hành một cuộc giáo dục lại từ đầu, mà chỉ có trên cơ sở đó phát triển mãi lên.

Quan điểm III: *GDMN coi trẻ em là chủ thể tích cực của hoạt động* (khái niệm hoạt động ở đây bao gồm cả hoạt động đối tượng lẫn hoạt động giao tiếp).

Theo quan điểm này, GDMN cần tạo ra môi trường kích thích trẻ hoạt động. Đó là môi trường đồ vật và những mối quan hệ giữa người với người mang tính giáo dục cao. Trong môi trường đó trẻ được hoạt động như một chủ thể, biến những yêu cầu của giáo dục thành nhu cầu của bản thân, tức là *hình thành ở trẻ động cơ của một nhân cách đang hoạt động*.

Muốn vậy, GDMN cần tổ chức mọi hoạt động cho trẻ theo kiểu hoạt động của con người: năng giao tiếp với trẻ,

phát triển hoạt động với đồ vật, hoàn thiện hoạt động vui chơi, khuyến khích hoạt động khám phá thế giới xung quanh, làm nảy sinh các yếu tố của hoạt động học tập và những tiền đề của hoạt động lao động. Đặc biệt coi trọng hoạt động chủ đạo đối với từng lứa tuổi, như hoạt động giao tiếp xúc cảm trực tiếp đối với trẻ hai nhi, hoạt động với đồ vật đối với trẻ ấu nhi, hoạt động vui chơi đối với trẻ mẫu giáo, cần tổ chức tốt trò chơi đóng vai theo chủ đề - trung tâm của hoạt động vui chơi đối với lứa tuổi mẫu giáo.

Những hoạt động có "sản phẩm" như vẽ, nặn, chắp ghép... chẳng những giúp trẻ làm quen với thế giới bên ngoài, tỏ thái độ tích cực đối với nó mà điều quan trọng là thông qua những hành động vật chất được tổ chức đó mà hình thành ở trẻ phương pháp suy nghĩ và làm việc hợp lí. Những hoạt động mang tính nghệ thuật như hát, múa, đọc thơ, kể chuyện, đóng kịch... giúp trẻ có được một tâm hồn phong phú và trong sáng, một tình cảm đậm thắm thiết tha đối với mọi người.

Chỉ có thể qua những hoạt động phong phú được tổ chức tốt với phương châm *tập trung vào trẻ em (vì trẻ - vì sự phát triển của trẻ, do trẻ - trẻ chủ động khởi xướng, dựa vào trẻ - huy động kinh nghiệm của trẻ và dựa vào đặc điểm riêng của từng trẻ)* mới bảo đảm cho sự phát triển của trẻ được thuận lợi.

Quan điểm IV: *GDMN tạo thành một hệ thống tác động đồng bộ đến nhân cách toàn vẹn của trẻ thông qua nhiều hình thức mang tính tích hợp.*

Do sự phát triển của trẻ dưới 6 tuổi chưa tách bạch thành các chức năng riêng biệt, rạch ròi, chúng còn hoà

quyện, bện chặt vào nhau, nên GDMN không thể thực hiện bằng những tác động riêng lẻ hoặc tổng số của những tác động đó, không thể tách bạch cả một khối thống nhất giữa các mặt giáo dục (thể chất, thẩm mỹ, đạo đức, trí tuệ). Chính mối liên hệ khăng khít giữa các mặt giáo dục này tạo ra những điều kiện tối ưu cho sự phát triển nhân cách toàn vẹn của trẻ em. Các tác động giáo dục về các mặt đều liên quan mật thiết với nhau, nằm trong một hệ thống và được thể hiện trong các hình thức giáo dục mang tính *tích hợp*, tạo ra một sức mạnh tổng hợp nhằm phát triển nhân cách toàn vẹn của trẻ.

Điều này phải được phản ánh vào chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ dưới 6 tuổi, nhằm tới *mục đích phát triển chung*. Bởi vậy, logic xây dựng chương trình GDMN không được xuất phát từ logic phân chia kiến thức theo các ngành khoa học hay theo nguyên tắc phân chia môn học như ở trường phổ thông, mà phải từ sự hình thành và phát triển những thuộc tính tâm lí chung, những năng lực chung nhất của trẻ em. Tích hợp là con đường phát triển của trẻ thơ và tích hợp cũng chính là bản chất của khoa học Giáo dục Mầm non.

Tuy vậy, trong khi xây dựng các hình thức giáo dục mang tính tích hợp lại không thể coi các mặt phát triển của trẻ ngang bằng như nhau ở mọi giai đoạn. Tâm lí học hiện đại đã chỉ ra rằng, ở mỗi lứa tuổi, tâm lí của trẻ được hình thành nên một cấu trúc nhất định, bao gồm nhiều thành phần, trong đó có một thành phần nhạy cảm nhất, được phát triển nhanh hơn, mạnh hơn, nổi bật lên, được coi là *hạt nhân*

(hay thành phần trung tâm). Những nghiên cứu gần đây cho thấy, nếu tác động mạnh vào thành phần hạt nhân sẽ thúc đẩy không những sự phát triển của nó mà còn tác động đến các thành phần khác, tạo ra sự phát triển đồng bộ của trẻ.

– Ở lứa tuổi *hài nhi*, sự phát triển trong năm đầu, cấu trúc tâm lí của trẻ còn rất đơn sơ và mang tính bất phân. Trong đó những xúc cảm mang tính người bắt đầu xuất hiện, phát triển nhanh và mạnh. Lúc này trẻ cần được người lớn gần bó, thương yêu, giao tiếp trực tiếp làm khơi dậy ở trẻ những xúc cảm mang tính người với những sắc thái khác nhau, làm nền cho các chức năng tâm lí khác phát triển.

– Ở lứa tuổi *ấu nhi* (từ 15 đến 36 tháng) nhờ tích cực hoạt động với đồ vật, trẻ bắt đầu tìm tòi, khám phá thế giới xung quanh giúp cho trí tuệ phát triển nhanh và mạnh. Có thể coi trí tuệ là thành phần hạt nhân trong cấu trúc tâm lí của trẻ ở giai đoạn phát triển này, ở đây hoạt động với đồ vật chiếm vai trò chủ đạo. Từ đó các thành phần tâm lí khác cũng được biến đổi, tạo ra một bước phát triển đồng bộ cao hơn.

– Ở tuổi *mẫu giáo* (từ 3 đến 6 tuổi) thành phần hạt nhân trong cấu trúc tâm lí của trẻ là *nhu cầu thẩm mỹ*. Đó là nhu cầu gần bó với con người và thế giới xung quanh, khiến cho cách nhìn của trẻ thường hướng về phía tươi sáng, nhạy cảm với cái đẹp, đồng thời muốn làm cho mình trở nên đẹp để mang niềm vui đến cho mọi người. Nhờ tham gia vào các hoạt động mang tính thẩm mỹ như trò chơi đóng vai theo chủ đề, hát, múa, vẽ, nặn, đọc thơ, kể chuyện... mà phát triển mạnh tính hình tượng, tính dễ xúc cảm trong hoạt động

tâm lí ở trẻ. Những tình cảm thẩm mỹ, đạo đức, trí tuệ đều được phát triển thuận lợi ở giai đoạn này. Con đường giáo dục tối ưu đối với trẻ mẫu giáo là lấy giáo dục thẩm mỹ làm trung tâm, thông qua đó mà giáo dục các mặt khác, tạo ra một bước phát triển mới, chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông.

Quan điểm V: *GDMN cần gắn trẻ với cuộc sống của người lớn.*

Gắn trẻ em với cuộc sống của người lớn là xu thế đang phát triển mạnh ở nhiều nước tiên tiến. Bởi lẽ, tuy trẻ em không phải là người lớn, nhưng đang từng giờ từng phút chuẩn bị trở thành người lớn. Gắn trẻ với cuộc sống của người lớn nhằm giúp trẻ thống nhất thế giới biểu tượng với cuộc sống thực của con người, tạo cho trẻ một thái độ tích cực đối với đời sống xã hội xung quanh mà sau này các cháu có nhiệm vụ cải tạo và xây dựng nên.

Quan điểm này chống lại quan niệm quá nhấn mạnh tính tự kỉ của trẻ em, cho rằng trẻ em phải sống và phát triển trong một thế giới riêng biệt với những giấc mơ, những chuyện hoang đường như là một thế giới đối lập với thế giới của người lớn. Quan niệm này dẫn trẻ tới chỗ sống xa rời cuộc sống thực của người lớn, khiến cho quá trình "nên người" của trẻ bị cản trở.

Gắn trẻ với cuộc sống của người lớn có thể thực hiện bằng nhiều con đường: Một là đưa trẻ từ trường Mẫu non đến với sinh hoạt xã hội hàng ngày. Hai là đưa những con người, những sự kiện xã hội thâm nhập vào trường Mẫu non, tạo ra một môi trường xã hội có thực cho trẻ tiếp xúc một cách trực tiếp. Ba là mạnh dạn cho trẻ từng bước

một tham gia vào các công việc trong sinh hoạt hàng ngày của người lớn, như quét dọn nhà cửa, cùng mẹ nấu các bữa ăn... kể cả việc tập giữ tiền và tiêu tiền. Tất nhiên cả ba con đường đó đều phải thực hiện sao cho phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ nhỏ, không biến chúng thành những người già sớm.

Quan điểm VI: *GDMN chủ trương kết hợp giáo dục trẻ trong nhóm với việc cá biệt hoá quá trình giáo dục đối với mỗi trẻ em.*

Từ rất sớm đứa trẻ đã được đặt trong những mối quan hệ xã hội, chúng không chỉ muốn tiếp xúc với người thân mà còn muốn giao tiếp với bạn cùng lứa. Từ tuổi lên ba, những mối quan hệ xã hội thực sự được thiết lập, trong đó mỗi đứa trẻ lần đầu tiên được coi như một chủ thể. Những mối quan hệ này được nảy sinh trong những *hoạt động cùng nhau* và một "*xã hội trẻ em*" được hình thành. Đây là thời điểm thuận lợi cho việc giáo dục ý thức cộng đồng của trẻ. Ở các nhóm trẻ có tổ chức tốt thì tính cộng đồng của mỗi đứa trẻ càng được phát triển thuận lợi, trẻ tự coi mình là một thành viên của nhóm, của lớp và gắn bó với các bạn. Nhờ đó bản chất xã hội của trẻ được nâng lên rõ rệt. Vì vậy giáo dục trẻ trong nhóm với những hoạt động cùng nhau là con đường thích hợp để hình thành ở trẻ nhân cách xã hội.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là việc tiến hành giáo dục sẽ đồng loạt như nhau đối với mọi trẻ em, lại càng không có nghĩa là mọi trẻ em đều được đúc ra từ một khuôn. Trái lại, đồng thời với việc giáo dục trẻ trong nhóm cần phải cá biệt hoá giáo dục đối với từng đứa trẻ và trẻ càng bé thì

việc chăm sóc và giáo dục càng được cá biệt hoá nhiều hơn. GDMN chủ trương làm cho mỗi đứa trẻ đều được tự do phát triển tạo tiền đề làm nảy nở *cá tính sáng tạo* ở mỗi nhân cách sau này.

Sự kết hợp giữa việc giáo dục trong nhóm với cá biệt hoá quá trình giáo dục sẽ tạo ra cho mỗi đứa trẻ bản chất người cao quý, đó là *sự kết hợp chặt chẽ giữa tính xã hội với cá tính sáng tạo* cần có ở một nhân cách. Vì vậy GDMN, một mặt cần tổ chức các hoạt động cùng nhau, khuyến khích trẻ em hợp tác với nhau trong các trò chơi và trong sinh hoạt hàng ngày; mặt khác lại cần phải tính đến những đặc điểm sinh lí, tâm lí và hoàn cảnh phát triển riêng của từng cháu để tìm ra con đường phát triển thích hợp nhất đối với mỗi đứa trẻ.

Quan điểm VII: *Kết hợp chặt chẽ giữa GDMN gia đình với GDMN xã hội.*

Đối với trẻ nhỏ, gia đình là môi trường lí tưởng cho việc chăm sóc và giáo dục chúng. Gia đình là tổ ấm được hình thành nên bởi những người thương yêu ruột thịt, trong đó trẻ được quan tâm chăm sóc hết lòng của ông bà, cha mẹ... Gia đình là môi trường an toàn về thể chất lẫn tinh thần cho sự phát triển của trẻ, bởi lẽ việc chăm sóc và giáo dục trẻ được thực hiện ở gia đình một cách tỉ mỉ và chu đáo đến từng cháu một. Đó là tính ưu việt của gia đình đối với việc chăm sóc và giáo dục trẻ nhỏ.

Tuy vậy, do nhu cầu phát triển của trẻ và quá trình xã hội hoá con người ngày càng đòi hỏi môi trường sống rộng lớn hơn, các mối quan hệ giữa người với người phong phú hơn; mặt khác do lao động xã hội của người lớn trong gia đình đòi

hỏi họ cần phải tốn nhiều thời gian và sức lực hơn, nên việc chăm sóc và giáo dục trẻ trong gia đình ngày càng bộc lộ nhiều mặt hạn chế. Trường, lớp MN và những cơ sở GDMN (gọi chung là GDMN xã hội) là môi trường có thể đáp ứng nhu cầu phát triển và xã hội hoá đứa trẻ, bổ sung cho GDMN gia đình, tạo điều kiện cho trẻ lớn lên một cách thuận lợi.

GDMN gia đình và GDMN xã hội là hai môi trường đều rất cần cho sự phát triển của trẻ, chúng bổ sung và hỗ trợ cho nhau trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ nhỏ. Đối với đại đa số trường hợp, quá trình lớn lên của trẻ không thể thiếu đi một bên nào để bảo đảm cho một sự phát triển bền vững.

Chính vì vậy mà GDMN gia đình cần phải mở rộng cửa cho trẻ tiếp xúc với môi trường xã hội rộng lớn hơn, cần tiếp thu khoa học nuôi dạy trẻ tiên tiến để cải thiện cách chăm sóc và giáo dục trẻ nhỏ còn nhiều chỗ lạc hậu. Đồng thời GDMN xã hội (các trường, lớp, nhóm MN) lại phải tiến hành chăm sóc trẻ em theo phương thức gần giống với gia đình, khác với phương thức nhà trường (kể cả trường tiểu học), ở đây *cô là mẹ và các cháu là con* trong tình thương yêu như ruột thịt để thoả mãn những nhu cầu phát triển của trẻ mà nổi bật lên là *nhu cầu về tình cảm*. Trẻ càng bé càng thích hợp với phương thức chăm sóc và giáo dục của gia đình hơn. Do đó, trên thế giới các tổ chức GDMN xã hội thường được gọi bằng một cái tên gần gũi với gia đình: *trường của người mẹ* (Ecole Maternelle như ở Pháp) hay *mẫu giáo* (như ở Trung Quốc hay ở nước ta). Trường Mẫu non nên xây dựng theo quy mô *nhỏ và tốt*, mang đậm tính chất gia đình để phù hợp với sự phát triển của trẻ nhỏ.

Để sự kết hợp đó có hiệu quả, giáo viên mầm non và cha mẹ các cháu nên thường xuyên liên hệ với nhau để trao đổi về mục tiêu, nội dung, phương pháp chăm sóc và giáo dục trẻ, đồng thời thông tin kịp thời cho nhau biết những đặc điểm, những biến đổi về tính tình, khả năng cũng như về sức khoẻ của các cháu cùng với những biện pháp chăm sóc và giáo dục cụ thể.

Những quan điểm cơ bản của GDMN được trình bày trên đây được đúc kết từ kho tàng lí luận phong phú" của nhiều nhà khoa học giáo dục Tiền học đường trên thế giới trong nhiều thế kỉ nay, từ thực tiễn sinh động của GDMN nước ta và nhiều nước có nền giáo dục Tiền học đường tiên tiến. Sự đúc kết này là thể hiện những quy luật phát triển của trẻ ở chặng đường đầu tiên của quá trình hình thành nhân cách. Trong tiến trình xây dựng ngành GDMN nước ta, chắc chắn những quan điểm cơ bản này sẽ được bổ sung thêm và hoàn thiện dần bởi nhiều công trình nghiên cứu lí luận và thực tiễn GDMN.

** Bài viết này phục vụ cho việc chuẩn bị thành lập khoa GDMN (trước đây là Khoa Mẫu giáo) của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, năm 1982, được Vụ GDMN (trước đây là Vụ Mẫu giáo - Bộ Giáo dục) sử dụng làm tài liệu lí luận phổ biến trong toàn ngành Mẫu giáo, được đăng tải trong Tập san Mẫu giáo số 1 năm 1986.*

Phần III

Gia đình và trẻ thơ



Hội Tâm lý - Giáo dục Ngành Giáo dục Mầm non
PGS. TS Nguyễn ánh Tuyết (thứ 6, hàng đầu từ phải sang).



PGS. TS Nguyễn Ánh Tuyết nói chuyện với giáo viên Mầm non (2004).

VAI TRÒ CỦA GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ THƠ*

Lúc mới sinh ra, tất cả trẻ em đều được cha mẹ nuôi dưỡng trong tổ ấm, đến một độ tuổi nào đó mới ra với đời, mới hoà nhập được vào cộng đồng xã hội.

Tổ ấm của trẻ em là gia đình, là môi trường văn hoá, được tạo dựng nên *trên cơ sở tình thương yêu, đùm bọc lẫn nhau của những người ruột thịt - gọi là văn hoá gia đình.*

Văn hoá gia đình là một môi trường đặc biệt rất phù hợp với sự phát triển của trẻ thơ. Trước hết vì đó là môi trường an toàn, trong đó đứa trẻ lớn lên bên cạnh những người ruột thịt, luôn được thương yêu ấp ủ; môi trường đó tạo nên ở trẻ cảm giác *an toàn về mặt tâm lí*. Do trẻ luôn được chăm sóc nên tạo ra ở trẻ cảm giác *an toàn về mặt thể chất*. Nhờ có cảm giác an toàn đó, đứa trẻ mới cảm thấy yên tâm, mới vui tươi hồn nhiên, mới mạnh dạn thăm dò, thử nghiệm, tìm cách tác động lên sự vật xung quanh để phát huy những khả năng về sinh lí và tâm lí đang sinh sôi nảy nở. Mất đi cái cảm giác an toàn, đứa trẻ luôn sợ hãi, dể co mình lại, giảm tính tích cực năng động và thường xuyên rơi vào tình trạng thụ động, buồn bã.

* Tạp chí "Gia đình và trẻ thơ" – 2002.

Gia đình còn là một *môi trường phong phú*. Trong nhà thường có ông bà, cha mẹ, anh chị em, tạo ra những mối quan hệ đa dạng giữa nhiều người ở những thế hệ và độ tuổi khác nhau. Thế giới đồ vật trong nhà, từ những đồ dùng hàng ngày đến vật nuôi, cây trồng... đều muôn màu muôn vẻ. Ở nông thôn, môi trường nhà - vườn, với hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nghề thủ công... tạo điều kiện cho trẻ có thể làm quen với môi trường xung quanh, biết con dao, cái chén, cái rổ, cái cối xay dùng để làm gì, biết con chó, con mèo, trâu, bò, lợn, gà ra sao, biết cả những loại cây cối, hoa quả trong vườn. Hơn nữa, trẻ còn có thể tham gia vào các công việc trong nhà tùy theo khả năng của mình như lấy các đồ vật giúp người lớn, hay nhặt rau, quét nhà, cho gà ăn... Trẻ có dịp thăm dò thử nghiệm sử dụng các đồ vật trong nhà, qua đó mà trẻ nắm được một số kinh nghiệm sống cần thiết.

Có thể nói văn hoá gia đình là môi trường an toàn và phong phú, trong đó trẻ được nuôi dưỡng và dạy dỗ theo một phương thức đặc biệt - *Phương thức gia đình* - khác với phương thức nhà trường.

Phương thức tác động của gia đình đối với trẻ em có những đặc điểm sau đây:

1) Gia đình chăm sóc trẻ em bằng *tình thương yêu ruột thịt*. Đó là một tình cảm đặc biệt mà người lớn dành cho trẻ em nhỏ trong gia đình. Trên cơ sở tình yêu thương ruột thịt mà *nuôi dưỡng* (tức là chăm sóc cả đời sống thể chất lẫn tinh thần) và *dạy dỗ* (tức là dạy mà dỗ dành cho trẻ theo mình) trẻ em, nghĩa là nuôi dạy bằng tình thương. Người lớn trong gia đình hết lòng vì đứa trẻ, và nổi bật lên tất cả là vai trò *người mẹ*, với hai đức tính đặc trưng là *nhạy cảm và*

sẵn sàng đối với sự phát triển của đứa con. Nhờ tính nhạy cảm, người mẹ dễ dàng phát hiện được những biến đổi dù là rất nhỏ về tính tình cũng như sức khoẻ của đứa con. Nhờ tính sẵn sàng mà người mẹ bao giờ cũng đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của đứa trẻ, không trừ một khó khăn trở ngại nào.

Chỉ có trong gia đình đứa trẻ mới hưởng được đầy đủ tình yêu thương mới có những phút vui đùa thích thú bên mẹ, trò chuyện thủ thủ với người thân, được vỗ về âu yếm khi ăn, khi ngủ. Sống trong môi trường tràn ngập tình yêu thương ấy đứa trẻ sẽ được thoả mãn nhu cầu về tình cảm mang tính chất ruột thịt để phát triển. Đó là những giây phút hạnh phúc rất cần cho sự lớn lên cả thể xác lẫn tinh thần của trẻ. Có thể gọi đây là những "niềm vui phát triển" được coi như liều thuốc bổ cả về tâm thần lẫn thể tạng, mà nếu thiếu hụt thì trẻ sẽ bị héo hon chậm phát triển.

2) Người lớn trong gia đình dạy trẻ bằng *giao tiếp trực tiếp* và *thường xuyên* với nó. Người lớn có thể vừa làm việc nhà, vừa theo dõi dạy dỗ con cái, tập dượt cho con khôn lớn. Con hỏi mẹ đáp, mẹ gọi con thưa, mẹ kể con nghe, mẹ ru con thưởng thức, con nói sai mẹ sửa, con làm sai mẹ ngăn ngừa... Đó là phương thức nuôi dạy thường diễn ra trong các gia đình. Phương thức này không cần chương trình, bài bản một cách hệ thống. Người lớn dạy trẻ thường xuyên ở mọi nơi, mọi lúc, trong các tình huống của cuộc sống thực ở xung quanh. Có thể nói đứa trẻ đã lớn lên bên cạnh mẹ, bên cạnh những người thân yêu ruột thịt, qua đó trẻ học ăn, học nói, học gói, học mở... học làm người một cách tự nhiên và nhẹ nhàng.

3) Gia đình không tiến hành tác động đồng loạt với trẻ em trong nhóm hay trong tập thể, mà *chăm sóc dạy dỗ từng cháu một* (kể cả với các trẻ sinh đôi), do đó đứa trẻ có điều kiện được chăm sóc chu đáo, tỉ mỉ từ lúc ngủ tới bữa ăn, được bảo ban cặn kẽ từ lời ăn tiếng nói, từ cách đi, đứng đến những cách ứng xử thông thường trong cuộc sống, đáp ứng kịp thời các nhu cầu phù hợp với thể trạng và nét tâm lí riêng của từng cháu.

Trong gia đình (nhất là trong gia đình cổ truyền) lại thường có nhiều thành viên khác nhau, và mỗi người ít nhiều đều có tham gia vào việc chăm sóc nuôi dạy trẻ, dù có ý thức hay không ý thức nhưng đều tác động mạnh mẽ đến đứa trẻ. Nếu ở trường mẫu giáo, một cô dạy nhiều cháu, thì ngược lại, ở nhà một đứa trẻ lại có thể nhận được sự chăm sóc dạy bảo của nhiều người ở những độ tuổi và tính cách khác nhau. Trong mỗi giao tiếp phong phú ở gia đình, đứa trẻ được tiếp thu những điều mới lạ, rất khác nhau, tạo ra cho nó những cảm xúc mang nhiều sắc thái phong phú (như ông bà kể chuyện cổ tích, anh chị bày các trò chơi...). Khi đứa trẻ trở thành trung tâm của sự chăm sóc và dạy bảo của tất cả mọi thành viên trong gia đình thì đó là một điều kiện vô cùng thuận lợi cho sự phát triển mọi mặt của nó.

4) Tác động gia đình thường bằng nhiều hình thức mang tính chất tích hợp và đượm màu sắc nghệ thuật. Trước hết, đó là việc nuôi và dạy được kết hợp một cách tự nhiên, khéo léo: cho con ăn mẹ có thể trò chuyện, bảo ban nhiều điều, ru con ngủ mẹ có thể cho con nghe những làn điệu dân ca, những câu thơ hay. Ở đây chẳng hề có chương trình bài bản

của các môn học, vậy mà người mẹ đã truyền lại cho con biết bao điều hiểu biết: Đó là những lời ăn tiếng nói trong cuộc sống hàng ngày, lời ru câu hát, những chuyện cổ tích, ngụ ngôn, những ý niệm cơ bản về thiện và ác. Tóm lại, người mẹ đã đưa con vào thế giới của những giá trị văn hoá mà gia đình đã thừa nhận và thực hiện hàng ngày. Đặc biệt là qua lời ru, mẹ đã dạy cho con nghệ thuật âm nhạc và thơ ca dân tộc để con biết yêu vẻ đẹp thiên nhiên, yêu quê hương đất nước, yêu bà con xóm làng, từ đó mà thêm giàu lòng nhân ái.

Chính thông qua nhiều hình thức nghệ thuật dân gian (kể cả những đồ chơi và trò chơi) mà nhiều người trong gia đình có thể truyền cho trẻ em những tinh hoa của nền văn hoá dân tộc.

Nhờ phương thức tác động đặc biệt này, gia đình có ảnh hưởng *tuyệt đối* trong quá trình phát triển của trẻ thơ. Trẻ em đã tiếp thu văn hoá gia đình một cách *tự nhiên, nhẹ nhàng, mà hiệu quả lại cao*. Văn hoá gia đình để lại ấn tượng sâu đậm trong tâm hồn đứa trẻ, khiến đôi khi ta tưởng như đó là bản năng thứ hai của con người.

Đặc biệt trong lĩnh vực bồi bổ đạo đức - thẩm mỹ cho trẻ thì văn hoá gia đình chiếm ưu thế tuyệt đối, và mặt đạo đức - thẩm mỹ lại chính là cái cốt lõi trong nền tảng ban đầu của nhân cách mỗi con người, mà biểu hiện tập trung của nó là ở lòng nhân ái của người mẹ (do đó có người đã gọi văn hoá gia đình là *Văn hoá Mẹ*). Nó có khả năng hình thành nên đạo đức cao đẹp giữa các thành viên trong gia đình. Đạo đức gia đình được củng cố và phát triển lại chính là thành trì vững chắc để chống lại mọi sự tha hoá xấu xa của con người.

Tất nhiên, hiệu quả của giáo dục gia đình hoàn toàn phụ thuộc vào trình độ văn hoá của mỗi thành viên trong gia đình mà họ đã tiếp thu được của nền văn hoá dân tộc và nhân loại - đặc biệt là trình độ văn hoá của người mẹ. Chính văn hoá gia đình đã gieo vào đầu óc non nớt của trẻ những mầm mống có khả năng làm nảy nở trong đó một tâm hồn với những phẩm chất đạo đức và năng khiếu mang hình bóng của nền văn hoá gia đình.

Tóm lại, văn hoá gia đình là môi trường rất cần thiết cho trẻ thơ. Đó là nền văn hoá mà con người được tiếp cận sớm nhất, là môi trường xã hội đầu tiên của mỗi người, với một phương thức tác động rất phù hợp đối với quá trình hình thành những cơ sở ban đầu của nhân cách con người. Đó chính là *cuộc sống thực của trẻ*.

Tuy nhiên, gia đình, nhất là gia đình cổ truyền, cũng tồn tại nhiều nhược điểm do những hạn chế mang tính lịch sử của nó. Gia đình cổ truyền thường là một môi trường khép kín, ít có điều kiện để trẻ tiếp xúc rộng rãi với đời sống xã hội bên ngoài. Hơn nữa, những người trong gia đình, đặc biệt là người mẹ, số đông lại ít được trang bị những kiến thức cần thiết về khoa học nuôi dạy trẻ, do đó việc nuôi dạy trẻ trong gia đình thường mang tính chất kinh nghiệm chủ nghĩa, tính chất tùy tiện và còn không ít tập tục lạc hậu chi phối, nhất là ở nông thôn và miền núi.

Nghiên cứu phương thức tác động của gia đình (ở đây chủ yếu nói đến gia đình cổ truyền) đối với sự phát triển của trẻ em là tìm cách rút ra từ đây cái cốt cách của văn hoá gia đình, cái tinh hoa của một phương pháp tác động để kế thừa,

trên cơ sở đó mà bổ sung, phát triển cho phù hợp với nhu cầu phát triển của trẻ và những đòi hỏi của xã hội ngày hôm nay.

Ai cũng có thể nhận thấy rằng: cùng với sự phát triển của xã hội, gia đình cũng có biến đổi về cơ bản. Từ gia đình kiểu cổ truyền chuyển sang gia đình kiểu hiện đại, từ kiểu gia đình đông con cháu, gồm nhiều thế hệ cùng chung sống chuyển sang kiểu gia đình hạt nhân, tức là chỉ có hai thế hệ và ít con, đã có sự thay đổi khá cơ bản về thái độ đối với con cái trong gia đình.

Tuy vậy văn hoá gia đình vẫn có một vai trò đặc biệt quan trọng đối với trẻ em. Sau này, khi lớn khôn mỗi người có thể chịu ảnh hưởng từ nhiều phía của nền văn hoá xã hội. Nhưng những gì mà văn hoá gia đình đã hun đúc nên vẫn được mang theo trong mỗi người đến suốt cuộc đời.

MẸ HÁT RU CON*

*"Đó ai ngồi vông không đưa
Ru con không hát, đồ đưa không chèo"*

Có lẽ trên thế giới này, không có một dân tộc nào lại không có những khúc hát ru, và không một bà mẹ nào lại không hát ru con, cho dù tiếng hát có vụng về đến đâu. Mẹ nuôi con bằng dòng sữa đầy chất dinh dưỡng cho cơ thể non nớt của em bé, nhưng cũng bằng cả dòng âm thanh ân tình nhất bồi bổ cho tâm hồn của trẻ thơ: đó là những tiếng hát ru của tình mẫu tử mà không một nghệ sĩ thiên tài nào có thể làm thay được.

Hát ru mang theo những giá trị văn hóa của loài người, lần đầu tiên được chính mỗi người mẹ đem lại cho đứa con của mình.

Đối với trẻ, nghe mẹ hát ru là một niềm vui không gì có thể so sánh được, bởi hành động hát ru mang *tính tích hợp cao*, bao hàm trong đó nhiều mặt: nghệ thuật, giáo dục, dinh dưỡng... Trong tiếng hát ru có cả mùi vị của dòng sữa thơm lành (mà các nhà dinh dưỡng học đã khẳng định rằng lượng sữa sẽ nhiều khi người mẹ vừa hát vừa cho con bú), có những lời nói nựng, có sự vỗ về nhịp nhàng, êm ái, và có âm thanh ngọt ngào của lời ca.

* Tạp chí "Thế giới trong ta". Số 1.

Cho dù có nhiều yếu tố hợp thành, nói đến hát ru trước tiên phải nói đến *âm nhạc*. Âm nhạc trong tiếng hát ru của bất cứ dân tộc nào cũng đều mang tính chất du dương, nhẹ nhàng, tha thiết. Nó được người mẹ diễn đạt với tất cả tấm lòng yêu thương của mình. Hát ru đưa em bé đi vào giấc ngủ một cách bình yên, ngon lành, làm dịu đi mọi cơn hờn dỗi, thậm chí làm lành đi những cơn đau đớn. Hơn thế nữa, bằng cách thấm dần qua năm tháng nó còn góp phần hun đúc nên những phẩm chất cao đẹp của tâm hồn, làm nảy sinh những năng khiếu quý báu sau này.

Tiếng "Àu ơ" hay tiếng "À ơi" từ những tiếng nựng nịu dỗ dành của người mẹ mô phỏng cách phát âm của trẻ lúc trẻ hóng chuyện, đã trở thành khúc nhạc dạo đầu cần thiết cho những khúc hát ru sau này. Có thể coi đây như những tín hiệu đặc trưng để mẹ và con trao đổi và hiểu ý của nhau. Khi đứa trẻ còn bé, chưa sử dụng được hệ thống tín hiệu ngôn ngữ để giao tiếp thì chính người mẹ đã đem đến cho con mình những âm điệu đầu tiên của thứ ngôn ngữ trực tiếp của tâm hồn: đó là âm nhạc. Sự cảm thụ say sưa nhất của trẻ thơ cũng như sự rung cảm chân thành nhất của người mẹ không phải ở một thứ ngôn ngữ cụ thể nào khác mà là chính ở những tiếng "Àu ơ" hay "À ơi" ấy. Em bé rất thích nghe tiếng hát ru của mẹ, và rất tự nhiên, người mẹ đã trở thành người nghệ sĩ đầu tiên đem âm nhạc để nuôi dưỡng tâm hồn cho con.

Nhiều nhạc sĩ bậc thầy trên thế giới đã cho rằng muốn bồi bổ năng khiếu cho những tài năng âm nhạc, thì đứa trẻ phải được giáo dục âm nhạc từ khi còn rất bé, thậm chí khi còn nằm trong bụng mẹ, nghĩa là ngay từ khi thai nghén,

người mẹ cần được nghe những khúc dân ca hay, những bản nhạc thật hay.

Em bé tiếp nhận hát ru trước hết là phần âm nhạc ở đó. Hát ru chính là bài học vỡ lòng về âm nhạc cho cả một đời người.

Cùng với âm nhạc, *lời ru* cũng còn có nhiều tác dụng tích cực khác đối với sự phát triển của trẻ. Trước hết, lời ru kích thích tai nghe ngôn ngữ, làm sống dậy sự hoạt động của các trung khu thực hiện chức năng ngôn ngữ trên vỏ não. Những câu hát ru như "Bồng bồng, bống bống, bang bang" hay "Cái cò cái vạc, cái nông"... làm cho trẻ nhận ra những sắc thái khác nhau của âm thanh, những vần điệu uyển chuyển trong tiếng mẹ đẻ, đặc biệt là những thanh điệu giàu nhạc tính của tiếng Việt, để rồi sau này biết nghe, biết nói, biết sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách thành thạo. Trẻ làm sao có thể hiểu được hết nội dung của những câu hát mẹ ru, nhưng ngày một ngày hai, lời ru cứ thấm dần vào tâm hồn em bé, hình thành trong em bé phong cách ngôn ngữ dân tộc, bản sắc của tâm hồn Việt Nam.

Nhiều câu hát ru về thực chất là những bài học đạo đức thấm mỹ ban đầu. Qua lời ru, mẹ đem cho con những lời ăn tiếng nói, những cái đẹp trong đời sống văn hóa của con người. Bằng trực cảm vô thức, nghe lời mẹ ru, trẻ có thể cảm nhận được những ý niệm về thiện và ác, tốt và xấu. Bằng lời ru, mẹ dạy cho con những hiểu biết về đời sống xung quanh, đưa con vào thế giới của những giá trị văn hóa của xã hội mà gia đình đã thừa nhận và thực hiện trong đời sống hàng ngày. Bằng trực giác, trẻ có thể cảm nhận nên văn hóa truyền thống đó. Đây là một vấn đề hết sức quan trọng

đối với quá trình hình thành nhân cách con người. Những mầm mống tốt đẹp của lòng nhân ái được gieo vào đầu óc non nớt của trẻ thơ qua tiếng hát ru của mẹ chính là tiền đề cho những phẩm chất tốt đẹp và năng khiếu thẩm mỹ nảy nở sau này.

Quên đi lời ru của mẹ cũng tức là đã bỏ quên những giá trị văn hóa cội nguồn của dân tộc. Những bà mẹ Việt Nam, bằng những câu hát ru, đã trở thành những bảo tàng sống động, góp phần gìn giữ, lưu truyền cho thế hệ nối tiếp những giá trị tinh thần tốt đẹp của cha ông để lại – bản sắc riêng biệt của tâm hồn Việt Nam. Đó là chất miễn dịch chống lại sự tha hóa của con người, là chất đề kháng chống lại những thói hư tật xấu có thể thâm nhập bất cứ lúc nào vào trẻ thơ.

Hát ru là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa thi ca và âm nhạc. Từ một hành động mang tính tự phát, hát ru dần dần trở thành một hình thức nghệ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu về văn hóa của tuổi thơ và chính hát ru đã góp phần tạo cho đứa trẻ trở thành một con người có văn hóa sau này.

Rõ ràng hát ru là một hiện tượng văn hóa, thông qua đó, người mẹ dạy con cách thưởng thức, làm quen với nghệ thuật âm nhạc và thi ca, bồi dưỡng cho con năng lực thẩm mỹ biết yêu cái đẹp, yêu thiên nhiên, yêu con người, từ đó mà hun đúc cho con lòng nhân ái, một phẩm giá cao đẹp nhất của loài người. Thật khó có thể quên được những câu ca như:

"Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"

Hay câu:

"Cái bóng là cái bóng bang

Thối cơm nấu nước cả làng cùng ăn" ...

Khi phân tích tiếng hát ru, chúng ta không thể nào bỏ qua một nhân tố mang tính "cảm xúc - sinh lí" vô cùng quan trọng: đó là sự vỗ về, đung đưa, rung lắc nhịp nhàng, đều đặn, khi bế em nhỏ trên tay hoặc đặt em bé nằm trong nôi hay trên võng. Có thể coi đây như một đặc trưng không thể thiếu được của việc hát ru, thiếu nó thì hát ru sẽ chỉ là một bài hát bình thường.

Ở một số nước công nghiệp, đã có lúc người ta nghĩ tới việc "giải phóng" cho những người mẹ khỏi cái công việc vỗ về đung đưa này, bằng cách cho thu những khúc hát ru vào băng cát-xét và dùng để phát ra lúc cần cho trẻ đi ngủ. Nhưng người ta đã phát hiện ra rằng đứa trẻ chỉ đông mắt ra mà nghe, sau đó lâu lắm mới ngủ được. Quan sát trong nhiều trường hợp chỉ cho nghe băng mà thiếu đi sự rung lắc, nhất là sự vỗ về của người mẹ trước khi đặt trẻ vào nôi hay vào võng, trẻ thường trằn trọc khá lâu mới ngủ, và khi ngủ thường bị giật mình như bị chông chênh, hẫng hụt. Thậm chí có em bé vì nghe quá nhiều lần một băng nhạc nào đó, nên cứ mỗi lần âm thanh từ băng cát-xét ấy phát ra là nó khóc thét lên vì biết là mẹ nó lúc đó không còn ở đó nữa. Chính cái cảm giác cô đơn, xa mẹ, không an toàn xâm chiếm lấy em bé và làm cho nó hoảng sợ.

Tất nhiên người mẹ không cần phải cứ rung lắc, đung đưa suốt thời gian bé ngủ, nhưng sự rung lắc nhẹ nhàng ban đầu để đưa trẻ vào giấc ngủ một cách ngon lành, thoải mái là điều không thể thiếu được. Được vỗ về, rung lắc là một nhu cầu của trẻ thơ. Hầu như tất cả các dân tộc trên thế giới đều có những chiếc nôi. Hình dáng có thể khác nhau, nhưng công dụng chỉ là một. Ở Việt Nam và nhiều nước châu Á, còn có

cánh võng. Tiếng võng kêu kà kẻo kẹt đã đi vào tuổi thơ của bao thế hệ người Việt Nam chúng ta. Tiếng võng theo chúng ta suốt cả cuộc đời. Những người phải xa quê hương, sống nơi đất khách quê người, làm sao quên được "trưa hè, bà ru cháu, tiếng võng kêu cà kẻo kẹt"... Nó như tiếng gọi khôn nguôi của quê hương đất nước mà không có bất cứ một loại âm nhạc nào có thể thay thế được.

Động tác đung đưa, rung lắc cần thực hiện theo một tiết tấu phù hợp với từng tình huống, phù hợp với tính tình của từng đứa trẻ (thức, ngủ, tình trạng sức khỏe...) nhưng không quá mạnh.

Sự rung lắc, đung đưa không chỉ cần cho trẻ nhỏ mà cũng có tác dụng cả với người lớn, nhất là đối với người già. Ở một bệnh viện tâm thần của Mun-khen-xeo (thuộc Liên Xô cũ), người ta đã chứng minh rằng những "chiếc nôi" đung đưa theo một tiết tấu đều đặn có khả năng làm cho thần kinh con người được thoải mái, không chỉ với người bị rối loạn tâm thần mà cả với người khỏe mạnh. Kết quả là bệnh nhân có được giấc ngủ sâu hơn, sức khỏe tăng lên nhiều lần mà không cần tới các loại thuốc an thần. Chả thế mà các cụ già thường thích ngồi trong ghế "xích đu", vừa đung đưa, vừa rung đùi, tạo cho mình một sự thoải mái dễ chịu.

Có những em bé bất hạnh, lúc lọt lòng đã không có được sự ôm ấp vỗ về của người lớn. Chúng đã buộc phải "tự tỏa" để thỏa mãn nhu cầu đó. Các nhà từ thiện của Tổ chức cứu trợ trẻ em Radda Barnen của Thụy Điển đã làm một cuốn phim về một trại trẻ mồ côi ở Gioóc-đa-ni, trong đó họ đã ghi lại nhiều hình ảnh trẻ em "tự tỏa" trông thật thương tâm: em bé nằm vật vã trên chiếc giường trống không, đầu ngọ nguậy

liên tục hết nghiêng bên trái lại nghiêng sang bên phải; có em bé ngồi ngay giữa giường mà rung cả hai chân, thân hình như bị động kinh, đầu gật lia lịa như người say rượu; có em đứng vịn vào thành giường cũ, tự đập mình vào thành giường hay đập đầu vào tường để tự tạo ra sự rung lắc, đừng đưa mà nó đang có nhu cầu.

Sự đòi hỏi được vỗ về, đừng đưa của trẻ nhỏ là một nhu cầu thực sự mà người lớn phải đáp ứng, chứ không nên vội quy kết cho trẻ cái tội là hay "quấy", khó tính khó nết.

Tóm lại, hát ru không chỉ là thiên chức của tất cả những người mẹ trên thế giới này, mà do tính chất tích hợp của nó, hát ru có khả năng mang lại hiệu quả tuyệt vời đối với trẻ em cả về tâm lí cũng như về sinh lí.

Gần đây, nhiều tài liệu về nuôi dạy trẻ cũng như nhiều tạp chí nghiên cứu giáo dục và báo chí ở nước ta đã lên tiếng báo động về sự vắng bóng của những khúc hát ru trong sinh hoạt gia đình của những cặp vợ chồng trẻ. Đây là điều có thực và rõ ràng là một thiếu sót đáng tiếc nếu chúng ta không tìm cách để khắc phục một cách kịp thời và khẩn trương.

Điều có thể làm ngay trước mắt là động viên khuyến khích những người mẹ trẻ hãy học cho được những làn điệu hát ru cổ truyền ở ngay chính miền quê của mình. Người hướng dẫn gần gũi nhất chính là những người mẹ, người bà của mỗi cô gái trẻ. Những khúc hát ru của ba miền đất nước, của các dân tộc thiểu số anh em v.v. mang biết bao âm hưởng đẹp và sâu lắng. Học những điệu hát ru cổ truyền không chỉ giúp người mẹ trẻ trong chính việc nuôi dạy con, mà còn là một cách hữu hiệu nhất để duy trì, phát huy truyền thống

của nền văn hóa dân tộc ngay trong từng gia đình, những tế bào làm nên xã hội Việt Nam hôm nay và mãi mãi sau này.

Bên cạnh những khúc hát ru cổ truyền, sự đóng góp của các nhạc sĩ và các nhà thơ trong việc sáng tác những khúc hát ru mới, vừa kế thừa những âm hưởng cổ truyền, vừa bổ sung những nhân tố âm nhạc mới của cuộc sống đương đại là điều rất cần được khuyến khích. Nên chăng tổ chức những câu lạc bộ hát ru dưới sự bảo trợ của Hội liên hiệp phụ nữ các cấp; những cuộc liên hoan hát ru ở các cơ sở, để các bà mẹ trao đổi với nhau những làn điệu hay, những câu thơ tinh túy.

Mong sao truyền thống hát ru của những bà mẹ Việt Nam sẽ chẳng bao giờ bị gián đoạn. Thế hệ con cháu sau này sẽ đời đời biết ơn các bà mẹ về những tiếng hát ru đầy ân tình đó.

Chất dinh dưỡng quý báu đó lẽ nào những người mẹ lại lãng quên?

MẸ NỤNG CON*

(Hay trò chuyện với người chưa biết nói)

Cuộc trò chuyện này không phải là đối với một người câm, mà là đối với một người không biết nói - hay nói chính xác hơn là đối với người chưa biết nói. Trẻ mới sinh ra và suốt trong năm đầu tiên của cuộc đời là không thể nói được, thế nhưng nó vẫn có thể tham gia vào cuộc trò chuyện với người lớn ở xung quanh, và đó là một sự việc rất thường tình trong cuộc sống.

Ngay từ những tháng đầu tiên, vừa thức tỉnh là em bé đã biết hướng đầu về phía có tiếng nói hơn là về những tiếng động khác, biết lắng nghe âm điệu dịu dàng của giọng nói con người. Trẻ có thể ngưng khóc khi nghe tiếng người, nhất là tiếng của mẹ. Khi mẹ nó cúi xuống hôn hít, trò chuyện với nó, em bé tỏ ra sung sướng ra mặt và sẵn sàng tham gia "đối thoại". Hãy thử quan sát mà xem: bé trở nên linh hoạt hẳn lên, mắt nhìn đầu đầu vào mặt người đối thoại, cánh môi phập phồng, chân tay khua rối rít, miệng cười toe toét, nhiều khi phát ra những tiếng "gừ gừ". Nếu người lớn càng tích cực trò chuyện thì tiếng "gừ gừ" phát ra càng to hơn, dồn dập hơn. Ngược lại, em bé sẽ buồn bã thậm chí khóc òa lên nếu cuộc trò chuyện bị ngưng lại. Hiện tượng này,

* Báo "Khoa học và đời sống". Số 30 (1999).

nhân dân ta thường gọi là trẻ đang "hóng chuyện". Điều kì diệu là hình như ở bất cứ người mẹ nào cũng có được cái tài bẩm sinh vô cùng quý báu là biết cách trò chuyện với con mình, trò chuyện với người không biết nói. Người mẹ thường nựng con bằng những lời nói tưởng chừng như vu vơ, vô nghĩa, những lời nói tuy chẳng có một nội dung ngữ nghĩa nào đáng kể, vậy mà lại có giá trị rất lớn đối với sự phát triển của em bé. Chính lời nói mang những sắc thái tình cảm hiền dịu, vui tươi cùng với nét mặt, cử chỉ âu yếm của người mẹ, đã khơi dậy ở đứa con *một năng lực mang tính người: đó là biết trò chuyện*. Năng lực này chỉ có ở loài người, các loài động vật khác tuyệt nhiên không thể có được, cho dù đó là loài vượn hình người hay loài khỉ, "bà con" gần gũi nhất của loài người.

Trong năm đầu trẻ chưa thể nói được, nhưng điều quan trọng là cần tạo ra những tiền đề cho sự phát triển ngôn ngữ ở những năm sau, và nhất là cần có những cuộc trò chuyện với bé.

Trên cơ sở nhu cầu gắn bó với những người xung quanh, nhu cầu giao tiếp sẽ nảy sinh và phát triển thuận lợi nếu ta biết đưa em bé sớm vào môi trường giao tiếp. Trò chuyện với trẻ, người lớn sẽ bắt gặp những cử động, âm thanh của trẻ lúc "hóng chuyện", có thể gán cho chúng những nội dung giao tiếp nào đó, nhưng rõ ràng em bé là người "đối thoại" không thể thiếu được!

Cuộc trò chuyện này là một hoạt động của hai chủ thể (mẹ và con, hay rộng hơn, em bé và người lớn), do đó yêu cầu đặt ra là cả hai phía đều phải chủ động trong lúc giao tiếp.

Lúc đầu, bé chỉ biểu hiện sự thích thú qua nét mặt và cử động chân tay khi được trò chuyện. Đến tháng thứ ba, hầu hết trẻ em những lúc vui vẻ, dễ chịu thường phát ra thành tiếng. Khi được người lớn trò chuyện thì những tiếng đó phát ra càng mạnh hơn. Vào tháng thứ tư trẻ đã có thể bắt chước một cách khá rõ ràng nhịp điệu trong lời nói của người lớn. Từ rất sớm trẻ cũng đã biết phản ứng với ngữ điệu và cường độ trong giọng nói của người lớn. Trẻ thường thích nghe những lời nói nhẹ nhàng có âm điệu uyển chuyển. Ngược lại, những lời nói giận dữ, thô bạo, mang tính chất quát tháo sẽ làm cho trẻ hoảng sợ. Chẳng hạn cũng là câu nói: "Đến đây với bác nào!", nếu là giọng ngọt ngào êm dịu thì đứa bé sẽ nhoẻn miệng cười, giơ tay ra, nhưng với giọng quát tháo nặng nề thì lập tức trẻ sẽ mếu máo, quay người đi và khóc thét lên. Lúc này trẻ hiểu lời nói qua *âm thanh*.

Từ sau nửa năm trở đi, trẻ bình thường có thể phân biệt được nhiều âm tiết trong lời nói của người lớn và khi hứng chí còn có thể phát ra những âm thanh khác nhau như: "ma ma ma, ba ba ba"... Qua những tiếng bi bô đó, trẻ tỏ ra sẵn sàng giao tiếp. Chính những cuộc trò chuyện giữa người lớn và trẻ em bằng những lời "vô nghĩa dụ dàng" đó đã kích thích trẻ học nói, giúp nó phân biệt và phát ra những âm thanh khác nhau của tiếng nói. Và càng thích thú, trẻ càng phát âm to hơn khi được trò chuyện với người lớn. Khó mà đánh giá cho hết được tác dụng to lớn của những tiếng bi bô đối với sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Qua đó, trẻ học cách sử dụng môi, lưỡi và hơi thở trong

khí nói. Đó cũng là việc chuẩn bị tốt nhất để trẻ có thể làm chủ được việc phát âm đối với bất cứ thứ ngôn ngữ nào.

Khi trẻ gần đầy năm tuổi, trong cuộc trò chuyện với trẻ, người lớn đã có thể dùng đến những câu hỏi ngắn, nhằm giới thiệu để trẻ làm quen với các đồ vật xung quanh mình như: "Cái bát đâu?", "Con búp bê đâu?", "Quả bóng đâu?"... Tất cả như kích thích trẻ muốn tìm kiếm đồ vật xung quanh, có điều là trẻ không nhằm mục đích tìm cho ra đồ vật, mà chính lại là để được giao tiếp với người lớn. Khi người lớn hỏi nó một đồ vật nào đó ở đâu, nó sẽ hăng hái tìm cho bằng được, và càng lộ vẻ thích thú khi lại được người lớn hoan hô, khích lệ. Qua giao tiếp với người lớn, trẻ dần hiểu ra nội dung của lời nói, thiết lập được mối quan hệ giữa tên gọi của đồ vật với bản thân đồ vật. Đó là hình thái khởi đầu của việc trẻ hiểu ngôn ngữ.

Phản ứng của trẻ đối với từ ngữ chỉ đồ vật tùy thuộc vào không khí giao tiếp của trẻ với người lớn: lúc đầu, nó chỉ vào đồ vật sau đó có thể vươn tới để tìm, và nếu được khích lệ, nó sẽ mạnh dạn cầm lấy đồ vật đưa cho người lớn, mặt hân hoan như vừa lập được một chiến công.

Vào khoảng một tuổi, trẻ đã có thể trả lời ngôn ngữ của người lớn bằng một phản ứng ngôn ngữ. Thường thường, khi được hỏi: "Bà đâu?", em bé quay ngay đầu về phía bà và vui vẻ lặp lại: "Bà". Khi được hỏi: "Bé đâu?", trẻ vui vẻ nhìn đứa bé bên cạnh và lặp lại "Bé". Hoặ: "Tích tắc đâu?" bé có thể đưa mắt nhìn lên cái đồng hồ và lặp lại: "Tích" hoặ "Tắc". Cứ như vậy, trẻ học nói bập bẹ thêm một số từ.

Cuộc trò chuyện kì lạ giữa người biết nói (tức là người lớn) và người không biết nói (tức là em bé) lại được diễn ra một cách hết sức thân thiết, thỏa mãn được tình cảm của cả đôi bên. Có thể nói đây là cuộc trò chuyện đậm thắm nhất giữa mẹ và con. Cuộc trò chuyện kiểu đặc biệt này không chỉ giúp chuẩn bị tiền đề cho sự phát triển ngôn ngữ ở trẻ, mà còn giúp cho sự phát triển các chức năng tâm lí người, giúp trẻ học được cách ứng xử theo kiểu người.

Có những bà mẹ trẻ thường tỏ ra ngỡ ngàng không muốn trò chuyện với đứa con đầu lòng của mình theo kiểu đặc biệt ở trên. Đó là một hiện tượng không tốt, cần phải được khắc phục. Cần hiểu rằng, những cuộc trò chuyện với những lời "dịu dàng và vô nghĩa" ấy lại chính là những bước đầu tiên người mẹ dẫn dắt con mình vào thế giới của loài người.

NGƯỜI MẸ VỚI NHỮNG MẦM NON NGHỆ THUẬT*

I. Tuổi thơ và nghệ thuật

Ai cũng có một tuổi thơ, nhưng khi đã trưởng thành, đối với mỗi người, tuổi thơ lại trở nên xa lạ chứa đựng nhiều bí ẩn mà khi phát hiện ra, có những điều làm cho ta rất thú vị.

Ai đã từng quan sát trẻ em trong cuộc sống, trong vui chơi đều dễ nhận ra ở chúng có nhiều dáng nét giống người nghệ sĩ. Nhiều công trình khoa học đã chứng minh về sự gần gũi giữa hoạt động vui chơi của trẻ em với hoạt động sáng tạo nghệ thuật. Bằng sự nhạy cảm của mình, nhiều nghệ sĩ cũng đã bắt gặp lại mình qua trò chơi, qua hành động và lời nói của trẻ nhỏ.

Thật vậy, hầu hết trẻ thơ đều có một tâm hồn nhạy cảm. Đối với các em, thế giới chung quanh chứa đựng biết bao nhiêu điều mới lạ, hấp dẫn. Ngay trong những cái tưởng chừng như bình thường giản dị thì các em cũng phát hiện ra những điều lí thú. Pauxtôpxky (Nga) nhận xét: “Thời thơ ấu không còn mãi, đáng tiếc rằng khi chúng ta trở thành những

* Kỉ yếu Hội thảo khoa học đề tài cấp Nhà nước “Văn hoá gia đình Việt Nam và sự phát triển xã hội”.

người lớn thì chúng ta mới bắt đầu hiểu tất cả những gì tươi đẹp của thời thơ ấu. Trong thời thơ ấu tất cả đều khác. Trẻ em đã nhìn thế giới bằng đôi mắt trong sáng và tất cả đối với chúng đều rực rỡ hơn nhiều. Mặt trời chói lọi hơn, đồng ruộng được cây sâu hơn, tiếng sấm vang rền hơn, mưa to hơn và cỏ mọc cao hơn và cả lòng người cũng mở rộng hơn. Nỗi đau thương cũng sâu sắc hơn và mảnh đất quê hương cũng chứa đầy bí ẩn, nhiều hơn gấp hàng nghìn lần". Về thực chất đó chính là nghệ thuật.

Một đặc điểm nổi bật trong đời sống tâm lí của trẻ làm cho các em gần gũi với nghệ thuật hơn đó là tính hình tượng đang phát triển mạnh và gần như chi phối mọi hoạt động tâm lí của trẻ. Trẻ thơ thường nhìn sự vật trong tính toàn vẹn của nó mà chưa hề bị chia cắt ra từng mảnh, từng bộ phận rạch rời khô cứng. Những thuộc tính cụ thể - cảm tính sinh động như màu sắc, âm thanh... có tác động mạnh mẽ lên giác quan và ghi dấu ấn sâu đậm trong tâm trí của trẻ. Trong cuộc sống, trẻ thường sử dụng tư duy hình tượng để nhận thức thế giới xung quanh, mà kiểu tư duy này lại chính là một trong những phương thức cơ bản để người nghệ sĩ xây dựng nên những hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm của mình. Đó chính là chỗ khác nhau cơ bản giữa hoạt động nghệ thuật với hoạt động khoa học.

Tác phẩm nghệ thuật có sức hấp dẫn mạnh mẽ không chỉ vì nó chứa đựng những nội dung hay, những hình tượng đẹp, những phát hiện mới mẻ mà còn vì tính chân thực của nó. Nghệ thuật chân chính loại trừ không thương tiếc tính giả dối và sự gượng ép. Trẻ em trong khi chơi cũng sống rất chân thực, rất hồn nhiên, bộc lộ hết mình. Trong cuộc sống bề bộn

và phức tạp, nhiều nghệ sĩ lớn cũng thường ước ao vượt lên tất cả để có cái nhìn thẳng thắn và hồn nhiên của trẻ thơ để phản ánh vào tác phẩm của mình sự thật của cuộc sống.

Quả thật có một cái gì đó rất giống nhau trong bản chất giữa hoạt động vui chơi của trẻ thơ với hoạt động sáng tạo của người nghệ sĩ (tất nhiên là ở hai trình độ rất khác nhau không thể so sánh được). Do đó trẻ đến với nghệ thuật một cách rất tự nhiên như gặp chính bản tính mình vậy. Tác động của nghệ thuật đối với trẻ thơ thật là mãnh liệt, khả năng nhạy cảm của trẻ đối với các loại hình nghệ thuật thật là lớn lao, nhờ đó mà những năng khiếu nghệ thuật thường được nảy nở ngay từ tuổi thơ.

II. Người mẹ - nhà giáo dục nghệ thuật đầu tiên của trẻ thơ

Giây phút cảm thụ nghệ thuật đầu tiên của đời người chính là qua người mẹ. Nằm trong lòng mẹ, cả khi ăn, khi ngủ, khi chơi mẹ có thể trò chuyện, hát cho con nghe những điệu hát; ngâm những câu thơ, ca dao, đọc những câu tục ngữ, kể những truyện cổ tích, ngụ ngôn hấp dẫn,... nghĩa là mẹ đã đưa con vào thế giới của những giá trị văn hoá nghệ thuật. Đặc biệt là qua lời ru, mẹ đã dạy cho con nghệ thuật âm nhạc, và thơ ca dân tộc để con biết yêu vẻ đẹp của thiên nhiên, yêu quê hương đất nước, yêu bà con làng xóm, truyền cho con những ý niệm cơ bản về thiện và ác để hun đúc ở đứa con lòng nhân ái. Ngay cả lúc mẹ nựng con, nếu chỉ nghe trên câu cú tưởng chừng như vu vơ, vì không có nghĩa gì, nhưng rõ ràng đây là cuộc trò chuyện đắm thắm nhất, đầy tình yêu thương và lòng tin cậy, trong đó người mẹ đã nói với

con bằng cả tấm lòng và đứa con đã nghe mẹ với tất cả sự sung sướng và niềm say mê của mình. Về bản chất thì những xúc cảm này mang tính thẩm mỹ. Nếu bản chất của nghệ thuật là tính nhân đạo thì cuộc trò chuyện này là nghệ thuật đích thực, vì người mẹ đã khơi dậy ở đứa con những xúc cảm về con người, về lòng yêu thương con người. Có thể nói bất cứ người mẹ nào cũng đều có giây phút hạnh phúc đến ngây ngất khi trò chuyện với con mình và lúc đó họ đã gọi lên xúc cảm yêu thương ở đứa con chẳng khác nào người nghệ sĩ bằng tài năng của mình khơi dậy ở người đọc, người nghe những tình cảm tốt đẹp về con người. Có thể nói bất cứ người phụ nữ nào ít nhất trong đời cũng có một lần làm người nghệ sĩ. Dù có ý thức hay chưa có ý thức rõ ràng nhiều người mẹ cũng đã dạy con học ăn, học nói, học gói, học mở – học làm người bằng những phương thức nghệ thuật khiến cho việc tiếp thu của đứa con vừa rất tự nhiên lại vừa có hiệu quả cao và giúp cho trẻ tiếp cận dễ dàng nhất với kho tàng nghệ thuật quý báu của dân tộc và nhân loại. Xin dẫn ra đây một ví dụ về một bà mẹ của những tâm hồn thơ - mẹ của nhà thơ trẻ Trần Đăng Khoa.

Không phải ngẫu nhiên mà cả 4 người con của bà đều yêu thích nghệ thuật, biết làm thơ và biết hát chèo ngay từ khi còn rất bé. Cả 4 anh chị em của gia đình này đều được cái may mắn là ngay từ khi cất tiếng khóc chào đời đã được tiếp xúc ngay với người nghệ sĩ - đó chính là người mẹ của mình. Nếu hiểu bản chất của nghệ thuật là khơi dậy cho mọi người những cảm xúc thẩm mỹ, những tình cảm đối với con người thì bà quả là một người mẹ - nghệ sĩ. Bà thường ru con bằng những lời thơ đầy nhạc tính, giàu hình ảnh và những lời hay, ý đẹp ngày càng thấm sâu vào ký ức non nớt

của các con và để lại những ấn tượng sâu đậm cho đến sau này giúp cho các con có được đời sống tinh thần trong sáng và phong phú để tạo nên những vần thơ đẹp. Chính được sống trong môi trường giàu âm hưởng thơ ca như vậy, Khoa và anh chị em của mình đã có điều kiện để khám phá ra vẻ đẹp trong tiếng nói của dân tộc và việc khám phá ra vẻ đẹp của tiếng nói chính là bước đi đầu tiên đồng thời cũng là bước đi quan trọng nhất vào thế giới của cái đẹp, vào nghệ thuật.

Qua nhiều bài thơ hay của Trần Đăng Khoa ta có thể dễ nhận thấy rằng, nguồn cảm xúc phong phú trong thơ Khoa một phần quan trọng là chịu ảnh hưởng khá sâu đậm của tấm lòng yêu thương của bà. Hình ảnh người mẹ thường được em thể hiện bằng những câu thơ đẹp và sâu sắc nhất. Tấm lòng tràn đầy yêu thương của bà như tỏa ra một cách vô hình đến mọi vật trong nhà. Từ con chó con mèo đến cây na, cây chuối, cái gì cũng được nâng niu quý trọng và hầu hết đều như được trở thành những nhân vật thân thiết trong thơ Khoa. Có thể nói bà đã nuôi dưỡng cho Trần Đăng Khoa một tâm hồn nhạy cảm, nhờ đó sự vật bao giờ cũng được Khoa phát hiện ở khía cạnh tươi sáng, lành mạnh, đang phát triển nảy nở.

Nhà thơ Giang Nam đã trả lời trong phiếu điều tra khoa học của chúng tôi như sau: "Mẹ tôi không làm thơ, không sáng tác dân ca, nhưng cái vốn dân ca hết sức phong phú của mẹ tôi đã làm nên trí tưởng tượng của tôi, đã hướng dẫn tâm hồn tôi đến với thơ ca sau này."¹

¹ Công trình nghiên cứu năng khiếu thơ của trẻ em Việt Nam của TS. Tâm lý học Nguyễn Ánh Tuyết

Việc nuôi dưỡng những mầm non nghệ thuật đối với những bà mẹ mà vốn là nghệ sĩ chuyên nghiệp thì lại càng có nhiều điều kiện thuận lợi hơn nhiều. Thế giới có biết bao nhiêu bà mẹ nghệ sĩ đã bồi dưỡng cho con thành những tài năng nghệ thuật đóng góp vào kho tàng nghệ thuật của nhân loại. Riêng ở nước ta đã có không ít những bà mẹ nghệ sĩ đã nuôi dạy con thành người, vun trồng những mầm non nghệ thuật cho đất nước. Và còn nhiều bà mẹ - nhà giáo dục nghệ thuật khác như nghệ sĩ Nguyễn Thị Phúc (mẹ của nghệ sĩ ngâm thơ Trần Thị Tuyết), nghệ sĩ Lê Mai (mẹ của các nghệ sĩ: Lê Vân, Lê Khanh, Lê Vi), bà Thái Thị Liên, một nghệ sĩ dương cầm đã ảnh hưởng sâu sắc đến tài năng hiếm thấy của nghệ sĩ dương cầm Đặng Thái Sơn mà nhiều người yêu nhạc trên thế giới đã thán phục và hâm mộ vì tiếng đàn làm say mê lòng người.

Chỉ cần điếm qua một số gương mặt người mẹ nghệ sĩ gần gũi quanh ta cũng đủ nhận ra rằng ảnh hưởng của người mẹ đến mầm non nghệ thuật là hết sức to lớn và ngay cả khi còn đang nằm trong bụng mẹ, thai nhi cũng đã chịu ảnh hưởng trực tiếp những tác động nghệ thuật của mẹ.

III. Trách nhiệm của xã hội đối với người mẹ - nhà giáo dục nghệ thuật đầu tiên của trẻ thơ

Lọt lòng mẹ, đứa trẻ tiếp xúc ngay với một nền văn hóa - nghệ thuật mà người mẹ là người đại diện cho nền văn hóa - nghệ thuật đó để nuôi dưỡng em nên người. Những lời ru, điệu hát, câu thơ của mẹ có thể là những bài học đầu tiên vô cùng về nghệ thuật. Sau này khi lớn lên vượt ra ngoài vòng tay của mẹ, con người sẽ giao lưu với nền văn hóa -

nghệ thuật rộng lớn hơn của loài người. Nhưng những gì mà mẹ cho ta ở tuổi thơ thì dấu ấn của nó sẽ rất sâu đậm và theo ta có khi đến trọn đời.

Không hẳn là dòng máu, cũng không hẳn là di truyền qua "gen" mà chính là vốn văn hoá – nghệ thuật của người mẹ (nói rộng hơn nữa là của gia đình mà trong đó người mẹ là nhân vật trung tâm) đã gieo vào đầu óc non nớt của trẻ thơ những mầm mống có khả năng làm nảy nở trong đó một tâm hồn với những phẩm chất đạo đức và những năng khiếu nghệ thuật. Do đó, đối với việc nuôi dưỡng những mầm non nghệ thuật thì vốn văn hóa – nghệ thuật của người mẹ được coi là hạt giống.

Bởi vậy mỗi người mẹ cần phải biết chăm lo bồi dưỡng, trau dồi vốn văn hóa-nghệ thuật của mình nếu họ mong muốn được làm người mẹ xứng đáng.

Tuy nhiên trong điều kiện hiện nay người phụ nữ khó có thể tự nâng cao trình độ văn hóa – nghệ thuật của mình được. Đây là tình hình phổ biến gần như ở tất cả các tầng lớp phụ nữ ở nhiều nơi, nhất là ở nông thôn và miền núi thì khó khăn này càng gay gắt gấp bội, cần được sự hỗ trợ tích cực của toàn xã hội.

Nhiều người mẹ trẻ (kể cả những người có học vị khoa học) cảm thấy rõ sự hẫng hụt về văn hóa – nghệ thuật của mình trước đòi hỏi hồn nhiên của đứa con và họ ao ước có được sự bù đắp thoả đáng của xã hội.

Trong nội dung quan tâm của xã hội đối với quyền lợi của phụ nữ không chỉ nên chú trọng về mặt phúc lợi vật chất mà cần hết sức chú trọng đến việc bồi dưỡng về mặt văn hóa

ting thân: Đảng và Nhà nước cần có một chính sách đặc biệt để nâng cao trình độ văn hóa của phụ nữ và tạo điều kiện để phụ nữ có thể hưởng thụ văn hóa – nghệ thuật một cách thuận lợi.

Cần phải nhận thức rằng người phụ nữ hưởng thụ văn hóa – nghệ thuật không phải chỉ để riêng cho bản thân mình mà còn là để cho con cháu.

Đây cũng là một cách nghĩ mang tính chất chiến lược mà nhiều khi vì những khó khăn trước mắt, người ta dễ cho là phù phiếm, coi việc tổ chức cho phụ nữ hưởng thụ văn hóa – nghệ thuật chỉ như là một "của bố thí".

Cần nhận thức rằng việc đầu tư để nâng cao vốn văn hóa – nghệ thuật cho phụ nữ sẽ mang lại lợi ích to lớn đối với một quốc gia - nếu có thể gọi là lãi thì số lãi này sẽ tăng theo cấp số nhân, vì một lẽ, nếu người phụ nữ có trình độ văn hoá – nghệ thuật cao thì thế hệ trẻ của đất nước sẽ có điều kiện thuận lợi để phát triển một cách lành mạnh hài hòa nhân cách của mình.

Trong việc làm lành mạnh các quan hệ xã hội, sẽ là phiến diện nếu chỉ nghĩ đến giải quyết nó bằng những lời giáo huấn khô khan, những pháp lệnh cứng nhắc mang tính chất răn đe mà không biết sử dụng đúng mức một phương tiện có sức mạnh kì diệu mà hiệu quả giáo dục lại lâu bền đó là nghệ thuật. Hiện nay, những thế lực phản động trên thế giới thường dùng "nghệ thuật" làm vũ khí để xâm lược và nô dịch các dân tộc, nhất là các nước đang phát triển mà bản thân nước ta cũng đang đứng trước sự đe dọa của làn sóng "nghệ thuật" đó. Có một tình hình đáng báo động về

quan niệm thẩm mỹ trong không ít thanh thiếu niên nước ta khi họ đã ngộ nhận những tác phẩm đồi trụy, lệch lạc từ bên ngoài mang vào là những gì mới mẻ, tiên tiến. Di hại của nó sẽ nghiêm trọng và lâu dài nếu chúng ta, nhất là những người mẹ trẻ không được trang bị những hiểu biết về văn hóa – nghệ thuật, đặc biệt là nền văn hoá nghệ thuật dân tộc.

Rồi sẽ đến một ngày đất nước chúng ta giải quyết được vấn đề kinh tế và cuộc sống vật chất sẽ được nâng cao như các nước giàu mạnh trên thế giới. Nhưng vấn đề con người sẽ tồn tại mãi như một vấn đề nan giải nếu chúng ta không có chiến lược bồi dưỡng thế hệ trẻ tâm hồn Việt Nam.

Đây là việc làm của nhiều thập kỉ, nhưng lại mang tính cấp bách hiện nay mà trách nhiệm đó, người trực tiếp thực hiện có hiệu quả nhất ngay từ bình minh của mỗi đời người lại chính là người mẹ - nhà giáo dục nghệ thuật đầu tiên của tuổi thơ.

KÌ VỌNG CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON CÁI*

Con cái là niềm hi vọng của cha mẹ. Sinh con ra ai chẳng muốn con mình thành đạt, giỏi giang, niềm hi vọng đó là rất chính đáng. Tuy nhiên, nếu cha mẹ đặt niềm hi vọng quá cao so với sức của con mình thì đó là kì vọng. Và một khi niềm hi vọng của cha mẹ đã biến thành kì vọng đối với con cái thì con đường phát triển của những đứa con sẽ như thế nào?

Trong xã hội ngày nay, nhiều bậc cha mẹ đã đặt kì vọng quá cao nơi con mình, khiến cho suốt đời nó phải phấn đấu cật lực từ đợt này rồi sang đợt khác, lúc nào cũng gồng mình lên để đạt cho được kì vọng của cha mẹ.

Lúc chưa đi học thì cha mẹ đã vội vàng cho con học chữ, học tính, học tiếng nước ngoài trước để hi vọng khi vào lớp Một con mình sẽ chiếm được vị trí nhất nhì trong lớp. Chưa đủ, họ còn phải tìm mọi cách để xin cho con được vào trường nổi tiếng, "chất lượng cao" với những chương trình đặc biệt, cao hơn hẳn chương trình bình thường, có cả thầy cô nước ngoài tham gia giảng dạy, mặc dù phải chịu mức học phí rất cao, khoảng chừng ba bốn trăm "đô" (tức là dăm triệu) một tháng mà kết quả mang đến lại không có gì đặc biệt cả.

Mỗi đứa trẻ sinh ra đều có một tiềm năng quý giá, thế nhưng tiềm năng đó có được khơi dậy không và nó phát triển

* Báo "Khoa học và đời sống". Số 31 (1999).

có đúng hướng không? Đó là vấn đề mà các bậc cha mẹ, cô giáo và người lớn chúng ta cần phải tìm hiểu, nghiên cứu cho kỹ lưỡng để tránh ngộ nhận. Trong thực tế đã có người coi ước mơ của mình như là khả năng tiềm ẩn trong đứa con, họ muốn biến ước mơ đó thành hiện thực càng sớm càng tốt. Do đó họ cố tưởng tượng ra hình ảnh đứa con sau này sẽ là nhạc sĩ nổi tiếng hay họa sĩ tài ba, là nhà toán học hay nhà văn vĩ đại... và bằng mọi cách ép đứa con phải cố gắng để gia nhập vào hàng ngũ "thần đồng", khiến cho đứa con tội nghiệp đó phải phấn đấu cật lực ngay từ khi còn rất bé, đành phải từ bỏ ham thích riêng để làm theo ý muốn của cha mẹ. Như vậy là tuổi thơ mất đi mà không hay biết!

Không thiếu gì hiện tượng áp đặt ý muốn của người lớn đối với trẻ em đã xảy ra trong cuộc sống của nhiều gia đình ở xã hội ta hiện nay. Sau đây là một ví dụ có thật đáng để người lớn chúng ta phải suy nghĩ:

Ở một gia đình khá giả nọ, hai vợ chồng chỉ có một cậu con trai. Cậu bé trông khôi ngô, xinh xắn. Bố mẹ cháu đặt tất cả tình thương yêu và niềm hi vọng vào cậu quý tử này. Họ quyết tâm "bồi dưỡng", "hướng nghiệp" cho cậu con trai theo lòng mong muốn chủ quan của mình. Gia đình mua hẳn cho con một chiếc đàn piano đắt tiền, đón cô giáo về dạy riêng hàng ngày và bắt con phải ngồi luyện đàn mỗi ngày một giờ sau khi đã được cô giáo dạy cho. Hiếm một nổi, học đàn mãi mà chẳng thấy tiến bộ mấy. Nhưng vì niềm hi vọng của cha mẹ đặt vào cháu bé quá lớn nên hẳn thấy có cuộc biểu diễn nào là lập tức ghi tên cho cháu tham dự, thậm chí còn xin thử sức đua tài ở một số cuộc thi, mặc cho khi vào thi

cháu đánh sai lung tung lên phím đàn. Thường cháu là thí sinh nhỏ tuổi nhất và điều đó càng làm cho bố mẹ cháu hãnh diện, còn cậu ta thì lại tỏ ra bực mình, muốn chạy chơi chỗ khác. Thực ra không phải cậu ta không có ham muốn về một hoạt động nào đó, cậu ta rất thích vẽ. Những lúc thú vị nhất đối với cậu bé là những lúc nó được tự do vạch những nét vẽ theo trí tưởng tượng của mình, tạo thành những bức tranh mà em ngắm nghía đến say mê. Vì vậy giờ học đàn đối với cậu ta quả là một cực hình. Tay bấm phím đàn theo lời chỉ bảo của cô giáo mà đầu óc lại mãi theo đuổi một "tác phẩm hội hoạ" mà em đang ấp ủ, muốn thể hiện. Nhưng điều đó cũng không làm cho em khó chịu bằng việc cứ mỗi khi nhà có khách đến chơi là bố mẹ lại bắt em ra biểu diễn đàn cho khách nghe và bố mẹ xem ra rất tự hào về "nghệ sĩ tài ba" của mình. Cậu bé luôn có cảm giác khó chịu mỗi khi phải ra trình diễn như vậy. Song để chiều theo ý của bố mẹ và để khỏi bị mắng em vẫn phải ra hầu khách! Thế rồi việc gì đến sẽ phải đến, cái ngày "bùng nổ" đã đến, đó là ngày mừng sinh nhật cậu bé tròn 5 tuổi. Hôm đó nhà đông nghịt khách của bố mẹ. Mẹ mặc đẹp cho em nhưng chưa vội cho em xuất hiện ở phòng khách. Ngồi trong phòng một mình, cậu bé lấy giấy và bút màu ra rồi hí hoáy vẽ. Khi bức vẽ sắp hoàn thành thì bà mẹ vào gọi em ra chào và biểu diễn đàn cho khách nghe. Cậu bé chần chừ và bịn rịn vì chỉ còn vài nét là "tác phẩm" sẽ hoàn thành, nhưng mẹ em đã xông vào lôi xềnh xệch em ra ngoài, miệng đơn đả giới thiệu với mọi người về cậu con trai đánh đàn giỏi của mình. Cậu bé vốn từ lâu vẫn hiền lành, dễ bảo, vậy mà hôm nay bỗng trở nên dữ

tợn, bướng bỉnh. Như một con nhím dương cả bộ lông nhọn lên, em trừng mắt nhìn mọi người và cả bố mẹ, mặt đỏ bừng, rồi hét lên trước sự kinh ngạc của mọi người: "Con không muốn đánh đàn! Con không muốn làm người lớn đâu!". Quả là cậu bé ghét và sợ người lớn, vì cảm thấy người lớn chẳng hiểu gì em, người lớn lạm dụng uy quyền của mình để bắt trẻ em làm những điều mà chúng không thích (Câu chuyện trên đây do Hoàng Yến kể lại).

Lúc còn bé, trước cha mẹ đứa trẻ bao giờ cũng như một ẩn số, không biết lớn lên nó sẽ thành người như thế nào? Nhưng hầu hết các bậc cha mẹ đều nuôi một niềm hi vọng lớn lao ở đứa con của mình. Nhiều người quyết tâm đi tìm cho được một "lời giải hay", phù hợp với ý nguyện của mình bằng cách giải mang tính chủ quan và áp đặt, không phù hợp với quy luật phát triển. Họ cố gắng phát hiện cho được ở đứa con một năng khiếu nào đó, có khi là phát hiện nhầm, rồi cứ thế mà ra sức "bồi dưỡng nhân tài", như trường hợp kể trên, dẫn đến thất bại. Không những kì vọng sẽ tiêu tan, mà còn gây ra bao trở ngại trên con đường phát triển của trẻ. Trong trường hợp phát hiện đúng năng khiếu cũng cần phải thận trọng, tìm cho ra phương pháp thích hợp để tránh nôn nóng, thúc đẩy nhanh sự phát triển một cách giả tạo để rồi chỉ còn thu hoạch được những "quả chín ép" mà thôi. Bởi vì từ năng khiếu đến tài năng là cả một thời gian dài với biết bao biến đổi trên con đường phát triển của đứa trẻ. Tuổi càng nhỏ năng khiếu càng mờ nhạt, lúc ẩn, lúc hiện, có lúc mất đi hay chuyển sang một loại năng khiếu khác. Tốt nhất là hãy để cho trẻ phát triển một cách tự nhiên trong nhiều hoạt động mà chúng ưa thích. Người lớn cần

khuyến khích trẻ hoạt động một cách toàn diện: múa, hát, vẽ, nặn, đọc thơ, kể chuyện, khám phá... đặc biệt là tổ chức các trò chơi hấp dẫn và bổ ích cùng bạn bè, qua đó mà phát hiện xu hướng hoạt động của mỗi đứa trẻ, xem nó ham thích và có khả năng hoạt động ở lĩnh vực nào nhất. Trên cơ sở đó người lớn tìm cách nuôi dưỡng và tạo mọi điều kiện cho năng khiếu nảy nở phù hợp với quy luật phát triển của trẻ thơ. Đây là một việc làm mang tính khoa học, cần được nghiên cứu nghiêm túc, chứ không thể tùy tiện theo ý muốn chủ quan của ai đó được. Đối với việc giáo dục trẻ nhỏ, áp đặt bao giờ cũng dẫn đến hậu quả sai lầm.

Bất cứ người cha, người mẹ nào cũng đều có quyền đặt hi vọng ở đứa con của mình, tuy nhiên nếu hi vọng quá lớn vượt khỏi mọi giới hạn cho phép thì sẽ biến thành kì vọng, mà đã là kì vọng thì lại dễ dẫn đến thất vọng nếu chỉ dựa vào ý muốn chủ quan của người lớn mà không tính đến những đặc điểm phát triển của từng đứa bé.

BÀ MẸ CỦA NHỮNG TÂM HỒN THƠ*

• Người mẹ – Nghệ sĩ

Tôi muốn được kể lại với các bạn về một bà mẹ nông dân bình thường như rất nhiều bà mẹ nông dân chúng ta có thể gặp ở các làng quê.

Tôi đã gặp mẹ em Trần Đăng Khoa khá nhiều lần vào những thời gian khác nhau, và tôi đã nhận ra rằng bà là một người mẹ có văn hóa. Không phải ngẫu nhiên mà tất cả bốn người con của bà đều yêu thích nghệ thuật, biết làm thơ, biết hát chèo.

Nhuận Minh, người con trai bà đã yêu thơ ca từ lúc còn rất bé, và bắt đầu làm thơ từ những năm học cấp I. Anh đã được nhiều giải thưởng về thơ, và hiện nay là nhà thơ trẻ của vùng mỏ Quảng Ninh.

Thanh Bình, cô con gái lớn vừa yêu thơ, lại giỏi hát chèo. Cô rất được bà con hâm mộ qua nhiều vai chèo cổ, đặc biệt là vai Thị Mầu.

Trần Đăng Khoa, người con thứ ba của bà, đã sớm bộc lộ tài năng đặc biệt về thơ ca.

Thúy Giang, cô gái út, làm thơ còn sớm hơn cả hai anh của mình. Sáu tuổi, Giang đã viết được những câu thơ rất đáng yêu về con lợn, con gà, về mảnh vườn nhà em:

* Nhà xuất bản Phụ nữ, 1980.

Cái vườn nho nhỏ

Cô gió đến chơi

Cô đưa vông đỏ

Ru chú mặt trời...

Cả bốn anh chị em trong gia đình đều được cái may mắn là ngay từ khi cất tiếng khóc chào đời đã được tiếp xúc ngay với một người nghệ sĩ: Đó chính là người mẹ của mình! Nếu hiểu bản chất của việc làm nghệ thuật là nhằm khơi dậy cho mọi người những cảm xúc thẩm mỹ, những tình cảm đối với con người, thì bà quả là một người mẹ - nghệ sĩ. Bà thường ru con bằng những lời thơ đầy nhạc tính và giàu hình ảnh, rồi những lời hay ý đẹp cứ ngày một, ngày hai thấm vào con trẻ và những âm điệu dân ca đã đọng lại trong ký ức non nớt của tuổi thơ các em. Kì diệu thay những bài hát ru của những bà mẹ Việt Nam! Trong thực tế đâu phải những người mẹ khi ru con đã hiểu được tất cả tác dụng to lớn của lời ru đối với đứa con? Qua lời ru của mẹ, bé đi vào giấc ngủ với một cảm giác lâng lâng. Có thể bé chưa hiểu biết gì về ý nghĩa của lời ru, nhưng những ấn tượng về âm thanh đó đã khơi dậy những tình cảm ban đầu của bé: Bé tiếp nhận một cách tự nhiên sự âu yếm chứa đựng ngay trong âm điệu lời ru của người mẹ. Một âm điệu man mác, kèm theo một nét mặt thoáng buồn; một âm điệu tươi sáng đi đôi với một nụ cười hồn hậu. Thông thường đó là cách biểu hiện rõ tình cảm hết sức chân thực của người mẹ, và chính nó góp phần hình thành ở em bé một tâm hồn nhạy cảm. Em bé làm quen dần với những sắc thái trong giọng nói con người, thích nghe những câu nói có vần điệu uyển chuyển, nhịp nhàng, và dần dần cũng muốn học theo lối nói như vậy.

Với Trần Đăng Khoa ngay từ khi còn bé, em đã thích nghe những lời nói dịu dàng, tập nói những câu hay và rất ghét thói nói tục, chửi bậy. Lời hay, ý đẹp giúp em có một đời sống tinh thần đẹp và sau này viết nên những vần thơ đẹp. Chính được sống trong một môi trường giàu âm hưởng thơ ca như vậy, Khoa đã có điều kiện để tự mình khám phá ra cái đẹp ngay trong tiếng nói dân tộc. Việc khám phá ra cái đẹp trong tiếng nói chính là bước đi đầu tiên đồng thời cũng là bước đi quan trọng nhất vào thế giới của cái đẹp.

Ngay từ bé, em đã thích những câu thơ hay để ngân nga, mặc dầu em chưa hề biết chữ:

*Cỏ non xanh rợn chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa...*

Hay

*Lơ thơ tơ liễu buông mành
Con oanh học nói trên cành mả mai.*

Có người đã gọi người Mẹ là người nghệ sĩ đầu tiên của các con mình. Bà mẹ của Khoa rất xứng với danh hiệu cáo quý ấy. Bà đã có công đầu trong việc nuôi dưỡng những mầm mống nghệ thuật trong các con. Đây cũng không phải là trường hợp cá biệt, và theo sự điều tra của tôi trên gần một trăm nhà thơ quen biết của nhân dân ta, thì phần lớn đều đã có được những bà mẹ - nghệ sĩ như vậy.

• Người dẫn dắt các con vào thế giới của tưởng tượng

Ngôn ngữ giàu nhạc tính, giàu hình tượng của thơ ca mà bà mẹ em Khoa thường đọc hoặc hát cho con nghe cứ ngày

một ngày hai gieo vào tâm hồn em những điều mới lạ, đó chính là những bước đầu tiên đưa con vào thế giới của tưởng tượng.

Cùng với việc ngâm thơ, đọc thơ, cho các em làm quen với ca dao, tục ngữ trong sinh hoạt hàng ngày, bà lại thường hay kể chuyện cổ tích cho các con nghe. Có thể nói đây cũng là một nét khá đặc sắc trong đời sống tinh thần của gia đình này, bởi ngay cả bà ngoại em Khoa cũng là người thích thơ ca, hay truyền lại cho các cháu của mình những tích chèo nổi tiếng như Lưu Bình - Dương Lễ, Quan Âm Thị Kính ... bằng rất nhiều làn điệu phong phú. Đối với trẻ em, còn gì thú hơn là được xúm lại quanh mẹ, hồi hộp nghe mẹ kể chuyện cổ tích. Mẹ em Khoa lại nhớ được rất nhiều truyện cổ tích. Bé Khoa đã phải kêu lên một cách thán phục: *"Trong bụng mẹ chứa đầy truyện cổ tích"*.

Bà kể chuyện rất có duyên, hiểu được tâm lí của người nghe. Vào những đêm trăng sáng hay những lúc rỗi rãi, bà kể chuyện cho các con nghe và cho cả lũ trẻ hàng xóm cùng nghe. Với giọng kể thật hấp dẫn, một thế giới kì ảo hiện ra trước mắt các em. Bà đã kể cho các em nào là chuyện cô Tấm chui ra từ quả thị, chuyện Sơn Tinh đắp núi cho cao để chống Thủy Tinh, chuyện Diêm vương bắt bỏ vào vạc dầu sôi những kẻ gian ác, rồi chuyện anh Trương Chi "người thi thật xấu hát thì thật hay", hay chuyện niêu cơm của Thạch Sanh ăn mãi mà chẳng hết... Bao nhiêu loại người khác nhau, loại người tốt sao gần gũi, mến thương, loại người xấu sao vừa ghét lại vừa sợ... Những phong cảnh xa lạ từ những khu rừng rậm rạp bí hiểm, đến biển cả mênh mông, những lâu

đài trắng lệt, những con thú chưa hề thấy... tất cả đã nhập vào tâm hồn của các em bé ở giữa vùng đồng bằng này với những màu sắc lung linh, kì ảo. Người kể chuyện, bằng tài diễn đạt của mình, đã dẫn dắt các em vào thế giới của thần thoại. Tâm hồn các em được rộng mở, trí tưởng tượng được kích thích mạnh mẽ thôi thúc các em muốn khám phá những điều kì lạ và lí thú trong các câu chuyện hết sức hấp dẫn mà các em chưa hề được mắt thấy tai nghe. Có phải cảnh hội hè ngày xưa trong chuyện Tấm Cám đã khiến Khoa hình dung ra đám rước lung linh dưới đáy biển?

Tôi biết từng đàn sứa

Giương Ô đi trong hội lân tinh.

Ở đây tôi muốn được lưu ý các bạn tới một vấn đề mang ý nghĩa giáo dục hết sức quan trọng mà không phải ai cũng dễ dàng nhận thức được ngay. Lênin đã từng nói : *"Người ta sẽ nhầm nếu cho rằng trí tưởng tượng chỉ cần cho nhà thơ. Đó là một định kiến ngu xuẩn. Ngay cả trong toán học, trí tưởng tượng cũng cần thiết; việc phát minh ra vi phân và tích phân cũng sẽ không thể có được nếu không có trí tưởng tượng. Trí tưởng tượng là một phẩm chất vô cùng quý giá"*.

Ở trẻ em, trí tưởng tượng vốn được phát triển rất sớm và thường được vận dụng để tìm hiểu thế giới xung quanh. Nếu không kích thích cho nó phát triển thì tự nó sẽ có nguy cơ bị thui chột đi, và như vậy các em nhỏ của chúng ta sẽ mắc vào tình trạng tạm gọi là *"thiết thực hóa"* hay *"thực dụng"*, nghĩa là các em chỉ còn biết đến các thực tế nhỏ hẹp và rất hạn chế quanh quẩn trước mắt mình, mà không thể hình dung ra cũng như không thể chấp nhận được những cái mà chúng

chưa hề nghe, chưa hề thấy hoặc chưa được đụng chạm đến, mặc dầu có cái tuy trong hiện tại thì chưa có nhưng rất có thể sau này lại có. Xã hội loài người sẽ ngưng đọng lại, trì trệ đi biết bao, nếu không có những phát minh sáng chế khoa học mà bước đầu cũng là do trí tưởng tượng kích thích, những phép thần thông biến hóa, những cuộc "đi mây về gió" của Tôn Ngộ Không, những chiếc thảm biết bay... trong các truyện cổ tích, ngày nay đâu có còn là điều kì lạ, khi bằng những phát minh khoa học táo bạo, con người đã có thể đi vào vũ trụ, thoát ở nơi này, thoát lại ở nơi kia, bao phép mầu trước đây nay đã thành hiện thực.

Trí tưởng tượng giúp loài người sáng tạo ra những cái mới, hình thành những ước mơ táo bạo, những hoài bão về cuộc sống tương lai, và chính nó đã giúp cho khoa học, nghệ thuật phát triển. Ở lĩnh vực thơ, trí tưởng tượng lại cần thiết biết bao?

Những năm còn bé, Trần Đăng Khoa đã được sống trong không khí của những câu chuyện cổ tích mà mẹ em đã kể với tất cả lòng say sưa của mình. Và em cũng phải tưởng tượng mới hiểu được. Thế giới xung quanh em vì thế mà trở nên kì ảo và lí thú vô cùng. Em đã viết lại cho chúng ta và cho các bạn đọc nhỏ tuổi của mình những câu thơ rất bất ngờ, nhưng cũng rất gần gũi với mọi người. Trí tưởng tượng bổ sung cho em thêm những hiểu biết khi trình độ nhận thức của em còn rất non nớt trong thời thơ ấu. Nhưng quan trọng hơn cả là nó đã tạo cho em một tâm hồn giàu sức sáng tạo, và chính nó là một phẩm chất không thể thiếu được trong năng khiếu thơ của em.

Thông qua trí tưởng tượng của em, sự vật ngoài đời, từ một *góc sân* hay một *khoảng trời*, một tiếng chim hót hay một tiếng vông kêu, một mảnh trăng hay một cánh diều... vừa hư lại vừa thực, đã tạo cho thơ em những nét riêng biệt, và hấp dẫn.

Em có những câu thơ đáng yêu như :

Chị tre chải tóc trên cao.

Đàn mây áo trắng ghé vào soi gương.

Thành ra cũng nhờ có trí tưởng tượng mà từ góc sân nhỏ nhỏ này Khoa đã nhìn được cả trên cao, nhìn cả ra xa, đến tận con sông Kinh Thầy của quê mình, và thấy cả cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc:

Góc sân nhỏ nhỏ mới xây

Chiều chiều em đứng nơi này em trông

Thấy trời xanh biếc mênh mông

Cánh cò chộp trắng trên sông Kinh Thầy,

Thấy đạn các chú đan dây

Máy bay giặc Mỹ lăn quay thêm nhiều !

Khoảng trời em đến là yêu

Góc sân nhỏ nhỏ chiều chiều đứng trông.

Cái thế giới kì ảo của trí tưởng tượng mà mẹ em đã dẫn dắt vào từ những năm còn thơ, tạo ra những câu thơ hay, và hơn thế nữa, đã góp phần hình thành ở em những ước mơ cao đẹp về cuộc sống tương lai, thúc đẩy em luôn luôn khám phá, tìm tòi, sáng tạo mãi.

• Tình yêu của người mẹ – nguồn cảm xúc của tuổi thơ

Mẹ em Khoa là một người phụ nữ giàu tình cảm. Lúc còn con gái nghe chuyện "Tống Trân, Cúc Hoa", đọc "Kiều", đọc "Chinh phụ ngâm"... bà thường khóc vì xót thương cho những người trong chuyện bị rơi vào hoàn cảnh éo le. Sau này khi có gia thất bà thương chồng, thương con hết mực. Đối với những người xung quanh bà giữ trọn tình làng nghĩa xóm. Nhà tuy nghèo nhưng hề thấy người khác khổ hơn mình, bà sẵn lòng nhường cơm xẻ áo, an ủi, động viên.

Có lần bộ đội qua làng và đóng quân tại đó, bà thấy các chú lính trẻ trạc tuổi con mình mà phải xa nhà ra mặt trận, đêm nằm trần trọc không ngủ được, thế là sáng hôm sau bà dậy thật sớm, hái hết hoa quả trong vườn kịp tặng bộ đội lên đường hành quân.

Tấm lòng tràn đầy yêu thương của bà đã truyền sang cho con mình. Anh chị em Khoa cũng sống với lòng nhân ái như thế trong cả thời thơ ấu.

Năm Khoa lên 4 tuổi, mẹ Khoa sinh em bé gái (là Thúy Giang), năm đó mùa màng thất bát, trong nhà chỉ còn vài đấu gạo, mỗi bữa chỉ nấu một niêu cơm nhỏ, dành cho bà ăn để lấy sữa nuôi con nhỏ, còn thì cả nhà chỉ ăn khoai sắn. Bưng bát cơm gạo trắng mà nuốt không nổi vì thấy đứa con mới 4 tuổi mà đã phải ăn ngô khoai thay cơm, bà đưa bát cơm cho Khoa nhưng em từ chối, không ăn, mẹ bảo thế nào cũng không chịu, cứ chạy đi chỗ khác. Bà bưng bát cơm đuổi theo con, nhưng Khoa nhất quyết không ăn mà nói: "Bát cơm này là phần của em bé!".

Cùng năm đó bà ngoại của em bị ốm, mẹ Khoa đi chợ mua biếu bà mấy chiếc bánh giò. Người thấy mùi bánh thơm phức, nhưng mấy anh chị em Khoa không ai đòi ăn, mà dành cả cho bà.

Khoa tuy bé nhất nhưng đã xung phong mang bánh đến biếu bà. Từ nhà em đến nhà bà ngoại không xa lắm nhưng phải qua một chiếc cầu tre cheo leo. Cậu bé một tay cầm bánh, một tay chống vào cây tre bò qua cầu. Biếu bà quà xong em liền chạy về nhà như vừa mới lập được một chiến công hiển hách.

Đối với bạn bè, em sẵn lòng nhường bánh kẹo, đồ chơi, những thứ mà mình ưa thích.

Thương yêu con, nên mẹ Khoa cũng rất quan tâm tới bạn bè của các con. Mỗi khi các em đến chơi nhà, bà thường hỏi han ân cần, luôn luôn nhẹ nhàng khuyên bảo các em biết thương yêu nhau, giúp đỡ lẫn nhau mọi mặt. Cạnh nhà có một em bé bị lừa nặng, gần như mù từ lúc còn bé, tên là Trần Kim Dũng. Dũng kém Khoa hai tuổi và thích sang chơi nhà Khoa. Gia đình Dũng thương con bị tàn tật nên cũng rất chiều chuộng em, ít uốn nắn những sai sót của em, cũng vì vậy, Dũng chưa phải là một em bé ngoan. Mẹ Khoa luôn nghĩ : Cháu bé bị mù lừa càng cần được chăm sóc hơn để có một tâm hồn trong sáng và lạc quan yêu đời. Và thế là mỗi lần Dũng sang chơi, bà đều tìm cách khuyên bảo, đọc thơ, kể chuyện cho nghe. Bằng tình thương chân thành, bà đã cảm hóa được em, khiến em bé bị mù lừa này suốt ngày cứ quanh quẩn ở nhà bà. Em cũng học Khoa cách làm thơ, và khi tiếng thơ của em cất lên thì cũng chính là lúc tâm hồn của em được đổi mới.

*Hôm nay em đến lớp
Nghe đất trời đẹp hơn
Con chim nghiêng mắt ngó
Ngắm bầu trời trong xanh.
Cảm ơn thầy, cô giáo
Thương đứa trẻ như em
Cuộc đời không ánh sáng
Quanh em mù bóng đêm

Cuộc đời em ngày tháng
Bóng tối tràn mênh mông
Hôm nay em đến lớp
Được sáng mắt sáng lòng !*

(Trần Kim Dũng – 10 tuổi)

Tôi đã đọc khá nhiều bài thơ của em Khoa, kể cả những bản ghi chép chưa hoàn chỉnh và thấy rằng có thể nói nguồn cảm xúc phong phú trong thơ em một phần quan trọng là chịu ảnh hưởng khá sâu đậm của tấm lòng yêu thương của mẹ em. Hình ảnh bà thường được em thể hiện bằng những câu thơ đẹp và sâu sắc nhất. Trong giấc ngủ chập chờn, em thấy "Bóng mẹ lom khom trên đồng".

Bưng bát cơm ăn lại chạnh nghĩ ngay đến:

*Giọt mồ hôi sa,
Những trưa tháng sáu
Nước như ai nấu
Chết cả cá cờ
Cua ngoi lên bờ"
Mẹ em xuống cấy...*

Và mỗi khi nhìn thấy:

*Áo mẹ mưa bạc màu
Đầu mẹ nắng cháy tóc*

Em lại nghĩ và tự trách mình :

*Mẹ ngày đêm khó nhọc
Con chưa ngoan, chưa ngoan!*

Rồi khi mẹ ốm, em đã nhận ra rằng:

*Nắng mưa từ những ngày xưa
Lặn trong đời mẹ đến giờ chưa tan !*

Và em muốn làm tất cả những gì có thể làm để mẹ chóng khỏi:

*Mẹ vui con có quản gì
Ngâm thơ, kể chuyện rồi thì múa ca
Rồi con diễn kịch giữa nhà
Một mình con đóng cả ba vai chèo !*

Tấm lòng tràn đầy tình thương yêu của bà như tỏa ra một cách vô hình ở mọi vật trong nhà, từ con chó, con mèo, đến cây na, cây chuối, cái gì cũng như được nâng niu, quý trọng và hầu như tất cả đều trở thành những nhân vật thân thiết của mọi người. Các con bà hầu như không có những hành động phá phách cây cối hay đánh đập gia súc, trái lại thường có ý thức chăm chút, giữ gìn. Hái một lá trầu cho bà, Khoa cũng cảm thấy như cây bị đau:

*Trầu ơi, hãy tỉnh lại
Mở mắt xanh ra nào!
Lá nào muốn cho tao
Thì mày chia ra nhé!*

*Tay tao hái rất nhẹ
Không làm mày đau đâu!*

Chỉ vì một con chó hốt hoảng bỏ nhà chạy đi khi nghe tiếng bom giặc Mỹ nổ ở gần nhà, mà cả nhà ai cũng thương nhớ. Khoa viết:

*Hôm nay tao bỗng thấy
Cái cổng rộng thế này !
Vì không thấy bóng mày
Nằm chờ tao ngoài cửa
Không nghe tiếng mày sủa
Như những buổi trưa nào
Không thấy mày đón tao
Cái đuôi vàng ngoáy tí
Cái mũi đen khìn khịt
Mây không bắt tay tao
Tay tao buồn làm sao!*

Một tấm lòng như vậy sẽ không thể sản sinh ra những hành vi thô bạo, độc ác, dù là độc ác với cây cỏ, chim muông.

Tôi có một nhận xét ở trẻ em, sự thô bạo đối với thiên nhiên thường đi liền với tính độc ác đối với con người, vì một hành vi thô bạo sẽ để lại một vết nhơ trong tâm hồn các em. Nhiều bà mẹ trẻ chúng ta thường rất coi thường các hiện tượng các cậu con trai của mình trèo lên phá hoại cây cối, đánh đập súc vật. Sự thô bạo thậm chí tàn ác của một số ít thanh niên phạm pháp, phải chăng đã có nguồn gốc từ những hành vi độc ác hồi còn bé đối với những vật xung quanh mình mà không hề được ai nhắc nhở, phê phán, ngược lại đôi khi còn được khuyến khích một cách vô ý thức?

Một vườn hoa mới trồng đẹp đẽ, có em nhỏ đã vào vặt trụi cả lá. Một hàng cây non nớt mới mọc vài chồi lá đã bị các em bẻ ngang để đùa nghịch. Chúng ta ngăn các em làm những việc đó không chỉ là để bảo vệ vườn hoa hay hàng cây, mà còn là để cho các em nhỏ không làm quen với những hành vi thô bạo đó, vì sau này, khi lớn lên, nó có thể trở thành những hành vi độc ác đối với cả con người.

Anh em Khoa được sống trong một bầu không khí yêu thương và thân thiết như vậy của gia đình, mà linh hồn là người mẹ của em, nên tình cảm tốt đẹp đó đã được phát triển ở cả mấy anh em. Riêng với một tâm hồn nhạy cảm như em Khoa, những cái tinh tế của cuộc sống rất dễ lọt vào những "giác quan đầy xúc động" của em. Chúng ta hãy nghe em tả cảnh nửa đêm:

*"Nửa đêm em tỉnh giấc
Bước ra hè em nghe
Nghe giọt sương đọng mặt
Đọng mặt trên cành tre
Nghe rì rì tiếng sâu
Nó đang thở cuối tường
Nghe rì rầm rặng duối
Há miệng đòi ăn sương".*

• Người thầy đầu tiên của các con

Mẹ em Khoa là người phụ nữ rất có ý thức về việc giáo dục con cái. Đặc biệt là bà muốn truyền lại cho con truyền thống văn hóa gia đình mà bà đã tiếp thu trước đây bằng những câu ca dao, tục ngữ, bằng những chuyện cổ tích giàu

bản sắc dân tộc và thấm đượm tình người . Bà thường lấy nhân vật trong truyện để khen chê các con như: hiếu thảo như Cúc Hoa, dũng cảm như Thạch Sanh, chăm chỉ như Tấm, lười biếng như Cám...

Bà quan tâm nhiều nhất đến đức hạnh của các con, bà thường khuyên các con sống sao cho có trước, có sau, có trên có dưới, không tham lam ích kỉ, luôn biết "thương người như thể thương thân".

Khi thơ của Khoa được đăng trên các báo trong và ngoài nước, nhà bà tấp nập khách đến thăm, bà không lấy đó làm điều hãnh diện cho con, hàng ngày bà vẫn bảo Khoa chần trâu cắt cỏ, quét nhà quét sân, nấu cơm giã gạo ... như những trẻ bình thường khác trong làng. Thấy vậy bà con hàng xóm góp ý kiến với bà: "Thằng Khoa là con vàng, con ngọc của bà, sao bà lại bắt nó làm những việc tầm thường như vậy?". Còn bà thì chỉ nghĩ đơn giản rằng: "trước hết hãy làm người rồi mới làm thơ". Ngồi khâu lại cái vó cất cá cho con, bà bảo: "Thơ ở đây mà ra chứ ở đâu". Chính nhờ vậy mà Khoa đã có những bài thơ rất hay, rất chân thực, đọc lên nghe rất cảm động:

Khi mẹ vắng nhà, em luộc khoai

Khi mẹ vắng nhà, em cùng chị giã gạo

Khi mẹ vắng nhà, em thổi cơm

Khi mẹ vắng nhà, em nhổ cỏ vườn

Khi mẹ vắng nhà, em quét sân và quét cống.

Sớm mẹ về thấy khoai đã chín

Buổi mẹ về thấy gạo trắng tinh

*Trưa mẹ về cơm dẻo và ngon
Chiều mẹ về củ dĩa quang vườn
Tối mẹ về cổng nhà sạch sẽ
Mẹ bảo em: "Đạo này ngoan thế!"
– Không mẹ ơi ! Con chưa ngoan đâu
Áo mẹ mưa bạc màu
Đầu mẹ nắng cháy tóc
Mẹ ngày đêm khó nhọc
Con chưa ngoan, chưa ngoan.*

(Bài thơ "Khi mẹ vắng nhà" – 1967)

Qua những công việc bình thường để giúp đỡ bố mẹ, Khoa lại có những nhận xét tinh tế và nên thơ về sự vật xung quanh. Trong khi đi đánh dậm ở ao ven làng, bên ruộng lúa xanh non em đã nhìn thấy:

*Những chị lúa phát phơ bím tóc
Những cậu tre bá vai nhau thì thầm đứng học
Đàn cò áo trắng
Khiêng nắng qua sông
Cô gió chăn mây trên đồng
Bác mặt trời đạp xe qua ngọn núi.*

Rồi lại phát hiện ra nhiều điều thú vị:

*Này chị cưa cày giờ tay chào biển lúa
Này thằng rói nhớ ai
Mà khóc mãi, mắt đỏ ngầu như lửa*

*Này lão trê nhậy võ ở đâu
Mà ngã bẹp đầu.*

....

Đối với con cái trong nhà, bà hết sức tôn trọng và đối xử tế nhị. Bà thường nói : "con cái cũng có sĩ diện của chúng nó chứ? ". Khi con còn bé, mỗi lần trò chuyện với chúng bà thường "thưa", "dạ" cẩn thận .

Có một lần bà đi vắng, bé Giang, đứa con út lên 4 tuổi ở nhà một mình. Suốt buổi chiều chơi tha thẩn trong sân, thấy đói bụng, nhìn vào bếp thấy niêu cá mẹ treo trên gióng. Bé Giang bèn trèo lên mở vung ăn vụng cá. Đang "hành động" thì bà cũng vừa bước tới cổng. Nhìn vào thấy bé Giang đang leo trên cao với tay tới niêu cá. Bà không vào nhà ngay mà đứng nép bên hàng dậu, chờ cho bé Giang ăn xong cá, đập nắp vung lại, tụt xuống đất, bà mới đẩy cửa bước vào nhà, mặt tỉnh bơ như không biết việc gì vừa mới xảy ra và vẫn hỏi han con ở nhà như thế nào, có buồn không?

Sau đó ít hôm, bà gọi đầu cho con, trong khi xoa đầu vuốt má cho khô những giọt nước bồ kết, bé Giang thấy dễ chịu, khoan khoái, bà liền nói với con: "Nhà ta có một con mèo rất hư, hôm mẹ đi vắng nó ở nhà một mình lại ăn vụng cá. Nhưng nó cũng thật là giỏi, niêu cá mẹ treo cao thế mà nó vẫn lấy được!". Vốn là một cháu bé nhạy cảm, nghe mẹ nói vậy biết ngay là mẹ đang nói mình, có tặc giạt mình" mà ! thế là cô bé ngượng quá rúc đầu vào mẹ mà khóc "tu tu" và hứa với mẹ là lần sau không ăn vụng cá nữa.

Bà ít khi la mắng và tuyệt đối không xỉ nhục đánh đập con bao giờ, mà thường gọi chuyện để chúng tự liên hệ thấy khuyết điểm của mình mà tự giác sửa chữa.

Một không khí hòa thuận thương yêu lẫn nhau bao trùm lấy gia đình bà.

Có người gọi người mẹ là người thầy đầu tiên của các con thì mẹ em Khoa đúng là một nhà giáo dục giàu kinh nghiệm. Cách giáo dục con cái của bà không cần gì phải thuyết giáo dài dòng cao xa nhưng lại thấm sâu vào tâm hồn con trẻ, bởi trước hết là ở tấm lòng tràn đầy yêu thương của bà.

Có thể nói một cách chắc chắn rằng, tấm lòng yêu thương của bà mẹ đã giúp cho Khoa cái gốc của một tâm hồn thơ, và em đã vững bước trên con đường sáng tạo nghệ thuật đó cho tới ngày hôm nay. Vẳng bên tai tôi như còn ngân vang một câu thơ của Trần Đăng Khoa viết khi em mới mười hai tuổi để nói lên niềm hạnh phúc lớn lao là đã có được một người mẹ rất đỗi yêu thương, một người mẹ đã cho mình một điều quý giá nhất trên đời: Một tâm hồn Việt Nam !¹

Em đã viết:

"Mẹ là đất nước, tháng ngày của con !"

¹ Hiện nay, Trần Đăng Khoa đã tốt nghiệp trường Đại học viết văn mang tên M. Goocki tại Maxcova, là nhà văn trẻ sung sức cả trong lĩnh vực thơ ca và văn xuôi.

Phần IV

Hoạt động vui chơi

HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CỦA TRẺ EM*

• Hoạt động vui chơi là gì?

Chơi là hoạt động rất tự nhiên trong cuộc sống của mọi người, nó đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của trẻ em. Không chơi trẻ không thể phát triển, không chơi đứa trẻ chỉ tồn tại chứ không phải là đang sống. Đó là một thực tế mang tính quy luật.

Không loại trừ những nhân tố tích cực, nhưng cũng không đồng tình hoàn toàn với những học thuyết về hoạt động chơi trước đây như: học thuyết về "Sức dư thừa" của F.Siller và G. Spencer (cho rằng do thừa năng lượng trẻ em mới chơi); học thuyết đồng nhất giữa trò chơi của trẻ em với trò chơi của động vật non của K. Groos; tương đồng giữa các loại trò chơi với các giai đoạn của xã hội loài người của S. Hall; đồng nhất giữa chơi với giấc mơ của S Freud... Nhiều nhà tâm lí học tiến bộ trên thế giới, đứng đầu là các nhà tâm lí học macxít cho rằng, hoạt động vui chơi của trẻ em mang *bản chất xã hội*, nó phản ánh lao động, và cuộc sống của người lớn, coi trò chơi là sợi dây nối liền các thế hệ với nhau để truyền đạt kinh nghiệm và văn hoá từ đời này sang đời khác. Hoạt động vui chơi có liên quan chặt chẽ đến sự

* Kĩ yếu Hội thảo "Chăm sóc và giáo dục trẻ em" do Unicef và Bộ Giáo dục tổ chức năm 1991.

phát triển xã hội, cũng như nghệ thuật, hoạt động vui chơi xuất hiện sau lao động và trên cơ sở của lao động, cùng với sự thay đổi vị trí của chính trẻ em trong các mối quan hệ xã hội. Từ đó, trò chơi được coi là một phương tiện giáo dục trẻ em một cách nhẹ nhàng, thích thú và hữu hiệu (G.y Plékhanốp, L.X Vugôtski, A.N Lêônchiép, D.B Elcônin, H. Wallon...).

Trò chơi trẻ em xuất hiện khi xã hội loài người đạt tới một trình độ nhất định, thoát qua thời kì hái lượm, khi mà công cụ lao động đã trở nên phức tạp, trẻ em không thể sử dụng để làm việc như người lớn, do đó cần phải được tập, được làm thử trên những đồ vật thay thế (tức là đồ chơi) và lúc này đứa trẻ chỉ chơi chứ không phải là làm việc thực sự. Điều đó cũng có nghĩa là hoạt động vui chơi với tuổi thơ là hai người bạn đồng hành. Ngày nay trong những hoàn cảnh khó khăn, ở nhiều nơi trên thế giới vẫn có những trẻ em tuổi còn rất bé nhưng phải lo kiếm sống, không có điều kiện để vui chơi với các bạn nhỏ, có nghĩa là chúng đã đánh mất tuổi thơ! Nhiệm vụ của người lớn chúng ta là giành lại tuổi thơ cho các cháu, cùng với việc giúp đỡ cho chúng có cái ăn, cái mặc là việc tạo điều kiện để các cháu được vui chơi, vì đây là một trong những quyền cơ bản của trẻ em.

Thuật ngữ *chơi* có rất nhiều nghĩa khác nhau, nhưng trong phạm trù hoạt động của trẻ em thì *chơi được coi là một hoạt động mà động cơ nằm trong quá trình chứ không nằm trong kết quả của hoạt động (A.N Lêônchiép), khi chơi đứa trẻ không chú tâm vào một lợi ích thiết thực nào cả, trong trò chơi các mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và với xã hội được mô phỏng lại. Chơi mang lại cho trẻ em một trạng thái tinh thần vui vẻ, phấn chấn dễ chịu.*

Vui chơi cần cho mọi người ở mọi lứa tuổi, đặc biệt đối với trẻ em thì vui chơi là hoạt động tạo nên cuộc sống của chúng.

Hoạt động vui chơi của trẻ em thường mang những đặc điểm sau:

1. Hoạt động vui chơi của trẻ em *mang tính chất vô tư*, có nghĩa là trong khi chơi đứa trẻ không chủ tâm nhằm tới một lợi ích thiết thực nào cả. Trong học tập, người hoạt động chủ tâm nắm vững tri thức, kĩ năng, kĩ xảo cần thiết; trong lao động, người hoạt động chủ tâm tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần cho xã hội và bản thân. Còn nguyên có thúc đẩy đứa trẻ vào trò chơi chính là sự hấp dẫn của bản thân quá trình chơi chứ không phải là kết quả đạt được của hoạt động đó. Trẻ chơi chỉ cốt cho vui, có vui thì mới chơi và đã chơi thì phải vui. Chơi mà không có niềm vui sướng thì chẳng còn gì là chơi nữa. Chính vì lẽ đó mà hoạt động chơi của trẻ thường gọi là *hoạt động vui chơi*, ở đây vui như một thuộc tính vốn có của chơi.

Vì hoạt động vui chơi của trẻ mang tính vô tư nên khi tổ chức, hướng dẫn cho trẻ chơi người lớn cần tránh áp đặt vào trò chơi những lợi ích thiết thực buộc trẻ phải gắng sức để đạt cho bằng được. Vì mỗi khi đã gieo vào đầu óc đứa trẻ một sự vụ lợi nào đó thì lập tức cũng tước đi ở chúng tính hồn nhiên và niềm vui sướng trong khi chơi.

2. Hoạt động vui chơi của trẻ là một hoạt động *mô phỏng lại cuộc sống của con người*, *mô phỏng lại những mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và với xã hội*, do đó hoạt động này mang tính chất tượng trưng, trong khi chơi trẻ có thể dùng các *vật thay thế* tượng trưng cho người thật, vật thật.

Chính sự mô phỏng đó lại là điều kiện cần thiết giúp trẻ có được những hành động tự do thoải mái, có niềm say mê đến tận cùng với bao ước mơ ngộ nghĩnh và thú vị, làm *nảy sinh và phát triển trí tưởng tượng. Từ đó mà hình thành chức năng ký hiệu-tượng trưng*, một chức năng tâm lí mới cần cho cuộc sống sau này. Khác với động vật, con người nhận thức thế giới nhờ những hệ thống ký hiệu (toán học, vật lí, hoá học, âm nhạc, hội hoạ, điện ảnh...) mới có thể đi sâu vào bản chất của sự vật và hiện tượng xung quanh và sáng tạo ra những điều kì diệu ngày càng phong phú đáp ứng cuộc sống của con người ngày càng cao.

3- Hoạt động vui chơi của trẻ em là một hoạt động mang *tính tự do*. Khác với học tập và lao động, vui chơi không buộc phải tuân thủ theo một phương thức chặt chẽ nào. Nhờ đó đứa trẻ có được những hành động tự do. Sẽ không thể chơi được nếu hành động của đứa trẻ bị phụ thuộc một cách nghiêm ngặt vào thế giới hiện thực. Tuy vậy, sự tự do của trẻ phải nằm trong giới hạn của vai hoặc giới hạn của luật chơi. Tính tự do ở hoạt động chơi của trẻ em còn được thể hiện ở chỗ hành động chơi hoàn toàn xuất phát từ nguyện vọng và hứng thú cá nhân chứ không do một sự áp đặt nào từ phía bên ngoài.

4. Hoạt động vui chơi của trẻ em là một hoạt động *độc lập và tự điều khiển*.

Hơn bất cứ ở hoạt động nào, khi tham gia vào trò chơi đứa trẻ bộc lộ hết mình một cách tích cực và chủ động. Chơi là hoạt động độc lập và tự chủ đầu tiên của trẻ em. Trong khi chơi trẻ tự lực làm lấy mọi việc, từ việc chọn trò chơi, bạn chơi đến việc tìm kiếm đồ chơi... đặc biệt là cố gắng suy nghĩ để khắc phục trở ngại xuất hiện trong quá trình chơi. Có lẽ ít

có hoạt động nào mà khi tham gia trẻ lại thể hiện tinh thần tự lực, tự chủ cao đến như vậy.

Một biểu hiện độc đáo của tính độc lập, đó là sự tự điều chỉnh hành vi của mình khi chơi. Để phù hợp với yêu cầu của trò chơi và bạn chơi đứa trẻ cần luôn điều chỉnh hành vi của mình, nếu không sẽ bị loại ra khỏi cuộc chơi.

Chính tính độc lập và tự điều chỉnh hành vi đó đã tạo cho trẻ không những niềm vui sướng và lòng tự tin trong khi chơi mà còn giúp chúng phát huy khả năng tự lập của mình trong cuộc sống sau này.

5. Hoạt động vui chơi của trẻ em là một hoạt động mang *màu sắc xúc cảm chân thực mạnh mẽ*.

Đứa trẻ lao vào cuộc chơi với tất cả sự say mê và lòng nhiệt tình vốn có của nó. Trò chơi tác động mạnh mẽ và toàn diện đến trẻ em chính vì nó thâm nhập một cách dễ dàng hơn cả vào thế giới tình cảm của trẻ em, mà tình cảm đối với chúng lại là động cơ hành động mạnh mẽ nhất. Dẫu biết rằng trong trò chơi mọi cái đều mang ý nghĩa tượng trưng, đều là không có thật, nhưng tình cảm mà trẻ em biểu hiện trong đó là tình cảm chân thực, hồn nhiên và thẳng thắn, không hề mang tính giả tạo một chút nào, bởi vì không bao giờ đứa trẻ lại thờ ơ với những gì mà mình thể hiện. Sắc thái xúc cảm chân thực, mạnh mẽ mà trẻ bộc lộ trong trò chơi là một đặc điểm rất dễ nhận ra, khiến nhiều nghệ sĩ tài ba cũng mong có được, vì chính nhờ nó mà họ dễ đạt tới sự thành công trong nghệ thuật.

Do những đặc điểm này, hoạt động vui chơi được coi là *hoạt động tự nguyện* của mọi trẻ em, đó là những giây phút sung sướng nhất của các cháu. Bởi lẽ khi chơi chính

là lúc trẻ thể hiện "ước mơ với tất cả thân thể của mình" (Georges Duhamel).

• Không chơi, trẻ không thể phát triển

Trẻ ham chơi, đó là chuyện bình thường và đó mới chính là những đứa trẻ thực sự, không biết chơi đùa trẻ chỉ tồn tại chứ không phát triển. Có thể nói một cách không ngoa rằng trò chơi và tuổi thơ chính là hai người bạn thân thiết, không tách rời nhau được.

Nhiều nhà nghiên cứu đã gọi trò chơi và đồ chơi là những vật mẫu nhiệm của thế giới, là một trong những hiện tượng văn hoá gây nhiều hứng thú nhất, vì trong đó nó chứa đựng những khả năng to lớn tác động đến cuộc sống của con người, đặc biệt là đến sự phát triển của trẻ em. Trò chơi giúp cho sự phát triển của trẻ em được toàn diện, cân bằng và nhịp nhàng, đó là phương tiện hiệu quả nhất để phát triển các chức năng tâm lí, sinh lí và hình thành nhân cách mà nhiều bậc cha mẹ chưa thấy hết. Chính vì vậy họ thường phạm sai lầm nghiêm trọng là đã ra sức thay thế trò chơi bằng những việc làm nghiêm chỉnh hơn.

Một đứa trẻ không thể bỏ qua được những trò chơi trong cuộc đời của nó. Trong khi chơi trẻ hoạt động thật sôi nổi, thật hết mình như chính trong cuộc sống thực, trò chơi đúng là cuộc sống của trẻ.

Trong khi chơi trẻ có dịp thể hiện xúc cảm của mình, đặc biệt là khi đóng vai các nhân vật trong trò chơi. Nếu đóng vai người mẹ, trẻ sẽ cảm nhận như mình đang làm mẹ và càng nhập vai tốt bao nhiêu thì càng dễ thông cảm và yêu mến mẹ bấy nhiêu, hoặc nếu đóng vai bác sĩ, trẻ sẽ có thái độ ân cần,

chia sẻ nỗi đau đớn với bệnh nhân. Tham gia vào trò chơi đòi sống xúc cảm của trẻ em được phát triển với vô vàn sắc thái khác nhau. Ngay cả khi tham gia vào trò chơi đánh trận giả, trẻ sẽ biết được đánh nhau là như thế nào và tự thấy là không cần phải tham gia vào những trận đánh nhau thật sự. Đứa trẻ hiểu các mối quan hệ, các cách ứng xử và nhiều điều khác thông qua trò chơi một cách nhanh chóng và dễ dàng hơn là những điều dạy bảo, răn đe của người lớn.

Để mô phỏng lại cuộc sống và thực hiện đúng luật chơi, các em phải tập trung chú ý, phải huy động năng lượng thần kinh và bắp thịt một cách thực sự, nghĩa là chúng sống thực sự, phát triển thực sự.

Khi chơi cũng là dịp tốt nhất để trẻ phát hiện thăm dò thế giới xung quanh, qua đó mà kích thích tính tò mò, óc quan sát, năng lực phán đoán, tư duy. Trong trò chơi các em rất cần tìm hiểu tính chất của các vật: hình dạng, kích thước, màu sắc cũng như chức năng và phương thức sử dụng chúng để làm giàu vốn biểu tượng. Những tình huống nảy sinh trong trò chơi buộc đứa trẻ phải động não suy nghĩ, nhanh trí tìm ra cách tháo gỡ. Đó chính là cơ hội để trẻ được rèn luyện trí tuệ, làm nảy sinh nhiều sáng kiến, tạo tiền đề cho những hoạt động sáng tạo sau này.

Khi chơi trẻ thả sức mà ước mơ tưởng tượng, chúng có thể làm bất cứ việc gì mà chúng ước ao như lái ô tô, chữa bệnh, thậm chí có thể bay cả vào vũ trụ! Với trí tưởng tượng không những chúng có thể làm mọi việc mà còn có thể có những gì mà mình mong muốn, như muốn có ngựa để cưỡi thì dùng gậy, muốn có tàu hoả thì dùng mấy chiếc ghế xếp lại thành toa tàu, muốn có vòng vàng, xuyên bạc thì dùng

hoa lá kết lại... *Trò chơi làm nảy sinh trí tưởng tượng* và đó thực sự là những giây phút hạnh phúc nhất của tuổi thơ và đó cũng là điều cần thiết cho mỗi người lớn lên sau này.

Những phẩm chất ý chí của trẻ như lòng dũng cảm, tính kiên trì... đều được hình thành trong trò chơi. Bất một cháu nhỏ dưới mười tuổi ngồi yên trong khoảng vài chục phút là điều vô cùng khó khăn, nhưng trong trò chơi “đánh trận giả” một cháu bé đóng vai người lính gác thì có thể đứng nghiêm hàng giờ mà không cần đến ai nhắc nhở.

Trò chơi giúp cho các em có ý thức kỉ luật hơn. Điều này nghe như là chuyện lạ, bởi vì người ta thường gán sự đùa nghịch cho trò chơi, thế nhưng có những trò chơi lại rèn được tính kỉ luật cho trẻ rất tốt. Dũng là một em bé thông minh nhưng hay gây gổ làm mất trật tự. Một lần em đóng vai người cảnh sát giao thông để điều khiển các phương tiện giao thông trên đường phố. Bất thành linh Hùng, đóng vai người lái xe tải đang hăng hái cho “xe” chạy nhanh nên quá đà đụng vào người Dũng trong lúc nhận nhạ. Như một phản xạ, Dũng lập tức giơ ngay nắm đấm về phía Hùng. Nhưng chợt nhớ đến nhiệm vụ của mình giờ đây là điều khiển cho cái đám xe cộ nhận nhíp kia chạy thoát mà lại đang trong giờ cao điểm, nên nó đã phải mở bàn tay ra, giơ cao cánh tay lên để làm tính hiệu “cho phép đi qua”. Như vậy là một cuộc xung đột suýt nữa xảy ra đã được kìm hãm lại nhờ Dũng nhập vào vai người cảnh sát giao thông có trách nhiệm giữ gìn trật tự đường phố.

Trò chơi là phương tiện giáo dục thẩm mỹ có hiệu quả. Việc lựa chọn đồ chơi một cách có suy nghĩ có thể giúp cho các em hình thành tốt thị hiếu nghệ thuật. Trong những trò chơi vận động, các

em có thể cảm nhận được vẻ đẹp của các động tác và cảm giác về nhịp điệu.

Những trò chơi hấp dẫn và tích cực có tác dụng nâng cao hoạt động sống của cơ thể và huy động mọi sức lực của trẻ em. Những trò chơi vận động là phương tiện chủ yếu để rèn luyện sức khoẻ và hình thành các tố chất như nhanh nhẹn, khéo léo, bền bỉ... của con người.

Vui chơi còn có tác dụng phát triển tính chủ định trong hoạt động tâm lí của trẻ, giúp cho các quá trình tâm lí (tri giác, trí nhớ, chú ý, tư duy...) đạt hiệu quả cao. Đó là một phẩm chất tâm lí cần cho cuộc sống và học tập ở trường phổ thông sau này. Nhiều nhà tâm lí học coi trò chơi là phương tiện chữa bệnh có hiệu quả cho trẻ em. Rõ ràng không chơi, trẻ không thể phát triển được.

Nhà giáo dục nổi tiếng Nga, Macarencô đã viết: “Trò chơi có một ý nghĩa rất quan trọng trong cuộc sống của đứa trẻ chẳng khác gì sự làm việc, sự phục vụ của người lớn. Đứa trẻ thể hiện như thế nào trong trò chơi thì sau này trong phần lớn trường hợp nó cũng thể hiện ra như thế trong công việc. Ví vậy, một nhà hoạt động trong tương lai trước tiên phải được giáo dục trong trò chơi. Vậy toàn bộ lịch sử của mỗi con người riêng biệt là một nhà hoạt động có thể quan niệm như một quá trình phát triển của vai chơi, mọi sự chuyển dịch dần từ sự tham gia vào các trò chơi sang sự thực hiện các công việc. Cũng vì vậy mà chúng ta có quyền gọi “chơi là trường học của cuộc sống”.

Văn hào lỗi lạc Nga, Maxim Góocki đã từng nói “Chơi là con đường dẫn trẻ em đến chỗ nhận thức được cái thế giới mà các em sống, cái thế giới mà các em có sứ mệnh cải tạo”.

TRÒ CHƠI TƯỢNG TRƯNG THEO CÁCH HIỂU CỦA J.PLAGET*

Hầu hết những người giảng dạy và nghiên cứu tâm lý học (TLH) trẻ em ở Việt Nam đều biết đến một dạng trò chơi có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của trẻ em. Theo Đ. B. Encônin và sau đó là nhiều nhà TLH Xô viết (trước đây) cũng như các nhà TLH VN, thì dạng trò chơi này giữ vai trò chủ đạo đối với đời sống tâm lý của trẻ em ở lứa tuổi mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi): Đó là trò chơi đóng vai theo chủ đề⁽¹⁾. Trò chơi đóng vai theo chủ đề (TCĐVTCD) là một dạng trò chơi trong đó trẻ em mô phỏng lại một mảng nào đó của cuộc sống người lớn trong xã hội bằng việc nhập vào các vai để hành động giống như người lớn theo chức năng xã hội và trong mối quan hệ giữa họ với nhau, với những vật thay thế mang tính chất ký hiệu – tượng trưng. Có thể nói rằng, TCĐVTCD là một hình thức độc đáo của sự tiếp xúc giữa trẻ với cuộc sống của người lớn, nó xuất hiện vào tuổi lên 3 (tức là từ 2 đến 3 tuổi), khi tính độc lập của trẻ phát triển mạnh, trẻ muốn tự làm mọi việc như người lớn, nhưng khả năng còn quá non nớt nên trẻ không thể làm nổi những

* Kỉ yếu Hội thảo “*J Piaget nhà tâm lý học vĩ đại của thế kỉ XX*”. Do Hội Tâm lý – giáo dục Việt Nam tổ chức nhân kỉ niệm 100 năm ngày sinh J. Piaget (1896 – 1996).

⁽¹⁾ . Đ. B Enconin. *Trò chơi và sự phát triển tâm lý của trẻ em*. M. 1978.

việc đó. Để giải quyết mâu thuẫn này, trẻ phải tìm đến một hoạt động mới : Đó là TCĐVTCD. Ở đây trẻ không thể làm thật mọi việc như người lớn mà chỉ làm giả vờ, mang ý nghĩa tượng trưng mà thôi.

Khi tham gia vào chơi TCĐVTCD, trẻ được thoả mãn nguyện vọng được làm mọi việc như người lớn, dù cho đó chỉ là tượng trưng, nhưng chính nhờ đó mà trẻ đã trải nghiệm được những tình cảm, những suy nghĩ, hay cách ứng xử của mọi người xung quanh để lớn lên.

Một hướng lí giải hoàn toàn khác với các nhà TLH Xô viết về trò chơi tượng trưng, đó là các nhà tâm phân học (như Melanic Klein, Anna Freud v.v...) theo chủ nghĩa Freud. Họ lí giải trò chơi tượng trưng của trẻ em giống như những tượng trưng trong giấc mơ. Do ranh giới mơ hồ giữa ý thức và vô thức trong trò chơi tượng trưng của trẻ em, người ta đã nghĩ rằng tượng trưng của giấc mơ cũng tương tự như tượng trưng của trò chơi, vì người ngủ cũng đồng thời mất đi suy nghĩ mang tính lôgic về hiện thực. Khi ngủ con người dù không muốn cũng ở trong tình huống đồng hoá tượng trưng mà đứa trẻ tìm cách để có sự đồng hoá đó. C. G. Jung còn đi xa hơn dù ông thấy rõ ràng các tượng trưng của giấc mơ đã dựa vào một kiểu ngôn ngữ nguyên thủy, do đó phù hợp với những gì thấy được ở trò chơi tượng trưng. Ông đã có công nghiên cứu và chỉ ra tính khái quát cao của một số tượng trưng, nhưng vì không có một bằng chứng nào (trường phái của Jung còn không quan tâm tới việc kiểm tra cứ liệu hơn cả trường phái Freud) nên ông đã kết luận về tính khái quát ấy bằng tính bẩm sinh, và bằng lí thuyết về các mẫu gốc di truyền trong các tượng trưng trò chơi ở trẻ em.

Còn nhiều lí thuyết khác nhau về trò chơi tượng trưng của trẻ em, như Lí thuyết của Stanley – Hall, của Karl Gross ... đã phát hiện rằng, trò chơi của trẻ em cũng như trò chơi của động vật tuyệt nhiên không chỉ là để giải lao mà là để tập dượt những hoạt động trong tương lai. Điều đó là đúng, nhưng chỉ đúng khi biết giới hạn trò chơi cũng giống như mọi chức năng chung có ích cho sự phát triển, còn nếu đi sâu hơn thì ý nghĩa của nó lại không phải như thế. Đó là vì khi chơi, đứa trẻ giả vờ làm một cái gì đó đều không nhằm tới một mục đích thiết thực, hay nói cách khác, động cơ thúc đẩy đứa trẻ chơi lại không nằm chính ngay trong kết quả của trò chơi.

Vậy J. Piaget đã lí giải như thế nào về trò chơi tượng trưng của trẻ em? Theo Piaget⁽¹⁾ thì *trò chơi tượng trưng* (Jeu symbolique) hay còn gọi là trò chơi hư cấu là một biểu hiện ở một trình độ nhất định của chức năng ký hiệu chưa từng biết tới ở thời kỳ giác - động.

Khi kết thúc thời kỳ giác - động, từ 1 tuổi rưỡi đến 2 tuổi, ở trẻ xuất hiện một chức năng cơ bản đối với sự phát triển của những hành vi sau này, tức là có thể thay thế một cái gì đó bằng một cái khác. Nói cách khác, thay “cái được biểu đạt” (đồ vật, sự kiện có thật) bằng “cái biểu đạt” (vật thay thế). Có thể gọi chức năng thay thế là *chức năng ký hiệu*, đó chính là cơ sở của trò chơi tượng trưng.

Piaget cho rằng, trò chơi tượng trưng là sự *đánh dấu đỉnh cao nhất của trò chơi trẻ em*, và nó phù hợp với chức năng cơ bản của trò chơi trong đời sống của trẻ em. Trẻ em

⁽¹⁾ *La Psychologie de l'enfant par Jean Piaget* – Presses Universitaires de France – 108 – Boulevard Saint Germain – Paris – 1971

luôn luôn buộc phải không ngừng thích nghi với một xã hội của người lớn mà những lợi ích và những quy tắc của họ là những cái bên ngoài đối với trẻ em, cũng như trẻ phải không ngừng thích nghi với một thế giới vật chất mà chúng chưa biết rõ, do đó trẻ em không nhằm tới việc thoả mãn những nhu cầu tình cảm và trí tuệ của cái Tôi trong sự thích nghi ấy như chúng ta. Đối với người lớn, sự thích nghi ấy là tương đối hoàn chỉnh, còn đối với trẻ em sự thích nghi ấy còn dở dang, chưa hoàn chỉnh vì chúng còn quá bé. Do đó trẻ cần phải dựa vào sự cân bằng tình cảm và trí tuệ để có thể có được một khu vực hoạt động mà động cơ không phải để là thích nghi với cái hiện thực, trái lại đó là sự đồng hoá cái hiện thực với cái Tôi, mà không bị gò bó và không bị phạt, trò chơi là như thế ! Nó biến cái hiện thực bằng việc đồng hoá một cách tương đối thuần túy với những nhu cầu của cái Tôi, còn sự bất chước (khi nó là một mục đích tự thân) là sự điều tiết tương đối thuần túy theo những khuôn mẫu bên ngoài và trí tuệ là cái cân bằng giữa sự đồng hoá và sự điều tiết. Hơn nữa, công cụ cơ bản của sự thích nghi xã hội là ngôn ngữ mà ngôn ngữ thì không do trẻ em bịa đặt ra, nó được truyền thụ dưới hình thức sẵn có, bắt buộc và mang bản chất của những quy ước toàn xã hội. Do đó trẻ em còn cần phải nắm được một phương tiện thể hiện thích hợp của cái tôi, nghĩa là một hệ thống những “cái biểu đạt” do chúng xây dựng nên và có thể uốn theo ý muốn của chúng. Đó là hệ thống những tượng trưng riêng của trò chơi, tượng trưng mượn từ sự bất chước để làm công cụ, nhưng từ một sự bất chước không phải là đích tự thân mà được sử dụng như phương tiện gợi ý để phục vụ cho sự đồng hoá theo lối trò chơi.

Đó là trò chơi tượng trưng, không phải chỉ như sự đồng hoá cái hiện thực với cái tôi trong trò chơi nói chung mà là sự đồng hoá được bảo đảm (và củng cố) bởi một ngôn ngữ tượng trưng do cái tôi xây dựng nên và có thể thay đổi theo các nhu cầu.

Chức năng đồng hoá với cái tôi của trò chơi tượng trưng được biểu hiện dưới những hình thức hết sức khác nhau, trong phần lớn các trường hợp là những hình thức chủ yếu có tính chất tình cảm, nhưng đôi khi cũng phục vụ cho những lợi ích nhận thức. Trò chơi tượng trưng còn có thể giúp cho trẻ xoá bỏ các xung đột, cũng như có thể bù đắp những nhu cầu chưa được thoả mãn, để đảo ngược các vai trò (tuân phục và quyền lợi để giải toả và mở rộng cái tôi v.v...).

Về sự phát triển của trò chơi, Piaget cho rằng, ở thời kỳ giác – động thì mới có “trò chơi tập” không mang một tượng trưng nào cả, mà chỉ cốt là để lặp lại một cách thích thú những hoạt động đã đạt được theo mục đích thích nghi (chúng ta thường gọi là hoạt động với đồ vật – tác giả bài viết này) để tái hiện lại kết quả, để tự thích nghi và để tìm hiểu, đó không phải là trò chơi đích thực, nhưng làm thoả mãn một sự “thích nghi chức năng”. Sau đó là trò chơi tượng trưng, với những tính chất như đã nói ở trên, đạt tới đỉnh cao từ 3 đến 5 – 6 tuổi. Sau nữa là trò chơi có quy tắc (như đánh bi, nhảy lò cò ...). Cuối cùng, từ trò chơi tượng trưng mà phát triển lên thành những trò chơi xây dựng, lúc đầu vẫn còn là trò chơi tượng trưng nhưng từ đó mà tạo ra sự thích nghi mới (lắp máy, xây nhà ...) cho nhiều sáng kiến của trí tuệ.

Cách diễn đạt trò chơi tượng trưng của Piaget khá gần gũi với cách hiểu trò chơi đóng vai theo chủ đề trong TLH của

chúng ta, đặc biệt ông đã đi sâu vào việc phân tích chức năng ký hiệu của trò chơi tượng trưng. Đúng như Piaget đã phân tích, trò chơi tượng trưng đã đánh dấu một bước phát triển mới, tạo ra cho trẻ một chức năng mới của ý thức. Đó là *chức năng ký hiệu - tượng trưng*, nhờ đó trẻ có thể bước sang một loại hình mới của việc nhận thức thế giới hiện thực, một loại hình đặc trưng của con người. Đó là nhận thức hiện tượng thông qua một hệ thống ký hiệu (như ký hiệu toán học, hoá học, âm nhạc, tạo hình ...). Chức năng ký hiệu tượng trưng cho phép trẻ tách hành động khỏi đồ vật thật, mà hành động với những vật thay thế. Khi bắt đầu biết dùng đồ vật thay thế cũng tức là trẻ bắt đầu biết dùng những ký hiệu tượng trưng để nhận thức thế giới. Nhờ đó các chức năng tâm lí bậc cao (như tư duy, tưởng tượng, tình cảm v. v...) đều được phát triển tốt.

Tuy nhiên, Piaget chưa đề cập được nhiều về những mối quan hệ của trẻ em trong trò chơi (quan hệ thực và cả quan hệ chơi), cũng như chưa phân tích đến sự hình thành các nhóm chơi mà Uxôva, nhà giáo Xô viết đã gọi là “Xã hội trẻ em”, do đó chưa làm bộc lộ bản chất hội của trò chơi đóng vai theo chủ đề, mà chúng ta coi là mặt chủ yếu của loại trò chơi này. Phải chăng ông chưa có thời gian để nghiên cứu về mặt phát triển xã hội của trẻ em?

Với một khối lượng công trình đồ sộ mà Piaget đã để lại cho nền Tâm lí học thế giới, cái quý giá nhất vẫn là sự vạch ra các giai đoạn và con đường phát triển trí tuệ của trẻ em từ sơ sinh cho tới lúc trở thành, trong đó có tính tượng trưng của trò chơi trẻ em.

Với những cống hiến xuất sắc của mình cho nhân loại, Piaget đúng là một trong những nhà tâm lí học hàng đầu của thế kỉ XX này.

TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ*

• Thế nào là trò chơi ĐVTCD

Ở tuổi mẫu giáo, thế giới người lớn với quyền lợi và nghĩa vụ xã hội của họ là hình thức lí tưởng đối với trẻ em. Trò chơi ĐVTCD là hình thức mô hình hoá thế giới người lớn được trẻ dựng nên và hoạt động bên trong mô hình đó. Chính vì vậy ta có thể hiểu:

Trò chơi ĐVTCD là loại trò chơi mà trẻ mô phỏng lại một mảng nào đó của cuộc sống người lớn trong xã hội bằng việc nhập vào (hay còn gọi là đóng vai) một nhân vật nào đó để thực hiện chức năng xã hội của họ.

Có thể coi trò chơi ĐVTCD là một hình thức độc đáo của sự tiếp xúc của trẻ với cuộc sống của người lớn và được trẻ rất ưa thích, đặc biệt là trẻ mẫu giáo và học sinh đầu cấp tiểu học. Trò chơi này thường xuất hiện ở trẻ vào tuổi lên ba, khi mà tính độc lập của chúng đang phát triển mạnh, thích tự mình làm lấy mọi việc như người lớn (lái xe giống bố, nấu cơm giống mẹ, bế em giống chị, đi học giống anh v.v...), thích gia nhập vào những mối quan hệ xã hội giống như người lớn, nhưng khả năng của các cháu còn quá non yếu, không thể làm nổi những việc đó.

Để giải quyết mâu thuẫn này, chúng ta phải tìm đến một hoạt động gần giống với hoạt động của người lớn trong

* Trong cuốn: "Trò chơi trẻ em". NXB Phụ nữ, 2000.

xã hội, đó là trò chơi ĐVTCD. Ở đây trẻ không làm mọi việc thật như người lớn mà chỉ làm giả vờ, làm chơi thôi, tức là trẻ chỉ ướm mình vào một người lớn nào đó mà mình quan tâm. Bắt đầu từ đây hoạt động vui chơi mà trung tâm là việc tham gia vào trò chơi ĐVTCD chiếm vị trí chủ đạo trong sự phát triển tâm lí của trẻ Mẫu giáo và nhờ hoạt động này trẻ bước vào giai đoạn đầu tiên của quá trình hình thành nhân cách.

Khi tham gia vào trò chơi ĐVTCD, trẻ được thoả mãn nguyện vọng là được sống và hoạt động giống như người lớn. Trong trò chơi này, lần đầu tiên những mối quan hệ giữa người với người được hiện ra một cách khách quan trước trẻ, qua đó trẻ có thể hiểu được mỗi người lớn trong xã hội đều có nghĩa vụ và quyền lợi đối với bản thân cũng như đối với mọi người xung quanh như thế nào.

So với các loại trò chơi khác thì trò chơi ĐVTCD là loại trò chơi mang đầy đủ nhất, rõ nét nhất các đặc điểm của trò chơi nói chung, nhưng nổi bật nhất là những đặc điểm sau đây:

1) Được gọi là trò chơi ĐVTCD trước hết là vì hành động chơi của người tham gia trò chơi này bao giờ cũng xoay quanh một *chủ đề* nhất định, đó là một mảng cuộc sống được phản ánh vào trò chơi dựa trên biểu tượng sinh động của chính trẻ em về cuộc sống đang diễn ra hàng ngày, như sinh hoạt gia đình, trường học, giao thông vận tải, mua bán v.v... Phạm vi hiện thực mà trẻ tiếp xúc càng rộng bao nhiêu thì chủ đề chơi càng phong phú bấy nhiêu và trẻ càng lớn thì chủ đề chơi càng trở nên sâu rộng hơn. Lúc đầu trẻ chỉ phản ánh vào trò chơi những mảng cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ như sinh hoạt ở

gia đình, ở bệnh viện, ở cửa hàng, dần dần đến những chủ đề lớn hơn, xa hơn, như bưu điện, xây dựng nhà cửa, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông...

2) Trò chơi ĐVTCD bao giờ cũng có *vai* và hành động chơi chủ yếu nhất được thể hiện trong trò chơi này là *đóng vai*, tức là ướm mình vào vị trí của một người lớn nào đó rồi bắt chước hành động của họ để thực hiện các chức năng xã hội. Vai chơi là yếu tố chủ yếu để tạo nên trò chơi này và đóng vai là con đường dễ nhất giúp trẻ thâm nhập vào cuộc sống của người lớn. Trò chơi ĐVTCD có thành hay không, điều đó phụ thuộc vào việc trẻ có đóng được vai hay không.

Vai chơi là linh hồn của trò chơi này, chính nhờ đóng vai mà trẻ mới có thể trải nghiệm được những xúc cảm vui buồn, sung sướng, khổ đau..., mới hiểu được như thế nào là mẹ, là cô bán hàng, là bác lái xe... Tất nhiên là bằng con mắt và tâm hồn của trẻ thơ, nhưng đó lại là điều hết sức cần thiết để qua đó mà trẻ *học làm người*.

3) Trò chơi ĐVTCD không phải là trò chơi cho từng người riêng lẻ theo kiểu chơi một mình mà đây là *trò chơi theo nhóm, các thành viên trong nhóm cùng hoạt động với nhau, cùng chơi với nhau*. Vì đây là trò chơi mô phỏng cuộc sống của người lớn mà hoạt động của họ trong xã hội lại không thể mang tính chất đơn độc, riêng lẻ. Trong xã hội, hoạt động của mỗi người bao giờ cũng liên quan với hoạt động của nhiều người khác, nghĩa là hoạt động của con người bao giờ cũng có *tính hợp tác*. Sự hợp tác giữa nhiều người trong một cộng đồng, giữa nhóm người này với nhóm người khác là đặc trưng của xã hội loài người. Bởi vậy, để trò chơi ĐVTCD được tiến hành cần phải có nhiều trẻ em cùng

tham gia, tức là cần có bạn để cùng chơi với nhau. Từ đó một "xã hội trẻ em" được hình thành với nhiều mối quan hệ, nhiều khi cũng khá phức tạp, nhưng nổi bật lên là *tính hợp tác giữa các trẻ cùng chơi với nhau*. Tính hợp tác là một nét phát triển mới, một nét tiêu biểu trong hoạt động vui chơi của trẻ em và nó được hình thành bắt đầu từ lứa tuổi mẫu giáo, khi chúng biết chơi với bạn bè.

4) Trò chơi ĐVTCD là nơi trẻ có thể nhập vào *các mối quan hệ xã hội*.

Thực chất của trò chơi ĐVTCD là mô hình hoá những mối quan hệ xã hội mà trẻ chịu sự chi phối. Đó là những mối quan hệ giữa người lớn với nhau được trẻ quan tâm và trở thành đối tượng hành động của chúng. Trong trò chơi ĐVTCD các mối quan hệ xã hội được bộc lộ rất rõ rệt và sức sống của trò chơi này là ở chỗ nó tạo ra mối quan hệ giữa các vai. Hãy quan sát trò chơi "bệnh viện", một trò chơi ĐVTCD quen thuộc. Em bé đóng vai bác sĩ, mặc áo choàng trắng, đeo khẩu trang, cầm cái ống nghe (bằng cọng đu đủ hay bằng nhựa) đặt lên ngực "bệnh nhân", rồi ngồi vào bàn ghi đơn... Chuỗi thao tác này chỉ thuần về kĩ thuật, tuy rất cần nhưng đây chưa phải là mặt chủ yếu của trò chơi ĐVTCD. Khâu quan trọng nhất của trò chơi này là khi "bác sĩ" vỗ nhẹ vào vai "người bệnh" và nói với một giọng thương cảm: "Tôi đã khám cho bác rồi, bác đau ở bụng đấy, bác cầm đơn ra quầy mua thuốc", rồi động viên "người bệnh": "Uống xong là khỏi thôi mà, bác đừng lo!", và đồng thời "người bệnh" nhìn "bác sĩ" nói lễ phép: "Cám ơn bác sĩ ạ!". Đây mới chính là cái bản chất của trò chơi ĐVTCD được thể hiện ở thái độ tình, cảm, động cơ của mỗi người trong mối quan hệ mà trẻ thiết lập được giữa

các vai với nhau. Lúc này em đã nhìn mình như một người khác – một nhân vật trong xã hội. Thế là bằng trò chơi ĐVTCD, đứa trẻ đảm nhiệm được các "chức năng xã hội" và tự biến mình thành một nhân vật, một người lớn bất kì nào trong xã hội, vì em bé có thể đóng bất cứ vai nào.

Trò chơi ĐVTCD còn giúp trẻ hiểu và thực hiện những quy tắc của cuộc sống xã hội như mua hàng thì phải trả tiền, có khách vào nhà thì phải chào hỏi, làm phiền ai thì phải xin lỗi... Khi trẻ tự nguyện thực hiện các chuẩn mực của đời sống xã hội bằng việc nhập vai, trẻ chuyển dần những chuẩn mực đó vào bên trong đời sống tâm lí của mình thì sẽ dần dần tạo ra một nhân cách của xã hội có phẩm chất nhất định.

5). Trò chơi ĐVTCD mang tính biểu trưng cao. Trong khi chơi đứa trẻ tự nhận cho mình một vai nào đó rồi hành động theo vai với những "vật thay thế" và tất cả những gì diễn ra trong trò chơi đều chỉ là tưởng tượng. Trong khi chơi trẻ thường gặp mâu thuẫn: đó là hành động của vai phải y như thật, nhưng lại với những vật không thật. Ví như người kỵ sĩ trong đời thực là phải cưỡi lên con ngựa, nhưng trong trò chơi làm gì có con ngựa thật, đó chỉ là cái gậy may lăm cũng chỉ là một cái tàu cau!. Lúc này để trò chơi được tiến hành buộc trẻ phải tưởng tượng cái gậy hay tàu cau là con ngựa chính cống, vì như vậy mới vui. Đây là hoàn cảnh do trẻ tưởng tượng hay còn gọi là *hoàn cảnh chơi*, trong đó từ vai chơi, hành động chơi đến đồ chơi đều là giả vờ cả nhưng lại rất thực đối với trẻ em, vì nó phản ánh một điều rất thực đã xảy ra như vậy trong cuộc sống. Sự kiện đó đã cho ra đời một chức năng mới của ý thức – chức năng *kí hiệu- tượng trưng*,

chức năng này có ở hầu hết trong các trò chơi trẻ em, nhưng nhiều hơn hết và nổi bật hơn hết là ở trò chơi ĐVTCD.

Trò chơi ĐVTCD chiếm một vị trí rất đặc biệt, đó là vị trí trung tâm trong hoạt động vui chơi của trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo. Đây là trò chơi thường được trẻ mẫu giáo yêu thích, vì nó thoả mãn một nhu cầu bức thiết của trẻ ở giai đoạn phát triển này là được sống và làm việc như người lớn. Khi tham gia vào trò chơi, đứa trẻ dường như thấy mình đang được nhập vào những mối quan hệ xã hội, nhập vào cuộc sống của người lớn, sống và làm việc giống như người lớn.

Trò chơi ĐVTCD giữ vị trí trung tâm trong hoạt động vui chơi của trẻ mẫu giáo còn là vì nó chi phối các dạng trò chơi khác cùng tồn tại ở giai đoạn này, làm cho chúng mang dáng dấp của trò chơi ĐVTCD. Bởi vậy, nếu những trò chơi khác cũng được tổ chức theo dáng dấp trò chơi ĐVTCD thì tính chất chơi càng nổi rõ hơn và như vậy khi chơi trẻ sẽ thích hơn. Chẳng hạn, trò chơi vận động vốn là trò chơi có luật mà nội dung của nó là những động tác thể dục, thể thao, nhưng nếu biến những động tác ấy thành hành động của những vai như trong trò chơi "mèo đuổi chuột", "bịt mắt bắt dê" hay "tìm đúng số nhà"... thì cuộc chơi sẽ trở nên hấp dẫn hơn gấp nhiều lần đối với trẻ mẫu giáo.

• Phương pháp tổ chức trò chơi ĐVTCD

Thực chất của trò chơi ĐVTCD là sự mô phỏng của trẻ em về đời sống xã hội của người lớn bằng cách ướm thử mình vào những người nào đó trong xã hội rồi hành động và ứng xử giống như họ để thực hiện các chức năng xã hội như là một sự tập dượt. Do vậy việc tổ chức cho trẻ chơi trò chơi

ĐVTCD một mặt là tạo mọi điều kiện để trẻ được thoả mãn nguyện vọng là muốn sống và hoạt động giống như người lớn, mặt khác là để qua đó mà trẻ học làm người, từ đó cần định ra các biện pháp có tác động tích cực đối với sự phát triển của trẻ em khi chúng chơi trò chơi ĐVTCD.

Đối với trẻ còn bé (3-4 tuổi) khi mới bắt đầu chơi trò chơi ĐVTCD, lúc đó trò chơi mới ở *dạng sơ khai* nên việc tổ chức trò chơi này cần đặc biệt lưu ý mấy điểm sau đây:

1. Cần hướng dẫn cho trẻ biết nhập vai. Trẻ lên ba thường hay bắt chước hành động của người lớn trong sinh hoạt hàng ngày như bế em, ru em ngủ, cho em ăn, xách làn đi chợ, cưỡi xe đi làm...nhưng nhiều cháu khi làm những hành động ấy mà không biết mình là ai, có nghĩa là trẻ chưa nhập được vào vai. Có cháu biết cho búp bê ăn bột nhưng không biết mình đang là "mẹ" hay là "chị", đang đóng vai gì; lại có cháu cưỡi lên ghế, môm kê rừ rừ như là đi xe máy, nhưng khi được hỏi: "Ai đang làm gì đấy?" thì không trả lời được. Trong trò chơi ĐVTCD thì đóng vai là khâu then chốt, là linh hồn của trò chơi, do đó trong việc tổ chức trò chơi ĐVTCD cho các bé, người lớn cần nói cho trẻ biết mình là ai và đang làm gì. Hàng ngày cần chỉ cho trẻ thấy sinh hoạt của người lớn xung quanh và nói rõ ai đang làm gì và làm như thế nào bằng những câu hỏi như: "Mẹ đang làm gì, làm như thế nào?" hay "Cô y tá đang tiêm cho ai?"...rồi bằng những chuyện kể theo tranh, bằng việc nói cho trẻ biết một số công việc của người lớn trong tranh ảnh hay trên ti vi, và bằng cả những hành động làm mẫu của người lớn khi cùng chơi với trẻ. Cứ như vậy ngày một ngày hai trẻ sẽ biết tự

ướm mình vào những người lớn xung quanh mà mình quan tâm, qua đó trẻ trải nghiệm được những tình cảm, tiếp thu được các cách ứng xử giữa người với người trong cuộc sống.

2. Cần hướng hành động của trẻ theo một chủ đề chơi nhất định. Trẻ còn bé thường hay bắt chước hành động của người lớn, nhưng những hành động đó còn tản mạn và rời rạc. Có cháu đang ru "em bé" ngủ bằng cái gối thì liền ngay sau đó lại đặt cái gối xuống đất rồi ngồi lên gối mà nhún nhảy như là phi ngựa, lại có cháu đang cầm cái que giả vờ tiêm thuốc cho búp bê thì chỉ vài tích tắc sau cái que đã biến thành bút chì để vẽ một cách say sưa như một "hoạ sĩ" thực thụ. Điều đó chứng tỏ trẻ chưa biết hướng hành động của mình vào một chủ đề chơi nhất định. Như vậy trò chơi sẽ khó duy trì và chỉ sau đó một lúc thôi trẻ bắt đầu hành động lung tung, thậm chí một số trẻ lại trở thành kẻ phá đám. Bởi vậy, người lớn cần khéo léo dẫn dắt bằng cách kể cho trẻ nghe một cách đơn giản những con người và công việc của họ trong một mảng cuộc sống nào đó (tức là một chủ đề chơi), luôn luôn nhắc nhở để trẻ nhớ là mình đang chơi theo chủ đề gì và biết tập trung hành động của mình vào một chủ đề nhất định, tức là giúp trẻ chơi có định hướng mà không bị lạc đề. Chẳng hạn như đối với chủ đề "bệnh viện", người lớn cần nói cho trẻ biết ở bệnh viện thường có những ai (bác sĩ và người bệnh...) và mỗi người cần làm gì (bác sĩ thì khám bệnh, kê đơn, dặn dò bệnh nhân những điều cần thiết với thái độ thương cảm), còn người bệnh là người đang ốm (đau bụng, nhức đầu...) nên phải nghe lời và cảm ơn bác sĩ đã khám và chữa bệnh cho mình... Chơi như vậy hành động của đứa trẻ sẽ được

xác định rõ rệt hơn, đó là điều kiện để biến các chức năng tâm lí ở trẻ vốn không chủ định thành các chức năng tâm lí có chủ định. Đây là một bước tiến đáng kể trong sự phát triển đời sống tâm lí của trẻ, cần cho hoạt động học tập và lao động sau này.

3. *Cần dạy trẻ phối hợp hành động với nhau trong khi chơi.* Khi còn bé, thường là dưới 3 tuổi trẻ chỉ chơi một mình, chúng ta có thể bắt gặp các em bé chỉ lúi húi chơi một mình với một số đồ chơi. Đôi lúc ta lại thấy có nhiều em bé ngồi cạnh nhau, tuy cùng làm một động tác nào đó do bất chước nhau, chứ chúng không hề quan tâm phối hợp hành động với nhau, có chăng chúng chỉ để ý đến cái đồ chơi của trẻ ngồi cạnh mà mình đang cần, về thực chất đó cũng chỉ là kiểu chơi một mình mà thôi. Rõ ràng lúc này trẻ chưa biết phối hợp hành động với nhau, chưa biết hợp tác với nhau hay nói đúng hơn là chưa biết chơi với nhau. Điều đó có nghĩa là chúng chưa biết thiết lập quan hệ với nhau bằng những hành động chơi để mô phỏng lại những quan hệ xã hội của người lớn, mà đây lại là vấn đề quan trọng nhất, cốt lõi nhất của trò chơi ĐVTCD. Chỉ khi trẻ biết thiết lập quan hệ với nhau thì mới đem lại sức sống cho các vai chơi và mối quan hệ giữa các vai chính mới là linh hồn của trò chơi ĐVTCD.

4. *Trong việc hướng dẫn trẻ chơi, người lớn không bao giờ áp đặt hay dùng mệnh lệnh* dù là trẻ còn rất bé. Người lớn nên lôi cuốn trẻ vào những trò chơi hấp dẫn, vừa sức và tốt nhất là cùng chơi với trẻ để làm mẫu các hành động chơi, trực tiếp tạo ra các tình huống chơi để giúp trẻ phối hợp với nhau giữa các vai và cũng là để kịp thời động viên

khuyến khích những trẻ biết chơi đúng, chơi hay và kịp thời uốn nắn những hành vi sai trái của trẻ, nhất là khi xảy ra xung đột.

Đối với trẻ lớn hơn (cuối tuổi mẫu giáo) thì trò chơi ĐVTCD đã trở nên quen thuộc và đạt tới dạng chính thức (tức là dạng hoàn chỉnh). Do vậy, trong việc hướng dẫn trẻ chơi cần lưu ý mấy điểm sau đây:

- *Cần phát huy tính tích cực chủ động của trẻ.* Ở độ tuổi này, trẻ đã nắm được cách chơi trò chơi ĐVTCD nên trẻ có thể chơi một cách độc lập. Do đó trong việc hướng dẫn trẻ chơi, người lớn cần phát huy tính tích cực chủ động của trẻ. Từ việc lựa chọn trò chơi, đề chơi đến việc phân vai cho nhau và thoả thuận luật chơi với nhau đều dành quyền tự chủ cho trẻ, người lớn không được làm hộ, chơi thay. Người lớn chỉ nên can thiệp khi trẻ gặp khó khăn hoặc xảy ra sự cố nào đó trong khi chơi, nhất là khi trò chơi xuất hiện nhiều yếu tố tiêu cực, không có lợi cho sự phát triển của trẻ. Tuy nhiên sự can thiệp của người lớn cần phải thật khéo léo và tế nhị. Đừng bao giờ can thiệp vào trò chơi của trẻ một cách thô bạo, đừng để cho trẻ cảm thấy có một sự áp đặt, điều khiển từ phía người lớn ngay cả khi xảy ra xung đột. Trong trường hợp đó nên để các cháu tự giải quyết với nhau, chỉ khi việc giải quyết đó đã trở nên bất lực đối với các cháu thì người lớn mới giúp trẻ giải quyết sao cho công bằng mà vẫn bảo đảm được không khí vui vẻ của cuộc chơi.

Vui chơi là một hoạt động độc lập của trẻ, nên khi tổ chức trò chơi ĐVTCD cần phát huy cao độ tính tự lực, tự chủ, khuyến khích những sáng kiến của trẻ trong việc đóng vai,

tìm đồ chơi, tìm vật thay thế, kích thích trí tưởng tượng của trẻ trong việc tạo ra nhiều hoàn cảnh chơi mới mẻ. Đó là tiền đề của hoạt động sáng tạo sau này.

- *Cần giúp trẻ mở rộng các mối quan hệ giữa các vai chơi.* Khi đã quen với trò chơi ĐVTCD rồi thì trẻ dễ chơi theo thói quen, cứ hôm trước chơi như thế nào thì hôm sau lại tiếp tục chơi như vậy, có khi đến hàng tháng trời mà cách chơi vẫn rất đơn điệu, quanh đi quẩn lại vẫn chỉ mẹ cho con ăn hay bác sĩ khám cho bệnh nhân. Đó là một trở ngại cho sự phát triển của trò chơi và cũng trở ngại cho sự phát triển của trẻ. Do đó việc giúp trẻ mở rộng các mối quan hệ giữa các vai chơi là một việc cần thiết khi hướng dẫn trẻ chơi trò chơi ĐVTCD. Trước hết cần *mở rộng chủ đề chơi*, làm cho nội dung chơi ngày càng phong phú. Chẳng hạn, cũng là trò chơi theo chủ đề gia đình, không phải lúc nào cũng chỉ có mẹ với con mà còn có nhiều người khác nữa. Ví như khi con đau ốm còn cần phải đưa con đi bệnh viện, ở đó mẹ cần phải nói rõ bệnh tình của con cho bác sĩ nghe và nhờ họ chữa chạy, như vậy là được thêm một mối quan hệ mới. Đến giờ đi học mẹ lại dẫn con đến trường mầm non, ở đó mẹ lại trao đổi tình hình của con cho cô giáo biết, lại được thêm một mối quan hệ mới nữa. Cứ như vậy các mối quan hệ được mở dần ra. Nếu có đồng trẻ cùng chơi thì việc mở rộng các mối quan hệ càng thêm thuận lợi. Lúc đó trẻ sẽ được chia thành nhiều nhóm chơi theo các chủ đề khác nhau, nhóm thì chơi gia đình, nhóm thì chơi bệnh viện, nhóm khác chơi xây dựng, nhóm khác nữa chơi bán hàng v.v... Trong buổi chơi, người lớn cần hướng dẫn trẻ biết liên kết các nhóm chơi với nhau, giúp trẻ

mô phỏng lại xã hội của người lớn, như vậy mới thật là thú vị. Chẳng hạn, trong khi xây dựng công trình, các bác thợ xây có thể ra cửa hàng mua nguyên vật liệu rồi thuê các bác lái xe chở về, công trình xây dựng xong lại mời bà con dân phố đến làm lễ khánh thành, lúc đó các bà nội trợ chuẩn bị một bữa tiệc liên hoan chào mừng công trình mới. Quang cảnh buổi chơi lúc này như một xã hội thu nhỏ lại, và điều này lại rất cần cho trẻ em, vì càng thiết lập được nhiều mối quan hệ giữa các vai chơi bao nhiêu thì việc trải nghiệm của trẻ về cuộc sống của người lớn càng thêm phong phú bấy nhiêu.

- *Cần hướng dẫn trẻ tổ chức tốt "xã hội trẻ em".*

Trò chơi là nguyên cơ thúc đẩy trẻ em đến với nhau, tập hợp thành các nhóm chơi. Nhóm chơi của trẻ cũng có cấu trúc khá phức tạp được tạo nên bởi các mối quan hệ thực (giữa những trẻ cùng chơi với nhau) cũng như quan hệ chơi (giữa các vai chơi với nhau). Nếu không được người lớn quan tâm đến chắc chắn cái "xã hội trẻ em" ấy không tránh khỏi lộn xộn và có thể nảy sinh nhiều điều bất lợi cho việc tiến hành trò chơi. Quan sát trẻ chơi hàng ngày, chúng ta dễ bắt gặp hiện tượng có một vài cháu lúc nào cũng giành lấy quyền chỉ huy, thường là thủ các vai chính. Những đứa trẻ đó tự cho mình "đặc quyền, đặc lợi" trong việc phân vai, chiếm giữ đồ chơi, thậm chí còn đuổi bạn này hay bạn khác ra khỏi trò chơi. Ngược lại, một vài cháu khác lại không dám chơi gì cả, chỉ đứng nhìn các bạn chơi một cách thụ động, chán thì lại lủi thủi ngồi chơi một mình. Có khi vì tranh nhau mấy cái đồ chơi mà chúng sẵn sàng ẩu đả nhau, dẫn tới tan rã cuộc chơi.

Hơn nữa, trẻ có thể truyền cho nhau, bắt chước những hiện tượng tiêu cực đang tồn tại trong xã hội xung quanh, từ đó mà nhiễm phải những thói hư tật xấu. Chính vì vậy người lớn cần quan tâm giúp trẻ tổ chức cái "xã hội trẻ em" sao cho nó trở thành môi trường giáo dục lành mạnh, vì nhóm chơi là một trong những cơ sở xã hội đầu tiên giúp trẻ lớn lên thành người.

Để tổ chức tốt "xã hội trẻ em", cần lưu ý mấy điểm sau đây:

– Nhắc nhở trẻ em luôn có thái độ thân ái và bình đẳng với nhau trong nhóm chơi. Nói cho trẻ biết ai cũng có quyền chơi những trò chơi và đóng các vai chơi mà mình thích, nhưng lại cần phải biết nhường nhịn cho nhau và cần phải luân phiên vai chơi để ai cũng có thể đóng được vai chính, như vậy mới vui. Cần tìm cách khéo léo loại bỏ tính hống hách ở một số cháu và khuyến khích các cháu vốn có tính nhút nhát mạnh dạn đóng vai chính, vai mới.

– Khi thấy trong nhóm chơi xuất hiện "thủ lĩnh" thì cần chú ý hướng dẫn hành vi của "thủ lĩnh" sao cho vừa phát huy năng khiếu "lãnh đạo" của nó lại vừa biết tôn trọng, chan hoà được với bạn bè. Nếu "thủ lĩnh" là một đứa trẻ tốt bụng và thông minh thì đó là tấm gương tốt cho các cháu khác noi theo, nhưng nếu "thủ lĩnh" là một đứa trẻ hư, luôn hống hách, ích kỉ, nói tục chửi bậy thì những tính xấu đó rất dễ lây lan sang các cháu khác. Người lớn cần hướng dẫn trẻ xây dựng mối quan hệ giữa "thủ lĩnh" và thành viên trong nhóm sao cho bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau trong tình thân ái đoàn kết.

– Khi thấy trẻ chơi những trò chơi không lành mạnh, mô phỏng những cái xấu của xã hội vào trò chơi thì nên tìm cách bày ra trò chơi khác lành mạnh hơn, hấp dẫn hơn để trẻ chuyển hướng, thay đổi nội dung chơi mà vẫn gây được hứng thú của trẻ đối với trò chơi mới.

• *Cần giúp trẻ biết sử dụng và "sáng chế" đồ chơi một cách hợp lí.* Trong trò chơi ĐVTCD, bên cạnh mặt chủ yếu là thiết lập những mối quan hệ giữa các vai, còn cần phải hướng dẫn trẻ biết hành động hợp lí với đồ chơi, bởi vì nắm được phương thức sử dụng đồ vật (mặc dầu đây chỉ là đồ chơi hay đồ vật thay thế) cũng là một bước tiến dần đến thế giới của con người. Ví như để đóng vai người y tá thì trẻ phải biết được một chuỗi thao tác của người y tá khi tiêm cho bệnh như dùng bông xoa cồn ở đâu, lấy thuốc vào ống tiêm như thế nào, chích kim tiêm và rút ra làm sao cho người bệnh khỏi đau... Tất cả chuỗi thao tác đó chỉ là mô phỏng theo dáng vẻ bên ngoài thôi, nhưng cũng cần phải giống như thật thì chơi mới vui và cũng là một sự tập dượt nào đó để sau này trở thành người lớn. Mặt khác, cần hướng dẫn trẻ biết sử dụng đồ chơi vào những tình huống thích hợp. Đồ chơi, nhất là đồ vật thay thế thường có thể sử dụng theo nhiều chức năng khác nhau ở nhiều tình huống chơi khác nhau tùy theo trí tưởng tượng của trẻ (trong khi đó đối với người lớn thì mỗi đồ dùng có một chức năng nhất định). Trẻ có thể dùng cái bát làm nồi nấu cơm hay làm rổ đi chợ, có khi lại làm cái xô đựng nước, thậm chí có khi chúng còn đội lên đầu giống như cái mũ... Rõ ràng đối với trẻ trong khi chơi đồ vật đã trở thành một cái gì đó mang tính chất thiên biến vạn hoá.

Điều đó là lẽ đương nhiên của bất cứ đồ chơi nào, tuy vậy người lớn cần hướng dẫn để trẻ biết sử dụng đồ vật một cách hợp lí hơn, gần giống với cuộc sống thực hơn, đó cũng là từng bước dẫn dắt trẻ đến gần với cuộc sống của người lớn.

Cần khuyến khích trẻ tự làm ra đồ chơi, cô giáo có thể bàn bạc với trẻ để cùng làm ra đồ chơi nhằm phát huy sáng kiến của trẻ, có thể coi đây là tiền đề của hoạt động sáng tạo sau này.

- *Cần giúp trẻ tăng cường, mở rộng vốn hiểu biết về cuộc sống.* Thực chất của trò chơi ĐVTCD là mô phỏng cuộc sống xã hội của người lớn, mà cuộc sống thì thật thiên hình vạn trạng, nên đòi hỏi trẻ em phải có một vốn sống cần thiết (đương nhiên là phải phù hợp với trình độ của trẻ), nếu không thì trò chơi sẽ nghèo nàn và khô cứng. Nhìn chung, vốn sống của mỗi đứa trẻ chưa có được là bao để có thể phản ánh cuộc sống xã hội trong tính đa dạng của nó vào trò chơi của mình. Thông qua truyện kể, bài hát, điệu múa, tranh ảnh, phim, phát thanh, truyền hình v.v... cùng với những cuộc trò chuyện gợi mở, người lớn giúp trẻ hiểu biết về cuộc sống xung quanh, đặc biệt là thông qua những cuộc tham quan, đi dạo đi chơi ngoài trời, trẻ có dịp tiếp xúc với nhiều người trong xã hội và hiểu biết những nghề nghiệp của họ, làm tăng thêm vốn sống của mình. Chẳng hạn trước khi cho trẻ chơi theo chủ đề "nhà máy", nếu trẻ được tham quan nhà máy sản xuất đồ chơi hay một nhà máy nào đó, được hướng dẫn quan sát nhà máy và hoạt động của người công nhân, thì chắc chắn trò chơi của trẻ sẽ phong phú và hấp dẫn hơn nhiều.

Trên cơ sở một vốn sống nhất định, cần hướng dẫn trẻ mở rộng thêm những chủ đề mới lạ. Những chủ đề chơi đã quá quen thuộc dễ khiến cho trẻ nhàm chán, giảm đi sự hào hứng đối với trò chơi. Do đó, trên cơ sở tăng cường vốn hiểu biết của trẻ, người lớn cần gợi mở cho chúng chơi theo những chủ đề xa hơn, rộng hơn, phản ánh được cuộc sống hiện đại như "điện thoại", "du lịch", "Rô-bot" v.v... để vừa duy trì hứng thú của trẻ đối với trò chơi, vừa kích thích trí tưởng tượng, khơi gợi lòng ham hiểu biết, làm nảy sinh ở trẻ khát vọng tìm tòi cái mới lạ.

• *Hướng dẫn trẻ chú ý đến luật chơi nhiều hơn.* Ở trò chơi ĐVTCD thì luật chơi còn bị chìm so với vai chơi. Luật chơi ở đây chẳng qua chỉ là sự thoả thuận giữa trẻ với nhau để có thể phối hợp hoạt động với nhau theo một chủ đề chơi nào đó. Nhờ bắt chước người lớn, sự thoả thuận đó ngày càng rõ ràng hơn, gần với quy tắc sống giữa những người trong xã hội hơn và dần dần trở nên xác thực hơn, ổn định hơn - đó chính là quá trình hình thành luật chơi.

Khi hướng dẫn trẻ chơi, người lớn cần khéo léo đưa những quy tắc sống, những chuẩn mực đạo đức của xã hội người lớn vào trò chơi của trẻ. Lúc đầu chỉ là sự thoả thuận, là quy ước với nhau, sau đó mới thành quy tắc và trở thành luật. Chẳng hạn, đối với trò chơi "đi tàu hoả", để trò chơi này được tiến hành trẻ cần thoả thuận với nhau, như hành khách thì phải mua vé; ngồi đúng ghế; người soát vé thì phải đeo băng đỏ và kiểm tra cẩn thận vé của từng hành khách; người lái tàu thì phải ngồi đúng toa đầu máy để lái tàu; khi tàu chạy không ai nhảy ra khỏi tàu v.v... Những điều thoả thuận

đó sẽ biến thành những quy định nghiêm túc của trò chơi, không ai được vi phạm, bởi vì đó chính là *luật chơi* và nếu một đứa trẻ nào đó không tuân theo lập tức bị đuổi ra khỏi trò chơi. Vì vậy nếu được người lớn hướng dẫn cho trẻ nắm được những quy tắc hành vi, những chuẩn mực đạo đức trong xã hội thì trẻ dễ định ra các luật chơi và chúng cũng dễ dàng tuân thủ những luật chơi đó. Biết xác định luật chơi và tuân theo luật chơi là một bước tiến bộ đáng kể của trẻ. Từ việc biết tuân thủ luật trong trò chơi (tức là luật của cuộc sống được mô phỏng lại) đến ý thức tuân thủ luật trong cuộc sống thực chỉ là một sự chuyển dịch. Đó là điều kiện để sau này trẻ tham gia vào cuộc sống xã hội.

Trò chơi ĐVTCD là loại trò chơi có vị trí đặc biệt đối với sự phát triển tâm lí của trẻ em, nhất là trong giai đoạn đầu tiên của quá trình hình thành nhân cách (lứa tuổi mẫu giáo, từ 3 đến 6 tuổi). Thông qua nhiều chủ đề chơi khác nhau, trẻ mô phỏng cuộc sống của người lớn trong tính đa dạng của nó với nhiều loại nhân vật, với nhiều ngành nghề muôn màu muôn vẻ, gắn trẻ em với cuộc sống hiện đại. Do đó nếu tổ chức tốt trò chơi này cũng tức là tạo cho trẻ những cơ hội quý giá để tập dượt các chức năng xã hội mà sau này mỗi người đều phải có trách nhiệm gánh vác. Chính vì lẽ đó, khi nghiên cứu sự phát triển tâm lí và hình thành nhân cách của trẻ, chúng ta có thể cho rằng, hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo là hoạt động vui chơi mà trung tâm là việc tham gia vào trò chơi ĐVTCD.

Nếu trò chơi là trường học của cuộc sống, thì trước hết đó phải là loại *trò chơi đóng vai theo chủ đề*.

TRÒ CHƠI TRÍ TUỆ*

Hầu hết các trò chơi trẻ em đều giúp phát triển trí tuệ, ngay như trò chơi đóng vai theo chủ đề - một loại trò chơi phát triển chủ yếu về mặt tình cảm - động cơ, mặt xã hội nhưng cũng giúp trẻ phát triển trí tuệ rất có hiệu quả bởi tính *tượng trưng* của nó (tính tượng trưng là cơ sở để hình thành ở trẻ chức năng kí hiệu trong hoạt động nhận thức thế giới). Hơn thế nữa, trong trò chơi này trẻ thường gặp nhiều tình huống buộc phải động não để giải quyết vấn đề, qua đó mà trí tuệ phát triển?. Nhưng lại có những trò chơi chủ yếu là để phát triển trí tuệ cho trẻ, được gọi là trò chơi trí tuệ.

Trò chơi trí tuệ là một loại *trò chơi có luật* (khác với một số trò chơi không có luật chơi rõ ràng hay còn gọi là luật ngầm như trò chơi ĐVTCD, trò chơi xây dựng...) có tác động trực tiếp đến hoạt động trí tuệ của người chơi, thúc đẩy trí tuệ được phát triển. Đây là loại trò chơi được sử dụng khá rộng rãi đối với mọi người, ở mọi lứa tuổi nhưng lại ít đòi hỏi phương tiện vật chất và không gian chơi, vì chủ yếu là dùng thao tác trí óc. Trò chơi trí tuệ đặc biệt quan trọng đối với trẻ em, đó là phương tiện có hiệu quả để phát triển trí tuệ và cũng là con đường độc đáo giúp trẻ nhận thức thế giới xung quanh một cách hào hứng.

* Trong cuốn "*Trò chơi của trẻ*". NXB Phụ nữ, 2000.

Trò chơi trí tuệ thường được cấu trúc theo các thành phần sau đây:

1. *Nhiệm vụ chơi* có tác dụng định hướng cho người chơi vào một vấn đề nhận thức nhất định của trò chơi, là nét đặc trưng của trò chơi trí tuệ mà người chơi phải nhằm tới. Nhiệm vụ chơi thường ẩn dấu trong mình một nhiệm vụ nhận thức mà người chơi cần tiến hành một số hành động chơi theo luật chơi mới khám phá được chính là chỗ khác nhau giữa trò chơi với việc học tập. Nhiệm vụ nhận thức có thể ở mức cảm tính hoặc cao hơn là ở mức lí tính. Ở mức nhận thức cảm tính, trò chơi giúp trẻ phát hiện những thuộc tính bên ngoài của đối tượng nhận thức bằng các giác quan. Người chơi thường là trẻ nhỏ khi mà trình độ nhận thức của chúng còn ở mức thấp. Còn ở mức nhận thức lí tính, trò chơi giúp người chơi phát hiện những thuộc tính bên trong, bản chất hoặc tìm ra các mối liên hệ mang tính quy luật giữa các đối tượng nhận thức bằng các thao tác trí tuệ như phân tích, tổng hợp, phán đoán, suy luận... Trẻ càng lớn thì nhiệm vụ nhận thức càng phức tạp. Thông thường một trò chơi trí tuệ đòi hỏi người chơi phải giải quyết một nhiệm vụ nhận thức nhất định, nhưng cũng có trò chơi đặt ra nhiều nhiệm vụ nhận thức phức tạp đòi hỏi người chơi phải giải quyết trong cùng một lúc.

2. *Luật chơi* là những điều quy định buộc người chơi phải tuân thủ trong khi thực hiện nhiệm vụ nhận thức. Đó là yếu tố quan trọng của trò chơi trí tuệ bảo đảm cho việc cụ thể hoá nội dung nhận thức. Luật chơi đóng vai trò xác định phương cách hành động, tổ chức và điều khiển hành vi trong những mối quan hệ giữa những người cùng chơi. Luật chơi

cũng là cái căn cứ để đánh giá hành động chơi đúng hay sai. Nếu người chơi phạm luật thì nhiệm vụ nhận thức cũng coi như không thực hiện được. Trong luật chơi còn bao hàm cả luật cấm mà nếu người chơi phạm phải thì phải làm lại từ đầu hay thua cuộc.

3. *Hành động chơi* là những việc làm trong khi chơi. Hành động chơi bao gồm nhiều thao tác, chủ yếu là thao tác trí óc nhằm thực hiện cho được nhiệm vụ nhận thức mà trò chơi đặt ra, nhưng lại phải tuân thủ những điều quy định của luật chơi. Hành động chơi càng phong phú bao nhiêu càng hấp dẫn trẻ hào hứng tham gia trò chơi bấy nhiêu. Trò chơi mà quá ít hành động hay hành động quá giản đơn là trò chơi đơn điệu, nghèo nàn khiến trẻ dễ nhàm chán.

Căn cứ vào các quá trình tâm lí chủ yếu, được huy động để giải quyết nhiệm vụ nhận thức trong trò chơi, người ta chia trò chơi trí tuệ ra làm các loại sau đây:

1. *Trò chơi phát triển giác quan* (thị giác, thính giác, xúc giác, vị giác, khứu giác) nhằm nâng cao hoạt động nhận thức cho trẻ. Chẳng hạn trò chơi "có gì khác?" khi chơi trẻ phải quan sát, so sánh để tìm sự khác biệt giữa hai bức tranh giống nhau, nhưng chỉ khác ở một số chi tiết; trò chơi "Tai ai tinh" đòi hỏi trẻ phải nhận ra giọng nói của một bạn nào đó hay âm thanh phát ra từ một nhạc cụ nào đó khi bị tắt lại. Trò chơi này giúp trẻ rèn luyện độ tinh nhạy của đôi tai; trò chơi "Chiếc túi kì lạ", khi chơi trẻ chỉ cần sờ nắn hay hít ngửi bên ngoài mà nhận ra bên trong túi có đựng quả gì, trò chơi này giúp trẻ phát triển xúc giác và khứu giác; trò chơi "Đoán mùa", trẻ quan sát bốn bức tranh vẽ cảnh bốn mùa rồi chỉ ra thật nhanh và chính xác đâu là bức tranh mùa xuân,

mùa hạ, mùa thu, mùa đông, trò chơi này giúp trẻ tập quan sát một cách tinh tường. Những *trò chơi âm nhạc* có thể xếp vào loại này vì nó giúp trẻ phát triển tốt thính giác và tai âm nhạc.

2. *Trò chơi phát triển trí nhớ*. Đó là loại trò chơi giúp trẻ nhớ lại và nhận lại các sự vật và hiện tượng đã được tri giác trước đây. Chẳng hạn trò chơi "*Con gì biến mất*" đòi hỏi trẻ phải quan sát và ghi nhớ kĩ để phát hiện con vật nào đã biến mất trong một loạt con vật đã được bày trên bàn trước đó. Trò chơi "*Người kể chuyện giỏi*" đòi hỏi trẻ phải nhớ câu chuyện đã được nghe trước đó để kể lại mà không được bỏ sót tình tiết hoặc ngôn ngữ trong câu chuyện. Ai kể được đầy đủ là người thắng cuộc.

3. *Trò chơi phát triển trí tưởng tượng*, trò chơi này giúp trẻ em sử dụng vốn sống, vốn tri thức và những biểu tượng đã có trong đầu để thực hiện nhiệm vụ được đặt ra trong trò chơi. Chẳng hạn trò chơi "*Người họa sĩ tài ba*", ở trò chơi này người ta cho trẻ một hình đơn giản gồm hai đường kẻ song song hay một hình tam giác, hoặc một vòng tròn... rồi yêu cầu trẻ vẽ các đường nét khác để tạo thành một bức tranh tùy theo sức tưởng tượng và cảm hứng của mình; trò chơi "*Kỵ sĩ dũng cảm*", ở trò chơi này người ta yêu cầu trẻ kẹp một cái gậy vào giữa hai đùi rồi chạy nhong nhong như phi ngựa và phải nhảy qua một chướng ngại vật, ai không nhảy được hay bị ngã xuống là thua. Trò chơi này đòi hỏi trẻ chơi luôn tưởng tượng mình là một kỵ sĩ và cái gậy là con ngựa, như vậy mới vui, mới khoái chí.

4. *Trò chơi phát triển tư duy*, đây là loại trò chơi đặc trưng cho trò chơi trí tuệ, vì nó đòi hỏi người chơi phải vận dụng các

thao tác tư duy như so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hoá, trừu tượng hoá... mới giải quyết được nhiệm vụ nhận thức mà trò chơi đặt ra. Nhờ đó óc phán đoán, suy luận và những phẩm chất tư duy như tính tích cực, độc lập, sáng tạo được phát triển, tức là phát triển trí thông minh. Trò chơi trí tuệ có rất nhiều, từ đánh cờ, lô tô, đôminô đến trò chơi xếp hình theo các điều kiện bắt buộc như trò chơi *Trí Uẩn* (từ một mảnh gỗ hình chữ nhật được chia thành 7 phần bằng các đoạn thẳng, 7 phần đó có hình dạng, kích thước khác nhau, đòi hỏi người chơi phải xếp chúng thành các con vật, xe cộ, hình người... mà không bỏ thiếu một phần nào), trò chơi phân nhóm như "*Vật thứ tư*" (trong bốn đối tượng, trẻ cần gộp ba đối tượng có cùng chung một thuộc tính thành một nhóm và cần bỏ đi đối tượng thứ tư không có thuộc tính đó). Thuộc loại trò chơi trí tuệ, các câu đố vui là hình thức rất phù hợp và hấp dẫn.

5. *Trò chơi phát triển ngôn ngữ*, khi tham gia trò chơi này đòi hỏi trẻ phải phát âm đúng, huy động vốn từ chính xác và phong phú, nói đúng ngữ pháp tiếng mẹ đẻ. Chẳng hạn để luyện phát âm có trò chơi "*Ô tô*", mỗi đứa trẻ là một chiếc Ô tô. Khi Ô tô chuyển bánh, đứa trẻ vừa chạy đồng thời mồm phát ra âm "rù. rù..."; khi bánh xe bị non, đứa trẻ nhún mình xuống như là để bơm cho bánh phình lên đồng thời mồm thổi mạnh phát ra âm "sờ"... hay trò chơi thi ai đọc đúng và nhanh câu: "Nồi đồng nấu ốc, nồi đất nấu ếch" hoặc thi xem ai tìm được nhiều từ láy theo một số phụ âm như phụ âm "kh": (khó khăn, khô khan, khúc khuỷu, khệnh khạng, khủng khĩnh, khù khờ...) hay phụ âm "b" (bông bênh, bình bịch, bụ bẫm, bèo bọt, bi bô...). Trò chơi "*Đặt vé nối tiếp*" luyện cho trẻ phản ứng nhanh về vần điệu của ngôn

ngũ: Một nhóm trẻ ngồi vòng tròn, người trưởng trò (có thể là người lớn hay trẻ em) xướng lên một câu, người kế đó phải nói tiếp một câu khác sao cho có cùng số lượng từ và từ đầu có cùng vần với từ cuối của câu trước. Chẳng hạn người đầu tiên nói: "Đi chơi phố", người thứ hai nói: "Bố cho tiền", người thứ ba nói: "Tiên áo đỏ", người thứ tư nói: "Ngõ nhà em", người thứ năm nói: "Kem Bờ Hồ"... Đến lượt ai không nói được là thua. Những trò chơi như thế giúp trẻ em nắm được và làm phong phú thêm vốn tiếng mẹ đẻ một cách nhẹ nhàng và hào hứng.

Trò chơi trí tuệ không chỉ bao gồm các trò chơi huy động một vài chức năng tâm lí mà còn có nhiều trò chơi dường như phải huy động toàn bộ hoạt động tâm lí mới giải quyết được nhiệm vụ nhận thức đặt ra trong trò chơi và điều quan trọng là nó hấp dẫn, cuốn hút đứa trẻ vào việc giải quyết nhiệm vụ nhận thức một cách hào hứng. Chính vì vậy trò chơi này thường được sử dụng trong việc dạy học cho các em nhỏ như là một phương pháp sư phạm có hiệu quả. Thay vì giảng giải và luyện tập cho các em những tri thức, kĩ năng một cách khô cứng, buồn tẻ, người ta đã sử dụng trò chơi trí tuệ để thực hiện các nhiệm vụ nhận thức được đặt ra trong chương trình GDMN một cách tự nhiên, thoải mái theo phương châm "*Chơi mà học, học mà chơi*". Trong trường hợp đó trò chơi trí tuệ được gọi là *trò chơi dạy học* (Jeux didatique). Nhưng thực ra khái niệm về trò chơi trí tuệ và trò chơi dạy học không trùng khớp nhau, vì ngoại diên của trò chơi dạy học rộng hơn trò chơi trí tuệ. Dạy học trong trường Mầm non không chỉ nhằm phát triển trí tuệ mà phát triển toàn diện cho trẻ (đủ các mặt: thể chất, thẩm mĩ, đạo đức, trí tuệ). Do đó bất cứ trò chơi nào phát triển được các mặt đó đều là

trò chơi dạy học, đều có thể sử dụng cho việc dạy học đối với trẻ em ở lứa tuổi Mầm non. Ở nước ta ngoài khái niệm *trò chơi dạy học* còn có khái niệm *trò chơi học tập* để phân biệt chủ thể sử dụng trò chơi. Khi chủ thể là giáo viên - người sử dụng trò chơi để dạy học - thì những trò chơi đó được xếp vào loại trò chơi dạy học. Còn khi chủ thể là trẻ em sử dụng trò chơi để học tập thì các trò chơi đó được xếp vào loại *trò chơi học tập*. Tuy vậy khái niệm trò chơi học tập dùng trong GDMN cũng chưa thật chuẩn xác, bởi vì học tập là dạng hoạt động hoàn chỉnh (classique) và còn đóng vai trò chủ đạo là ở tuổi học sinh, còn trẻ em ở tuổi Mầm non hoạt động đó mới ở *dạng sơ khai*, hơn nữa các cháu chủ yếu là học ở dạng *kết hợp* một cách *tự nhiên* (như học trong hoạt động vui chơi, trong hoạt động khám phá hay trong sinh hoạt hàng ngày) và sự học của trẻ cũng là để phát triển nhiều mặt chứ không chỉ phát triển trí tuệ. Vậy là khi sử dụng trò chơi để phát triển trí tuệ cho trẻ thì nên xếp những trò chơi đó vào loại *trò chơi trí tuệ*.

Trò chơi trí tuệ giúp trẻ khám phá thế giới tự nhiên như: những biến đổi trong thiên nhiên theo mùa, thế giới vô sinh (đất nước, cát, sỏi, nắng, mưa...), thế giới hữu sinh (những loài động, thực vật); đời sống xã hội (những mối quan hệ của con người, nghề nghiệp của những người lao động...). Bằng trò chơi trí tuệ người lớn luôn khuyến khích trẻ suy nghĩ, tìm tòi, phát huy sáng kiến biểu hiện trí thông minh, nhanh trí, khéo léo, tích cực ứng dụng những hiểu biết vào tình huống mới. Khi sử dụng trò chơi trí tuệ, người lớn cần giúp trẻ hiểu rõ nhiệm vụ nhận thức được đặt ra trong trò chơi, nắm được luật chơi và hành động chơi, nhưng cần luôn luôn tôn trọng

tính tự lực của trẻ, cần tính đến những kinh nghiệm của từng cháu, tuyệt đối đừng bao giờ áp đặt, biến trò chơi thành những bài tập luyện trí não căng thẳng làm mất đi sự vui thích, thoải mái của các cháu, nhất là không nên biến trò chơi thành cuộc thi.

Trò chơi trí tuệ lại càng rất quan trọng đối với trẻ em còn rất bé, khi còn ở tuổi ấu thơ (dưới 3 tuổi), nó giúp trẻ làm quen với thế giới xung quanh, chủ yếu là làm quen với đặc điểm, tính chất (màu sắc, hình dạng, âm thanh, độ lớn...) của các vật dụng và cách thức sử dụng chúng, để qua đó mà hình thành những biểu tượng về thế giới bên ngoài, phát triển tri giác, trí nhớ, tích lũy vốn từ, học các cách khảo sát đồ vật bằng xúc giác... Tuy nhiên trò chơi trí tuệ cho các bé dưới ba tuổi chưa phải là trò chơi có luật như ở tuổi mẫu giáo. Lúc này người ta thường cho trẻ chơi với những đồ chơi nhiều màu sắc tươi tắn, có thể phát ra âm thanh với nhiều sắc thái trầm bổng, to nhỏ khác nhau, có thể di động bằng nhiều cử động phong phú như cái xúc xắc, con lật đật, những con thú nhồi bông để trẻ dễ nhận biết các bộ phận cơ thể và trên mặt... Lớn hơn một chút, có thể dùng các đồ chơi bằng nhựa hay gỗ thay thế đồ vật thật cho trẻ tìm hiểu chức năng (dùng để làm gì?) và phương thức sử dụng các vật dụng (làm như thế nào?) hoặc đồ chơi lắp ghép. Qua đó mà giúp trẻ phát triển những *chức năng tâm lí người*, đặc biệt là *phát triển trí tuệ*.

TRÒ CHƠI DÂN GIAN TRẺ EM VIỆT NAM

Cũng như các dân tộc trên thế giới, dân tộc Việt Nam cũng có những trò chơi của mình. Trò chơi xuất hiện sau lao động, cùng với lao động. Vì có lao động mới có nhu cầu nghỉ ngơi, mới có đòi hỏi vui chơi giải trí.

Lao động và trò chơi tuy đem lại hiệu quả khác nhau, nhưng ở thời tiền sử của tổ tiên chúng ta lao động và trò chơi hoà lẫn với nhau, không có sự đối lập. Lao động nhằm mục đích duy trì cuộc sống hàng ngày, còn trò chơi thì bổ sung cho lao động, nó tạo nên những nghi thức gây lòng tin của con người đối với kết quả của lao động. Những cuộc vui hoá trang hay nhảy múa rước hồn của các tộc người xưa đều là những trò chơi mô phỏng hoạt động sản xuất, đều được lễ thức hoá nhằm gây lòng tin ở hiệu quả sinh sản. Với trò chơi, con người thâm nhập vào "thế giới tổ tiên", giúp cho thế hệ sau tiếp thu kinh nghiệm của thế hệ trước qua những nghi thức nhằm duy trì cuộc sống.

Từ thời xa xưa, trẻ em và người lớn được phân biệt ở vai trò của hai lớp người này đối với sản xuất, do đó đưa đến sự phân cách về quyền lợi, nghĩa vụ và sự đối xử trong xã hội. Cũng do vị trí được phân công khác nhau trong sản xuất, nên vai trò của con trai và con gái cũng được phân chia rõ rệt. Con trai trở thành người lớn ở tuổi thành niên (thường bắt đầu từ 15 đến 18 tuổi), trở thành một thành viên, được tham gia mọi hoạt động sản xuất và sinh hoạt

xã hội của cộng đồng. Còn con gái do chức năng chính là duy trì nòi giống, nên được coi là người lớn khi đến tuổi có khả năng sinh đẻ.

Trước khi trở thành người lớn của cộng đồng, con trai và con gái đều được nuôi dưỡng và dạy dỗ theo những tập tục mà mục đích chính là truyền thụ cho chúng những kĩ năng sản xuất và những tri thức về cuộc sống của lớp cha ông.

Cách thức học tập của trẻ em là bắt chước việc làm của người lớn để tập cho mình một số kĩ năng và tiếp thu những tri thức nhất định. Bên cạnh việc học tập có tính chất bắt buộc và gần như là những nghi thức phải tuân thủ, trẻ còn bắt chước việc làm của người lớn một cách tự nguyện. Do khả năng còn non yếu chưa thể làm những công việc đó một cách thực sự nên trẻ em phải làm giả vờ - trò chơi xuất hiện để thoả mãn nguyện vọng của chúng là muốn sống và làm việc như người lớn. Chính thông qua trò chơi mà trẻ em lập làm quen với các hoạt động sản xuất và cách ứng xử của người lớn trong xã hội mà sau này các em sẽ gia nhập. Với loại hình trò chơi mô phỏng (tức là trò chơi đóng vai theo chủ đề) các em trai tập bắn cung, đấu vật, đấu võ... Đối với các em gái thì trò chơi phổ biến đầu tiên là "làm mẹ" với những công việc nội trợ như "đi chợ", "thối cơm"...

Những trò chơi này tuy là bắt chước những hoạt động của người lớn trong xã hội, nhưng vì là chơi nên chúng cũng không phụ thuộc một cách nghiêm ngặt vào sự đổi thay của cuộc sống đang diễn ra hàng ngày mà phát triển theo những quy luật riêng, ít nhiều mang tính chất ngưng đọng. Chúng vẫn tiếp tục tồn tại ngay cả khi cuộc sống của xã hội đã thay đổi khác đi. Chẳng hạn, khi xã hội đã chuyển sang trồng trọt

định cư, trẻ em không còn bắt buộc phải học tập sẵn bản, nhưng trò chơi sẵn bản thì vẫn còn tiếp tục tồn tại cho đến ngày nay. Nhờ đó, qua trò chơi của trẻ em, chúng ta vẫn có thể tìm lại những hình ảnh của xã hội xa xưa.

Do không lệ thuộc vào hình thức lễ hội như trò chơi của người lớn, nên trẻ em có thể chơi bất cứ vào lúc nào và bất cứ ở đâu. Tuy trong các lễ hội ở nhiều địa phương, trẻ em vẫn có phần tham gia, nhưng nhìn chung hoạt động vui chơi của trẻ em thường được tổ chức riêng biệt bên ngoài lễ hội. Chính vì vậy mà trò chơi trẻ em dễ dàng phổ biến rộng rãi, không hề chịu sự ràng buộc một cách nghiêm ngặt về không gian và thời gian. Nếu như những trò chơi của người lớn chỉ được thể hiện ở một số địa phương trong một thời điểm nhất định như hát xoan (ở Phú Thọ), hát Quan họ (ở Bắc Ninh), tung còn (ở Tây Bắc)...và thường là vào mùa xuân thì trò chơi trẻ em không hề bị sự hạn chế đó. Trẻ em ở nhiều vùng, thậm chí khắp cả nước có thể đánh chuyền, đánh chắt, đánh đáo, đánh khăng...Nhiều trò chơi trẻ em còn được truyền bá trên phạm vi rộng hơn nữa, vượt ra ngoài lãnh phận địa phương, thậm chí còn vượt ra ngoài biên giới quốc gia. Đây cũng là hiện tượng giao lưu văn hoá giữa các dân tộc, giữa các địa phương rất xa nhau và giữa các nước trong vùng (Đông Nam Á) hay trên thế giới.

Trẻ em dưới 3 tuổi chỉ chơi một mình, chúng chưa biết đến hợp tác khi chơi và cũng không chịu tuân theo những quy tắc của trò chơi. Nhưng từ 4 – 5 tuổi trở lên chúng bắt đầu có nhu cầu hợp tác và chịu sự phân công của nhóm bạn chơi. Từ đó trò chơi bắt đầu mang tính cộng đồng. Những trò

chơi đó tập cho trẻ em biết tuân theo quy ước của cuộc chơi. Các em buộc phải chấp nhận sự "được" và "thua" và phải chịu phạt khi bị thua, đồng thời phải chịu phạt tùng những đứa trẻ cầm đầu. Em nào vi phạm những quy ước đó thì bị coi là "ăn gian" và bị cả nhóm chơi đuổi ra khỏi cuộc.

Những quy ước trong trò chơi truyền thống còn cho ta thấy những mối quan hệ giữa con người với nhau trong quá khứ xa xưa của tổ tiên.

Trò chơi không những tập luyện cho trẻ em làm quen với sự khéo léo tay chân để sau này có thói quen lao động, mà còn là cả một môi trường rèn luyện nhân cách, rèn luyện thể lực, tập cho các em biết ứng xử và tham gia các hoạt động của cộng đồng với tư cách là con người xã hội.

Cũng như nhiều nước trên thế giới, trẻ em Việt Nam có nhiều trò chơi dân gian, nói đúng hơn là trò chơi dân gian cổ truyền. Cuộc sống nông nghiệp của đất nước này, trải qua nhiều thế hệ xuất hiện nhiều trò chơi dân gian ở các vùng dân cư như vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, miền biển, miền núi.

Ngày xưa, trẻ em thường phải tự tìm cách đáp ứng nhu cầu vui chơi của mình nên đã tạo ra nhiều trò chơi (cũng có một phần do người lớn nghĩ ra) với những đồ chơi là những vật thô sơ, mộc mạc trong đời sống xung quanh như con ốc, cái lá, bông hoa, cái gậy, con chuồn chuồn...

Nét đặc biệt của trò chơi dân gian trẻ em Việt Nam là hầu hết trò chơi đều gắn liền với những bài đồng dao. Đó là những câu về ngắn gọn, có nhịp điệu, âm thanh được sử dụng trong khi chơi.

Đồng dao thường là những câu mà ý nghĩa không rõ ràng, tản mạn được ghép lại với nhau, không theo một logic nào cả. Nhưng chính vì thế mà lại trở nên hấp dẫn đối với trẻ em. Đồng dao trước hết là một trò chơi chung của trẻ em và nó chỉ có giá trị trong một trò chơi cụ thể chứ không tồn tại độc lập ngoài trò chơi như những bài dân ca khác. Nó là yếu tố ngôn ngữ bổ sung cho trò chơi. Đồng dao thường mang tính chu kì, tức là lặp đi, lặp lại mãi không bao giờ hết, ngôn ngữ của nó nhiều khi rất kì quặc là những câu chắp vá vào nhau một cách ngẫu nhiên mà khi đọc lên nghe thuận mồm, vui tai, gây thêm hào hứng cho trẻ khi chơi.

Cái logic của đồng dao chính là cái logic của trò chơi, không thể bắt nó phải theo cái logic của hiện thực. Nếu lấy một bài đồng dao nào đó ra mà phân tích ý nghĩa của nó, ta sẽ thấy nhiều sự vô lí, không thể hiểu nổi. Chẳng ai có thể giải thích được "Chi chi chành chành", "Cái đanh thổi lửa" là gì? Tại sao lại "Cái cống nằm trong", "Con ong nằm ngoài", "Củ khoai chấm mật", "Phật ngồi Phật khóc", "Con cóc nhảy ra"... Chính cái ngôn ngữ kì quặc theo lối tư duy nhảy cóc đó lại là yếu tố gắn bó với trò chơi để đưa các em vào với thế giới trò chơi, khác hẳn với thế giới bên ngoài. Nếu đồng dao được tổ chức chặt chẽ như một bài dân ca, như một bài thơ thì yếu tố trò chơi, nhất là trò chơi trẻ em không còn nữa. Cho nên ta dễ nhận thấy một biện pháp tu từ học rất tiêu biểu cho đồng dao là biện pháp nói ngược, trái hẳn với logic thực tế, logic của cuộc đời. Đã là trò chơi thì phải tạo ra cái logic riêng ấy để cho người ta giải trí và chính vì nó đảo ngược như thế mới hấp dẫn, mới vui. Chẳng hạn, những câu đồng dao mang tính ngược đảo sau đây đã làm cho trò chơi không thể buồn tẻ được:

– “Trời làm một trận mưa rào
Một đàn cào cào đuổi bắt cá rô
Thóc giống đuổi chuột trong bồ
Đong đong càn cấn đuổi cò ngoài ao.”
– “Bao giờ cho đến tháng ba,
Ếch cấn cở rấn lòi ra ngoài đồng
Hùm nằm cho lợn liếm lông
Một chục quả hồng nuốt lão tám mươi”
– Con kiến mà ở trong nhà
Tao đóng cửa lại mày ra đằng nào?
Con cá mà ở dưới ao
Tao tát nước vào mày sống làm sao?

Biện pháp nói ngược ngộ nghĩnh này rất phù hợp với không khí của trò chơi, vì nó làm cho trẻ vui thích và kích thích tính tò mò, ham tìm hiểu ở chúng.

Đồng dao gọi nên tình yêu hồn nhiên của trẻ em đối với con ong, cái kiến, con cò, con vạc, con trâu, con nghé... Các bài hát gọi mẹ, gọi nghé của trẻ em mục đồng, bài hát giới thiệu các loài chim muông, hoa quả hoặc những sự vật xung quanh (đồ dùng để làm ruộng, đồ dùng trong nhà, trong bếp...) vừa là đồng dao, vừa là một kiểu lời hát trong trò chơi, các em theo lời hát mà chỉ ra sự vật. Những bài đồng dao trong trò chơi cung cấp cho trẻ em những kiến thức về xã hội. Trẻ em tập đi mua bán, tập làm nhà cửa, tập cưới trâu, cưới ngựa trong tưởng tượng. Có những bài hát chỉ về nghề nghiệp trong xã hội có phân công, và cả những bài hát chế diễu những thói hư tật xấu. Nổi bật lên là những chủ điểm

về đồng áng và cày cấy, đối với em gái là kiến thức về nữ công gia chánh. Trong khi chơi các em tiếp thu được những điều hay lẽ phải, rèn luyện những thói quen cần thiết cho cuộc sống hiện nay và sau này một cách tự nhiên và thoải mái.

Rõ ràng, đồng dao đã thể hiện được cái nhìn của trẻ thơ trong thế giới của trò chơi. Do đó, tìm hiểu trò chơi dân gian trẻ em Việt Nam không thể không tìm hiểu các bài đồng dao.

Trò chơi dân gian là một hoạt động có tác động mạnh mẽ đối với trẻ em, trước hết là giáo dục thái độ văn hoá đối với hai mối quan hệ chủ yếu của con người: con người - thiên nhiên và con người - xã hội, nói cách khác, đó là thái độ đối với sinh thái thiên nhiên và đối với sinh thái xã hội. Vai trò giáo dục nhân cách văn hoá cho trẻ em của trò chơi dân gian là rất có hiệu quả.

Khôi phục và tổ chức trò chơi dân gian, một di sản văn hoá dân tộc cho trẻ em chúng ta ngày hôm nay nhằm để lại một "nét hoa văn" mang bản sắc dân tộc Việt Nam trong tâm hồn của thế hệ mầm non đang đứng trước ngưỡng cửa của thế kỉ XXI.

Trò chơi dân gian trẻ em Việt Nam rất phong phú, không chỉ nhiều về số lượng mà còn đa dạng cả về thể loại. Căn cứ vào chức năng giáo dục của trò chơi, GS Vũ Ngọc Khánh (Viện Văn hoá dân gian) đã chia trò chơi dân gian trẻ em ra thành bốn loại:

1) *Loại trò chơi vận động*. Gồm các trò chơi cho trẻ em vận động chân tay, chạy nhảy, lộn vòng, gây không khí vui nhộn và sinh động, như "Tập tầm vông", "Dung dăng dung dẻ", "lộn cầu vồng", "Lò cò", "Bịt mắt bắt dê"... Những

trò chơi này thường được chơi ở ngoài trời để tiếp xúc với thiên nhiên, với cảnh vật xung quanh, nhằm tăng cường sức khoẻ và các tố chất về thể lực cho trẻ em.

2. Loại trò chơi học tập (thực chất là trò chơi rèn trí tuệ).

Đó là những trò chơi nhằm phát huy trí tuệ của trẻ em, dạy cho các cháu biết quan sát, tính toán. Có khi chỉ là một bài đồng dao, trẻ em ngồi quây quần với nhau cùng hát, cùng đối thoại để giới thiệu các sự vật xung quanh mình, tiếp thu tri thức về cuộc sống. Có khi lại là một trò chơi bày cách tính toán hẫng hoi, như trò chơi “Ô ăn quan”, tập cho trẻ em biết cách làm phép trừ, phép cộng; hoặc như trò chơi “Chuyển thẻ”, rõ ràng đây là một bài học đếm từ 1 đến 10, giúp phát triển trí tuệ cho trẻ.

3. Loại trò chơi mô phỏng. Đây là những trò chơi mà trẻ mô phỏng, bắt chước cách sinh hoạt của người lớn như làm nhà, cày ruộng, nấu ăn... Trong khi chơi trẻ em thi nhau xem ai làm đẹp, làm đúng, làm nhanh hơn. Đặc biệt những trò chơi này có tác dụng phát huy trí tưởng tượng của trẻ em, mẩu lá cũng được xem là món ăn ngon, vỏ sò, vỏ hến cũng được xem là nổi niêu, bát đũa, cái mo cau biến thành con ngựa. Trong trò chơi này, các em hoá thân, nhập vai thành những người lớn mà các em thích. Nhờ đó trẻ nhập vào các mối quan hệ xã hội, học được cách ứng xử giữa người lớn với nhau, qua đó mà trẻ học làm người.

4. Loại trò chơi sáng tạo. Đây là những trò chơi trong đó trẻ em tự tay làm nên những đồ vật bằng vật liệu trong thiên nhiên, như xếp lá dứa thành cái chong chóng, xếp lá đa thành con trâu, xếp lá chuối thành con cào cào, kết hoa

thành vòng vàng xuyên bạc, tết những cọng rơm, cọng rạ thành những thằng người. Những trò chơi này giúp cho các em khéo tay, phát huy sáng kiến, khơi dậy khiếu thẩm mỹ cần cho cuộc sống và lao động sau này.

Sự phân loại này chỉ mang tính tương đối, ước lệ mà thôi, trong kho tàng trò chơi dân gian trẻ em Việt Nam có những trò chơi mà tác dụng của nó đến đứa trẻ một cách toàn diện. Chẳng hạn như trò chơi "chuyên thể", rõ ràng đây là một bài học về đếm số, tính nhẩm, đồng thời đây còn là một bài tập thể dục luyện gân, luyện cơ ở các cổ tay, cánh tay, khuỷu tay cho các em gái. Những động tác như "Nâng lấy một, chộp lấy đôi, sang tay qua ra tay chống..." giúp cho các em trở nên nhanh nhẹn, khéo léo, lại luyện được ngôn ngữ uyển chuyển trong các vần điệu dân gian.

Trò chơi dân gian trẻ em còn có ý nghĩa luyện kĩ năng. Quan sát kĩ ta thấy các trò chơi thường lặp đi lặp lại, có khi hàng chục lần mà trẻ em vẫn không thấy chán. Chơi hết cuộc, các em lại chơi và cứ chơi như thế cho đến khi kĩ năng thành thạo, ấn tượng về sự việc, biểu tượng chứa đựng trong từ, trong câu được củng cố vững chắc.

Đứng về góc độ giáo dục thì đồng dao và trò chơi là rất phù hợp với trẻ em. Tuy các bài đồng dao trong trò chơi thường không theo đề tài tập trung, gần như là những đoạn chấp vá, gặp đâu nói đó, chỉ cốt có vần, có điệu còn ý nghĩa chung thì rời rạc, câu nọ xọ câu kia, đang nói chuyện này lại bắt sang chuyện khác. Nhưng có như thế trẻ em mới thích thú, vì nó phù hợp với đặc điểm của trẻ nhỏ (nghe lạ tai). Đồng dao và trò chơi đã giúp trẻ em tiếp thu mọi sự vật và hiện tượng bằng ấn tượng chứ

không phải bằng lí luận. Trái với phương pháp ấy, chúng ta sẽ không thành công.

Trò chơi dân gian trẻ em Việt Nam lại rất giàu yếu tố tưởng tượng. Điều này cũng rất phù hợp với đặc điểm phát triển tâm lí của các cháu. Đối với trẻ em, mọi vật đều dường như có hồn nên chúng có thể chuyện trò với cây cỏ, hoa lá, với các loài vật, với đồ đạc xung quanh và hình dung rất hồn nhiên, chân thực rằng đó là những cuộc đối thoại hết sức thú vị như chuyện trò với những người bạn thân. Khi chơi các em biết lấy vật tượng trưng thay thế cho vật thật, biết đóng vai này hay vai khác trong thế giới trò chơi do các em tạo ra. Chỉ với đầu óc giàu sức tưởng tượng mới nhìn thấy được con sên biết lên công chúa, con cua biết cắp giỏ theo hầu và ông trăng biết xuống chơi cho có bầu, có bạn... Theo GS. TS Tô Ngọc Thanh thì: "Trí tưởng tượng và nhu cầu hoá thân là hai thuộc tính chủ yếu thể hiện chất sáng tạo của trò chơi dân gian Việt Nam".

Đối với trẻ em của chúng ta ngày nay trò chơi dân gian Việt Nam còn góp phần hình thành nên nhân cách văn hoá mang bản sắc dân tộc Việt Nam. Trong xã hội hiện đại, trẻ em cần có những trò chơi hiện đại, nhưng không thể thiếu được những trò chơi dân gian cổ truyền. Nó chính là sự nối tiếp các giá trị văn hoá dân tộc mà từ đó góp phần tạo dựng nên nhân cách văn hoá dân tộc cho trẻ em Việt Nam. Trò chơi dân gian trẻ em Việt Nam là một bộ phận khăng khít với đời sống xã hội Việt Nam, với tâm lí người Việt Nam; gắn bó chặt chẽ với thiên nhiên Việt Nam. Chính vì vậy mà nó có tác dụng góp phần hun đúc nên tâm hồn dân tộc cho tuổi thơ Việt Nam, nhất là trẻ em đang ở lứa tuổi mẫu giáo

và học sinh tiểu học, lứa tuổi mà vui chơi là một hoạt động giữ vai trò cực kì quan trọng trong sự phát triển của chúng. Tuổi thơ là một thời kì mà đứa trẻ có một tâm hồn nhạy cảm, khiếu thẩm mĩ đang nhen nhóm. Đây chính là cơ hội quý giá để trẻ tiếp nhận những nét đặc sắc trong văn hoá dân tộc một cách tự nhiên và nhẹ nhàng, nhất là lại được trải nghiệm chính ngay trong hoạt động vui chơi, một hoạt động mà trẻ rất thích thú.

Đặc điểm chung của trò chơi dân gian trẻ em Việt Nam là đơn giản, dễ chơi, dễ hoà nhập. Ở bất cứ đâu, trong gia đình, trong lớp học hay ngoài thôn xóm, ngõ phố đều có thể tổ chức được các trò chơi phù hợp. Sân nhà nho nhỏ thì chơi các trò chơi như "ô ăn quan", "rải ranh", chơi cờ, đánh chuyên, đánh chất... rộng hơn có thể chơi "rồng rắn lên mây", đá cầu..., ngõ xóm là nơi chơi "trốn tìm", "bịt mắt bắt dê", "bỏ dê"... bờ ao là nơi chơi "ném lia", múa rối..., cánh đồng là nơi chơi "thả diều", "ném còn"... bãi cỏ là chỗ "đánh quay", "đánh đu", "cướp cờ"... Vật liệu để chơi trò chơi dân gian trẻ em Việt Nam cũng thật đơn giản, dễ kiếm, dễ tìm ngay trong sản vật thiên nhiên Việt Nam, con khăng là một đoạn tre, hòn cù được đẽo từ một mẩu gỗ, nắm sỏi cũng thành vật để chơi "ô ăn quan", đất sét nặn cũng thành quả pháo... Như vậy, có thể nói rằng trò chơi dân gian trẻ em Việt Nam thật dễ tổ chức, dễ phổ biến.

Tuy vậy trò chơi dân gian trẻ em Việt Nam xưa không phải là không có nhược điểm. Nội dung phản ánh trong các bài đồng dao dùng trong trò chơi nhiều khi chứa đựng những cảnh sinh hoạt không thích hợp với trẻ em, một số hình ảnh và lời văn còn thô kệch. Một số trò chơi không tốt, nhất là

trò chơi mang tính chất mê tín dị đoan như "cầu luôn", "đồng chổi"... Một số trò chơi lẽ ra dùng để rèn luyện các kĩ năng như tập ngắm, tập ném như lối đánh dôi, đánh đáo lại trở thành trò đánh bạc.

Nhưng nhìn chúng, trò chơi dân gian trẻ em Việt Nam là một bộ phận trong văn hoá Việt Nam cần lưu truyền cho thế hệ trẻ sau này với những nét đẹp mang bản sắc dân tộc.

Do có khoảng cách về lịch sử khá xa nên nhiều trò chơi dân gian trẻ em Việt Nam tuy đã được khôi phục lại trong những năm gần đây, đặc biệt là ở các trường Mầm non, nhưng trẻ em chưa thật hiểu hoặc hiểu còn hời hợt đối với loại trò chơi này. Vì vậy, nhiệm vụ của các nhà giáo dục không những sưu tầm mà điều quan trọng hơn là biết cách tổ chức trò chơi dân gian sao cho trẻ em chơi thật thích thú, mang lại nhiều bổ ích cho sự phát triển của chúng.

Vấn đề đặt ra ở đây là cần phải nghiên cứu, tìm tòi những biện pháp nhằm gợi lên hứng thú cho trẻ khi chúng đến với những trò chơi dân gian cổ truyền.

Điều trước hết là cần phải khai thác nội dung nghệ thuật cổ truyền ở những trò chơi này bằng những loại hình nghệ thuật dân gian, như hát đồng dao, xem tranh cổ, kể chuyện cổ tích... kể cả những tác phẩm nghệ thuật hiện đại, có liên quan và có khả năng làm sống dậy những nét đẹp trong cuộc sống ngày xưa. Làm sao để trẻ có thể cảm nhận được phần nào cuộc sống của tổ tiên chúng ta, khi người lớn còn là trẻ em như các cháu bây giờ, làm sao để thấm đượm tinh thần dân tộc vào tâm hồn trẻ thơ ngày nay. Cũng có thể dạy cho trẻ biết hoá thân vào những nhân vật sinh động trong các trò chơi dân gian như những trẻ chăn trâu, những

chàng trai, cô gái trong làng đang lao động hay đi lễ hội; hoá thân vào cả những con vật thân thuộc như con kiến, con ong, vào cả những con rồng, con rắn, con mèo, con chuột, cái tép cái tôm... Vì sự nhập vai lại là một nhu cầu giải toả trong khi chơi, chấp cách cho tâm hồn các cháu được bay bổng theo trí tưởng tượng. Lại có thể sắm những đồ chơi, kể cả trang phục phù hợp với mỗi trò chơi và với từng nhân vật trong đó; làm sống lại bối cảnh khi trò chơi mới xuất hiện.

Bằng nhiều biện pháp, người lớn chúng ta có thể làm cho trò chơi dân gian cổ truyền Việt Nam trở thành đối tượng hấp dẫn thực sự đối với trẻ nhỏ, khơi gợi hứng thú ở các cháu đối với loại trò chơi này, nhằm phát huy tác dụng của trò chơi dân gian cổ truyền trong việc hình thành nhân cách văn hoá mang bản sắc dân tộc cho thế hệ trẻ, bắt đầu từ tuổi thơ, khi mà hoạt động vui chơi đang giữ vị trí chủ yếu trong sự phát triển của các cháu.

TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ*

• Trò chơi điện tử, lợi và hại

Trẻ em trong xã hội hiện đại không lạ gì với các phương tiện kỹ thuật hiện đại, trò chơi điện tử, do đó cũng rất gần gũi với các em.

Bàn tay luôn đặt lên phím điều khiển, hai mắt dán chặt vào màn hình, hàng ngàn, hàng vạn trẻ em đã đắm mình vào thế giới ảo ảnh của trò chơi điện tử. Trò chơi này đã lôi cuốn rất nhiều em nhỏ và sự say mê của lớp trẻ đối với trò chơi điện tử đã làm cho nhiều bậc cha mẹ hết sức lo lắng. Họ kết tội trò chơi điện tử đã gây không biết bao nhiêu là thói hư tật xấu cho con cái mình. Vậy thực chất trò chơi điện tử có ảnh hưởng như thế nào đến trẻ em ? Sau đây xin phân tích một đôi điều về mặt lợi ích cũng như mặt tác hại của trò chơi này.

Về mặt lợi ích của trò chơi điện tử

Trước hết xin nêu ý kiến của bà Esther Gabriel, chuyên gia tâm lý học Mỹ về những vấn đề của trò chơi điện tử như sau: “Trong khi chơi trò chơi điện tử, trẻ có thể tiến bộ về tư duy, vì trẻ phải thu nhận nhiều thông tin vừa phải ghi nhớ, suy diễn và xử lý thông tin nhanh. Trò chơi này giúp cho trẻ

* Trong cuốn “Trò chơi trẻ thơ”. NXB Phụ nữ, 2000.

phản xạ nhạy bén và phát triển óc tưởng tượng, nhất là các trò chơi có nội dung về các cuộc phưu lưu và các pha mạo hiểm. Trò chơi điện tử cũng có thể giúp cho trẻ cách học cần thiết để đạt tới một mục đích. Không nên quên rằng trẻ vừa chơi lại vừa sử dụng máy tính thì trẻ còn có khả năng mở mang kiến thức về tin học”.

Ngày nay, ở nhiều nước trên thế giới và ngay ở nước ta, máy tính đã được sử dụng ngay trong nhiều gia đình và chúng ta có thể coi đây là một loại đồ chơi tốt cho trẻ em. Trước hết, vì những đồ chơi này chính là đỉnh cao của kĩ thuật điện tử với sự đa dạng của nó. Những trò chơi trên máy vi tính, từ chơi cờ, chơi bóng cho đến những trò chơi tình huống như cứu công chúa, bắn máy bay v.v... đều hết sức phong phú. Một đặc điểm của các trò chơi trên máy tính là sự đòi hỏi người chơi phải xử lý thông tin trên màn hình một cách thông minh và nhanh nhạy. Hơn nữa, các tình huống diễn ra được bắt đầu từ dễ đến khó giúp cho người chơi có thời gian làm quen, nhập vào cuộc chơi một cách từ từ, không làm người chơi chán nản vì nó không đòi hỏi một trình độ quá cao ở họ. Đồng thời, trò chơi này phù hợp với tất cả mọi người, từ người mới bắt đầu chơi cho đến người đã chơi thành thạo ở các mức độ khó dễ khác nhau.

Khi tham gia vào trò chơi điện tử trên máy tính xảy ra một cuộc đấu trí giữa người chơi và bộ óc của máy được cài đặt những chương trình đã được xử lí từ trước. Đây chính là cơ hội để rèn luyện trí thông minh rất tốt. Ngoài ra, trò chơi điện tử còn tập cho ta phản xạ nhanh, vì tình huống diễn ra trên màn hình luôn luôn thay đổi. Trong quá trình này mọi

hoạt động trong dây chuyền, từ mắt nhận thông tin trên máy tính đến bộ não xử lí thông tin, rồi đưa quyết định điều khiển đến từng ngón tay ấn phím đều đòi hỏi một sự chính xác cao độ. Bởi vì bất cứ một sự sai lệch nào dù là rất nhỏ ở một trong những khâu trên đều dẫn đến thất bại.

Ở trò chơi này, người chơi còn được chứng kiến những hoàn cảnh như thật với những núi non hùng vĩ, những con vật kì lạ, những cung điện nguy nga, những bãi chiến trận rục rủa v.v... được hiện lên trên màn hình. Bổ sung thêm vào những hình ảnh đó còn có những âm thanh càng làm cho cuộc chơi thêm phần li kì, hồi hộp và càng hấp dẫn hơn. Những ảo ảnh đó đồng thời cũng là những yếu tố kích thích trí tưởng tượng càng thêm bay bổng của người chơi.

Trò chơi điện tử mang lại khá nhiều lợi ích, nhưng lợi ích lớn nhất có lẽ là nó giúp cho con em chúng ta sớm tiếp xúc một cách trực tiếp với khoa học kĩ thuật hiện đại điều mà thế hệ chúng ta nằm mơ cũng không thấy, lại rất cần cho cuộc sống của con người trong thế kỉ tới.

Trò chơi điện tử quả là bổ ích và hấp dẫn, nó hấp dẫn cả với người lớn chứ không cứ gì trẻ em. Vậy tại sao người lớn lại không muốn cho con em mình chơi trò chơi này Tất cả đều có lí do cả!

Về mặt tác hại của trò chơi điện tử

Trước hết lại xin dẫn ra đây nhận định của các nhà giáo dục chuyên nghiên cứu các vấn đề về ảnh hưởng của trò chơi điện tử đối với sự phát triển của trẻ em.

Cũng lại theo bà Esther Gabriel thì: "Trước những trò chơi luôn gây thách thức, trẻ em thường ngồi lì hàng giờ

trước màn hình mà không chịu nghe lời cha mẹ hay làm việc gì khác". Theo ông Michael Gurian, Chủ tịch phong trào bảo vệ trẻ em trai của nước Mỹ thì: "Trò chơi điện tử cũng rất nguy hiểm, đặc biệt là những trò bạo lực. Chơi trò chơi điện tử quá nhiều sẽ khiến các cậu bé có xu hướng tự cô lập và những trò chơi đó có thể làm giảm cảm xúc của chúng, khiến chúng trở nên cô độc hơn, hung dữ hơn. Còn bà Roberta Furger chuyên gia giáo dục trẻ em đã tường trình trong chương trình CNN (của Mỹ) rằng: "Những trò chơi điện tử phần lớn là mô tả những thiếu nữ quần áo rất khêu gợi, những gã đàn ông lực lưỡng đến mức điên cuồng và họ đã trang bị vũ khí đến tận chân tóc để chiếm đoạt, tấn công hay tàn phá. Một khi những đứa trẻ đã chọn chúng như những trò tiêu khiển thì những hình ảnh thất bại, đổ vỡ... luôn được các em xem là những thành tích đáng khích lệ và những trò chơi tàn bạo lạnh lùng đó mới là niềm phấn khích triền miên trong các câu chuyện của chúng."

Dựa vào những ý kiến trên đây của các chuyên gia đã từng nghiên cứu ảnh hưởng của trò chơi điện tử đối với sự phát triển của trẻ em ở các nước văn minh vào bậc nhất của thế giới hiện đại trong mấy chục năm qua và những nhận xét của nhiều nhà giáo dục ở nước ta thì rõ ràng những tác động xấu của trò chơi điện tử đối với trẻ em chúng ta cũng không thoát khỏi.

So với những trò chơi truyền thống thì trò chơi điện tử có một sức hấp dẫn đặc biệt đối với trẻ em, chúng có thể nhin ăn, không chạy nhảy để ngồi lì suốt buổi dán mắt vào màn hình, tay di con chỏ với các kiểu trò chơi đang diễn ra thiên biến vạn hoá trên màn hình. Điều đó hẳn ai cũng biết, nó có

hại như thế nào đối với đôi mắt còn quá non nớt của những em bé. Những chứng mỏi mắt, chóng mặt, cận thị, loạn thị phát sinh nhanh chóng. Do ngồi lâu trong phòng không vận động, trẻ dễ mắc chứng ỳ, chậm chạp, mù người ra và có khi còn bị phát phì. Có thể nói chơi quá nhiều trò chơi điện tử sẽ làm cho trẻ *bị giảm sút về mặt sức khoẻ*.

Cũng do quá đắm mình trong thế giới ảo ảnh nên trẻ dễ *bị tách khỏi cuộc sống thực*, không cùng vui chơi chạy nhảy với bạn bè, không được hoà mình vào thiên nhiên để tận hưởng những ân huệ mà thiên nhiên ban cho, không có nhiều cơ hội để giao tiếp rộng rãi với những người xung quanh để học hỏi, chuyện trò tâm sự, mở mang trí tuệ, tình cảm của mình, đưa trẻ vì thế mà *dễ rơi vào tình trạng cô đơn* và điều đó có hại biết bao cho sự phát triển của chúng cả về mặt thể chất lẫn mặt tinh thần.

Chúng vì quá ham mê trò chơi điện tử, nhiều trẻ em đã *chênh mảng với việc học hành*. Nhiều giáo viên nhận xét học sinh của mình là do chúng tốn quá nhiều thời gian vào các chương trình phần mềm nên sức học đã bị giảm sút rõ rệt. Còn các ông bố và các bà mẹ thì thường than phiền về sự biếng nhác của con cái mình trong học tập và trong sinh hoạt hàng ngày, lúc nào trẻ cũng "tranh thủ thời gian" cho các chương trình phần mềm mà lúc nào chúng cũng cảm thấy thiếu thời gian để được ngồi trước máy tính. *Học hành không đến nơi đến chốn, sinh hoạt cầu thả là hai căn bệnh dễ mắc phải khi trẻ quá ham mê trò chơi điện tử*.

Điều đáng làm cho chúng ta quan tâm hơn hết là *những trò chơi điện tử mang tính bạo lực đã tác động mạnh mẽ và kích thích tính hung dữ, tàn bạo ở nhiều đứa trẻ*.

Đặc biệt khi các em đang bước vào tuổi thiếu niên, mặc dầu lúc này trẻ đã có thể phân biệt được đâu là trò chơi tốt, đâu là trò chơi xấu, thế nhưng đối với chúng thì những trò chơi bạo lực mới gây sự chú ý hơn cả và đó cũng là nội dung mà trẻ thích đàm tiếu trong các câu chuyện hàng ngày.

Tại sao trẻ em lại thích những trò chơi điện tử mang tính bạo lực như vậy? Cũng để hiểu thôi, đó là vì chúng đang trong độ tuổi thích chấp nhận cách thách thức và thích khẳng định "cái tôi" khi bước vào một thế giới đầy bất ngờ và kinh hãi. Tiến sĩ Michael Brody chuyên gia tâm lý trẻ em, là thành viên Viện nghiên cứu thanh thiếu niên ở Mỹ nhận định rằng: "Bọn trẻ thực sự có thể hành động đầy bạo lực như các nhân vật trong các trò chơi điện tử và điều cuối cùng thúc hối hành động của chúng là làm một cái gì đó theo kinh nghiệm từ các trò chơi bạo lực mà chúng có được". Ông còn nhấn mạnh hơn nữa về tác hại của trò chơi điện tử mang tính bạo lực: "Thông thường những đứa trẻ đã có quan niệm bất kính với những người khác trong trò chơi mà chúng nghĩ là chúng có thể chiến thắng và tiêu diệt được họ. Điều này còn tệ hơn việc chúng bị nhiễm các cảm giác bạo lực". Về vấn đề này ông Michael Gurian cũng lại lên tiếng cảnh báo: "Chúng ta đang đào tạo nên một thế hệ giỏi giết người hơn bao giờ hết".

• Nên làm gì khi con cái chơi trò chơi điện tử

Trò chơi điện tử vừa có ảnh hưởng tốt vừa có ảnh hưởng xấu đối với sự phát triển của trẻ em như đã trình bày ở trên. Vậy thái độ của người lớn chúng ta đối với việc trẻ em chơi

trò chơi này như thế nào? Rất đơn giản, về mặt lí thuyết là hãy phát huy mặt tốt, hạn chế mặt xấu của loại trò chơi này, nhưng điều quan trọng và phức tạp hơn là trong thực tiễn giáo dục chúng ta nên làm gì khi con cái mình chơi trò chơi điện tử? Đây lại là vấn đề không đơn giản chút nào, nhưng không phải là không giải quyết được. Bản thân đồ chơi điện tử không những là không có hại mà còn là một thành tựu đáng quý của sự phát triển khoa học kĩ thuật hiện đại, vấn đề là tổ chức, hướng dẫn trẻ chơi như thế nào.

Sau đây là một số gợi ý để chúng ta cùng tham khảo

Trước hết trong quan niệm, xin hãy coi đây là một loại trò chơi mà *bất kì đứa trẻ nào (thường là vào tuổi học ở trường phổ thông) cũng đều có thể chơi được nếu có điều kiện sử dụng máy vi tính*. Hơn nữa, chúng ta cũng chỉ nên coi đây là một loại *trò chơi bổ sung* vào những trò chơi đang có của trẻ em chứ tuyệt nhiên không nên lạm dụng để thay thế cho những trò chơi khác. Bởi vì mỗi loại trò chơi đều có chức năng riêng của nó và loại trò chơi nào cũng có thể góp phần vào sự phát triển tâm lí và hình thành nhân cách của trẻ miễn là có tổ chức, hướng dẫn tốt. Với những ưu thế của trò chơi điện tử mà các loại trò chơi khác khó có thể có được, như nó đòi hỏi trẻ phải tiếp nhận và xử lí thông tin nhanh, đặc biệt là nó giúp trẻ tiếp xúc trực tiếp với thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại thì chúng ta nên khuyến khích và tạo điều kiện để các em được chơi trò chơi này.

Tuy thế, trò chơi điện tử cũng lại có thể gây nhiều tác hại cho sự phát triển thể chất và tinh thần của các cháu nếu

không được người lớn quan tâm. Do đó việc tổ chức và hướng dẫn trẻ chơi trò chơi điện tử (ở đây chưa bàn về mặt kĩ thuật) phải được người lớn, nhất là các bậc cha mẹ hết sức chú ý tới.

Để hạn chế bớt tác hại của trò chơi điện tử, trước hết người lớn cần *quy định thời gian thích hợp* cho trẻ chơi trò chơi này, thường là không quá một tiếng (đối với trẻ dưới 6 tuổi chỉ chừng 15 – 20 phút) trong một ngày và giữa chừng lại phải nghỉ một lúc cho đỡ mỏi mắt bằng việc tranh thủ vận động hay chuyển sang trò chơi khác, tốt nhất là trò chơi động.

Cha mẹ cần tạo điều kiện để các con *tiếp xúc với thiên nhiên*, vì trong bất cứ trường hợp nào, nếu trẻ được hoà mình với thiên nhiên thì đều bổ ích cả. Hãy để cho tất cả màu sắc, âm thanh, hương vị của thiên nhiên tràn ngập vào giác quan của trẻ, bởi lẽ càng tiếp nhận ân huệ của thiên nhiên nhiều bao nhiêu thì càng giúp cho thế giới tinh thần của con người được phong phú và sáng khoái bấy nhiêu.

Mặt khác lại cần khuyến khích các em *cùng vui chơi với bạn bè và năng giao tiếp với những người xung quanh* để vừa học hỏi được nhiều điều có ích cho cuộc sống lại vừa thoát khỏi tình trạng cô độc. Về vấn đề này bà Roberta Furger cũng đã cho rằng: "Nếu không chơi đùa với bạn đồng lứa, chúng sẽ không có một phản ứng bình thường nào về mặt thể chất lẫn mặt tinh thần. Dĩ nhiên chúng cần một sự cân bằng nơi đời sống giao tiếp bình thường hơn là với người máy".

Trong việc trẻ chơi trò chơi điện tử, điều làm cho các bậc cha mẹ lo lắng nhất là nội dung mang tính bạo lực (nhiều khi còn gọi dục) của những trò chơi đó. Vậy thì cha mẹ nên làm gì trước tình trạng này? Tốt hơn hết là chúng ta nên *dành chút ít thời gian để chú ý xem xét đến nội dung trò chơi điện tử* của trẻ em và xem chúng chơi như thế nào. Tiếc thay, nhiều bậc cha mẹ trong khi kiên quyết không cho đứa con lên mười của mình ngồi trước màn hình có cảnh bạo lực nhưng lại có thể sẵn sàng mua tặng nhân ngày sinh của nó những đĩa trò chơi điện tử có nhiều cảnh hết sức kinh hoàng, trong đó có cả cảnh những cô con gái hết sức hung dữ. Cái khó nhất đối với người lớn chúng ta là vừa thiếu thời gian lại vừa thiếu hiểu biết về vấn đề này. Tốt nhất là nên đi tìm những cố vấn đáng tin cậy để quyết định nên cho con chơi trò chơi nào và không nên cho con chơi trò chơi nào. Xin giới thiệu một số địa chỉ như Hội đồng thẩm định các phần mềm giải trí (ESRB), Ủy ban cố vấn về các sản phẩm tin học (RSAC) trên mạng Internet, ở đó bạn có thể tìm đến địa chỉ www.screen.com/mnet/eng/indus/games/esrb.htm để xác định loại trò chơi điện tử nào là tốt, là xấu mà lựa chọn cho con mình. Nhưng việc đáng làm nhất là nên bàn luận với các con để chúng hiểu ra mà tự giác lánh xa những trò chơi điện tử có nội dung bạo lực hay khiêu dâm. Về vấn đề này, bà Patricia Greefheld, tiến sĩ tâm lý học trường Đại học Los Angeles (UCLA) và là biên tập viên các trò chơi tương tác trên video, khuyên rằng: "Cha mẹ nên làm cho con mình hiểu rõ bộ mặt thật của vấn đề bạo lực trong đời sống, thậm chí nếu như không thể ngăn con mình chơi trò Doom tại nhà

bạn của nó hay tại một chỗ chơi trò chơi điện tử công cộng, thì ít ra bạn cũng nói được với nó rằng cái chết và cái tàn phá thật sự chưa bao giờ là một thú vui và là một trò chơi đối với những người chân chính trong lịch sử loài người." Nếu có điều kiện, bạn nên thỉnh thoảng ngồi chơi với các con để cùng đàm luận và cùng lựa chọn với chúng.

Riêng đối với trẻ Mẫu giáo, trò chơi này chưa thật phổ biến, nhưng nhiều cháu ở thành phố đã bắt đầu tiếp xúc với nó, nên việc hướng dẫn cho trẻ phải thật thận trọng. Tránh để các cháu chơi quá nhiều, quá lâu để bảo vệ thân kinh và đôi mắt vốn dễ bị tổn thương. Đồng thời cần phải chọn nội dung lành mạnh phù hợp với độ tuổi, giữ cho thế giới tinh thần của chúng luôn được hồn nhiên, trong sáng.

Phần V

Giáo dục thẩm mỹ

VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC THẨM MỸ ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH TRẺ MẪU GIÁO*

Ai cũng biết, đứa trẻ mới sinh ra chưa có nhân cách, phải trải qua một quá trình phát triển nhất định, bắt đầu từ tuổi lên ba, khi đứa trẻ tách được mình ra khỏi những người xung quanh để nhận ra bản thân như một con người khác đó là lúc ý thức bản ngã xuất hiện và cũng là dấu hiệu đầu tiên để nhận biết nhân cách bắt đầu hình thành ở nơi đứa trẻ. Nhiều công trình nghiên cứu đã khẳng định quá trình hình thành nhân cách thường kéo dài từ tuổi lên ba cho đến năm 18 tuổi, lúc này nhân cách mới được định hình về cơ bản. Quá trình hình thành nhân cách có thể chia thành nhiều giai đoạn, trong đó từ 3 đến 6 tuổi (*tuổi mẫu giáo*) được coi là *giai đoạn đầu tiên*. Ở giai đoạn này tuy nhân cách đang còn ở dạng sơ khai (so với nhân cách của người lớn thì còn chưa rõ nét, chưa đầy đủ và thiếu ổn định) nhưng phát triển với tốc độ rất nhanh mà sau này tốc độ đó không thể thấy lại được.

* Báo cáo đọc tại Hội nghị quốc tế về Giáo dục tiên học đường lần thứ X tổ chức tại Mátxcơva, Tháng 12 năm 1984.

Ở giai đoạn phát triển này, *tính hình tượng* chi phối mạnh đến đời sống tâm lí của trẻ làm cho sự vật và hiện tượng của thế giới bên ngoài khi tác động vào vỏ não đều để lại những hình ảnh trọn vẹn với những chi tiết cụ thể, sinh động, khiến cho mọi hoạt động tâm lí, từ trí nhớ, tư duy... đến tưởng tượng đều mang tính hình tượng rõ nét. Đồng thời đời sống xúc cảm của trẻ cũng đang phát triển mạnh, với sự nhạy cảm cao, được biểu hiện ở tính *dễ xúc cảm* và tính *đồng cảm*. Nhờ đó ở trẻ bắt đầu hình thành nên những tình cảm bậc cao như tình cảm trí tuệ, tình cảm đạo đức và đặc biệt là tình cảm thẩm mĩ.

Tính hình tượng, tính dễ xúc cảm và tính đồng cảm đã tạo nên đặc trưng cho sự phát triển tâm lí ở tuổi mẫu giáo (A.V. Daparôjets). Lúc này trẻ đặc biệt dễ dàng tiếp nhận những ấn tượng từ phía bên ngoài mang tính hình tượng và giàu màu sắc xúc cảm. Đó là những "cái đẹp" trong thiên nhiên, trong đời sống, trong nghệ thuật. Một bông hoa tươi thắm, một cánh bướm sặc sỡ, một bức tranh đẹp, một khúc nhạc hay, một câu thơ giàu vần điệu, một câu nói dịu dàng, một nụ cười âu yếm... đều dễ gợi lên những rung động trong lòng đứa trẻ. Đó chính là những *xúc cảm thẩm mĩ* - xúc cảm về "cái đẹp". Loại xúc cảm đó có ý nghĩa đặc biệt đối với trẻ mẫu giáo, vì ở giai đoạn này trẻ nhận thức thế giới và tỏ thái độ với những sự vật quanh mình thường thông qua xúc cảm thẩm mĩ.

Tuổi mẫu giáo là thời kì nhạy cảm với những "cái đẹp" xung quanh, có thể coi đây là *thời kì phát cảm của những xúc cảm thẩm mĩ* - những xúc cảm tích cực, dễ chịu được nảy sinh khi trẻ tiếp xúc trực tiếp với "cái đẹp" - tạo nên trạng thái

tin tưởng khoan khoái khiến trẻ cảm thấy gần bó thiết tha với con người và cảnh vật xung quanh, làm nảy nở ở các cháu lòng mong muốn làm những điều tốt lành để đem niềm vui đến cho mọi người.

Tuổi mẫu giáo là thời kì thuận lợi cho giáo dục thẩm mỹ và chính việc giáo dục thẩm mỹ lại có khả năng kì diệu là tạo ra hiệu quả to lớn đối với sự phát triển toàn diện nhân cách trẻ em, đặc biệt là giáo dục đạo đức, giáo dục lòng nhân ái. Đối với trẻ mẫu giáo thì cái đẹp và cái tốt chỉ là một, khó có thể chia cắt rạch ròi, trong tình cảm thẩm mỹ đã chứa đựng yếu tố đạo đức và trong tình cảm đạo đức lại có cả yếu tố thẩm mỹ và do đó có thể gọi chung đó là *tình cảm thẩm mỹ - đạo đức*, loại tình cảm đang phát triển mạnh trong tâm hồn các cháu. Cái đẹp còn giúp cho đầu óc con người trở nên uyển chuyển, mềm mại, dễ tiếp thu điều hay lẽ phải và đó cũng là một phương tiện nhiệm màu để phát triển trí tuệ cho trẻ. Có thể coi *cái đẹp là dòng suối nuôi dưỡng lòng tốt và trí thông minh*.

Thiếu cái đẹp đứa trẻ sẽ buồn rầu, khô héo, già trước tuổi, thế giới tinh thần sẽ nghèo nàn, còm cõi, không những ảnh hưởng xấu đến sự phát triển nhiều mặt của trẻ mà còn làm thui chột đi biết bao năng khiếu và phẩm chất tốt đẹp.

Trong giáo dục học, nếu coi cấu trúc nhân cách trẻ em bao gồm bốn mặt: thể chất, trí tuệ, đạo đức và thẩm mỹ (cấu trúc của nhân cách cũng có thể cấu thành bởi các thành tố khác) thì ở trẻ mẫu giáo mặt thẩm mỹ phát triển nhanh nhất bởi đặc trưng tâm lí của giai đoạn này được biểu hiện rõ ở tính hình tượng, tính dễ xúc cảm và tính đồng cảm. Hơn thế nữa, bản thân sự phát triển thẩm mỹ dễ kéo theo sự

phát triển các mặt khác như đạo đức trí tuệ và cả thể chất nữa. Dứa trẻ ở tuổi này không thể tiếp nhận những lí sự khô khan về lẽ phải và cũng dễ khước từ những rao giảng buồn tẻ về điều thiện, trái lại các cháu nhỏ sẽ rất nhạy cảm với những điều đó nếu chúng được biểu hiện dưới hình thức hình tượng sinh động và giàu màu sắc xúc cảm. Nói cách khác, thông qua giáo dục thẩm mĩ, giáo dục đạo đức và giáo dục trí tuệ cho trẻ mẫu giáo sẽ dễ dàng hơn, đạt hiệu quả cao hơn. Ở tuổi mẫu giáo, cái đúng, cái tốt, cái đẹp tuy mới được phôi thai, nhưng chúng kết lại với nhau thành một chỉnh thể thống nhất trong tâm hồn non trẻ của các cháu nhỏ, trong đó *cái đẹp được nổi bật lên chiếm vị trí ưu thế*.

Với những phân tích trên đây, chúng ta dễ nhận thấy tầm quan trọng đặc biệt của giáo dục thẩm mĩ đối với trẻ nhỏ. Chúng tôi cho rằng, *giáo dục thẩm mĩ đóng vai trò trung tâm của giáo dục mẫu giáo*. Vì vậy, nhiệm vụ đầu tiên và quan trọng nhất của giáo dục mẫu giáo là giáo dục thẩm mĩ, tận dụng và phát huy "cái đẹp" trong cuộc sống, trong thiên nhiên và trong nghệ thuật để làm giàu thế giới tinh thần cho trẻ thơ.

Trước hết cần tạo ra cho các cháu một môi trường thẩm mĩ - môi trường của "cái đẹp". Từ đồ dùng, đồ chơi, trang trí chỗ sinh hoạt, trồng cây trong sân chơi đến nhà bếp, nhà vệ sinh; từ cách tổ chức hoạt động cho trẻ đến hoạt động của chính người lớn; từ cách ăn mặc, nói năng, dáng điệu đến cách ứng xử giữa người lớn với nhau à giữa người lớn với trẻ em... Tất cả đều được tổ chức sao cho đẹp mắt để khơi dậy ở trẻ những xúc cảm thẩm mĩ, tăng thêm lòng hào hứng và tính tích cực cho trẻ trong mọi hoạt động hàng ngày.

Dẫn dắt trẻ đến với thiên nhiên cũng là một việc làm hết sức cần thiết trong việc giáo dục thẩm mỹ. Thiên nhiên không chỉ mang lại cho trẻ những thứ cần để sống mà còn hấp dẫn chúng bởi những điều kì diệu khó có gì thay thế nổi. Đất cát, sỏi đá, nước non, ánh sáng, cỏ cây, hoa lá, chim muông... Tất cả đều có sức quyến rũ mãnh liệt đối với trẻ em. Hãy để cho màu sắc, âm thanh, hương vị của thiên nhiên tràn ngập vào giác quan trẻ em. Màu sắc của hoa, hương thơm của quả, tiếng suối róc rách, tiếng chim ríu rít, mảnh trời trong xanh, ngôi sao lấp lánh, ngay cả nắng mưa, gió lạnh... đều được trẻ em thu nhận và để lại trong tâm trí chúng những ấn tượng tươi mát, trong lành. Hãy làm cho thiên nhiên xung quanh trẻ ngày càng phong phú, sẵn sàng mở cánh cửa rộng lớn đón trẻ thơ như đón những đứa con sà vào lòng mẹ.

Tác phẩm nghệ thuật, nơi biểu hiện tập trung của cái đẹp, đối với trẻ thơ đó vừa là nội dung vừa là phương tiện giáo dục thẩm mỹ. Một bản nhạc tươi vui, một bức tranh sinh động, một bài thơ giàu hình tượng và nhạc điệu, một câu chuyện cổ tích lung linh những tình tiết thần thoại... đều dễ dàng khơi dậy trong tâm hồn trẻ thơ những xúc cảm thẩm mỹ, hun đúc nên những tình cảm sâu đậm đối với con người và cuộc sống.

Có thể coi tuổi mẫu giáo là thời kì hoàng kim cho việc giáo dục nghệ thuật, nhất là nghệ thuật dân tộc. Trong cuộc đời mỗi người đã trải qua, dường như ai cũng có một thời kì đắm mình trong nghệ thuật một cách hồn nhiên và sống như một "nghệ sĩ". Đó là tuổi mẫu giáo, là giai đoạn đầu tiên của quá trình hình thành nhân cách. Ở giai đoạn này vui chơi

(mà trò chơi đóng vai theo chủ đề chiếm vị trí trung tâm), giữ vai trò chủ đạo trong sự phát triển tâm lý của trẻ. Khi nghiên cứu quá trình vui chơi của trẻ mẫu giáo và quá trình hoạt động nghệ thuật của nghệ sĩ, người ta nhận thấy hai hoạt động này đều rất gần gũi với trẻ em và đều là những người bạn thân thiết của tuổi thơ. Trẻ mẫu giáo không thể thiếu trò chơi cũng như không thể thiếu tác phẩm nghệ thuật, thiếu chúng đứa trẻ sẽ trở nên buồn rầu, khô héo. Cả trò chơi và tác phẩm nghệ thuật đều hình thành nên ở các cháu nhỏ quan niệm về thế giới xung quanh mang đậm tính ngây thơ, hồn nhiên khiến cho chúng dễ tin vào những điều kì diệu. Trong trò chơi, cái gậy có thể biến thành con ngựa, chiếc ghế có thể biến thành toa tàu; cũng như trong truyện cổ tích, ông vua có thể biến thành con ruồi và cô Tấm có thể chui ra từ quả thị. Rõ ràng có một cái gì đó rất giống nhau trong bản chất giữa hoạt động vui chơi của trẻ mẫu giáo với hoạt động nghệ thuật của người nghệ sĩ.

Sự giống nhau đó được biểu hiện trước tiên ở sự *say mê* trong quá trình hoạt động, khi chơi đứa trẻ đã chơi hết mình do sự hấp dẫn của quá trình chơi cũng như người nghệ sĩ đã dốc hết tinh lực của mình cho quá trình sáng tạo mà không hề bị ám ảnh bởi một kết quả thực dụng, tầm thường nào; tính mô phỏng của trò chơi đã thôi thúc *trí tưởng tượng* của trẻ phát triển mãnh liệt cũng như trí tưởng tượng của người nghệ sĩ đã hoạt động tích cực để sáng tạo ra những hình tượng nghệ thuật, đặc biệt tính tượng trưng trong cách nhìn của trẻ mới gần gũi với tính ước lệ thường gặp trong các loại hình nghệ thuật biết bao. Lại nữa, *nhu cầu được độc lập, tự do* của trẻ trong hoạt động vui chơi thật bức thiết chẳng

khác nào sự bức thiết của nhu cầu đó ở người nghệ sĩ trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật. Đứa trẻ đến với trò chơi cũng như người nghệ sĩ đến với nghệ thuật, đều do hứng thú cá nhân, do sự thôi thúc bên trong chứ không vì một sự áp đặt nào cả từ phía bên ngoài. Hơn nữa, sức hấp dẫn của tác phẩm nghệ thuật là ở chỗ nó rất *chân thực* thì màu sắc xúc cảm chân thực được biểu hiện trong trò chơi của trẻ là sức sống của nó. Do có mối tương đồng giữa hoạt động vui chơi với hoạt động nghệ thuật như thế nên đứa trẻ đến với nghệ thuật một cách thật tự nhiên như đến với trò chơi, đến với cuộc sống của chính mình và *đứa trẻ hoạt động nghệ thuật tức là nó đang chơi* vậy. Cũng như trò chơi, tác phẩm nghệ thuật có tác dụng to lớn đối với quá trình hình thành nhân cách, đặc biệt là ở bước khởi đầu. Chính vì vậy đã có nhiều nhà tâm lý học còn cho rằng, *giáo dục nghệ thuật đóng vai trò chủ đạo đối với sự phát triển của trẻ mẫu giáo* (V.V Đavudốp, N.A. Vetlughina). Tận dụng các loại hình nghệ thuật để giáo dục trẻ về mọi mặt là cách làm khôn ngoan nhất và coi những tác phẩm nghệ thuật (tất nhiên là có nội dung phù hợp với các cháu nhỏ) luôn luôn là món ăn tinh thần bổ ích và lí thú, không thể thiếu được của trẻ thơ.

Điều quan trọng hơn trong giáo dục thẩm mỹ là biết nuôi dưỡng ở trẻ *nhu cầu muốn làm cho mình trở nên đẹp*, đó là một nhu cầu cổ xưa và sâu đậm của loài người, nhưng nó có ý nghĩa đặc biệt đối với trẻ mẫu giáo – bước khởi đầu của một nhân cách. Nhu cầu đó là động lực thôi thúc cháu bé luôn tìm tòi, khám phá "cái đẹp", mong muốn làm ra "cái đẹp", trước hết là trong cách ăn mặc, đi đứng, nói năng, trong hành vi giao tiếp với mọi người, trong cách ứng xử với

thiên nhiên. Đó là lúc trẻ biết nhìn vào mọi người, nhìn vào bản thân và chính giây phút đó đã khơi dậy trong lòng đứa trẻ khát khao muốn làm một việc gì đó tốt lành cho mọi người. Hát, múa, vẽ, nặn, đọc thơ, kể chuyện... đều là những hoạt động làm trẻ thích thú và gọi lên nhiều xúc cảm thẩm mỹ tích cực. Làm sao để hầu hết thời gian "lao động" của trẻ nhỏ đều được dành cho việc làm ra "cái đẹp". Vẽ một bức tranh tặng cô, xếp lại chỗ chơi cho gọn gàng sạch sẽ khi chơi xong, hát múa cho ông bà xem, đọc thơ, kể chuyện cho em bé nghe, xâu những hạt hạt thành vòng vàng xuyên bạc, tết những cọng rơm, ngọn cỏ thành con vật hay hình người để cùng chơi với các bạn... Đó chính là khởi đầu của mọi sự sáng tạo hay nói đúng hơn đó là hoạt động "tiền sáng tạo" rất cần cho bất cứ ai, dù sau này họ trở thành công nhân, nông dân, nhà bác học hay người nghệ sĩ...

Cuộc sống tinh thần trong thế giới của cái đẹp càng phong phú bao nhiêu càng dễ khơi dậy ở trẻ nhu cầu khám phá "cái đẹp", làm ra "cái đẹp", khơi dậy ở trẻ thơ lòng mong muốn làm cho mình trở nên đẹp để mang niềm vui đến cho mọi người. Đó chính là cơ sở ban đầu quý giá nhất của một nhân cách tốt đẹp trong tương lai.

Hà Nội – Mùa xuân 1984

THIÊN NHIÊN - NGƯỜI BẠN THÂN THIẾT CỦA TRẺ THƠ*

Thiên nhiên không chỉ mang lại cho con người những cái cần thiết để sống mà còn hấp dẫn chúng ta bởi những vẻ đẹp kì diệu. Thiên nhiên cần cho con người bao nhiêu thì lại càng không thể thiếu được đối với tuổi thơ.

Có những cái tưởng như bình thường như cây cỏ, dòng sông, con suối, giọt sương mai long lanh trên những cánh hoa lay tiếng kêu rí rả của chú dế mèn ngoài bờ đê... đều ảnh hưởng đến tình cảm và trí tuệ của các em. Hãy tạo mọi điều kiện cho trẻ đến với thiên nhiên càng nhiều càng tốt, hãy để cho tất cả những âm thanh, màu sắc, hương vị của thiên nhiên tràn ngập vào các giác quan, để lại trong tâm trí của các em nhỏ những ấn tượng tươi mát trong lành. Vì càng nhìn, càng nghe nhiều màu sắc, âm thanh của thiên nhiên được bao nhiêu, thì cảm giác và tri giác của con người càng trở nên nhạy bén, tinh tế bấy nhiêu và phạm vi xúc cảm biểu hiện sự phát triển tinh thần của con người càng rộng lớn bấy nhiêu. Tách trẻ em khỏi thiên nhiên là một việc làm không bình thường, trái với quy luật phát triển của chúng.

* Kí yếu Hội thảo: "Chiến lược giáo dục môi trường trong thế kỷ". Do bộ KH - CN và MT tổ chức tại Tam Đảo Tháng 10 năm 2002.

Tuy vậy, trên thực tế chúng ta lại thường gặp không ít các em nhỏ tuy được sống giữa thiên nhiên, nhưng do thiếu giáo dục nên vẫn nhìn thiên nhiên với con mắt thờ ơ, thậm chí còn có những hành động phá phách. Bởi thế cần phải giáo dục cho các em lòng yêu thiên nhiên, biết trân trọng, giữ gìn những gì mà thiên nhiên đã ưu đãi. Trước hết, cần phải hướng dẫn để các em biết quan sát thiên nhiên, cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên. Ví như gợi cho các em quan sát cảnh vật xung quanh với sự biến đổi màu sắc âm thanh của đất trời qua các mùa khác nhau trong một năm. Mỗi mùa hiện lên trước các em như một bức tranh sống động với vẻ đẹp riêng. Lại có thể tập cho các em nhận xét tinh vi hơn về màu sắc của hoa lá, cỏ cây, cũng là màu đỏ nhưng màu đỏ rực rỡ của bông lựu khác với màu đỏ thắm của đoá hồng nhung và màu phớt đỏ của bông hoa giấy. Có biết bao âm thanh của thiên nhiên cần dạy các em nghe và phân biệt, chẳng hạn, có thể dạy trẻ nhận ra tiếng kêu ấm áp của chim bồ câu, tiếng hót trong trẻo của chim sơn ca, tiếng kêu lạnh lốt của con chiền chiện... Những nhận xét càng tinh vi bao nhiêu càng giúp cho các em cảm thụ được nhiều dáng vẻ, nhiều cung bậc khác nhau của thiên nhiên bấy nhiêu. Điều đó sẽ làm cho tâm hồn các em thêm tế nhị, mềm mại, uyển chuyển để dễ dàng tiếp thu những cái hay, cái đẹp.

Một điều hết sức kì diệu là chính thiên nhiên đã gợi ra ở trẻ em những *liên tưởng về con người*. Với tâm hồn mẫn cảm của tuổi thơ, dường như các em tìm thấy được trong thiên nhiên đời sống của chính mình, nên rất tự nhiên gắn bó với thiên nhiên. Hãy nghe các em nhận xét: "Cây đứng vẫy mưa đến/ Hoa cà chua cười/ Lá lim gọi đầu/ Lá mít rửa mặt/ Lá dứa được mưa vuốt/ Sạch ghê!" (Bé Cẩm Thơ). Chính giây

phút mà các em cảm thụ vẻ đẹp của thiên nhiên, thì cũng chính là lúc các em biết nhìn vào bản thân mình, bạn bè và những người xung quanh và đó cũng là lúc bắt đầu nảy sinh trong các em lòng mong muốn một cuộc sống tốt lành cho mọi người.

Gần gũi với thiên nhiên, *đời sống tình cảm của các em cũng phát triển, biến hoá, hoà nhịp với thiên nhiên*. Sừng sốt trước bầu trời đỏ rực lúc bình minh, lo lắng cho hàng cây mới trồng khi nghe tin bão về, xót thương luống cà chua qua một đêm sương muối... Tất cả những tình cảm ấy đã làm thức dậy trong trái tim trẻ thơ thái độ âu yếm, ân cần đối với mầm sống và con người.

Có thể nói thiên nhiên đồng nghĩa với sự sống. Và một khi các em đã biết yêu, biết nâng niu những mầm non mới nhú, những con vật non dại, biết *kết bạn với những ai đã chăm sóc, bảo vệ cho thiên nhiên*, dù cho đó chỉ là những chú chim sâu bé nhỏ, thì các em cũng biết *căm ghét tất cả những gì đã phá hoại thiên nhiên*, dù đó chỉ là một cơn gió lạnh. Hãy nghe các em lên án: "Mụ Đông bắc phồng mồm/ Phun ra bao cái rét/ Cây trút lá trở cành/ Em chỉ lo xoan chết" (Bé Thuý Giang).

Tuổi thơ nếu được giáo dục tốt thì sẽ thực sự có những tình cảm thật lớn lao, cao đẹp mà ngày nay cả xã hội người lớn cũng đang đồng tình, trên khắp hành tinh mọi người đang đồng lòng đứng lên ngăn chặn bàn tay hủy diệt thiên nhiên của những kẻ độc ác, tham lam ích kỉ, chỉ nghĩ đến lợi ích của riêng mình mà tàn phá một cách nhẫn tâm những cánh rừng bạt ngàn đang là lá phổi, lá chắn của loài người.

Sự gần gũi với thiên nhiên đã làm cho các em nhận ra và xúc động trước sự thức dậy của sự sống trong thiên nhiên

như là một sự khám phá mới mẻ về cuộc đời. Càng yêu thiên nhiên bao nhiêu, càng yêu con người bấy nhiêu. *Tình yêu thiên và tình yêu con người có mối quan hệ mật thiết với nhau.* Điều đó được thể hiện trong hành vi của các em nhỏ: em bé nào biết nâng niu những mầm sống như con gà mới nở, nụ hoa mới hé... thường là những em bé biết yêu thương, thân ái với bạn bè, biết quan tâm chăm sóc những em thơ dại, biết lễ phép với người lớn, biết giúp đỡ ân cần đối với người già yếu, bệnh tật. Trái lại, em bé nào có những hành vi thô bạo với thiên nhiên, như vặt trụi lá cây trong vườn, xé xác con chim nhỏ... những em đó thường hay bắt nạt những em bé hơn mình, ăn nói thô lỗ vô lễ với người lớn và đặc biệt là rất thích những trò chơi nghịch phá gây nguy hiểm cho người khác như đặt chướng ngại vật trên đường đi để người đi qua vấp ngã hoặc ném đá vào người đi trên đường để gây cười, đó là manh nha những hành vi độc ác sau này. *Rõ ràng, sự thô bạo với thiên nhiên thường đi đôi với tính độc ác, ích kỉ đối với con người trong các em nhỏ thiếu giáo dục.*

Thiên nhiên thật phong phú và hấp dẫn, đó là nguồn vô tận nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ. Nhưng tiếc thay nhiều người lớn trong chúng ta đã không quan tâm đến điều đó, họ đã thờ ơ với thiên nhiên, mà không thấy cái tác hại ngầm ngấm về nhiều mặt (thể chất và tinh thần) của việc sống tách rời thiên nhiên. Cuộc sống bon chen nơi chợ búa mà tầm nhìn không quá sạp hàng hay những ngày sống gò bó trong bốn bức tường ở nơi phố phường chật hẹp, phải chăng cũng góp phần làm cho con người trở nên nhỏ nhen, những tâm trạng bứt rứt kém thoải mái, những suy nghĩ tầm thường và những tiêu cực lại có điều kiện để bộc lộ?

Chúng ta rất thương những em bé suốt ngày hầu như bị giam cầm trong những căn phòng chật chội (tuy có đủ thức ăn, đồ chơi, vật dụng) với bốn bức tường vô nhợt nhạt, thiếu ánh sáng, thiếu màu sắc, những tiếng rú của xe cơ giới ồn ào từ sáng sớm đến đêm khuya... Nguy hại hơn nữa còn là nạn ô nhiễm môi trường ở những thành phố lớn, nơi khu công nghiệp và không trừ ở cả những làng quê yên tĩnh... tất cả như đang bao vây lấy các em nhỏ. Rõ ràng các em đang bị thiếu hụt đi chất dinh dưỡng của thiên nhiên để được nuôi sống cả về tinh thần lẫn thể chất. Bệnh "*đổi màu xanh*" đang gặm nhấm thế giới tinh thần của trẻ thơ, làm cho nó nghèo nàn đi một cách đáng sợ. Các em vô hình trung đã bị tước bỏ đi niềm hạnh phúc là được sống giữa thiên nhiên tươi đẹp.

Cần tìm mọi cách để *đưa trẻ em đến với thiên nhiên càng sớm càng tốt*, vì đây là một nhu cầu bức bách của trẻ thơ. Cần đưa các em đến công viên, hay những nơi có phong cảnh đẹp, ở đây các em có thể có cơ hội được xem các loại hoa, chim muông, cây thú.. Những kì nghỉ hè, tùy điều kiện có thể cho các em xuống biển, lên núi, về nông thôn hoặc đi thăm danh lam thắng cảnh của đất nước. Những cuộc đi chơi như vậy, do được đắm mình trong cảnh thiên nhiên bao la, tươi đẹp sẽ để lại cho các em nhiều ấn tượng sâu sắc mà thêm yêu đất nước và hun đúc lòng tự hào về quê hương mình.

Đặc biệt, chúng ta nên chủ động tận dụng cả những không gian nhỏ hẹp để *tạo một môi trường thiên nhiên* dù là rất bé ngay nơi ở của mình là một việc làm cần thiết và có thể thực hiện được. Trồng một khóm cây hay một chậu hoa nhỏ; làm một bể cá hay nuôi một đàn gà... để các em

chăm sóc. Con cái chúng ta sẽ thích thú biết bao khi tự mình tham gia vào công việc vun trồng cây cối và chăm sóc gia súc. Chính cái góc thiên nhiên thu nhỏ ấy cũng tạo được niềm vui cho các em. Thậm chí, từ một ô cửa sổ hay một góc sân thượng, vẫn có thể chỉ cho các em vẻ đẹp của bầu trời, những áng mây có hình thù kì lạ, ánh trăng dịu dàng của những đêm rằm, vòm trời đầy sao bao la hoặc cả bảy sắc cầu vồng sau cơn mưa. Các bậc cha mẹ nên tìm mọi cơ hội để các con được trải nghiệm trong thiên nhiên; tận tay sờ nắn mỗi hòn sỏi mỗi hạt cát, vục chân xuống bùn; lắng nghe tiếng ếch kêu, tiếng chim hót, tiếng suối reo; tận mắt nhìn ngắm mặt trời mọc, vầng trăng lặn; tự mình theo rõi hạt đậu nảy mầm, bông hoa hé nở rồi lại lụi tàn; cảm nhận được những hạt mưa xuân lất phất xoa vuốt trơn man trên làn da và cả trận mưa rào ập xuống ướt hết quần áo...

Chúng ta không thể để cho trẻ em sống thiếu thiên nhiên, không được nhìn thấy những con đế mèn, cào cào, châu chấu, cánh cam, xén tóc - những con vật thân yêu mà các em đã từng nghe trong các câu chuyện hay đã từng đọc ở trong sách. Cũng đừng để cho các em phải nhầm lẫn một cách ngây ngô đáng tiếc như nhầm cây cỏ với cây lúa, con trâu với con bò... Cần giúp cho các em hiểu ngay từ thuở bé rằng *mỗi con người là một bộ phận của thiên nhiên, chung sống với thiên nhiên, không thể tách rời khỏi thiên nhiên được.*

Càng gần gũi với thiên nhiên bao nhiêu, các em sẽ thấy phần chấn trong lòng và nảy sinh *khát vọng muốn làm ra cái đẹp cho cuộc sống*: cắm mấy bông hoa tươi giữa bàn cho mẹ, vẽ một bức tranh phong cảnh tặng bạn nhân sinh nhật, cuốn

chiếc lá để thổi bắt chước tiếng chim, râu hoa lá làm vòng vàng xuyên bạc, lấy những cọng rơm vàng tết thành hình người... Từ những công việc tưởng chừng như nhỏ nhặt đó đã tạo cho các em niềm vui sáng tạo. *Làm ra cái đẹp từ những vẻ đẹp của thiên nhiên là một việc làm có ý nghĩa cực kì to lớn đối với tuổi thơ. Đó là khởi đầu của mọi sự sáng tạo.*

Đời sống tinh thần của con em chúng ta sẽ phong phú lên biết nhường nào, nếu tất cả mọi em bé đều được gần gũi với thiên nhiên, được hướng dẫn để phát hiện những điều kì diệu còn ẩn náu trong thiên nhiên, chăm sóc và bảo vệ thiên nhiên. Xin người lớn chúng ta hãy để cho trẻ thơ đến thật sớm với thiên nhiên - người bạn thân thiết của tuổi thơ.

TRUYỆN CỔ TÍCH - MÓN ĂN TINH THẦN CỦA TRẺ THƠ*

Có lẽ đối với trẻ thơ, không có món quà nào hấp dẫn bằng truyện cổ tích. Từ em bé nhút nhát, yếu đuối nhất, đến những em được coi là ngô nghếch, bướng bỉnh nhất, truyện cổ tích đều làm cho chúng say mê. Theo nhận xét của nhiều cô mẫu giáo thì “giờ học” được trẻ ham thích nhất, giữ trật tự nhất là giờ các cháu được nghe kể chuyện, nhất là truyện cổ tích. Còn các bà mẹ trẻ thì cho rằng không gì dễ trẻ dễ dàng để chúng đi ngủ sớm bằng cách kể cho chúng nghe truyện cổ tích. Trẻ đi vào giấc mơ thần tiên một cách thích thú và nhẹ nhàng.

Quan sát một lớp mẫu giáo trong giờ kể truyện cổ tích, người ta dễ dàng nhận thấy sức lôi cuốn của câu chuyện đối với trẻ thơ lớn lao biết chừng nào: cả lớp rất tự giác ngồi im phăng phắc, dán mắt vào cô giáo và nét mặt biến đổi theo tình tiết của câu chuyện, lúc thì há mồm, căng thẳng, lúc thì cười hả hê sung sướng, lúc thì dăm chiêu lo lắng. Nếu cô giáo có khả năng diễn xuất tốt, kể có duyên thì sức cuốn hút của truyện kể lại càng thêm mạnh mẽ.

Rõ ràng truyện cổ tích có những yếu tố đáp ứng được nhiều nhu cầu tinh thần của trẻ và là một món ăn không thể thiếu được đối với tuổi mẫu giáo.

* Báo “Khoa học và đời sống”. Số 37 (1999).

Trẻ em được sống đúng với tuổi thơ của mình trong thế giới của truyện cổ tích. Hạnh phúc biết bao khi em bé được nghe cái điệp khúc quen thuộc và hấp dẫn "Ngày xưa, ngày xưa..." vang lên qua giọng kể của cô giáo ở lớp, hay từ trong vòng tay của mẹ, của bà. Nó nuốt từng lời và nóng lòng muốn được nghe tiếp, bởi vì chính cái điệp khúc ấy đang đưa em bé vào một thế giới khác với thế giới thực tế hàng ngày, một thế giới thần tiên trong đó có những con thú biết nói, có những nàng công chúa xinh đẹp, những chàng hoàng tử dũng cảm thông minh, có những bà tiên, ông bụt giàu phép biến hóa thần thông, tốt bụng và luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người lúc khó khăn hoạn nạn, lại có cả những mụ phù thủy thập thò muốn gây tội ác ở khắp nơi... Trẻ em say sưa hòa mình vào cuộc sống trong chuyện, tự đồng nhất mình với nhân vật, vui buồn cùng các nhân vật trong chuyện.

Có nhà nghiên cứu còn cho rằng thế giới trong truyện cổ tích cũng là nơi để trẻ thể hiện những ước mơ của mình (như khi gặp ông bụt hay bà tiên giúp cho con người ước gì được nấy, gỡ cho con người lúc gặp khó khăn hoạn nạn...), đồng thời cũng là nơi để trẻ giải tỏa những ám ức gặp phải trong đời thường (như khi những người tốt bụng trừng trị được con mụ phù thủy hoặc con yêu râu xanh...).

Những nhân vật hoang đường trong truyện cổ tích, đối với trẻ nhiều khi mang ý nghĩa tượng trưng: ông bụt, bà tiên thể hiện những gì mà trẻ hàng ngày mong muốn được thỏa mãn, còn mụ phù thủy hay con yêu râu xanh thường là thể hiện những gì muốn ngăn cản những nguyện vọng, ham thích của chúng.

Những gì trong cuộc đời thực mà trẻ không thực hiện được thì chúng tìm được nơi giải tỏa trong truyện cổ tích. Nghe

kể chuyện, trẻ thả sức mơ tưởng. Cái hư, cái thực luôn đan quện vào nhau, cùng tồn tại song song bên nhau trong cuộc sống của trẻ. Cái hư lại rất thực, nó giúp cho trẻ giải quyết bao nhiêu vướng mắc trong cuộc sống. Đây chính là nét đặc thù trong tâm lí của trẻ thơ, khác với người lớn.

Người lớn có thể rất thú vị khi xem truyện cổ tích nhưng khó mà có được sự say mê như trẻ con, say tới mức không còn nhận biết thực và hư nữa. Khi đó người lớn đã bỏ mất đi khả năng say mê cho phép chuyển từ thế giới này sang thế giới khác, sống hai cuộc sống khác nhau, bổ sung cho nhau. Thật là ngây thơ dại dột khi còn tin ở những bà tiên, ông bụt, mũ phù thủy hay ông khổng lồ, nhưng cũng thật là đáng tiếc gặp nhiều lần khi người lớn bỏ mất đi cái khả năng tưởng tượng cần thiết ấy.

Chính nhờ có trí tưởng tượng khi nghe những truyện thần thoại mà trẻ em có thể sống vô tư, trong sáng suốt tuổi ấu thơ của mình. Truyện cổ tích chính là một phương tiện hữu hiệu nhất để nuôi dưỡng trí tưởng tượng đó, giúp các em sống trọn vẹn tuổi thơ đẹp đẽ của mình.

Truyện cổ tích của dân tộc nào cũng là để nói lên sự đấu tranh giữa cái Thiện và cái Ác, và đối với trẻ thơ thì sự chiến thắng của cái Thiện đối với cái Ác được coi như điều tất yếu. Cái ác dù có tàn bạo, quỷ quyệt đến đâu thì cuối cùng cũng không thể địch nổi với cái Thiện, vì cái Thiện luôn được sự trợ giúp của một đấng siêu nhiên nào đó. Đấng siêu nhiên có thể là bà tiên, ông bụt, nhưng cũng có thể chỉ là cái gậy, là hạt dẻ, là cái sọ dừa... Điều quan trọng là nó luôn luôn có mặt trong cuộc sống ở mọi nơi, mọi chốn. Nó theo dõi mọi người, mọi việc, để khi cần thì nó kịp thời ra tay cứu giúp.

Chính đây là yếu tố nhân văn cơ bản của truyện cổ tích, làm cho nó tạo được một sức hấp dẫn bền lâu đối với loài người từ bao đời nay, đặc biệt đối với trẻ thơ, vốn là những tâm hồn trong sáng rất nhạy cảm với cái đẹp, cái tốt, cái cao thượng.

Truyện cổ tích là sự đúc kết, khái quát những khát vọng từ bao đời của loài người, luôn ước mơ vươn tới một cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc, thấm đượm tình yêu thương.

Truyện cổ tích cũng là những bài học về đạo đức sâu sắc, có tác động mạnh và có hiệu quả cao đối với tâm hồn trẻ thơ, hơn bất cứ một bài rao giảng về đạo đức nào, cho dù đó là những bài soạn công phu và sinh động nhất. Trẻ em chưa thể hiểu được những khái niệm đạo đức mà ta muốn hình thành cho chúng qua con đường giảng giải, nhưng chúng lại dễ tiếp nhận những điều đó thông qua truyện cổ tích. Có thể nói, đối với trẻ em dưới 6 tuổi, mọi tác động giáo dục, mọi yêu cầu đối với chúng đều trở nên dễ dàng và có hiệu quả nếu ta biết biến nó thành những trò chơi và thông qua truyện cổ tích.

Người lớn có thể nói rất hay, rất rõ ràng về lòng yêu thương và kính trọng của con cái đối với mẹ, nhưng chắc chắn những em bé sẽ chẳng chịu ngồi yên để nghe nói, hoặc có nghe thì rồi cũng quên ngay. Thế nhưng nếu lại kể cho chúng nghe chuyện "Sự tích cây vú sữa" thì chắc chắn trẻ sẽ ngồi yên, nín thở để nghe, và thực sự xúc động khi nghe đến đoạn bà mẹ chết vì thương con và đã biến thành cây vú sữa. Nhiều em bé nghe kể xong, thấy quắn quít với mẹ hơn và rất sợ mẹ chết?

Có thể kể rất nhiều thí dụ về giáo dục đạo đức thông qua các truyện cổ tích, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước ta. Đạo lí, cách xử sự, cách giải quyết, cho tới cả

những tình tiết tâm lí nhân vật trong các truyện cổ tích Việt Nam đều mang rất rõ bản sắc dân tộc, và đó cũng là điều cần thiết phải được truyền đạt tới các thế hệ kế tiếp.

Kho tàng truyện cổ tích tuy hết sức phong phú nhưng không phải là vô tận, trong khi đó nhu cầu nghe kể chuyện của trẻ thì lại bao nhiêu cũng không đủ. Cần thiết phải bổ sung thêm nhiều truyện “cổ tích hiện đại” mới với sự tham gia đồng đảo của các nhà văn hiện nay, và trên thực tế những năm qua, các nhà văn của chúng ta cũng đã có những đóng góp hết sức quý báu trên lĩnh vực này. Tuy nhiên, viết truyện cho trẻ em để có những tác phẩm được trẻ em tiếp nhận một cách thích thú thì đó là một công việc hết sức khó khăn. Người viết phải thực sự hiểu trẻ em, xuất phát từ chính trẻ em, thực sự vì trẻ em thì mới mong có được những truyện hay mới rung động được tâm hồn của con trẻ.

Trẻ thơ cần truyện cổ tích như một nhu cầu không thể thiếu được, và sẵn sàng tiếp nhận nó với một niềm vui sướng, niềm hạnh phúc thực sự. Món ăn tinh thần này không đòi hỏi nhiều tiền bạc hay cơ sở vật chất gì phức tạp, chỉ cần mỗi người lớn chúng ta có ý thức và hiểu được nguyện vọng chính đáng đó của trẻ, tự mình sưu tầm càng nhiều truyện cổ tích càng tốt và bớt chút thời gian của mình dành cho trẻ, là ta đã mang lại cho tuổi thơ một niềm vui, một món quà quý giá và bổ ích.

Hãy nhìn vào đôi mắt long lanh, chờ đón một cách háo hức và thành khẩn của bé khi nó được nghe vang lên cái điệp khúc quen thuộc: “Ngày xưa ngày xưa...”, phải chăng đó cũng chính là những phút giây hạnh phúc nhất của mỗi người lớn chúng ta?

TRUYỆN ĐỒNG THOẠI VỚI TRẺ THƠ*

Nghe kể chuyện là một nhu cầu thực sự của trẻ em. Đường như trong mỗi em bé đều có cái mà ta có thể gọi đó là *nhu cầu "bản năng" về sự huyền diệu và kì lạ*. Cũng như *truyện cổ tích, truyện đồng thoại* đều có thể thoả mãn cái nhu cầu rất tự nhiên và cũng rất khẩn thiết đó của trẻ thơ bởi những yếu tố kì ảo, thần diệu của nó.

Trước đây trong một chương trình GDMN, chúng tôi đã có dịp phân tích tác động của *truyện cổ tích* đối với tâm hồn con trẻ. Hôm nay lại xin phân tích tác động của *truyện đồng thoại* đối với sự phát triển của trẻ thơ.

1. Thế nào là truyện đồng thoại?

Đồng thoại là thể truyện cho trẻ em trong đó loài vật và các vật vô tri được nhân cách hoá để tạo nên một thế giới thần kì, thích hợp với trí tưởng tượng của các em (Từ điển Tiếng Việt – NX B Đà Nẵng – 1 988)

Truyện đồng thoại được coi là một thể loại đặc biệt của văn học viết cho nhi đồng, đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa hiện thực và ước mơ. Nhân vật chính thường là động vật, thực vật và những vật vô tri, vô giác được nhân cách hoá để tạo nên một thế giới vừa hư vừa thực, thích hợp với tâm hồn của các em nhỏ. Qua thế giới không thực mà lại thực đó, truyện đồng thoại nhằm biểu hiện sinh hoạt của xã hội loài

* Bài nói chuyện trên VTV2 – 2001.

người. Trong truyện đồng thoại giàu tưởng tượng, giàu cảm xúc là những yếu tố không thể thiếu vắng được.

Do những nhân vật trong truyện là động vật, thực vật và những vật vô tri vô giác nhưng lại mang tính cách của con người, được sống trong xã hội loài người, nên truyện đồng thoại có những nét rất gần với truyện ngụ ngôn đôi khi khó phân biệt được, nhưng thực ra hai thể loại truyện đó đều có những nét khác nhau.

Ngụ ngôn là truyện ngắn mượn chuyện loài vật để nói về việc đời, nhằm dẫn đến những kết luận về đạo lí, về kinh nghiệm sống (sách đã dẫn). Nội dung của truyện ngụ ngôn là những nét tính cách, những thái độ ứng xử hay những quan niệm sống...nhất định được coi đó là *những bài học làm người theo chuẩn mực đạo đức*. Truyện ngụ ngôn chứa đựng một thế giới được cách điệu hay nhân hoá những gì có thể răn đời. Trong truyện ngụ ngôn các "nhân vật" đều bộc lộ những phẩm chất đạo đức, lối ứng xử khôn ngoan và được tác giả cố ý tô đậm hơn mức bình thường khiến cho người đọc, người nghe tiếp nhận dễ dàng một cách sống, một kiểu suy nghĩ nhất định và lấy đó làm bài học tự răn mình. Tuy nhiên do những *hàm ý sâu xa* trong đó nên truyện ngụ ngôn tuy hấp dẫn người lớn nhưng thường không gần gũi và ít thu hút trẻ em (như những truyện ngụ ngôn của Lafontain, truyện ngụ ngôn dân gian Việt Nam).

2. Vì sao trẻ thích truyện đồng thoại?

Truyện đồng thoại là một thể loại văn học dành cho trẻ em, nội dung của nó mang đậm chất *mơ tưởng*, nên nó kích thích mạnh vào tâm hồn trẻ nhỏ vốn giàu sức tưởng tượng. Mơ tưởng là yếu tố chủ yếu làm nên truyện đồng thoại.

Thiếu mơ tưởng, đồng thoại chẳng khác nào con chim xinh đẹp mà lại không có cánh. Chính chất mơ tưởng của truyện và trí tưởng tượng của trẻ, hai cái đó hoà nhập vào nhau tạo cho trẻ có một ấn tượng mạnh mẽ khi tiếp xúc với truyện đồng thoại. Do đó truyện đồng thoại có khả năng *kích thích trí tưởng tượng của trẻ* càng thêm phát triển, chấp cánh cho những ước mơ hồn nhiên của chúng càng thêm bay bổng.

Truyện đồng thoại dung lượng thường ngắn gọn, rất gần gũi với trẻ thơ, ở đó trẻ tìm thấy những nét quen thuộc trong đời sống xung quanh, nhưng lại rất cảm động, rất tươi vui, dí dỏm, chứa đựng nhiều yếu tố bất ngờ. Điều đó đã *khơi dậy ở chúng những xúc cảm thú vị* khiến cho đứa trẻ từ một thính giả thụ động biến thành một người tham gia tích cực vào các sự kiện của các nhân vật vốn chỉ là chim muông, cây cỏ hay những vật vô tri, vô giác mà trở thành người bạn thân thiết với chúng, cùng vui, cùng buồn, cùng sung sướng hay hồi hộp, lo âu với chúng. Có thể nói *truyện đồng thoại tác động mạnh mẽ đến đời sống tình cảm của trẻ thơ*. Khi tiếp xúc với đồng thoại trẻ sống hết mình với tình cảm chân thực vốn có. Sự hoà nhập của trẻ vào thế giới đồng thoại đến mức mà ranh giới giữa thực và hư nhiều lúc bị xoá nhoà, tưởng đó là thế giới của những người gần gũi xung quanh, thế giới của chính mình.

Nhân cách hoá - sự kết hợp nhuần nhuyễn, hài hoà giữa trí tưởng tượng với tình cảm của con người - là thủ pháp sáng tạo chủ yếu của truyện đồng thoại, làm cho nó *vừa giàu màu sắc xúc cảm vừa giàu tính ước mơ* nên được các cháu nhỏ tiếp nhận một cách nhẹ nhàng, tự nhiên như đi vào

cuộc sống của bản thân, tạo ra một sức mạnh nội tâm độc đáo vốn được tình yêu và trí tưởng tượng cộng hưởng lại mà thành.

Hơn nữa, nhân cách hoá cũng là một đặc trưng tâm lí của trẻ ở tuổi mẫu giáo, lại mang nặng màu sắc của tính chủ quan ngây thơ, được gọi là *tính tự kỉ trung tâm* (ego centrisme). Trong cách nhìn, cách cảm, cách nghĩ của trẻ thường *lấy mình làm trung tâm* theo kiểu "vật ngã đồng nhất". Điều đó tạo cho trẻ một sức hoà nhập đến mức đồng nhất với các "nhân vật" khi chúng tiếp xúc với truyện đồng thoại. Năng lực đồng nhất đó giúp trẻ có thể đồng cảm sâu sắc với thế giới "nhân vật" của đồng thoại khiến chúng có thể nghe thấy được, nhìn thấy được những gì mà người lớn không thể nghe thấy, không thể nhìn thấy khi cùng tiếp nhận truyện đồng thoại.

3. Tác động của truyện đồng thoại đối với trẻ thơ

Chính nhờ những đặc điểm như đã nêu trên mà truyện đồng thoại trở thành *một phương tiện giáo dục rất hiệu nghiệm đối với trẻ nhỏ*. Một con dê đen dưng cảm, một bác gấu nâu tốt bụng, một con khỉ thông minh... đều dễ biến thành bài học sống động về những phẩm chất đạo đức, về cách xử trí tinh khôn cần có để giúp trẻ biết sống đẹp với đời, biết ứng xử tốt với những người xung quanh và nhiều khi còn giúp trẻ cảm nhận một cách nhạy bén đối với cái thiêng liêng nhất, cao đẹp nhất trong tình cảm của con người, như truyện "con bồ nông", khi không còn kiếm được mồi cho con, bồ nông mẹ đành vạch bụng ra cho con mổ thức ăn ở trong bụng mình - nó tự nguyện chết cho đàn con được sống.

Bằng những hình tượng ngộ nghĩnh ngây ngô của các con vật, truyện đồng thoại lại còn có khả năng *phê phán, châm biếm những thói hư tật xấu* giúp trẻ biết mà tránh xa. Chuyện hai anh em nhà mèo đi câu cá, nhưng vì lưỡi quá, cứ ỉ vào nhau nên cuối buổi câu mà giỏ của cả hai anh em đều vẫn trống không, chẳng có con cá nào, trong truyện "Mèo đi câu cá"; truyện hai chú dê tranh nhau qua cầu, chẳng ai chịu nhường ai nên đều bị lăn tùm xuống suối... mang đậm chất *hài hước* nhưng tính giáo dục lại rất cao.

Những truyện đồng thoại ngắn gọn có thể biến thành lời ca trong những bài hát xinh xắn dễ thuộc, dễ nhớ nhờ có sự liên tưởng nhạy bén của trẻ mà chuyện của con vật lại biến thành chuyện của chính mình như bài hát về "Con cò bé bé" đi chơi không xin phép mẹ mà bị lạc mất, chuyện về "con cò đi đón cơn mưa" tuy ở xa những không quản ngại mưa rét vẫn bay về thăm cha mẹ, quê quán, lại vẫn chuyện con cò mò được gì liền ăn nấy nên bị đau bụng, phát rên la suốt ba ngày đêm...

Có thể nói truyện đồng thoại là *một phương tiện giáo dục thân thiện đối với trẻ nhỏ, đặc biệt đối với trẻ em ở tuổi mầm non về nhiều phương diện đạo đức, thẩm mỹ, trí tuệ, thể chất.*

4. Cách thức cho trẻ tiếp nhận truyện đồng thoại

Có nhiều cách cho trẻ tiếp nhận truyện đồng thoại như người lớn (ông bà, cha mẹ, cô giáo...) kể cho trẻ nghe, trẻ tự kể cho người khác nghe. Đó là những cách thức thông thường dễ thực hiện mà xưa nay chúng ta vẫn làm.

Sau đây xin giới thiệu một cách thức khác cho trẻ tiếp nhận truyện đồng thoại. Đó là cho trẻ tiếp nhận truyện đồng

thoại thông qua việc *tổ chức trò chơi đóng kịch*. Trò chơi đóng kịch là một loại trò chơi đóng vai theo một tác phẩm văn học nhất định (mà ở đây là truyện đồng thoại). Trò chơi đóng kịch vừa mang *tính chất của trò chơi* vừa mang *tính chất của hoạt động nghệ thuật* (ở đây là kịch) cho nên việc tổ chức cho trẻ chơi trò chơi đóng kịch thường là công phu hơn nhưng kết quả lại cao hơn rất nhiều so với cách thức thường làm.

Các bước tiến hành như sau:

1. Xây dựng kịch bản:

– Chọn truyện đồng thoại và chuyển thành kịch bản (chủ yếu là những lời thoại).

– Kể cho trẻ nghe toàn bộ câu chuyện và trò chuyện với trẻ về câu chuyện đó, gợi mở giúp trẻ cảm thụ được câu chuyện, nhớ được cốt truyện, nhớ tên và nhận ra tính cách các "nhân vật"; nhớ hành động của các "nhân vật", và biết đánh giá chúng ở mức tốt, xấu, đúng sai.

– Đọc kịch bản cho trẻ nghe, giúp trẻ phân biệt được sắc thái giọng điệu lời nói của các "nhân vật" khác nhau qua đó mà khắc họa rõ thêm tính cách của "nhân vật".

– Chọn bài hát và điệu múa phù hợp với kịch bản và với đặc điểm của trẻ. Nếu kịch bản là những ca cảnh thì đã có sẵn các bài hát, công việc còn lại là dựng các điệu múa sao cho phù hợp với ca cảnh.

2. Phân vai và tập đóng vai

– Phân vai cho trẻ.

– Giúp trẻ thể hiện lời nói và bộ điệu phù hợp với vai.

– Cho trẻ tập kết hợp lời nói và điệu bộ của vai mình với vai khác (cho trẻ lần lượt đóng các vai, tránh tình trạng biến một nhóm trẻ nhất định thành "chuyên nghiệp").

3. Chuẩn bị sân khấu, đạo cụ hoá trang

– Sân khấu: Tìm một nơi trong nhà hay ngoài trời trang trí thành sân khấu phù hợp với khung cảnh xảy ra chuyện kịch.

– Đạo cụ: Tìm kiếm hoặc tạo ra một số đồ dùng cần thiết để trẻ thể hiện một cách tự nhiên các nhân vật như những con người trong cuộc sống.

– Hoá trang: Có thể hoá trang trên mặt bằng những nét vẽ cũng có thể dùng các mặt nạ, mũ hoá trang, quần áo sao cho phù hợp với "nhân vật" trẻ đóng.

4. Tổ chức buổi diễn

– Tổ chức buổi diễn thực chất là tổ chức cuộc chơi cho trẻ đồng thời là sự thể hiện kết quả của một quá trình tập luyện.

– Tổ chức biểu diễn không chỉ đơn thuần việc trình diễn kịch bản mà cần tổ chức cho cả người diễn lẫn người xem (đều là trẻ em) có thể hỗ trợ, luân phiên, giao lưu với nhau bằng lời nói hay bằng bài hát, điệu múa gây không khí hào hứng cho trẻ tiếp nhận tốt truyện đồng thoại.

Cho trẻ tiếp nhận truyện đồng thoại theo cách tổ chức trò chơi đóng kịch là cách thức cho phép trẻ cảm thụ câu chuyện một cách hào hứng mà sâu sắc bởi tính *trực quan sinh động* của nó. Hơn nữa, qua việc nhập vai vào "nhân vật" trẻ được *trải nghiệm* những tình cảm tốt đẹp, những kiểu

xử trí khôn ngoan để mà học làm người cũng như những tật xấu thói hư để mà tránh, không bao giờ phạm phải.

Truyện đồng thoại rất phong phú về đề tài, về nhân vật, về sự biến hoá trong thời gian và không gian lại có tác động mạnh đến tâm hồn của trẻ thơ chẳng khác nào chất dinh dưỡng cần cho sự phát triển thế giới tinh thần của các cháu nhỏ. Nhu cầu được nghe truyện đồng thoại của các cháu là rất lớn, thiết tưởng người lớn chúng ta, nhất là các nhà văn nên dành thời gian viết thật nhiều truyện đồng thoại để món ăn tinh thần của các cháu nhỏ không bao giờ cạn.

THƠ CA VÀ TRẺ THƠ*

I. Vai trò của thơ ca đối với sự phát triển của trẻ thơ

Thơ ca là tinh hoa của ngôn ngữ, là kết tinh về đẹp của tiếng mẹ đẻ, sản phẩm trí tuệ và tình cảm của biết bao thế hệ nối tiếp nhau. Biết bao điều của cuộc sống được diễn đạt một cách uyển chuyển với chiều sâu tư tưởng và tình cảm trong những bài ca dao, những vần thơ hay làm nảy sinh ở chúng ta những tình cảm đẹp đẽ, những ước mơ trong sáng.

Từ những câu ca dao cổ: "Gió đưa cành trúc là đà/
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương/
Mịt mù khói toả ngàn sương/
Nhịp chày Yên Thế, mặt gương Tây Hồ" đến những câu thơ trong truyện Kiều của Nguyễn Du: "Long lanh đáy nước in trời/
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng", rồi đến những câu thơ của chính các em nhỏ viết ra: "Những chị lúa phất phơ bím tóc/
Những cậu tre bá vai nhau thì thâm đứng học/
Đàn cò áo trắng, khiêng nắng qua sông/
Cô giá chẵn mây trên đồng/
Bác mặt trời đạp xe qua ngọn núi"... tất cả không chỉ gieo vào lòng chúng ta vẻ đẹp của tiếng nói dân tộc mà còn ánh lên vẻ đẹp của tâm hồn Việt Nam, thiên nhiên Việt Nam.

Sớm cho trẻ tiếp xúc với thơ ca ngay từ khi nằm trong lòng mẹ là điều rất nên làm, vì thơ ca là nguồn dinh dưỡng tâm hồn trẻ thơ về nhiều mặt:

* Bài nói chuyện trên VTV2 – 2001.

– Trước hết *thơ ca giúp trẻ tiếp nhận cái hay, cái đẹp trong tiếng nói dân tộc*. Ngay từ thuở lọt lòng, trẻ được nghe tiếng hát ru của mẹ cũng là lần đầu tiên trẻ nghe giọng nói con người giàu âm hưởng thơ ca. Tuy trẻ chưa thể hiểu được nội dung của thơ nhưng lại dễ tiếp nhận nhạc điệu của nó. Thật tuyệt vời khi bắt đầu học nói trẻ được tiếp xúc với thơ ca, một thứ ngôn ngữ giàu nhạc điệu, vần điệu và giàu hình tượng, điều đó thúc đẩy ý thức về ngôn ngữ của trẻ sớm được nảy sinh giúp cho lời nói được hay hơn, đẹp hơn. Nhiều cháu bé may mắn được sống trong môi trường gia đình giàu âm hưởng thơ ca nên đã thích học theo lối nói có vần có điệu. Cháu Hoàng Hoa Anh ba tuổi đã nói một cách rất tự nhiên: "*Ngoài sân có mấy con bò/ Môm thời ăn cỏ bụng to phình phình*" hay "*Ếch kêu ộp ộp ngoài sân/ Chim kêu hót hót trên cành cành mai*". Đôi khi các bé cũng muốn "bịa" ra những lối nói giàu hình tượng. "*Vịt ngã lặn cù quay*" (Hoàng Hoa Anh ba tuổi), "*Môm nhai trầu đỏ choen choét*" (Vàng Anh 5 tuổi)...Ngày qua ngày lời hay ý đẹp của thơ ca cứ thấm dần vào tâm hồn giúp cho các cháu được miễn dịch để không nhiễm phải thói nói tục chửi bậy, nghĩa là các cháu biết nói năng có văn hoá.

– *Thơ ca làm giàu thế giới xúc cảm của trẻ em*. Thơ ca biểu hiện thế giới nội tâm ở nhiều sắc thái, cung bậc khác nhau, có những câu thơ đọc lên nghe thật vui tai, thật sáng khoái: "*Mặt trời càng lên tỏ/Bông lúa thêm chín vàng/Sương treo đầu ngọn cỏ/ Sương lại càng long lanh/ Bay vút tận trời xanh/ Chiến chiến cao tiếng hót*"... Nhưng cũng có những câu ca nghe sao mà buồn da diết:

"Con cò lặn lội bờ sông/Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non". Những sắc thái tình cảm đó đã khơi dậy ở trẻ những xúc cảm phong phú về con người, hun đúc ở trẻ một tâm hồn nhạy cảm và giàu lòng nhân ái. Thơ ca giúp nuôi dưỡng và phát huy những đặc tính vốn có của trẻ như tính dễ xúc cảm, dễ đồng cảm khi tiếp xúc với con người và cảnh vật trong thế giới xung quanh. Đó là cái vốn quý giá để sống và làm việc, cần cho mọi người. Nhiều công trình nghiên cứu gần đây chứng minh rằng để có chất lượng cuộc sống cao và để thành đạt, người ta không chỉ cần có *hệ số trí tuệ* (IQ) cao mà rất cần có *hệ số xúc cảm* (EQ) cao. Một tâm hồn giàu xúc cảm, giàu lòng yêu thương đó là tâm hồn của người biết hướng thiện, biết chia sẻ niềm vui nỗi buồn với mọi người. Thơ ca là nguồn năng lượng dồi dào bồi bổ cho thế giới xúc cảm của trẻ để khi lớn lên luôn có được trạng thái tinh thần lành mạnh, cân bằng giúp thành đạt trong cuộc sống.

– *Thơ ca nuôi dưỡng trí tưởng tượng của trẻ*. Sự phản ánh hiện thực trong thơ ca vừa thực lại vừa hư, điều đó giúp cho sự phát triển mạnh mẽ trí tưởng tượng của trẻ khi tiếp xúc với thơ ca. Hơn nữa nghệ thuật nhân cách hoá trong thơ là sự kết hợp hài hoà giữa tình yêu thương với trí tưởng tượng và đó cũng chính là đặc điểm tâm lí nổi bật của trẻ thơ. Sự vật trong con mắt các cháu nhỏ bao giờ cũng nhuộm màu xúc cảm và bay bổng theo trí tưởng tượng. Nghe thơ, đọc thơ các cháu sẽ giữ mãi tâm hồn trong sáng và giàu ước mơ mà không bị "thiết thực hoá", giúp trẻ có cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm đối với thế giới xung quanh một cách hồn

nhiên, tế nhị, nhạy cảm với cái đẹp để dễ tiếp nhận điều hay lẽ phải. Bằng sức tưởng tượng, thơ ca còn giúp trẻ sớm hình thành những tiền đề của hoạt động sáng tạo, biết phát hiện ra cái mới lạ, hình dung ra cái sẽ có và mong muốn làm những điều tốt lành.

Thơ ca giúp cho sự phát triển của trẻ về nhiều mặt như vậy nên cho trẻ tiếp xúc với thơ ca càng sớm càng tốt. Ở đây chất thơ của những vần thơ và tính ngây thơ của trẻ em đã hoà quyện vào nhau khiến cho trẻ đến với thơ ca rất tự nhiên như đến với chính mình.

2. Thơ viết cho trẻ em

Trong nền thơ ca nói chung có một mảng dành riêng cho trẻ em. Đó là những bài thơ khi sáng tác nhà thơ đã hoá thân vào trẻ em để có cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm của các em về con người và sự vật xung quanh, nên những bài thơ đó gần gũi với trẻ em và dễ nhớ, dễ thuộc. Với con mắt và tâm hồn trẻ thơ, mọi sự vật từ trăng, sao, mưa, gió; từ cây cối, chim muông đến cái bàn cái ghế, cuốn sách cuốn vở ... đâu đâu cũng mang hồn người và mọi cái đều có thể *thiên biến vạn hoá*.

*"Con chim chiền chiện/Bay vút vút cao/Lòng đầy yêu mến/
Khúc hát ngọt ngào" ... "Tiếng ngọc trong veo/Chim gieo từng chuỗi/
Lòng chim vui nhiều/ Hát không biết mỏi" ...
"Bay bay cao vút/Chim biến mất rồi/Chỉ còn tiếng hót/Làm xanh da trời" ...*

Cũng như sự biến hoá từ tiếng chim hót thành màu xanh da trời trong bài *"Con chim chiền chiện"* của Huy Cận, sự

biến hoá từ quả trứng thành chú gà con trong bài *Mười quả trứng tròn* của nhà thơ Phạm Hồ đối với trẻ em cũng là một sự biến hoá bất ngờ, làm cho trẻ thực sự ngỡ ngàng đến say mê:

*"Mười quả trứng tròn / Mẹ gà ấp ủ / Hôm nay ra đủ /
Lòng trắng lòng đỏ / Thành mỏ thành chân" ..*

Qua những bài thơ đó trẻ em còn *phát hiện được những điều mới lạ* thật thú vị trong môi trường xung quanh, đặc biệt là trong thiên nhiên.

Một đặc điểm đáng lưu ý của trẻ thơ là *tính tự kỉ* (Egocentrisme) tức là lấy mình làm trung tâm. Trẻ nhỏ thường cho rằng tất cả mọi cái trên đời này đều do mình nghĩ ra, do mình muốn mà có một cách ngây thơ.

Nhà thơ Xuân Quỳnh thật khéo hoá thân vào trẻ nhỏ để rồi tạo ra cho chúng bài thơ rất thú vị - *Chuyện cổ tích về loài người*: *"Trời sinh ra trước nhất / Chỉ toàn là trẻ con". .. "Mắt trẻ con sáng lắm / Nhưng chưa thấy gì đâu / Mặt trời mới nhô cao / Cho trẻ con nhìn rõ / Màu xanh bắt đầu cỏ / Màu xanh bắt đầu cây" ... "Màu đỏ làm ra hoa / Chim bấy giờ sinh ra / Cho trẻ nghe tiếng hót" ... "Muốn trẻ con được tắm / Sóng bắt đầu làm sông / Sông cần đến mênh mông / Biển có từ thuở đó" ... "Biển sinh những cánh buồm / Chở trẻ con đi học" ... "Khi trẻ con tập đi / Đường có từ ngày đó" ... "Nhưng còn cần cho trẻ / Tình yêu và lời ru / Cho nên mẹ sinh ra / Để bế bồng chăm sóc" ... "Biết trẻ con khao khát / Chuyện ngày xưa ngày xưa / Không biết là từ đâu / Mà bà về ở đó" ... "Muốn cho con hiểu biết / Thế là bố ra đời" ... "Chữ bắt đầu có trước / Rồi có ghế có bàn / Rồi có trường có lớp / Và sinh ra thầy giáo" ...*

Khi nhà thơ hoá thân vào trẻ em chắc không ai nghĩ làm như vậy là chỉ để cốt giồng trẻ em theo kiểu "ngây thơ cụ" hay "cưa sừng làm nghé" mà cái chính là để gần gũi trẻ em, hoà nhập vào tâm hồn con trẻ, để từ đó mà dẫn dắt các em đi vào thế giới của con người với biết bao cái đẹp, biết bao điều hay lẽ phải. Nếu đứng ở phương diện sư phạm thì có thể coi đây là một *phương pháp giáo dục tuyệt vời!* Không cần phải đao to búa lớn, không cần đến những điều răn dạy khô khan hay mệnh lệnh áp đặt, mà bằng cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm của trẻ thơ, bằng chính ngôn ngữ của các cháu nhà thơ đã làm cho những tác động giáo dục của mình trở nên nhẹ nhàng, thấm sâu vào lòng con trẻ. Những bài thơ đó thường mang nội dung giáo dục sâu sắc và phong phú về nhiều mặt mà trẻ lại rất dễ tiếp nhận, dễ thuộc, dễ nhớ.

Những bài thơ còn chứa đựng nhiều câu hỏi ngộ nghĩnh như là trò đùa thôi thúc các em khám phá như để phát hiện ra những sự thật ở đời.

Bài "*Chẳng phải chuyện đùa*" của nhà thơ Quang Huy khiến các con cảm thấy vừa lạ vừa buồn cười và như muốn khơi lên nhu cầu khám phá.

"Cái chai không đầu/Mà sao có cổ/Bảo rằng ngọn gió/Thì gốc ở đâu/ Răng của chiếc cào/ Làm sao nhai được"... "Cá không ăn cám/ Cũng gọi cá heo/ Cây đa lại trèo/ Lên trăng mà mọc"... "Gọi là cây bút/Sao chẳng thấy cành/Bàn chân chúng mình/Mọc ra ... mắt cá/... "Quyển sách ta xem/Mọc ra cái gáy/Chiếc đũa rất nhọn/ Có cả hai đầu" ...

Nhiều bài thơ lại trở thành trò chơi, như bài *Củ khoai nghệ* của nhà thơ Trần Nguyên Đào, một trò chơi mà ta thường bắt gặp ở trẻ em các vùng nông thôn. Trước khi ăn, các em thường lấy củ khoai làm trâu để chơi đã:

"Củ khoai nghệ/Mập mập ghê/Cắm bốn que/Thành con nghệ/Em yêu thế/Chẳng ăn đâu/Nuôi thành trâu/Cày giúp mẹ"

Có thể kể rất nhiều bài thơ mà trẻ có thể sử dụng làm trò chơi, như *Chông nụ chông hoa* (Định Hải), *Trâu lá đa* (Lữ Huy Nguyên)... *Ú tim* (Nguyễn Văn Truyền) là một bài thơ y như một trò chơi không những của trẻ em mà người lớn cùng chơi với trẻ em rất vui:

"Cháu trốn để ông đi tìm / Lạ chưa đâu bạc, ú tim chẳng già / Cháu trốn thật mà như đùa / Cái đầu che kín lại thò cái chân! / Ông tìm, ông tìm sục sạo quanh nhà / Cháu tưởng tìm thật, ông vờ vạy thôi! / Tìm tìm trốn trốn một hồi / Ông thì thư giãn, cháu mồ hôi đầm đìa."

Hầu hết các bài thơ viết về thiên nhiên đều có tác dụng khơi dậy ở trẻ lòng yêu thiên nhiên, coi thiên nhiên là người bạn thân thiết. Bởi sự hoá thân của nhà thơ vào trẻ em cho phép họ có cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm của trẻ thơ, thông qua đó mọi sự vật trong thiên nhiên đều có mối quan hệ thân tình như trong xã hội của con người vậy. Rồi bằng con mắt và tâm hồn trẻ thơ, chính các em lại tiếp nhận được điều đó một cách nhạy cảm hơn ai hết. Con đom đóm trong bài *"Anh Đom Đóm"* của nhà thơ Võ Quảng được coi như là một

người gác đêm cầm đèn đi khắp mọi nơi nâng từng giấc ngủ cho mọi "người". Anh thật đáng trọng, đáng yêu biết bao!

"Mặt trời gác núi, Bóng tối lan dần...Anh Đóm chuyên cần/
Lên đèn đi gác/Theo làn gió mát/ Anh đi rất êm/
Đi suốt một đêm/ Lo cho người ngủ" (người ở đây là cò là chim...) Cho đến khi: "Gà đâu túi bụi/Gáy sáng đàng đông/
Tắt ngọn đèn lồng/ Đóm lui về ngủ".

Nhiều nhất là những bài thơ gọi lên ở trẻ *tình yêu con người*: về tình yêu gia đình: có "Gió từ tay mẹ" (Vương Trọng), về tình yêu cô giáo có "Bàn tay cô giáo" (Định Hải), về tình yêu bạn bè có "Chú bò tìm bạn" (Phạm Hồ), về tình yêu lao động có "Chiếc xe lu" (Trần Nguyên Đào) và rất nhiều bài khác nữa.

Thành công của những bài thơ viết cho trẻ em phụ thuộc phần lớn ở sự hoá thân vào trẻ em của nhà thơ. Thiếu sự hoá thân đó bài thơ chỉ còn là việc nhái lại trẻ nhỏ một cách ngô nghê, sượng sùng, trẻ khó chấp nhận.

Thơ ca là một trong những loại hình nghệ thuật gần gũi nhất của trẻ, để món ăn tinh thần đó được phong phú, luôn theo các cháu trong từng bước lớn lên, nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ ngày càng trong sáng, giúp cho trẻ vừa được hít thở không khí của cuộc sống mới vừa được đắm mình trong âm hưởng của thơ ca dân tộc, hơn ai hết, những người làm cha làm mẹ và chính các cháu nhỏ hết sức mong đợi các nhà thơ viết thật nhiều, thật hay cho trẻ em. Những bài thơ dành cho trẻ em, đó chính là món quà không thể thiếu được của thời thơ ấu.

3. Thơ của trẻ em

Thơ do chính trẻ em viết ra có ý nghĩa đặc biệt đối với tuổi nhỏ, nó tác động *trực tiếp* đến đời sống tâm lí của các cháu, bởi đó là *sự kết hợp hài hoà của tâm hồn trẻ thơ với tâm hồn thơ*.

Ai cũng đã từng là trẻ em, nhưng ít ai còn nhớ được những gì mà mình đã trải qua trong thời thơ ấu. Do bận chiến đấu, lao động, bươn trải với cuộc đời, người lớn dễ làm lu mờ đi những ấn tượng tươi đẹp khi còn tấm bé. Trong thời thơ ấu tất cả đều khác, trẻ em đã nhìn thế giới bằng con mắt trong sáng và tất cả đối với chúng dường như đều bí ẩn và kì ảo lạ thường. Điều đó tạo cho trẻ thơ có cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm khác xa với người lớn, đó là một tâm hồn mẫn cảm. Chính vì vậy các cháu rất dễ xúc cảm trước mọi sự vật xung quanh, dễ phát hiện ra những điều mới lạ trong thế giới quá quen thuộc đối với người lớn. Nhà thơ Chế Lan Viên đã viết: *"Cỏ non theo mắt con nhìn lại xanh?"*

Bé Ngô Thị Bích Hiền 5 tuổi nhìn mưa: *"Mưa mưa mưa/
Rơi rơi rơi/Lộp bộp bộp/Trên mái nhà/Thành chùm hoa/
Dưới hồ nước"*.

Bé Thuý Giang 6 tuổi cảm nhận khi đứng trong vườn *"Cái vườn nho nhỏ/ Cô gió đến chơi/ Cô đưa vông đỏ/ Ru chú mặt trời."*

Những bài thơ của trẻ em không những đã làm cho các em mà cả người lớn chúng ta thích thú chính nhờ cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm đặc biệt đó.

Dưới con mắt trẻ thơ, sự vật dường như đều có hồn người, từ quả na, quả chuối, từ con dế con giun, rồi cả đến

ngọn gió: "*Mụ Đông Bắc phồng mồm/Phun ra bao cái rét/Cây trút lá trơ cành/Em chỉ lo xoan chết*" (bài *Mụ Đông Bắc* của Thuý Giang), rồi đến cả cái nắng cũng nghịch ngợm, thích chơi ú tim: "*Lúc bà ngồi cần chỉ/Nắng chờ vào lỗ kim*" (bài *Cái nắng nghịch* của Khánh Chi).

Trẻ em như những tín đồ của thuyết "*hữu hồn luận*". Đặc biệt đối với thiên nhiên, các em gần gũi gắn bó với thiên nhiên, coi thiên nhiên như người bạn thân thiết của mình. Với tâm hồn mẫn cảm của tuổi thơ, dường như các em tìm thấy được trong thiên nhiên đời sống của chính mình: "*Cô Phượng áo đỏ phát phơ/Chú Ve khát nước từng giờ gọi mưa/Cu Sấu nũng nịu đong đưa/Chị Liễu ngái ngủ vẫn chưa gỡ đầu*" (bài *Đường Hàng Khay* của Ngô Thị Bích Hiền); "*Cây đứng vậy mưa đến/Hoa cà chua cười/Lá lim gọi đầu/Lá mít rửa mặt/Là dứa được mưa vuốt sạch ghê!*" (bài *Mưa* của Cẩm Thơ)

Gần gũi với thiên nhiên, đời sống xúc cảm của các em cũng biến hoá, hoà nhịp với thiên nhiên. Sững sốt nhìn theo một cánh bướm: "*Con bướm vàng/ Con bướm vàng/ Bay nhẹ nhàng/ Trên bờ cỏ/ Em thích quá/ Em đuổi theo/ Con bướm vàng/ Nó vỗ cánh/ Vút lên cao/Em nhìn theo/ Con bướm vàng/ Con bướm vàng*" (bài "*Con bướm vàng*" của Trần Đăng Khoa") hoặc nín thở để ngắm trăng lên: "*Hàng cây cau lặng đứng/Hàng cây chuối đứng im/Con chim quên không kêu/Con sâu quên không kêu/Chỉ có trăng sáng tỏ/Soi rõ sân nhà em*" (bài "*Trăng sáng sân nhà em*" của Thơ Trần Đăng Khoa).

Trẻ em làm thơ ở nước ta cũng như ở nhiều nước trên thế giới, đó là một hiện tượng không phải là cá biệt, nhưng nổi

lên như một thần đồng thì thật là hiếm hoi. Đó là trường hợp Trần Đăng Khoa. Ở nước ta, thơ Trần Đăng Khoa gần như ai cũng biết và trẻ em gần như đứa nào cũng đều ngân nga một vài bài. Bởi thơ của Trần Đăng Khoa là *sự kết hợp hài hoà của một tâm hồn thơ với một tâm hồn trẻ thơ mà lại ở đỉnh cao*. Cho nên đã mấy chục năm qua đi mà thơ Trần Đăng Khoa vẫn còn đọng lại trong lòng những người đã là trẻ em hồi đó và cả trẻ em bây giờ.

Thơ Trần Đăng Khoa biểu hiện trước hết là một tâm hồn giàu sức tưởng tượng, sự vật được phản ánh trong thơ Trần Đăng Khoa vừa thực vừa hư lại biến hoá khôn cùng với sức liên tưởng phóng khoáng nên rất dễ hoà nhập vào tâm hồn thiên biến vạn hoá của con trẻ: *ò... ó... o... / ò... ó... o... / Tiếng gà / Tiếng gà / Giục quả na / Mở mắt / Tròn xoè / Giục hàng tre / Đâm măng / Nhọn hoắt / Giục buồng chuối / Thơm lừng / Trứng cuốc / Giục hạt đậu / Nảy mầm / Giục bông lúa / Uốn câu / Giục con trâu / Ra đồng / Giục đàn sao / Trên trời / Chạy trốn / Gọi ông trời / Nhô lên / Rửa mặt / Ôi bốn bề / Bát ngát / Tiếng gà / ò...ó...o... / ò...ó...o... / Một cánh diều được hoá thân vào trong nhiều sự vật: "Sao trời trôi qua / Diều thành trăng vàng"... "Diều hay chiếc thuyền / Trôi trên sông ngân"... "Diều là hạt cau / Phơi trên nông trời"... "Diều em lười liềm / Ai quên bỏ lại"... Trăng cũng biến hoá khôn cùng: "Trăng hồng như quả chín / Lửng lơ lên trước nhà"... "Trăng tròn như mắt cá / Chẳng bao giờ chớp mí"... "Trăng bay như quả bóng / Đứa nào đá lên trời"...*

Thiên nhiên trong thơ Khoa ở đâu cũng hiện lên con người và cuộc sống của con người. Một đàn kiến tha mồi cũng

thành *Đám ma bác giun*, một cây dứa cũng là người "*Đứng canh trời đất bao la*". Con đường làng bỗng chốc trở thành người bạn tâm tình "*Đường ơi có nhớ chăng là/ Ngày nào dạy học, thầy qua đường này/ Đường rằng: Tao nhớ lắm thay!/ Khoa ơi, thầy giáo của mày đã xa*", một con cò cũng hiện thân của một người quên mình vì muôn loài "*Khi cơn mưa đen râm đặng Đông/ Khi cơn mưa đen râm đặng Tây/ Khi cơn mưa đen râm đặng Nam đặng Bắc/ Em vẫn thấy/ Con cò/ Trắng muốt/ Bay ra đó cơn mưa*"...

Một tấm lòng tràn đầy yêu thương là đặc điểm nổi bật trong hầu hết bài thơ của Khoa mà tình cảm sâu nặng nhất là đối với mẹ. Khoa đã viết nhiều câu thơ thật xúc động về mẹ: "*Những trưa tháng sáu/ Nước như ai nấu/ Chết cả cá cờ/ Cua ngoi lên bờ/ Mẹ em xuống cấy*"... nên đã tự trách "*Áo mẹ mưa bạc màu/ Dầu mẹ nắng cháy tóc/ Mẹ ngày đêm khó nhọc/ Con chưa ngoan, chưa ngoan*"... rồi khi mẹ ốm em muốn làm tất cả cho mẹ vui "*Một mình con đóng cả ba vai chèo*"... Bởi vì đối với Khoa "*Mẹ là đất nước tháng ngày của con*".

Tình yêu trong thơ Khoa không chỉ dừng lại đối với con người, mà còn toả rộng ra đối với những con vật, cây cỏ chim muông, coi chúng như bạn bè thân thiết. Hái vài lá trầu cho bà, Khoa cũng sợ trầu đau "*Trầu ơi hãy tỉnh lại/ Mở mắt xanh ra nào!/ Lá nào muốn cho tao/ Thì mày chia ra nhé!/ Tay tao hái rất nhẹ / Không làm mày đau đâu*"... Khi nghe bom Mĩ nổ, con chó -người bạn thân yêu của mình bỏ chạy mất, Khoa đã khóc: "*Hôm nay tao bỗng thấy/ Cái cổng rộng thế này/ Vì không thấy bóng mày/ Nằm chờ tao ở cửa/ Không nghe tiếng mày sủa/ Như những buổi trưa nào/ Không thấy mày đón tao/ Cái đuôi*

*vàng ngóy tí/Cái mũi đen khìn khịt/Mày không bắt tay
tao/Tay tao buồn làm sao!"...*

Tấm lòng tràn đầy yêu thương cộng hưởng với sức tưởng tượng mãnh liệt đã tạo ra cho Khoa một sức mạnh nội tâm để biến những vật ngoài đời thành vật trong lòng, hình thành ở em một tâm hồn nhạy cảm với cảnh vật, tất cả quanh em thật kì diệu: *"Nửa đêm tỉnh giấc/ Bước ra hè em nghe/ Nghe tiếng sương đọng mật/ Dọng mật trên cành tre/ Nghe rì rỉ tiếng sâu/ Nó đang thở cuối tường/ Nghe rì rầm rặng duối/ Há miệng đòi uống sương"...* Nghe được cả những âm thanh mơ hồ trong không gian *"Một tiếng gì không rõ/ Xôn xao cả đất trời"* và xôn xao cả lòng em.

Chính cái giây phút mà em biết cảm thụ vẻ đẹp của thiên nhiên thì cũng chính là lúc em biết nhìn vào bản thân mình, đó cũng là lúc bắt đầu nảy sinh trong em lòng mong muốn làm một điều gì tốt đẹp cho mọi người. Tất cả những tình cảm ấy đã thức dậy trong trái tim trẻ thơ thái độ âu yếm ân cần đối với mầm sống và con người.

Thơ Khoa có sức lắng đọng và lan toả, được nhiều thế hệ trẻ em ưa thích chính là nhờ *sức cộng hưởng của một tâm hồn thơ với một tâm hồn trẻ thơ.*

ĐỒNG DAO VỚI TRẺ THƠ*

1. Đồng dao là gì?

Đồng dao là những câu vè, ngắn gọn có vần điệu, nhịp điệu được trẻ con thích và hát trong khi chơi, trong sinh hoạt cộng đồng.

Ngày xưa, ở trong các gia đình đứa con từ lọt lòng đến 3 tuổi được trực tiếp hưởng thụ tiếng hát ru khi nằm trong lòng mẹ, nhưng từ 3 tuổi trở đi phần lớn đứa con không còn trực tiếp hưởng thụ tiếng hát ru, lời nói nựng của mẹ nữa. Rời khỏi lòng mẹ, đứa trẻ theo anh, theo chị bước sang một môi trường văn hoá khác mang tính chất cộng đồng, cùng chơi cùng hát những khúc đồng dao. Lúc này những khúc đồng dao có thể coi như một sự nối tiếp những khúc hát ru để gắn bó đứa trẻ với gia đình, làng xóm, quê hương, bạn bè. Nếu trước đây đứa trẻ chỉ biết tiếp nhận tiếng hát ru của mẹ một cách thụ động thì nay đã có thể chủ động tìm trò để chơi, tìm câu để hát và bước đầu làm quen với sinh hoạt văn hoá mang tính cộng đồng.

2. Đặc điểm của đồng dao

– Đặc điểm của đồng dao dễ nhận ra trước tiên là *có vần điệu rõ ràng nên dễ thuộc, dễ hát: “Mèo già ăn trộm / Mèo ốm*

* Bài nói chuyện trên VTV2 – 2001.

*phải đòn/ Mèo con phải vạ/ Con quạ đứt cành/
Đòn gánh có máu/ Củ ấu có sừng/ Bánh chưng có lá/
Con cá có vây.”*

Những câu trong bài đồng dao thường *lặp đi lặp lại theo chu kì* một cách tự nhiên:

Bồ các là bác chim ri
Chim ri là dì sáo sậu
Sáo sậu là cậu sáo đen
Sáo đen là em tu hú
Tu hú là chú bồ các.

Rồi lại: Bồ các là bác chim ri
(Quay đi quay lại nhiều lần)

– Ngôn ngữ đồng dao nhiều khi *kì quặc chấp vá một cách ngẫu nhiên*:

Nu na nu nống
Cái cống nằm trong
Con ong nằm ngoài
Củ khoai chấm mật
Phật ngồi phật khóc
Con cóc nhảy ra...

– Logic của đồng dao là logic của trò chơi, không theo logic hiện thực, trái với logic thực tế, đảo ngược với logic cuộc đời, nhiều khi không thể giải thích nổi:

Trời làm một trận mưa rào
Một đàn cào cào đuổi bắt cá rô
Thóc giống đuổi chuột trong bồ

Dong dong cân cán đuối bò ngoài ao...
hay: Bao giờ cho đến tháng ba
Ếch cán cỏ rần lỏi ra ngoài đồng
Hùm nằm cho lợn liếm lông
Một chục quả hồng nuốt lão tám mươi.

Những đặc điểm đó của đồng dao rất gần với đặc điểm của trò chơi. Do đó người ta coi đồng dao như trò chơi, nó thể hiện đặc tính ngộ nghĩnh của trẻ nhỏ nên được các em ưa thích. Trẻ hát đồng dao như là chơi trò chơi, cốt sao hát cho vui mồm, nghe cho vui tai là được, không cần phải biết ý nghĩa của nó, vì đồng dao trước hết là *trò chơi*.

3. Nội dung của đồng dao

Tuy ý nghĩa của nhiều câu đồng dao có khi không rõ ràng, thậm chí vô nghĩa, nhưng không phải vì thế mà đồng dao không có nội dung gì. Thực ra nội dung của đồng dao rất phong phú, nó phản ánh nhiều mặt của cuộc sống mà chủ yếu là ở nông thôn.

– Rất nhiều bài đồng dao phản ánh những *hiện tượng trong thiên nhiên* hết sức phong phú giúp trẻ tìm hiểu, gần gũi với môi trường xung quanh:

Mây kia sinh ở đằng đông
Mây hóa ra rông mây hiện ra mưa
Có khi mây kéo như cờ
Mây phẳng như tờ mây lại kéo sang
Có khi mây đỏ mây vàng
Mây xanh mây tím ngồn ngang đầy trời

hay: Tiếng con chim ri gọi di gọi cậu
Tiếng con sáo sậu gọi cậu gọi cô
Tiếng con cò cồ gọi cô gọi chú
Tiếng con tu hú gọi chú gọi di
Mau mau tỉnh dậy mà đi ra đồng

– Đồng dao phản ánh mối quan hệ giữa con người với con người đầy xúc cảm yêu thương, sâu nặng tình người, thường là thông qua thân phận của cái tôm cái tép, con cò con vạc, cái bống cái bang, bằng con mắt nhân cách hoá của trẻ thơ.

Cái cò đi đón cơn mưa
Tối tăm mù mịt ai đưa cò về
Cò về thăm quán cùng quê
Thăm cha thăm mẹ, cò về thăm anh

hay: Cái bống là cái bống bang
Thối cơm nấu nước cả làng cùng ăn
Nhà bống có khách sang chơi
Cơm bưng nước rót cho vui lòng bà

4. Chức năng của đồng dao

– *Dùng để ru em*: Ru trẻ ngủ chủ yếu là nhiệm vụ của những người mẹ, người bà, nhưng ở nông thôn những đứa trẻ là anh, là chị trong gia đình cũng có nhiệm vụ ru em bé ngủ khi người lớn vắng nhà. Những lời đồng giao nghe rất ngô nghê, nhưng với giai điệu hát ru, trẻ nhỏ cũng đưa em bé của mình vào giấc ngủ ngon lành:

Cái ngủ mà ngủ cho lâu
Mẹ mà đi cấy ruộng sâu chưa về
Bắt được con trăm con trê

Buộc cổ lôi về cho cái ngủ ngon
hay: Em tôi buồn ngủ buồn nghe
Con tầm đã chín con dê đã mùi
Con tầm để lại mà nuôi
Con dê đã mùi làm thịt em ăn

– *Dùng trong khi chơi*

Nhân dân ta có một kho tàng trò chơi dân gian hết sức phong phú mà điều đặc biệt thú vị là phần lớn trò chơi đều đi kèm với lời đồng dao rất ngộ nghĩnh làm tăng thêm sự cuốn hút của trò chơi đối với trẻ em. Những trò chơi đó được truyền tụng từ đời này sang đời khác cho đến ngày nay, như trò chơi "*kéo cưa lừa xé*", "*Chi chi chành chành*", "*Rồng rắn lên mây*", "*Trồng nụ, trồng hoa*", "*Thả đĩa ba ba*"...

5. Tác dụng giáo dục của đồng dao đối với trẻ em

Đồng dao có tác dụng giáo dục mạnh mẽ đối với trẻ em, trước hết là nó giáo dục thái độ văn hoá đối với hai mối quan hệ chủ yếu của con người: con người - thiên nhiên, con người - xã hội.

– *Giáo dục tình yêu đối với thiên nhiên*: Đồng dao gợi nên ở các em nhỏ tình yêu hồn nhiên đối với con ong cái kiến, con cò con vạc, con trâu con nghé; cây cỏ, chim chóc qua các bài gọi nghé của trẻ mục đồng, qua những bài giới thiệu các loài chim muông, hoa quả...

– *Giáo dục lòng nhân ái*: Đồng dao gợi nên ở trẻ tình yêu đối với ông bà, cha mẹ, bà con xóm làng; đồng cảm với những người có cảnh ngộ éo le, sẵn lòng giúp đỡ những người nghèo khổ, tàn tật. Có thể nói đồng dao là những bài học đạo đức rất nhẹ nhàng mà hấp dẫn đối với các em nhỏ.

– Nhưng nhiều hơn hết, đồng giao với *tính hài hước* của nó đã mang lại cho trẻ em *những niềm vui sướng vô tư, nụ cười sáng khoái*. Hơn nữa, chính tính hài hước hóm hỉnh của đồng dao đã bồi đắp cho trí tuệ của trẻ thêm *thông minh, sắc sảo*. Qua đồng giao trẻ không những tiếp nhận những điều hợp lí mà còn phát hiện ra những điều phi lí không đúng với cuộc sống bình thường, trẻ biết tiếp nhận văn hoá không chỉ ở những mệnh đề xuôi mà ngay cả ở những mệnh đề ngược với logic. Trong mớ bong bóng lộn xộn đó của sự vật mà lại biết lần ra chân lí thì mới thật là giỏi, thật là tài.

Đồng dao có giá trị rất to lớn trong đời sống văn hoá của trẻ em ngày xưa và nó vẫn có thể còn nguyên giá trị đối với trẻ em chúng ta trong thời đại ngày nay, nếu chúng ta biết thổi vào đó những luồng gió mới của thời đại. Với tinh thần đó, nhiều nhạc sĩ đã phổ nhạc cho những khúc đồng dao cổ làm cho nó sống dậy một cách sinh động hơn, mới mẻ hơn và hấp dẫn hơn.

Cũng như những truyền thống văn hoá phi vật thể khác, đồng dao có thể truyền từ đời này sang đời nọ, nên nó luôn luôn cần được bổ sung, phát triển phong phú mãi hơn lên. Do đó việc sáng tạo ra những khúc đồng dao mới phù hợp với cuộc sống của trẻ em ngày hôm nay nên coi là một nhiệm vụ của các nhà thơ hiện đại cần làm để mang lại món quà tinh thần cho trẻ em chúng ta ngày hôm nay. Xin lấy ví dụ về một bài đồng dao mới được phổ biến trong các em nhỏ từ mấy chục năm nay của nhà thơ Trần Đăng Khoa sáng tác năm lên mười và được các em rất yêu thích:

Hay nói âm ì / Là con vịt bầu
Hay hỏi đầu đầu / Là con chó vện
Hay chằng dây điện / Là chú nhện con
Ăn no quay tròn / Là cối xay lúa
Mồm thổi ra gió / Là chiếc quạt hòm
Không thềm cỏ non / Là con trâu sặc
Rồng phun nước bạc / Là chiếc máy bơm
Dùng miệng nấu cơm / Là cua là cáy
Chẳng vui cũng nhảy / Là chú cào cào
Đêm ngồi đếm sao / Là ông cóc tía
Ríu ran cành khế / Là cậu chích choè
Hay múa xập xoè / Là cô chim trĩ

Như vậy là chúng ta đã vẽ lên tâm hồn trẻ em trong thời hiện đại những nét hoa văn đậm đà bản sắc dân tộc.

ÂM NHẠC VỚI TRẺ THƠ*

1. Âm nhạc, người bạn thân thiết của trẻ thơ

Âm nhạc là một loại hình nghệ thuật gắn bó hết sức mật thiết với cuộc sống mỗi con người, kể từ lúc lọt lòng mẹ cho đến lúc già từ cõi đời. Bất cứ người mẹ nào cũng có thể tự hào với mọi người rằng con mình rất thích nghe âm nhạc và có năng khiếu âm nhạc. Quả thật, âm nhạc như một món ăn tinh thần đối với trẻ nhỏ, mà thiếu nó thì trẻ em chỉ còn là những bông hoa khô héo. Những giai điệu trầm bổng, những tiết tấu nhịp nhàng đưa trẻ em vào thế giới của cái đẹp một cách thích thú và hấp dẫn. Những âm thanh có tổ chức chặt chẽ của âm nhạc góp phần quan trọng vào việc phát triển đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ cho trẻ em, mà hầu như tất cả các nhà giáo dục trên thế giới đều khẳng định điều đó. Đại văn hào M. Go-rơ-ki thì nhận xét “Âm nhạc tác động một cách kì diệu đến tận đáy lòng. Nó khám phá ra cái phẩm chất cao quý nhất ở con người”. Chính vì vậy mà người lớn cần quan tâm đặc biệt đến việc giáo dục âm nhạc cho trẻ em, càng sớm càng tốt. Nhạc sĩ D. Kô-đai nổi tiếng của Hung-ga-ri đã nói một cách dí dỏm : “Khoảng 16 năm trước đây, có người hỏi tôi nên bắt đầu cho trẻ em học nhạc từ mấy tuổi, tôi trả lời : “Trước khi em bé sinh ra 9 tháng ! Đến nay tôi nghĩ lại

* Trong cuốn “Giáo dục cái đẹp cho trẻ thơ”. NXB Giáo dục – 1992.

khác. Tôi sẽ trả lời : trước khi mẹ em bé ra đời 9 tháng ! Thật vậy, khi cháu chắt chúng ta lớn lên và hiểu rằng cuộc sống sẽ buồn tẻ biết nhường nào nếu không có âm nhạc, thì lúc đó chúng sẽ phải là người thưởng thức âm nhạc sành sỏi hơn bà và mẹ của chúng rất nhiều". Nhiều công trình nghiên cứu đã chứng minh rằng từ khi nằm trong bụng mẹ, thai nhi đã có khả năng tiếp thu âm nhạc bên ngoài. Có những chuyện lạ tưởng như phi lí về khả năng tiếp nhận âm thanh của thai nhi, nhưng lại có thật và ngày nay đã được khoa học chứng minh. Một nhạc trưởng người Mĩ kể rằng: có một số bản nhạc ông ta chưa hề biết, thế nhưng khi ngồi vào đàn, nhìn bản nhạc đánh được đoạn đầu thì tự nhiên các đoạn kế tiếp cứ hiện dần lên trong trí nhớ của ông và thế là ông đã đánh được các bản nhạc mà không cần phải nhìn vào sách. Tìm hiểu ra, ông được biết đó là bản nhạc mà mẹ của ông hồi trẻ cũng là một người chơi đàn giỏi, từ lúc mang thai vẫn thường hay đánh những bản nhạc ấy. Thì ra, qua màng bụng của người mẹ, thai nhi có khả năng ghi nhận những âm thanh ở ngoài cuộc đời một cách sâu sắc như vậy. Người ta cũng quan sát thấy rằng, các bà mẹ khi mang thai thường nghe tiếng nói của nước nào khi học ngoại ngữ hay khi giao tiếp thì đứa con sau này cũng học tiếng nước ấy dễ dàng hơn. Vì vậy khi mang thai người mẹ nên nghe âm nhạc thường xuyên, một mặt là để cho tâm hồn thoải mái, nhẹ nhàng, mặt khác là để cho thai nhi cùng nghe.

2. Hát ru - giai điệu đẹp đẽ đầu tiên đến với con người

Lời ru chan chứa tình yêu thương đậm thắm của người mẹ chính là những giai điệu đẹp đẽ đầu tiên đến với

con người và cũng có thể nói nền văn hoá của dân tộc, của loài người đến với mỗi chúng ta đầu tiên đều là qua lời ru của mẹ.

Nằm trong lòng mẹ, được ôm ấp vỗ về cùng với lời hát ru tạo cho cháu bé một trạng thái an toàn, một cảm giác đầm ấm dễ chịu. Đó là liều thuốc bổ đối với trẻ nhỏ, khó có gì sánh được. Lời ru của mẹ chính là những âm thanh ngọt ngào, phổ biến nhất ở mọi miền, mọi dân tộc. Từ bao đời nay người mẹ Việt Nam đã hát cho con nghe những bài quen thuộc của quê hương. Đó là những âm điệu trầm thiết nhất, êm ái nhất, có tác dụng giáo dục lòng yêu con người, yêu quê hương đất nước cho trẻ em từ thuở còn nằm nôi. Đứng về mặt giáo dục âm nhạc, hát ru đối với trẻ nhỏ như là nhạc không lời. Những âm điệu mượt mà, êm dịu ấy tác động vào đôi tai bé bỏng, non nớt của trẻ thơ, giúp cho trẻ có được đôi tai biết nghe âm nhạc tinh tế.

Thấy được tác dụng to lớn của hát ru đối với sự phát triển của trẻ thơ, những người mẹ, những cô nuôi dạy trẻ và những ai gần gũi với trẻ thơ đều nên học để biết hát ru, để ru con ngủ, đỡ dành khi con quấy khóc, chuyện trò với con bằng những âm thanh tuyệt diệu ấy.

Hát ru là cả một nghệ thuật, nhưng nghệ thuật ấy trước hết là ở tấm lòng. Không có tấm lòng yêu thương con trẻ thì lời hát ru cũng không mang lại hiệu quả được mấy. Hát ru là sự tổng hợp của nhiều yếu tố: âm thanh êm dịu kèm theo với sự ôm ấp vỗ về; trong câu hát ru có hơi ấm của mẹ, có giọng nói quen thuộc của người thân. Trẻ thực sự yên tâm đi vào giấc ngủ khi nó biết rằng cùng với lời hát ru còn có mẹ bên cạnh mình, mùi mẹ, giọng mẹ khiến nó yên giấc ngủ say.

3. Giáo dục âm nhạc cho trẻ dưới 3 tuổi

Mắt và tai là hai cửa sổ tâm hồn nên ngay từ khi còn bé hãy để cho âm thanh có tổ chức, có chọn lọc là âm nhạc lọt vào tai đứa trẻ. Những điệu nhạc vui tươi sẽ làm cho khí sắc cháu bé thêm phấn chấn, những điệu nhạc êm dịu sẽ làm cho tâm hồn của nó được thanh thoi. Nghe nhạc, nghe hát là nhu cầu của trẻ. Chúng ta hãy tưởng tượng một cháu bé mà suốt ngày không nghe được một điệu nhạc; một câu hát nào thì buồn biết bao. Tình trạng đó vẫn còn tồn tại hiện nay ở nhiều nhà trẻ và ngay cả trong nhiều "nhóm trẻ gia đình", khiến cho nhiều cháu bé kém linh hoạt vui tươi. Và đây, chúng ta hãy quan sát những em bé đang nghe hát hay nghe những điệu nhạc vang lên, lúc đó ở chúng mặt mày hớn hở, mắt sáng long lanh, miệng cười toe toét, tay vung vẩy, chân nhún nhảy, trông thật đáng yêu. Những nét mặt buồn cau có, những cơn hờn dỗi, những thói nhõng nhẽo sẽ mất đi, hay ít nhất cũng giảm bớt khi lời ca tiếng hát vang lên.

Người lớn cần tạo điều kiện để trẻ được nghe nhạc hay nghe hát, cần lựa chọn những âm điệu vui tươi hay êm dịu cho trẻ nghe. Tốt nhất là khi chơi với trẻ hay bế ẵm trẻ vào lòng, người lớn cần hát trực tiếp cho trẻ nghe: vừa hát vừa nhìn vào mặt trẻ, vừa làm điệu bộ, vừa cầm tay trẻ cùng làm động tác phù hợp với tình cảm của bài hát để tạo một sự đồng cảm giữa cháu bé và người lớn.

Ngày nay nhiều gia đình đã có đài thu thanh, thu hình, cần tận dụng những công cụ thông tin đại chúng ấy để trẻ nghe hát và xem nhảy múa. Trong khi nghe, người lớn cần khuyến khích trẻ hát theo và nhún nhảy theo điệu nhạc. Chính những cử động

ngây thơ, hồn nhiên và còn khờ khạo ấy lại là một bước cần thiết để giúp trẻ đi vào âm nhạc. Những nhà sư phạm âm nhạc ở nước ta thường có nhận xét là trẻ em Việt Nam tiếp thu âm nhạc về giai điệu tốt hơn là về tiết tấu, mà tiết tấu lại là yếu tố có ảnh hưởng nhiều đến tác phong đi đứng, sinh hoạt hàng ngày sau này khi em bé lớn lên.

Để giúp trẻ luyện tiết tấu được tốt, người lớn cần tạo điều kiện như cho trẻ gõ mõ, đánh trống, rung lục lạc, lắc xúc xắc... những thứ đó thường có ở xung quanh nên rất dễ kiếm. Các gia đình Việt Nam kể cả ở thành thị lẫn ở nông thôn đều có khả năng làm hay mua cho trẻ chơi mà không tốn kém là bao.

Trong khi nhấn mạnh về tiết tấu, chúng ta lại không nên quên ý nghĩa của giai điệu trong việc giáo dục âm nhạc cho trẻ những giai điệu đẹp không những làm cho trẻ thích thú mà còn gợi lên ở nó những sắc thái xúc cảm phong phú, biểu hiện một đời sống tinh thần tinh tế.

Mỗi bài hát đến với trẻ nên vừa có giai điệu đẹp, vừa có tiết tấu vui. Tuy nhiên không phải lúc nào cũng cho trẻ tiếp xúc với những tiết tấu rộn ràng, lại càng nên tránh những tiết tấu quá sôi động đến nhức tai, nhức óc, gây kích động có hại cho thần kinh của trẻ.

Trong kho tàng âm nhạc Việt Nam kể từ xưa tới nay, từ dòng dân gian đến dòng bác học đã có không ít bài thuộc loại tiết tấu êm dịu như bài "cò lả" và cũng có khá nhiều bài thuộc loại tiết tấu nhộn nhịp như bài "trống cơm", nên tùy từng hoàn cảnh sinh hoạt của trẻ mà chọn bài thích hợp cho trẻ nghe.

Chẳng hạn như khi trẻ buồn ngủ hay đang bị "ươn" người thì cần cho trẻ nghe những bài hát êm dịu, còn khi trẻ vui chơi, đùa nghịch thì lại cần cho trẻ nghe những bài hát có tiết tấu rộn ràng.

4. Giáo dục âm nhạc cho trẻ mẫu giáo

Bước vào tuổi mẫu giáo, âm nhạc đối với trẻ em là cả một thế giới kì diệu, một thế giới đầy cảm xúc vui sướng. Để mở ra cánh cửa đưa trẻ vào thế giới ấy, cần phải tổ chức việc giáo dục âm nhạc sao cho có hệ thống hơn, khoa học hơn, đáp ứng được nhu cầu phát triển khả năng âm nhạc của trẻ.

Trước hết là cần phải làm cho trẻ em yêu thích âm nhạc. Âm nhạc vốn rất gần gũi với trẻ em, nhưng ở những năm đầu tiên của cuộc sống, những phản ứng vui vẻ của trẻ khi nghe âm nhạc vẫn còn mơ hồ, thậm chí nhiều khi còn lẫn lộn giữa âm nhạc với những âm thanh khác ở xung quanh. Một em bé 6 tháng biết chăm chú lắng nghe âm thanh của cái xúc xắc với đôi mắt tròn xoe và miệng cười toe toét, không khác gì nghe một khúc nhạc vui. Tất nhiên đó là những âm thanh rất gần với âm nhạc, chứ không phải là tiếng ồn ào, âm ĩ, lộn xộn.

Nhưng những em bé vào tuổi mẫu giáo, nhất là từ 4 tuổi trở đi thì đã cảm nhận được những bài hát và điệu nhạc hay. Tuy nhiên, lòng yêu thích âm nhạc của các cháu lại ở nhiều mức độ rất khác nhau. Có cháu yêu thích âm nhạc đến độ say mê, nhiều khi quên cả ăn, cả ngủ và có thể ngồi yên lặng hàng giờ để nghe nhạc; có cháu lại rất thờ ơ khi tiếng nhạc vang lên. Mức độ yêu thích âm nhạc của mỗi cháu bé phần lớn còn do hoàn cảnh sống và giáo dục của người lớn xung

quanh. Điều này ta có thể quan sát trong cuộc sống thực tế và dễ nhận thấy khá rõ ràng. Một em bé được sống trong một gia đình có truyền thống âm nhạc thì thường ham thích âm nhạc ngay từ thuở bé. Trái lại, một em bé khác sống trong một gia đình mà không có ai quan tâm đến âm nhạc thì cũng rất dễ thờ ơ với lời ca, tiếng hát. Khi lớn lên không phải em bé nào cũng sẽ trở thành ca sĩ hay nhạc sĩ, nhưng tình yêu đối với âm nhạc sẽ giúp cho mỗi người có được một cuộc sống tinh thần phong phú và đó là điều hạnh phúc.

Làm cho trẻ yêu thích âm nhạc có thể bằng nhiều cách, trước hết là hãy tạo điều kiện để cho trẻ nghe âm nhạc được càng nhiều càng tốt từ việc người lớn hát cho trẻ nghe đến việc nghe đài, xem ti vi . Tuy nhiên việc nghe âm nhạc cần phải được hướng dẫn, cần lựa chọn những điệu nhạc, bài hát hay và phù hợp với các cháu. Đặc biệt nên cho trẻ nghe nhạc không lời (nếu có điều kiện). Cần tìm những đoạn nhạc không lời được chuyển thể từ những ca khúc hay cho trẻ nghe để tạo nên ở trẻ sự ham thích và thói quen nghe nhạc không lời. Điều này còn ít có trong truyền thống sinh hoạt âm nhạc ở nước ta, nên chúng ta cần phấn đấu khắc phục để ngay từ tấm bé trẻ được nghe nhạc không lời thường xuyên.

Khi trẻ nghe nhạc, người lớn cần hướng dẫn để trẻ em cảm nhận được cái hay cái đẹp của tác phẩm. Không cần phải giảng giải dài dòng hay phân tích sâu sắc, bởi vì những việc đó sẽ vô nghĩa đối với trẻ nhỏ. Người lớn chỉ cần biểu hiện những thái độ rung cảm của mình qua nét mặt, qua cử chỉ hành vi hoặc lời nói biểu cảm. Chính những cái đó lại dễ dàng truyền cảm đến trẻ.

Để có sự yêu thích âm nhạc một cách bền vững, cần cho trẻ nghe nhiều loại âm nhạc khác nhau, giúp trẻ ghi được nhiều ấn tượng âm nhạc thật phong phú. Cái vốn liếng âm thanh ấy càng muôn màu muôn vẻ bao nhiêu thì tâm hồn của trẻ càng trở nên giàu có bấy nhiêu. Nếu chỉ cho trẻ nghe một loại âm nhạc hay một thứ bài hát nào đó, dù bản nhạc, bài hát ấy có hay đến mấy cũng làm cho đứa trẻ nhàm chán. Phàm cái gì đã là đơn điệu, nghèo nàn thì khó lòng mà gây được ở con người sự hứng thú. Hơn nữa đối với trẻ nhỏ, việc thay đổi các thể loại âm nhạc, việc tìm kiếm các bài hát mới lạ sẽ là nguồn vui của chúng.

Trong việc giáo dục lòng yêu thích âm nhạc cho trẻ thì dân ca đóng một vai trò hết sức quan trọng. Dân ca thường bắt nguồn từ tiếng nói riêng của mỗi dân tộc. Có thể nói những bài hát dân gian của mỗi dân tộc đều được sáng tác ra dựa trên đặc điểm riêng của từng tiếng nói khác nhau. Thật đáng tự hào về kho tàng dân ca hết sức phong phú của nước ta. Trên đất nước Việt Nam sinh sống rất nhiều dân tộc có tiếng nói khác nhau. Mỗi dân tộc lại có những bài dân ca đặc sắc, khiến bạn bè gần xa cũng phải ưa thích và ca ngợi. Dân ca là tiếng nói tình cảm đậm thắm và hồn nhiên của nhân dân. Những cái hay, cái đẹp, những nét đặc sắc của dân tộc từ đời này qua đời khác đã theo các làn điệu dân ca mà tác động đến nhiều thế hệ, hun đúc cho mỗi cháu bé chúng ta có được một tâm hồn Việt Nam.

Những âm điệu dân ca mang sắc thái dân tộc cần phải đến được sớm với trẻ thơ, lúc đứa trẻ còn hồn nhiên, trong trắng và nhạy cảm, tức là vào lứa tuổi mẫu giáo. Tiếp xúc với dân ca quá muộn hoặc ít được nghe dân ca thì khi lớn người

ta sẽ thờ ơ với nó hoặc nếu có ưa thích âm nhạc thì cũng chỉ là một thứ âm nhạc lai căng tầm thường như ta thường thấy ở một số thanh niên hiện nay.

Giáo dục lòng yêu thích âm nhạc cho trẻ cũng là tạo ra những tiền đề quan trọng để hình thành thị hiếu âm nhạc ở mỗi người.

Một vấn đề hết sức quan trọng nữa trong việc giáo dục âm nhạc cho trẻ em là hình thành "đôi tai âm nhạc" ở trẻ. Âm nhạc là nghệ thuật của đôi tai, tai có tốt mới nghe và cảm thụ được âm nhạc, không có "tai âm nhạc" thì làm sao mà tiếp nhận được những tác phẩm âm nhạc hay. Nhân dân ta cũng đã chẳng nói về hiện tượng đó một cách dí dỏm là "đem đàn mà gảy tai trâu" đó sao!

Đôi tai sinh ra là để nghe âm thanh, nhưng "tai âm nhạc" thì không phải sinh ra là đã có, mà vẫn phải luyện tập khá công phu và việc luyện tập ấy phải bắt đầu từ rất sớm. Nói tới âm nhạc, trước hết là nói tới khả năng *nghe*, cho nên con người nếu không rèn luyện "tai âm nhạc" thì cũng chẳng khác nào bị tước đi quyền thưởng thức các tác phẩm âm nhạc. Tuổi mẫu giáo là thời kì rất thuận lợi để luyện "tai âm nhạc".

Để làm được việc đó, khi nghe một bản nhạc hay một bài hát, người lớn cần chỉ cho trẻ biết giai điệu của nó. Bài hát hay bản nhạc có âm thanh cao thánh thót biểu hiện một tình cảm vui tươi, trong sáng còn nếu âm thanh thấp, trầm tức là nó biểu hiện sắc thái buồn, nặng nề. Người lớn cần nói cho trẻ biết, nếu bài hát hay bản nhạc mà có tiết tấu đều đều, đơn điệu tức là nó biểu hiện một cái gì tẻ nhạt, nhưng nếu

tiết tấu của nó dồn dập thì nó biểu hiện một sự khẩn trương, tiết tấu chậm biểu hiện một sự khoan thai...

"Tai âm nhạc" chỉ có thể hình thành được trong quá trình đưa trẻ tiếp xúc với nhiều tác phẩm âm nhạc phong phú một cách thường xuyên. Bởi vì ở bất cứ một bài hát nào hay khúc nhạc nào cũng đều có sự kết hợp hài hòa các yếu tố của âm thanh để tạo thành một tác phẩm âm nhạc hoàn chỉnh. Ngoài ra sự hình thành "tai âm nhạc" còn được hỗ trợ bởi việc nghe và phân biệt các âm thanh trong cuộc sống xung quanh, đặc biệt là trong thiên nhiên. Chẳng hạn chúng ta có thể chỉ cho trẻ sự khác nhau giữa tiếng gáy ò ó o của chú gà trống được tao ra bởi một giai điệu cao, trong với tiết tấu khoan thai với tiếng kêu "cạc cạc cạc" của những con vịt mái được tạo bởi những âm thanh khàn đục và một tiết tấu dồn dập đang giục nhau đi kiếm mồi. Nếu trẻ em biết lắng nghe chim hót thì tai âm nhạc lại có phần tinh tế hơn, tiếng hót của loài chim thật là phong phú: tiếng hót thánh thót của loài chim chiến chiến, tiếng hót véo von của chim sơn ca, tiếng hót ấm áp của chim bồ câu, tiếng hót thanh mảnh của con sáo sậu v. v...

Cần giáo dục trẻ em biết *rung động* mỗi khi tiếng nhạc cất lên, biết vui khi nghe những bản nhạc vui, biết buồn khi nghe những bản nhạc buồn. Muốn vậy cùng với việc hình thành "tai âm nhạc" cần phải giáo dục cho trẻ em có được một đời sống tình cảm phong phú, biết yêu thương mọi người, biết đồng cảm với những con người gặp hoàn cảnh khó khăn, biết vui mừng trước những niềm vui của bạn bè, biết quan tâm đến bố mẹ, anh em... Mặt khác cũng cần phải giúp trẻ nâng cao dần những hiểu biết về cuộc sống xung quanh, nhưng quan trọng nhất vẫn là bồi bổ cho trẻ em có một

tình cảm tốt đẹp, có tấm lòng giàu tình yêu thương. Bởi vì âm nhạc là tiếng nói tình cảm của loài người, nó tác động vào mỗi người trước tiên là qua đời sống tình cảm. Trên cơ sở đó, trẻ em sẽ tiếp nhận một cách dễ dàng những tác phẩm âm nhạc.

Một trong những phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ em có hiệu quả nhất là tổ chức cho trẻ *hoạt động âm nhạc* và đó cũng chính là niềm vui của trẻ.

Ngoài việc cho trẻ nghe âm nhạc như đã trình bày ở trên, hoạt động âm nhạc của trẻ mẫu giáo bao gồm : ca hát, nhảy múa theo nhạc, sử dụng nhạc cụ, trò chơi âm nhạc v. v...

Về *ca hát* nhìn chung trẻ mẫu giáo rất thích ca hát và thường hát rất say mê. Ở vào tuổi này, trẻ đã có thể tự hát một mình mà không cần phải dựa dẫm vào người lớn như ở lứa tuổi trước. Do ngữ điệu trong lời nói đã vững vàng nên giọng của trẻ đã bắt đầu có sức ngân vang, nghĩa là "có giọng" như ta vẫn thường nói. Lúc hát trẻ cũng đã có ý thức biểu hiện tình cảm để được mọi người thông cảm và khen ngợi.

Tuy nhiên, nếu cứ để trẻ tự hoạt động ca hát thì tác động của nó sẽ bị hạn chế, thậm chí đôi khi còn phản tác dụng đối với sự hình thành nhân cách của trẻ. Bởi vậy việc ca hát cũng cần phải được người lớn hướng dẫn cẩn thận.

Trước hết là việc chọn bài cho trẻ hát, đó phải là những bài hát hay, có giai điệu đẹp, tiết tấu vui tươi và hình tượng âm nhạc trong sáng. Có một số người lớn cho rằng trẻ em hát bài gì mà chẳng được thậm chí còn cho trẻ hát cả những bài rất dở, hát chả ra hát, nói chẳng ra nói. Có người lại coi trẻ em là đối tượng của việc thử nghiệm những "tác phẩm đầu tay" của mình. Trẻ em ở lứa tuổi mẫu giáo thị hiếu chưa

được hình thành, nên sự yêu thích còn phụ thuộc khá nhiều vào người lớn. Nhiều trẻ em đã buộc phải hát những bài do người lớn áp đặt mà không tính đến hiệu quả giáo dục thẩm mỹ của nó. *Bài hát hay*, đó là yêu cầu đầu tiên trong việc lựa chọn bài cho trẻ hát.

Bài hát cho trẻ hát cần phải mang *nội dung lành mạnh*. Hình tượng âm nhạc và lời ca cần phản ánh cuộc sống sinh hoạt hàng ngày vui tươi, hồn nhiên của trẻ. Bài hát cũng cần nói lên được những tình cảm tha thiết của trẻ đối với ông bà, cha mẹ và những người đáng mến trong xã hội, nói lên tình yêu quê hương xóm làng. Cũng cần có những bài hát dí dỏm, hài hước, nhằm chê bai một thói hư tật xấu nào đó. Tránh cho trẻ hát xuyên tạc một số bài ca cách mạng, hay hát những bài tình ca ủy mị... mà đó đây vẫn có một số cháu mẫu giáo đã hát. Đặc biệt cần lựa chọn những bài dân ca ngắn gọn, giản dị, có âm điệu vui tươi hoặc những sáng tác mới, phổ nhạc những bài đồng dao: ca dao có nội dung phù hợp với trẻ, như loại bài :

Bà còng đi chợ trời mưa

Cái tôm, cái tép đi đưa bà còng

Đưa bà đến quăng đường đông

Đưa bà về tận ngõ trong nhà bà

Tiền bà trong túi rơi ra

Tép tôm nhặt được trả bà mua rau.

Lại cần phải chọn những bài hát phù hợp với cỡ giọng của trẻ. Âm vực của trẻ mẫu giáo còn rất hẹp và hơi lại ngắn, nên các cháu mới chỉ có khả năng hát được những bài hát ngắn mà các nốt nhạc được viết từ quãng 4 đến quãng 8, còn

rộng ra nữa thì các cháu rất khó hát, nếu cứ cố gắng để “hét” thì lại rất có hại cho thanh đới, tức là hỏng giọng, sau này không còn khả năng ca hát nữa.

Chọn được bài hát tốt rồi, lại còn phải nghĩ cách dạy trẻ hát. Trẻ hát không phải là biểu diễn cho thính giả như là các ca sĩ, mà hoạt động ca hát của trẻ còn mang nhiều ý nghĩa giáo dục khác, cho nên dạy cho trẻ hát cũng có tính đặc thù của nó.

Điều quan trọng vào bậc nhất là cần dạy trẻ hát không những đúng với bài hát mà còn biểu hiện đúng sắc thái tình cảm của bài hát, tất nhiên sự hiểu biết đó phải mang tính chất hồn nhiên, ngây thơ vốn có của trẻ, niềm vui cũng là niềm vui của trẻ con, nỗi buồn cũng là nỗi buồn của trẻ con. Không nên để trẻ bắt chước cách biểu hiện y hệt như người lớn.

Cần dạy trẻ hát đúng, không những hát đúng nhạc mà còn phải phát âm tròn vành rõ chữ cho rõ lời ca. Đối với trẻ mẫu giáo, học hát cũng tức là học nói, sao cho uyển chuyển, không lí nhí mà cũng không quá om sòm như la hét. Khi cần thêm một số điệu bộ, cử chỉ để phụ họa cho rõ nội dung mà trẻ muốn biểu cảm, hãy để cho những điệu bộ cử chỉ ấy phản ánh đúng cuộc sống hồn nhiên của trẻ trong sinh hoạt hàng ngày.

Đối với trẻ em, nhất là trẻ em ở lứa tuổi mẫu giáo, nói đến hát bao giờ cũng kèm theo *nhảy múa* hay *vận động theo nhạc*. Hiện nay việc nhảy múa của trẻ em còn có nhiều vấn đề cần phải được xem xét. Thường khi hát các cháu chỉ mới làm một số động tác minh họa còn đơn điệu và nghèo nàn, hết xoè tay ra lại khoanh tay lại vào ngực rồi nhún một cái, hết nghiêng bên

này lại nghiêng bên kia, làm cho hoạt động múa hát của trẻ kém phần sôi nổi, thiếu sự vui tươi của trẻ thơ. Người lớn, nhất là các nhà biên đạo múa hãy quan tâm đến vấn đề này để cùng với các cô giáo mẫu giáo soạn ra nhiều điệu nhảy nhộn nhịp cho các cháu mỗi khi hát. Đặc biệt là cần phải soạn cho trẻ những động tác và đội hình cơ bản phù hợp với sự phát triển sinh lí và tâm lí của trẻ.

Ngoài việc nhảy múa ra, trẻ còn cần phải vận động theo nhạc. Tất nhiên nhảy múa cũng là một kiểu vận động theo nhạc, nhưng vận động theo nhạc còn có nghĩa rộng hơn, nó còn bao hàm cả những vận động ngẫu hứng của trẻ khi nghe tiếng nhạc vang lên. Nếu trẻ được dạy những động tác cơ bản thì việc vận động ngẫu hứng sẽ được thực hiện một cách dễ dàng.

Cần khuyến khích trẻ em ca hát, nhảy múa trong nhóm để tạo ra không khí sinh hoạt cộng đồng. Chính trong hoạt động này trẻ có dịp cùng nhau hoạt động, hoà giọng trong một dàn đồng ca hay hoà nhịp trong một đội hình nhảy múa. Tránh tình trạng chỉ để cho một số cháu gọi là “có năng khiếu” chuyên múa hát cho các bạn khác xem, còn số đông chỉ ngồi xem một cách thụ động. Thậm chí, có một số trường mẫu giáo chỉ dốc sức vào huấn luyện cho trẻ em trong đội văn nghệ mang tính chất “chuyên nghiệp” chỉ để biểu diễn chào mừng những ngày hội, ngày lễ.

Cần động viên các cháu trai vào hoạt động ca hát, nhảy múa. Hiện nay ở nhiều trường mẫu giáo chỉ chú trọng tổ chức cho các cháu gái múa hát mà còn bỏ rơi lại các cháu trai, các cháu này thường bị coi là không có năng khiếu hoặc bị coi là “phần tử phá đám”.

Cần tổ chức những buổi ca hát, nhảy múa chung cho cả trẻ em và người lớn cùng tham gia. Đây là dịp để người lớn và trẻ em thể hiện sự giao cảm một cách hồn nhiên vui tươi, qua đó mà tạo ra sự đồng cảm giữa người lớn và trẻ em, giúp cho công tác giáo dục có nhiều thuận lợi.

Trong việc giáo dục âm nhạc cũng cần khuyến khích trẻ chơi các nhạc cụ. Ở những gia đình có điều kiện, trẻ em đến 4, 5 tuổi là đã có thể học một số nhạc cụ như pi-a-nô, măng-đô-lin... và cùng với tuổi mẫu giáo một số cháu đã chơi được một số nhạc cụ dân tộc như đàn bầu, tam thập lục, đánh trống, thổi kèn... Nhưng đại bộ phận trẻ em chưa thể có được những nhạc cụ như thế. Đó cũng là sự thiệt thòi. Để khắc phục tình trạng đó, người lớn có thể tìm cho các em những nhạc cụ đơn giản, hay nói đúng hơn là những đồ chơi âm nhạc như trống, xúc xắc, kèn, hoặc những đồ chơi làm bằng sứ hay nhựa tạo dáng theo các con vật : gà, chim, chó, mèo... có thể phát ra được những âm thanh. Những đồ chơi đó có tác dụng kích thích trẻ đến với âm nhạc.

Để luyện tai nghe âm nhạc, cần tổ chức cho trẻ những trò chơi âm nhạc, như trò chơi “tai ai thính” : một cháu nhắm mắt lại, cô chỉ định một cháu nào đó hát và yêu cầu cháu nhắm mắt nhận ra giọng của bạn đang hát và hát bài gì.

Trong các trò chơi âm nhạc thì trò chơi đóng kịch theo những ca cảnh nhỏ cũng có tác dụng giáo dục âm nhạc cho trẻ. Có thể lấy một câu chuyện có nhiều nhân vật (hay các con vật) mà các nhạc sĩ đã chuyển thành ca cảnh, bao gồm nhiều bài hát nhỏ để trẻ đóng vai (Tham khảo cuốn “*Con cóc là cậu ông trời*”. NXBGD 1990). Đây là một loại hình nghệ thuật mang tính tổng hợp dành cho trẻ em, có sự

kết hợp chặt chẽ giữa kịch, thơ văn và âm nhạc, trong đó nổi bật lên là những chủ đề âm nhạc phản ánh được tính cách khác nhau của các nhân vật. Tham gia vào những ca cảnh này không chỉ một số cháu đóng vai mà cả nhóm trẻ đều cùng bạn tham gia để hát những bài hát làm nền cho ca cảnh hoặc những bài hát ngợi ca hay kể về nhân vật trong chuyện, tạo ra một sự giao lưu đồng cảm giữa người diễn và người xem. Một loại sinh hoạt như thế vừa hấp dẫn vừa bổ ích.

Trong cuộc đời của mỗi người, lứa tuổi mẫu giáo là một quãng đời mà người ta ham thích múa hát. Ai đã từng quan sát các cháu múa hát đều thấy ngay các cháu say mê thực sự. Chính trong lĩnh vực âm nhạc, trẻ em dễ cảm nhận được cái hay cái đẹp hơn các lĩnh vực khác. Tuy nhiên giáo dục âm nhạc không phải là để cho trẻ em trở thành nghệ sĩ mà cái chính là nuôi dưỡng trong mỗi đứa trẻ một tâm hồn phong phú, trong sáng, để sau này lớn lên trở thành con người tử tế, đúng như A Xu-khôm-lin-xki đã nói : “Mục đích chính của giáo dục âm nhạc không phải là đào tạo những nhạc sĩ mà là đào tạo những con người”.